

TÔ HOÀI

cất bụi chân ai



TÔ HOÀI

cát bụi chân ai



TÔ HOÀI

cát bụi chân ai



“CÁT BỤI CHÂN AI”

- TÔ HOÀI -

Được xuất bản theo hợp đồng trao quyền sử dụng tác phẩm
giữa tác giả và Công ty TNHH Sách Phương Nam.

Mọi sao chép, trích dẫn phải có sự đồng ý của
Công ty TNHH Sách Phương Nam.



Chương 1



TÔI KÉM NGUYỄN TUÂN MƯỜI TUỔI. Trước kia, tôi không quen Nguyễn Tuân.

Quảng đầu thập kỷ bốn mươi, báo *Hà Nội Tân văn*, báo *Chủ Nhật* mới in của tôi mấy truyện ngắn: *Nước lên, Mê gái (Con gà ri), Bãi ô-tô, Một đêm sáng giăng sông*. Hình như Nguyên Hồng đã chỉ cho tôi biết Nguyễn Tuân đang lững thững bên kia hè đường Bờ Hồ. Những tiểu thuyết *Thiếu quê hương* đang in từng kỳ trên tuần báo *Hà Nội Tân văn* và những truyện ngắn của Nguyễn Tuân đăng các báo *Tiểu thuyết Thứ bảy, Tao đàn, Thời vụ, Bạn đường* cũng có phần hơi hướng dấu vết trong chữ nghĩa bước đầu đời viết của tôi mà Vũ Ngọc Phan, ở sách *Nhà Văn Hiện Đại* đã đề tôi nên đề chừng cái giọng khinh bạc học đòi ấy.

Đi bên này hồ Gươm thấy Nguyễn Tuân ngồi trong nhà hàng Hoàng Gia, cái quán rượu kiểu Pháp che cánh sáo ra kín vỉa hè. Nhà văn chơi chưa khác đời. Khăn lượt vớ, áo gấm trần, tay chống dọc chiếc quạt thước thay ba toong, chân bít tất dận giày mồm nhái Gia Định. Năm ấy, Nguyễn Tuân cũng chỉ khoảng trên ba mươi đôi chút. Ngoài đường phố chẳng ai ăn mặc kiểu cách khác thường thế, nếu không phải quan tri phủ, quan thương tá ngồi xe nhà, áo sa phủ áo gấm, áo đoàn, vừa ý tứ vừa khoe chiếc bài ngà dây kim tuyến thấp thoáng trong ngực áo. Quán Tavec Royan này chỉ Tây lui tới. Bên trong, nhảy đầm, đàn nhạc. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát vượn cổ cò trên cái đại vĩ cầm cao ngang mặt người chơi, những tiếng nảy ra rên gầm gừ.

Nhưng những con người dị dạng này cũng chẳng làm khác mắt mấy cái thành phố không còn đìu hiu, vài năm nay đã nhốn nháo bọn dựa thế Nhật, đầu trọc để trần, áo ka ki ống tay rộng vàng nhạt đi ghệt da cao, lằm li và nhâng nháo. Chẳng đoán được, Nhật thật hay Nhật mỹ ký. Rồi thì tôi xem Nguyễn Tuân đóng vai người đi săn ở kịch *Ngã ba* của Đoàn Phú Tứ. Tôi thấy Nguyễn Tuân thoáng mấy giây một cái bóng người y tá khiêng cáng trong phim *Cánh đồng ma* của Đàm Quang Thiện.

Cũng thấy chán. Nhưng đọc bút ký *Một chuyến đi viết về Hương Cảng* thì băng khuâng nhiều. Mấy lần ở cuộc họp tổ bí mật, nghe Như Phong báo cáo thuyết phục Nguyễn Tuân vào Văn Hóa Cứu Quốc, chưa có kết quả. Nguyễn Tuân bảo Như Phong: Ở Hà Nội này, đứa nào Việt Minh, đứa nào tờ-rốt-kit, đứa nào Đại Việt, Quốc dân đảng, đứa nào bỏ láo cách mệnh mồm khoác lác, đứa nào ăn tiền mặt thám, tớ biết cả. Nghe nói tợn tạo trắng trợn, Như Phong mượn một quyển sách rồi ra về.

Những cái biết của tôi về Nguyễn Tuân hồi ấy chỉ mang máng thế.

Đem cái duyên đẹp để mọi bề quảng cho Nguyễn Tuân có thể chưa kín nghĩa, mà cũng không hẳn đúng. Về văn và cả về đời. Có người mê Nguyễn Tuân như điệu đô, từng chữ. Có người chỉ lướt một đoạn đã không chịu được cái giọng khùng khiêng, khệnh khạng. Triết lý và câu văn Nguyễn Tuân không giống vị hoài sơn trong thang thuốc bắc, ghê bỏ một tý, lại vô thường vô phạt. Cái chơi của

Nguyễn Tuân cũng thế. Với người này, không thể thiếu Nguyễn Tuân. Người kia thì không chịu đựng được. Ô hay, người ta ra người ta thì người ta phải là người ta đã chứ.

Nhớ lại năm ấy, ở gian hàng quả chợ Đồng Xuân còn cái bà nạ dòng khăn nhung áo cánh phin nồn đeo chuỗi hạt cảm thạch phon phớt xanh - hàng bún thang ngon có tiếng. Chỉ một bát thang con bún lá, giọt cà cuống thơm một cách khó chịu mà lại không có không được, cũng có thể viết lên một cái gì. Nói bằng quơ, chẳng ra nhủ mình, chẳng ra cho người khác. Những cái ấy phải viết, viết. Như những đêm áp Tết, năm cùng tháng tận, lại lấy ra mấy cái đĩa hăng Pa-thế mua được ở chợ Giời, mà nghe à Đàm Mộng Hoàn: *Gió hơi gió, phong trần ta đã chán... Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong...* Thế nào ông ấy cũng lại nói: Cái hơi của Mộng Hoàn thì sang, nhưng không đẹp bằng giọng bà Chu. Phải viết, cái này phải viết thôi. Những năm về sau, Nguyễn Tuân vẫn làm việc cho viết, khắc khoải sự viết, mà không viết bao nhiêu. Ở đây nữa, chính bởi hơi sức và trong tâm sự. Phải đến Nguyễn Tuân viết ra thì cũng một vùng phố xá ấy mới thành tên gọi, mới thành Phố Phái - hai chữ của Nguyễn Tuân sáng tạo đặt tên cho tranh Bùi Xuân Phái. Và trong cuộc chơi, ông cửa hàng trưởng Bôđêga, chủ nhà bàn, nhà bếp khách sạn Thống Nhất hay bác Chữ bán cháo gà gõ ống thổi làm phách hát à đào giọng chèo ở ngã sáu dốc Hàng Kèn, hay khi lên chơi nhà ông Ba trên Nghĩa Đô thì dẫu cho Nguyễn Tuân chưa hề quen, cũng không phải là trù trờ, các chủ quán, chủ nhà đều trân trọng như ông ấy mới là chủ cuộc. Cái duyên ấy xưa nay vẫn như một.

Những năm trước 60, cái dốc ngã sáu Hàng Kèn ban đêm thanh vắng lắm. Những cây sấu, cây sữa cũng chưa như mấy năm sau phải một trận bom Mỹ đánh sập hai ngôi nhà và mấy gốc cổ thụ. Bờ hè dưới hai hàng cây hiu hắt khơi lại cảnh xưa cũ, còn cái bờ tường đắp dòng chữ xi măng nổi Phúc Đình cha, tên hiệu thuốc sốt rét nổi tiếng một thời. Nhớ Cây Thị Hàng Kèn đầu Lê Lợi, cuối Hàng Giò nhiều hơn tên phố mới, đối với chúng tôi. Mấy hàng phở gánh và quán cóc. Nơi ăn đường ăn chợ này không chèn xô bồ như trên ngõ Sầm Công, chim quay Tiểu Lạc Viên, cà phê phin Ca, cà phê đá Lý Hào... cũng không ví được với cơm tám Tân Việt, Việt Hương quanh chợ Hôm gần đây.

Dốc Cây Thị không còn cây thị, hàng quán chỉ rải rác có buổi. Ngồi đây, đầu phố Hàm Long nhìn sang sở Văn Tự, tưởng như lão Tàu Bay còn gánh phở bán buổi sớm. Cũng cạnh đấy, bên dãy nhà mà thời tạm chiếm Pháp đặt đài phát thanh Con Nhạn của quân viễn chinh, hồi Tiền Khởi Nghĩa, đội AS (ám sát) của Việt Minh đã bắn chết Thiên Nga, nữ đặc vụ của Nhật trong quán cà phê này. Nhưng không phải chỗ hàng cà phê của ông cắt tóc ở hợp tác xã chỗ ngã sáu mới về mờ, đêm B52 ấy, một vỏ tên lửa rơi gây vỡng cái mái hiên. Những biến thiên của con người phố xá, chấp nổi lại mà chỉ có ngôi bút Nguyễn Tuân mới phát hiện cho người đọc thấy được những lăng cạnh góc gác, như muôn vật trong trời đất, khác nhau mà lại dính líu với nhau. Những ngã năm, ngã tư, ngã bảy, người đi lại sinh ra đường cái và mọi sinh hoạt, làm ăn, đắp đổi, người hút thuốc Lào thì có người bán dóm, phường chợ thì có người đóng đinh để giày, ông bán hàng nước chè tươi, ông lão chữa giày dép với khách dừng chân.

Phở Tàu Bay - mà bây giờ ở Sài Gòn có vài ba quán của các bà phòng nhất, phòng nhì và con cháu ông Tàu Bay đã quá cố, cũng đôi chút phảng phất mùi vị phở Bắc, gánh phở ông Tàu Bay xưa đỗ cạnh dốc bên gốc cây thị đầu sân vào sở Văn Tự - không biết tại sao người qua đường lại đặt tên công sở ấy là sở Văn Tự. Có lẽ cũng như chỉ tình cờ một câu bông đùa cái mũ da lưỡi trai hơi dài khác thường của ông hàng so sánh với chiếc mũ phi công mà thành tên phở Tàu Bay, một hàng phở gánh buổi sáng. Thời ấy, sáng, trưa, tối đều đặn

cho người ăn quà phở mà không phải là dùng phở đến no. Hiếm cửa hàng phở, hiệu phở, rất phở gánh, chuyên phở nước. Phở hiệu xào ròn, xào mềm, tái lăn, sốt vang, bát phở bên đĩa mùi, húng và củt rệu trắng. Phở gánh, món quà nhẹ. Ngủ trưa dậy, tối khuya trước khi đi ngủ. Không ai khai tâm chén rượu lúc ăn phở bát. Thịt bò chín từng tảng, cũng chưa rạch rời mấy chỗ nạm, gầu, mỡ hay nhừ. Trong cái bát chiết yêu loe miệng thất đáy, nước dùng bốc khói mà trong như nước mưa li ti nổi chút váng mỡ vàng, lơ thơ mấy lát hành hoa, rau mùi. Làm bát nào, thịt thái bát ấy. Đáo phở, bánh trôi lên quá, bánh tương, ăn phải bỏ dờ. Nhưng đạo ăn phở của Nguyễn Tuân có cách riêng.

Trong lòng vỉa hè ngã sáu quang đặng cứ khoảng mười giờ tối trở đi mới lập lòe hàng quán. Những tối thứ bảy, từ đầu Hàng Đào xuống Tràng Thi, đến tận chợ Đuôi, mọi ngã ba ngã bảy đều kê bục, cấm cờ. Các đoàn văn công nhảy sạp rầm rập. Tiếng Trần Chất hát *Chiếc khăn piêu* đến đỉnh tai trong loa. Người xem chen chúc lúc ấy mới vãn. Đội quân cảnh đeo băng đỏ đã bắt đầu đi tuần đêm thiết quân luật. Các gánh lục tào xá cháo gà phải hai ba giờ sáng mới hết hàng. Đã quảy về còn có người gọi theo. Bình yên, chẳng ai nhớ thành phố hãy còn phải quản trị theo chế độ quân sự. Dọn hàng quá khuya đã thành lệ.

Khi có hàng quà, những ngã ba đã vắng vắng lại hiện ra bộ mặt khác. Chốc chốc, thông thả qua một xe đạp lênh khênh, tiếng vòng nan hoa quay gió vù vù. Cái xe trâu Trung Quốc nặng như cùm được người ta vác từ chiến khu Thái Nguyên Việt Bắc về. Gánh cháo gà bác Chữ đã dềnh hẫng xuống mặt đường nhựa. Chiếc chậu nhôm đựng nước, cậu con trai thả chồng bát vào chậu rồi nhặt ra từng cái, khăn lau miết quanh miệng chiếc bát rếch của những khách ăn mở hàng. Rồi bác Chữ thừ ra. Như còn tiếc đám mưa sập lúc này hay sao. Bác Chữ cầm chiếc ống nứa thổi pho pho vào cửa lò mới được còi, mẩu cùi hồng rực.

Rồi lại quay ra, ngồi lên bó củi, một tay đấm lưng, tay kia gõ cái ống nứa già vờ điểm tiếng róc phách, chốc lại tom chát đánh nhịp xuống thành thùng bát, miệng ư ừ giọng mũi như rên:

Nam nhi đứng ở trong trời đất

Quyết ăn chơi cho đủ mùi đời

Sự cùng thông bĩ thái tự trời

Sóng có khúc con người có lúc...

Bộ quần áo nâu dày mo nang dưới ánh ngọn điện chao lắc lư trên dây giữa đường. Mặt nhẵn nhó dăm dăm, chẳng biết đương phờn hay buồn nổi hóng khách. Chốc lại cầm ống nứa thổi bếp, xong lại rên rĩ: Nam nhi đứng ở... Tôi không trông rõ thật mặt cái bác cháo gà Chữ ấy ban ngày bao giờ. Như người với ma, nửa đêm đến rạng sáng thì lặn. Bác Chữ nhìn hò háy trước ánh lửa, mắt ấy không viền vãi tây điều tất cũng lông quặm. Dần dần người ngợm ở đâu cứ lẩn thẩn ra, như cổ tam cúc phải đủ xe pháo mã với năm quân tốt hín. Gánh lục tào xá lù lù đến ghé cạnh. Cái ông chè đậu xanh lục tào xá thoát hiện ra thật oai. Như đức Quan Ngải hồi tiền nhật còn ở ẩn kết nghĩa với ông cháo gà Lưu Bị dưới gốc dâu cây sữa xòe tán lá ba tầng ba lọng vàng điểm về sau làm vua. Lão râu đen dài, trán nhẵn hói bóng lên nửa đầu, khi chưa gặp thời thì quảy hàng mà thôi. Nhưng ngắm kỹ, chưa chắc lão đã bằng tuổi tôi băm lăm lúc ấy. Có lẽ chỉ mới năm trước còn thói quen nuôi râu già già để trốn quân dịch, nhiều người mất đảo như chớp, nhưng râu ria lông thông.

Áp chân tường số nhà 81, ông hàng cà phê bít tất. Cũng là trông hình thù mà tường ra, cà phê pha vào ấm nhôm, mảnh vải lọc thông

xuống như chiếc bít tất nâu. Ngọn đèn hoa kỳ lom đom giữa mặt chông tre, ngọn ngang mấy cái ghế con đặt quanh. Khách ngồi xuống, trông lên mới thấy mặt ông hàng lom khom, bóng loáng nắng gió đồng chiêm. Bộ quần áo nâu non nhờ nhếch, dáng ngơ ngơ như đương lằm nhằm ai trả tiền, ai linh mất. Nguyễn Tuân không thích cái cà phê hâm nóng đầu đường thế này. Nhưng vẫn thường ghé xe đạp dựng lên gốc cây xà cừ. Không biết có phải chỉ bởi thói quen xưa cũ cứ tối tối, tối lại rước tôi ra đường! Những đêm gió lửa rào rạt mặt nhựa, nhồi thêm thuốc vào tàu, ngồi tránh vào bên gốc xà cừ gỗ ghê - Nguyễn không chịu được mùi hoa sữa, ghét lây cả cái cây. Chén cà phê sánh nâu lồi lõm, có khi chỉ nhấp một ngụm, rồi bỏ lạnh ngắt. Đường như ngại tôi có thể vì ông ấy mà áy náy không biết cà phê hạt muông hay ngô rang.

Nguyễn Tuân nói: Mặc kệ mình. Cậu cứ việc hỏi tường. Ông anh nghĩ tôi đương ngắm nghĩa một kỷ niệm đâu đó nên mới ưa lai vãng tới đây, bởi biết tôi vốn cũng lạnh nhạt với cà phê. Vào quãng giữa thế kỷ này thành phố và con người đều trải nhiều quãng đời chẳng mất xích với nhau. Tôi cũng như vậy. Tôi đến cái ngã năm, ngã sáu này không phải ngẫu nhiên. Mười năm trước, ven hồ đăng kia, còn những tòa biệt thự mọc lên giữa những bụi chuối um tùm. Mặt trận đã lan đến đây, tan hoang cả. Tôi làm phóng viên của báo *Cứu Quốc* thường qua lại đây, khi xuống tuyến phòng thủ phía chợ Mơ. Có hôm ngủ đêm lại trong ngôi nhà bỏ không. Ở chỗ chúng tôi đương ngồi, tiếng súng và người núp ngã xuống bên mỗi gốc cây. Báo *Thủ Đô* đăng tin chiến sĩ Nguyễn Thành ôm bom ba càng lao vào xe tăng địch từ hồ Thiền Công tới. Quả bom đầu tiên của quân giới ta tự tạo có lẽ được tung ra ở chỗ kia đấy. Thành phố đương tổ chức tìm đào hài cốt liệt sĩ và người chết đường. Ban ngày, trên vỉa hè đặt hàng dãy những chiếc tiểu khói hương nghi ngút.

Ở cái ngã sáu đường đời ấy vẫn leo lét ngọn đèn con của lão cà phê 81, ánh đèn chai và lửa bếp thùng cháo bác Chữ. Mấy cái xích lô tã chốc lại lạch xạch lờ lờ qua. Trông mặt người đạp xe cũng có thể đoán được tông tích, mỗi người đều hằn nét bộ mặt thời gian và tờ lịch hàng ngày của thành phố. Có lão râu xồm khuya về uống rượu húp cháo rồi nằm vắt người trên đệm xe, sắn xe ngủ bên gốc cây. Đây là các ông chánh, ông lý tề vừa chạy Tây càn, vừa sợ Việt Minh trả thù đã bỏ các vùng trắng ven nội vào đây. Đám cơ sở ta hốt chết trốn vào thành, trẻ hơn và đỡ lằm lì, có thể lại công tác bí mật, không ác ôn như mấy lão xích lô râu rậm kia. Nguyễn Tuân bảo: Cậu có để ý đường phố bên Bắc Kinh lúc gần sáng, những xe la, xe lửa bánh gỗ cao lênh khênh, những lão đánh xe đầu hói như quả dưa hấu ngồi ngất ngưỡng trên đồng củ cải, vẫn oai phong chẳng khác Tường Giới Thạch, Uông Tinh Vệ thất thế!

Tôi bàn theo:

- Lão xế lô, lão lục tào xá này nhất định là tề ngụy cũ. Cà lão cà phê bít tất, lão cháo gà dầm dớ thế nhưng trông tay thoăn thoắt nhất tiền, xếp tiền thế kia đủ biết.

Nguyễn Tuân hỏi:

- Có nhớ Két không?

- Tay Két trình sát tiểu đoàn 54?

- Cứ ngồi đây mình lại nhớ nó. Không hiểu sao.

Khói thuốc trong nõ tàu phàm phập bốc xanh trắng um lên.

Thì ra, ở cái đầu đường đêm hôm chẳng thú vị mấy chút, chính Nguyễn Tuân mới đương hỏi tường. Ở mỗi cái cùng trông thấy, nhưng

từng người lại ngờ khác nhau. Thế nào mà ở đây Nguyễn Tuân lại nhớ tới Kết chiến dịch sông Thao mùa hạ 1949. Chập tối ấy, bộ đội qua sông xuống đò bên đền Đông Cuông gần Mậu A, rồi hành quân suốt đêm vào hậu địch để kịp chiều hôm sau đánh đồn Đại Bực. Tình cờ, chúng tôi gặp lại Kết ở Mậu A, Nguyễn Tuân quen Kết của Trung đoàn Thủ đô. Chiến dịch ấy, trung đội trưởng trinh sát Kết đã hy sinh, nằm lại bờ bên kia sông Thao.

Đi và đi thực và mộng cả đời Nguyễn Tuân. Làm thế nào đi được, chỉ cốt đi được. Năm 1937, Nguyễn Tuân ra Hương Cảng làm tài tử màn bạc. Phim truyện Việt Nam, chủ Trung Quốc thuê một số người ở Hà Nội sang đóng. Tôi đã xem *Cánh đồng ma* ở rạp Hiệp Thành phố Hàng Bạc - rạp chèo cải lương, thỉnh thoảng chiếu phim phong thần, kiểm hiệp bán vé một hào đồng hạng. Phim *Cánh đồng ma* đầu Ngô mình Sở. Nguyễn Tuân đóng một vai phụ - có thể là người đi ngoài đường vào sắm vai cũng được, đây là người y tá mặc áo lui trắng, nâng đầu cẳng thương, lừ lừ qua ống kính chớp nhoáng một hai giây. Có thể thôi, mà Nguyễn Tuân lặn lội sang Hương Cảng trong lúc năm hết Tết đến.

Cũng không phải chơi bởi đua đả. Đám hồ lớn đóng phim còn lục đục lừa nhau, chửi bới nhau vì các chủ phim tranh nhau xé đám phu mộ đóng phim này đã làm thêm phim *Trận phong ba* tôi quá gửi về nước tranh khách trước nhưng không có người xem. Nguyễn Tuân ở trong đám phu đóng một phim. Cũng không ăn cánh với ai. Bà phê tô Phú ho lao gày rạc dâm dăng đến quái dị, trù trù Đàm Quang Thiện và Nguyễn Doãn Vượng, diêm mặt cũng không phải ai tri âm tri kỷ khiến Nguyễn Tuân phải đấm đuổi bằng dung lênh dênh đi. Mà cái thúc giục vẫn là những cơn đói đi của mình. Không khó không dễ, không biết ai, chỉ biết một mình. Nguyễn Tuân muốn đến Hương Cảng, nặng nề và nhẹ nhàng, thế thôi. Trong đêm trừ tịch ở hòn đảo phồn hoa nhất châu Á, hứng thú và buồn với hồn cốt những trang bút ký *Một chuyến đi*, chỉ có tâm sự ấy đã giục giã nhiều.

Một đời ao ước phương trời với một cung cách đi. Trong tiểu thuyết *Thiếu quê hương*, cả một chương mười mấy trang về vùng than với những cảng Rodông, cửa Điền Công, những cơn gió ngoài vịnh vào đen nhuyền màu than trùm lên phổ biển Hòn Gai. Hồi ấy, Mộng Tuyết - Đông Hồ trong Hà Tiên ra chơi Hà Nội. Hôm về, Nguyễn Tuân tiễn ngoài ga Hàng Cỏ. Nguyễn Tuân có viết về cuộc tiễn biệt ấy trên báo *Bạn Đường* ở Thanh Hóa, đã cười tiễn sinh Đông Hồ, tàu sắp chạy, mà vẫn cùng bạn bè lắc lư ngâm vịnh thù tạc suông không có chén. Còn cô Mộng Tuyết thì lại khéo tưởng tượng ra như trông thấy con người ấy hôm nào mới ở vùng gió than, bão than còn cuốn theo đến tận sân ga. Trên khuôn mặt chấy nắng của người lữ hành, hai lỗ mũi cũng xám đen những than là than.

Cô con gái làm thơ ở Phương Thành nhìn Nguyễn mà cảm động, bởi từ xưa kia cô đã ước mơ thêm một hơi gió lạ, khát thờ một bầu không khí trời, nước lênh dênh hàng tháng trên biển cả để rồi đổ bộ trên một bến bờ xa. Trải qua khắp kinh tuyến, vĩ tuyến của địa cầu, để đi tới chỗ bốn mùa tuyết rơi, băng đóng đến vùng sa mạc gió nắng lửa than, trèo tuyết núi Hy Mã Lạp Sơn lạnh cóng và tắm nước sông Hằng, vượt biển Đại Tây Dương, qua Hy Lạp, rồi trên lưng lạc đà xem Kim Tự Tháp rồi trở lại thưởng hoa anh đào trong một ngày hội ở Nhật Bản. Ngày hè thì lưu liên các vùng bãi biển Ý Đại Lợi. Thu về thì ngồi xem lá vàng rụng theo các pho tượng của Lúc-Xem-Bua. Bao nhiêu tiếng gọi của Cao Rộng Xa Xăm đã thúc giục ám ảnh mãi lòng thích sống một cuộc đời bấp bênh có nhiều xê dịch, biến đổi của thiếu nữ. Cô thiếu nữ mà ngày còn thơ đã có ý muốn đi tận chân trời. *Thuyền khách sông Hương đêm thất tịch. Lạnh lùng trắng nước khúc nam ai...* mà ai cảm chung một mối tâm sự nào ruột của khách Giang Châu Tư Mã (*Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ*, bút ký, *Phương*

Thành một ngày thu muộn, 1939 của Mộng Tuyết).

Cũng một nỗi tình mơ màng như cô Mộng Tuyết, chỉ có rày ước mai ao, thật ra Nguyễn Tuân chưa đi đường bộ quá Mông Dương và đường nước chưa ra khỏi cửa Điền Công tới Móng Cái bao giờ. Phải đến hơn hai mươi năm sau viết trang sách về vùng than, Nguyễn Tuân mới tới Hải Ninh lần đầu, cùng đi với Nguyên Hồng, Vạn Lịch và tôi. Tưởng như khó tin, mà sự thật như thế. Thiên bút ký mệnh mang sóng biển Cửa Đại kia, đọc kỹ thì nhận ra phải nhờ tác giả có người nhà ở Cửa Đại, mới đến được. Ngày ấy, Nguyễn Tuân đã viết một truyện ngắn đăng báo *Tiểu thuyết Thứ bảy*, trên đề: *Tặng ông Đỗ Ngọc Côn, nhà máy đèn Móng Cái*. Khi này, Phạm Duy làm thợ phụ nhà máy điện, ở nhờ ông Đỗ Ngọc Côn (Phạm Duy: *Hồi ký thời cách mạng, kháng chiến* - California, 1989). Mà ông bạn làm nhà máy đèn Móng Cái ở phố chính Clamoocgăng ấy cũng chưa lần nào gửi tiền tàu xe rù Nguyễn Tuân ra chơi thưởng thức cái hiu hắt nơi địa đầu. Hàng chữ đề tặng chỉ là một ao ước. Mà phải đến dịp nhờ xe của cán bộ Vạn Lịch, mới ra được bãi Trà Cổ, xuống lái than ngược sông Mang lên cầu Bắc Luân - Móng Cái, đến Thán Pún - sự bôn tẩu của chúng tôi có công lệnh và dấu đóng giấy đi đường cẩn thận.

Cầu kỳ và khó tính cũng là tính riêng trong cái thích thú ham đi mà không được đi. Ở phương Đông còn có cái chơi đi mà không đi, ngồi nhà ngắm tranh sơn thủy, nuôi muông thú lạ, uốn cây, gảy cái lá trúc rụng xuống thế giới bề nước nhỏ rêu nổi hòn đá cây si bên hòn non bộ có ngôi chùa mái cong, có chú tiểu vác củi qua cầu. Cho thỏa cái tưởng tượng mà thôi.

Nguyễn Tuân ở về người thứ nhất, không phải các ông ngồi rung đùi chơi trời đất thu nhỏ vào cái bể sành và núi non bộ. Mà đôi khi chơi cây cảnh, một chút chấp nôi. Ở hồ, hòn dỗi, bực bội, nhớ thương không đâu gửi vào một nhánh địa lan cánh tím, một con chó đá canh cửa, một quả phật thủ, một hòn cuội suối, một chiếc gối sứ mới đây được bung ra từ một tiệm hút chợ Cũ Sài Gòn. Nguyễn Tuân chỉ thích đi, nhưng trong mọi sửa soạn còn kỹ lưỡng hơn đi. Mùa hạ năm 1949, Nguyễn Tuân và tôi theo tiểu đoàn 54 Trung đoàn Thủ đô tiến quân vào mở chiến dịch tiêu diệt một chuỗi cứ điểm hành lang bờ sông Thao án ngữ Tây Bắc, các đồn Đại Bực, Đại Phác, Khe Pịa, Ngòi Mác, Mã Yên Sơn lên đến đồn tiêu khu Phố Ràng. Chuyến ấy, tôi đi cùng Nguyễn Tuân - được làm quen với Nguyễn chuyển đi đầu tiên. Tôi đã ghi lại:

Nguyễn Tuân xắm nắm quanh cái bi đông nước bọc dạ xanh của anh. Lần đầu tiên ở mặt trận, đi lâu với Nguyễn, tôi mới thấy quá nhiều đức tính của người lên đường. Khỏe, vững, hành trang không thừa, cũng không thiếu một cái gì. Trên lưng, gọn gàng chiếc ba lô Nhật. Một sợi dây nhỏ cũng có chỗ để rồi dùng đến sợi dây. Cuối cùng, mọi thứ giấy má có thể lộ liễu của riêng mình đều phải để lại căn cứ, không được đem theo vào vùng địch. Chỉ một cuốn sổ nhỏ, cái áo mưa, bỏ vào ba lô vừa phải. Một bao cơm nắm, thêm cái thắt lưng lương khô cuộn chéo ngang mình. Đây bi đông nước, Nguyễn Tuân đã cẩn thận buộc ghì vào thắt lưng cho khi bước đỡ xóc (Ngược sông Thao, phóng sự, Nhà xuất bản Cứu Quốc 1949).

Trong nghề đi - nghề, chứ sao, cẩn thận đã thành thói quen và cầu kỳ đến đam mê. Sửa soạn cũng là khai thác để thưởng thức được chu đáo. Không phải cứ đứng đắn và khôai hài như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát. Ở trường lực quân bên Văn Nam về, anh Khoát dạy tôi thuật đi đường giữ được dai sức của Bát lộ quân. Nhanh mười bước lại thông thả ba bước, cứ thế cả ngày chân không biết mỏi. Cẩn thận, mọi thứ trên mình và trong ba lô đều gọi thành con số. Ví như cả thầy đồ đạc có mười lăm thứ. Sáng ra, trước khi đi đêm chỉ có mười bốn. Thế là còn thiếu một. Rõ thật buồn cười, nhưng nếu cười, anh Khoát không bằng lòng. Mọi cẩn thận của Nguyễn Tuân thiết thực hơn,

nhưng không thành con số như trên. Ngồi bút chì gài trên túi áo, ngồi đọc cũng ghi lên sách. Không biết đến thế kỷ nào có cái hơn, chứ bút chì trên giấy thì không bao giờ phai. Một tiếp bìa cứng với cái bút chì. Lắm lúc thấy ông bạn đường chịu khó đến vậy, mình vừa đề ý, vừa thích vừa ngán ngẩm cho những khó nhọc của nghề đi không biết thế nào là cùng. Lo cho việc đi là yêu đi và biết hưởng thụ đi. Mãi mê quên ngày tháng, nhưng tính đếm sửa soạn cho mãi mê thì phải nhớ từng ly. Cái phóng khoáng của ông ấy không lẫn với buông tuồng, cầu thả.

Mà sự chuẩn bị tỉ mỉ của con người muốn khi ta chết đi, da ta được thuộc làm cái va li cũng khá khác thường. Năm 1961, Nguyễn Tuân lên Hà Giang dự khánh thành đường Bắc Quang - Hoàng Su Phì. Hòa bình thành thời rồi, nhưng vẫn lại là về rừng, lại đeo cái ba lô Nhật với những sợi dây dù Mỹ buộc màn, không quên chiếc bị đồng chiến dịch sông Thao hơn mười năm trước. Giữa đám các thứ linh kinh, một xếp giấy bản lau chén bát, một quyển sách đang đọc và mấy thẻ hương mua thừa ở hàng quen cửa chợ Đồng Xuân. Khánh thành đường mới trên rừng thì nhà khách cũng là mấy cái lán cắm ven đường. Hương chống ẩm, chống muỗi đây. Hương chống muỗi, chứ Nguyễn Tuân kỵ mùi tỏi và không chịu được mùi thơm ở các thứ hương Ấn Độ cứ thoang thoảng rờn rợn như có ma lẫn quất trong nhà.

Quả nhiên là những nơi ngã lưng đã chiến ở Hoàng Su Phì khách nghỉ đêm ở các lán dân công, nền đất và phen vách mới được sửa sang lại đôi chút. Tối đến, mùi hương ở lán ông khách vẫn ngào ngạt ra. Vũ Mỹ Kê, bí thư huyện Đồng Văn hỏi nhỏ tôi:

- Nó cúng ma hả?

Làm thế nào cắt nghĩa cho ông bạn người Mông này hiểu cho cái thú chơi sưởi mùi hương như thế. Mới như hôm qua, Vũ Mỹ Kê năm trước lần đầu về Hà Nội. Nhiều khê quá, xe liên vận Đồng Văn xuống Hà Giang, lại chuyển ô-tô khác về Phú Thọ. Ở đấy, lên tàu hỏa. Đoàn tàu xuôi về đến ga Hàng Cỏ, vẫn ngồi thản nhiên ngắm ra phố phường, đường sá, nhà cửa ngoài cửa toa thấy mãi chưa tới Hà Nội. Khi tàu lên đến Bắc Giang mới hỏi ra.

Tôi bảo Vũ Mỹ Kê:

- Không phải bác ấy cúng ma. Bác ấy đốt hương cho ấm như ta ngồi sưởi lửa ở trên quê, lại chét được muỗi. Mùi hương sưởi thơm cũng như khói củi gỗ thông ấy mà.

Có lần, Vũ Mỹ Kê về Hà Nội, đến chơi uống rượu nhà Nguyễn Tuân. Tôi nhắc lại chuyện hương sưởi ấm ở Hoàng Su Phì. Vũ Mỹ Kê trả lời: Bây giờ nói thế thì mình hiểu ngay.

Hỏi ấy, Vũ Mỹ Kê không tin câu cắt nghĩa của tôi. Có những việc...

Nhưng thôi, lại trở về chiến dịch sông Thao mùa hạ 1949. Nguyễn Tuân gặp lại Két - người chiến sĩ trinh sát mà Nguyễn Tuân vừa hỏi tôi có nhớ không, lúc nửa đêm giữa cái ngã sáu bên gốc cây sữa, cây xà cừ này.

Lần đầu tiên, quân chủ lực mở trận đánh phối hợp lớn, mặt trận dài suốt bên kia sông Hồng ở Yên Bái vắt sang sông Chảy, lên Lào Cai. Chúng tôi theo tiểu đoàn 54, đơn vị chủ công của Trung đoàn, Nguyễn Tuân bỗng gặp lại Két, không ngờ, khi qua sông.

Chập tối, tập kết ở Mậu A. Các chiến sĩ quân áo bà ba đen như chúng tôi. Bộ đội được phát như thế nào thì mặc nấy, áo nâu, áo đen, có khi nhuộm lá coi, nhuộm pin xanh sẫm, thâm xịt. Đã xé chiêu, người ngồi đen ngòm sần sần Đông Cuông. Trung đội trưởng Két trong đám chiến sĩ, người hầu bàn nhà hàng Thủy Tạ Hồ năm trước, bây giờ là trung đội trưởng trinh sát đã trông thấy cái ông nhà văn hay

uống ực ky, quăng tro xéch ở Thủy Tạ lúc chập tối, sao ông ấy lại lên tận đây thế này. Mà đội mũ vải ka ki xám, mặt lạnh lạnh như phải viên cấp trên xuống. Kết đến trước mặt Nguyễn Tuấn:

- Ông...

Nguyễn Tuấn giờ cái gậy tre, nắm tay Kết.

- Anh Kết! Đồng chí Kết! Tôi cũng sang sông đêm nay. Đồng chí ở 54 à?

- Vâng ạ.

Chỉ một thoáng, mọi người hồi hã về sửa soạn. Suốt chặng đường vào sâu trong kia, Nguyễn Tuấn mong gặp lại Kết. Như còn bao nhiêu chuyện mấy năm qua chưa nói hết. Suốt đêm ấy, mùi mật bóng sương, hơi nước và lầy lội, hầm hập. Liên tiếp, từng chiếc thúng, chiếc tam bản của các vạn chài cả mấy tỉnh từ Vĩnh Yên, Phú Thọ lên Yên Bái đưa bộ đội qua sông. Đi suốt đến sắp sáng, qua mấy làng tề gần đồn Đại Bục, trông lên quả đồi đồn Tây lù lù đây rồi mà tiểu đoàn bộ với các đơn vị trực thuộc vẫn loanh quanh lỗ nhỏ dưới ruộng chưa tìm ra nơi ém quân. Du kích địa phương dẫn lạc đường! Chúng tôi lồm bồm trên những cánh đồng nước. Sau lưng, anh nuôi quây nồi cháo va vào nhau lông chông, như nhạc ngựa đồn Tây ra đuổi.

Ban chính trị trung đoàn có nhạc sĩ Lương Ngọc Trác và cả hai người Pháp hàng binh thu được trong trận tiểu đoàn 54 luồn sâu tập kích đồn Bá Giang ở chỗ Phụng ra cửa sông Hát. Hai lính Pháp đã lái xe vận tải chạy ra giữa đồng. Bấy giờ họ làm công tác địch vận. Ra trận, mỗi gã đeo một cái loa giấy bìa các tông dài ngoằng như chiếc sừng trâu. Mấy hôm trước đóng quân tập kết ở bàn đạp. Mỗi ngày mỗ lợn, các cu cậu được anh em thương tẩm bổ thêm cho miếng gan, quả tim ngoài xuất ăn. Hành quân ban ngày từ Phú Thọ qua dọc sông lên, dưới mưa rào vẫn đi. Hai người Pháp gày nhằng, tóp lại, cao lêu đêu, tóc ướt bết trán, vai nhô lên, cung cúc như con gà chạy mưa.

Nhưng rồi tất cả cũng lên được một quả đồi nửa um tùm, trước khi trời rạng. Vừa tới lưng dốc đã ran tiếng súng dưới ruộng. Tiếng nổ lúc sáng bạch nghe toác toác như cháy rừng nửa. Có người làng ra làm đồng sớm thấy nhiều vết chân lạ dẫm nát lúa mới cấy. Sợ quá, về bẩm chánh tổng, chánh tổng lên báo đồn. Quan đồn đoán đêm qua có du kích về. Sắp đến ngày 19 tháng 5 kỷ niệm của Việt Minh. Đồn cho một tiểu đội lính Thái ra sục các đồi. Bọn lính Thái với người cai Tây cời trần, xách súng, bắn vào bụi rậm rồi hô nhau xông lên. Thế nào mà chúng nó lại lên đúng đồi ban chỉ huy tiểu đoàn và cả ban chỉ huy Mặt trận.

Tiểu đoàn trưởng Vũ Lăng cho hai tiểu đội xuống chặn. Lệnh: Tuyệt đối không lộ hỏa lực mạnh, chỉ được bắn súng trường, phát một. Nếu giáp lá cà, đánh dao găm.

Chúng tôi ngồi xôm cạnh bụi tre xé đỉnh đồi. Ngón ngang gồng gánh, những cẳng chân SKG - súng không giật, từng bộ phận súng cối chưa lắp và những đùm lá cọ trong gói từng chồng truyền đơn tiếng Pháp, tiếng Thái. Hai người Pháp địch vận mắt xanh nhờ đứng chơ vơ như hai cái cột. Giữa im lặng thấp thòm, không biết bao nhiêu con người núp trong cỏ, trong bóng lá những quả đồi có thể sắp nổ tung trong ánh nắng. Nguyễn Tuấn chống hai tay lên chiếc gậy tre, lom khom nhìn xuống đất. Tôi ngồi không yên chỗ, lại nhấp nhòm đứng. Quái đản, Tây sắp đánh lên đây mà lại có hai thằng Tây lù lù cạnh mình thế này! Đại đoàn phó Cao Văn Khánh - chỉ huy phó chiến dịch đến bên, nói nhỏ nhỏ, trấn an chúng tôi:

- Đạn không bao giờ dính tôi! Các anh ngồi yên đây, không có gì phải lo.

Câu nói nửa đùa nửa thật về cái mệnh con người. Nguyễn Tuân đã gặp Cao Văn Khánh trong chuyến đi Nam Trung bộ giữa năm 1946. Cũng năm ấy tôi vào mặt trận phía Nam cùng Cao Văn Khánh và Thu Sơn đã làm một chuyến đi ngựa từ Tuy Hòa qua Cùmg Sơn lên tiền tuyến Cheo Reo. Đã biết nhau và câu nói thân mật của con người trải trận mạc có tác động tâm lý. Tôi cảm thấy thanh thoi hơn, không bị hút vào sự im lặng ghê rợn. Chỉ còn thấy hai người hàng binh Pháp lơ lửng loay hoay cạnh bụi tre. Họ cũng tự biết chớ có loanh quanh đi lại. Chiếc loa giấy khoác bên nách chốc chốc lại đôi bên lắc một cái. Những con ruồi vàng bụng mọng máu to thô lỗ ở ống chân lông lá lẫn xuống. Ruồi vàng, bọ chó, gió Than Uyên...

Bỗng súng rộ lên một chập dưới lưng đôi rồi lại tắt ngay. Trong im lặng, liên lạc lên báo ta đã tiếp cận đâm chết một thằng. Tiếng nổ, đấy là chúng nó bắn chặn để khiêng xác thằng chết về. Rồi cứ im im thế đến quá trưa. Vẫn quanh như tờ (sau mới biết trong đồn vẫn đoán là sắp đến ngày kỷ niệm sinh nhật Hồ Chí Minh, du kích đến quấy). Đồn Tây ra lệnh phòng thủ và canh gác nghiêm ngặt hơn. Trèo lên cây đôi bên này, tôi trông rõ những người vác hòm đạn vào lô cốt như kiến tha mồi. Chúng tôi lo bữa ăn cho chắc dạ, ăn cơm nắm, thịt rang, các bếp đã chuẩn bị từ chiều qua.

Mặt trời đã ngả vàng khè trong làn sương các khe núi dâng lên. Năm giờ chiều, giờ này máy bay dưới xuôi không lên nữa. Một tiếng ầm, vang bốn phía. Đại bác ta nã thẳng nổ xanh lè bên lô cốt. Nhưng chỉ đoànng đoànng được vài quả, nên đặt pháo của ta bị lún, pháo câm. Một khẩu súng, ngay phát đầu đã văng cả chốt đuôi, suýt chết thằng Tây địch vận ngồi đằng sau. Nhưng các khẩu cối thì nhả đạn đều đều, tiếng rền liên tiếp. Lương Ngọc Trác ngồi trên cây nhìn sang phía bên trái, kêu lên: Bên Đại Phác nổ súng rồi.

Bộ binh xông lên đồn, lúc ấy trời đã tối hẳn. Khoảng gần tám giờ tối chúng tôi vào được sân đồn Đại Bực, cái chỗ lúc trưa trông sang thấy lính Tây, lính Thái trần trùng trục vác hòm đạn. Bóng tối và khói mù mịt. Bờ rào dây thép gai tan tác. Thằng đồn Tây mặc váy áo giả làm đàn bà Thái chết dưới chân một lũy đất. Nhưng trên cái lô cốt cao cắm cờ tam tài giữa sân, đạn vẫn nã xuống. Những mũi xung kích chiến sĩ cầm mìn đặt được vào núp ngay bên bờ tường lô cốt, chặn bọn trên chòi thoát xuống. Chúng tôi vào làng tề cạnh công đồn đương dưng dưng cháy. Không biết lửa du kích chiếm làng đốt hay đạn trên lô cốt bắn xuống. Chiếm được đồn rồi mà khắp nơi cứ loạn xạ.

Cái trống nhà chánh tổng treo đầu hồi ngoài sân không biết ai đã khiêng ra vứt lẫn lóc đấy. Một đám xác người chạy qua. Nguyễn Tuân, quần áo đen như hung thần hiện lên, tay cầm dùi trống, mấy chiến sĩ quay ngược nện báng súng vào mặt trống. Cả đám người đánh trống ngũ liên thúc trận hạ lô cốt cuối cùng lừng lững trước mặt. Mấy tên lính Thái gan lì vẫn dai dẳng bắn xuống phát một. Nhiều chiến sĩ ta bị đạn tia chết. Một tổ tiêm kích bắc thang trèo lên thả lựu đạn vào lỗ châu mai. Im lặng hết trong lô cốt. Đã hơn tám giờ tối. Những cái đầu lâu được ném từ trên lô cốt xuống. Ở tấm ảnh *Hạ đồn Đại Bực* trong pho sử Quân tiên phong, giữa hàng quân ta có hai chỗ chấm trắng trên đầu gậy. Đây là vết hai thủ cấp hai thằng trên lô cốt cổ thủ.

Nửa đêm, cả ban chỉ huy lên một cái nhà sàn còn sót lại trong xóm xung quanh vẫn cháy rực. Chiếc dùi trống thò một đầu trên ba lô Nguyễn Tuân. Canh bếp, một thùng rượu vang to bằng cái vại sành bên gốc cau đã toang một mặt ván. Tiểu đoàn trưởng Vũ Lăng, mới chiều hôm qua ở bên kia sông, mặt mắt còn phảng phiu, bây giờ hàng râu quai nón đã trở đen ngòm. Tiểu đoàn trưởng giờ bát rượu vang: Đúng hẹn với các anh nhé. Chúng ta vào uống rượu vang giữa đồn Đại Bực. Nào, các anh? Mời ông Nguyễn? Một lúc, Nguyễn và tôi

nâng hai bát trước mặt, nhưng không mừng đựng cốc. Chúng tôi vừa được tin về Két, Két đã ngã xuống ngoài lô cốt. Chúng tôi uống im lặng viếng hương hồn người bồi bàn chiến sĩ trinh sát trung đội trưởng Két.

Mấy hôm sau chiến dịch chuyển sang sông Chảy, Nguyễn Tuân vẫn ở lại với 54. Tôi theo đội võ trang tuyên truyền lên các làng Mán Sừng trên rừng núi Vôi rồi xuống với Trần Đăng lên mặt trận Phố Ràng.

Bao nhiêu lâu rồi, chúng tôi vẫn thường có dịp thăm hỏi 54, tiểu đoàn em nuôi. Trú quân ở Kép Le, về Lai Xá, ở Hòa Lạc. Luyện quân ở Định Hóa, lữ trại đêm Hà Nội giữa rừng. Chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952. Lại mới năm trước, cuộc tiễn đưa đơn vị tiến vào đánh bao vây Khe Sanh. Lăn lên với đơn vị đóng quân trên Hòa Lạc ở Sơn Tây, thoát đày mà ba mươi năm đã qua, cả đoàn người chiến dịch sông Thao bây giờ còn lại mỗi một bộ đội Sứ thợ rèn, tự vệ Ô Cầu Dền, nay là chính trị viên trung đoàn.

Cái tình với chiến sĩ và với trung đoàn Thủ đô của Nguyễn Tuân tuyệt nhiên không phải ngẫu nhiên. Ấy là thói quen đến nơi đến chốn, chăm chút, ý nghĩa của một kỷ niệm. Người con trai lớn của Nguyễn Tuân đã là một trong những cán bộ chỉ huy đầu tiên của đơn vị từ sáu mươi ngày đêm chiến đấu trong lòng Hà Nội ở Liên khu I. Có khi, đi chơi với Nguyễn Tuân và Xuân Trường, người con trai ấy bây giờ là một tướng lĩnh trong quân đội. Chúng tôi về quê Nguyễn Huy Tưởng ở Dục Tú. Ba cái xe đạp thông dong sang Đông Anh. Thời cụ tú Hải Văn bố đất con vào nhà ả đào Hàng Giầy, đến thời bác Nguyễn, khác mà không khác, cái tình vẫn một cha con ấy. Cũng như khi gặp lại Két trên bến Mậu A. Ông khách kỳ lạ dễ nhớ vẫn thường khai vị bằng rượu mạnh.

Hai người cũng vào Đại Bục nhưng không bao giờ còn gặp lại người nhà bàn cũ ấy nữa. Mỗi khi ngồi trông ra sóng hồ lăn tăn lăn bóng liễu, bóng chiều, bóng bia hơi và sáng đèn quanh chân cột sàn nhà Thủy Tạ, lại nhớ. Thế mà là thật, những gần bó xưa sau. Vui chuyện, Nguyễn Tuân hay nói một câu, một câu nói đi nói lại:

- Ừ! Phải viết chuyện ấy rồi phải viết.

Những từng trải và kỷ niệm cả đời thúc giục, đã viết ra đây, nhưng chưa được mấy. Mỗi ngày qua trở thành một thắm thía, khi chợt nhớ, đêm nay ngồi quán cóc ông lão 81 lại nhớ người hầu bàn nhà Thủy Tạ Bờ Hồ xưa kia.

Những cái thích và vui ẩm thực của Nguyễn Tuân không chỉ dễ dãi vì miếng ăn miếng uống sang trọng, mà phải là hợp khẩu vị, ngon theo ý mình. Lọ muối vừng, hộp nước mắm chung, cái gác-măng-dê trữ trên ba lô, thời chiến và thời bình, vẫn thế. Nguyễn Tuân sành ăn và kỹ tính tuyệt nhiên không xô bồ. Nặng oi quá, nhấm rượu ướp đắng giải nhiệt, nhưng không xoi ướp đắng mắm tôm như người ta. Không bao giờ đựng đến mắm tôm chợ. Ăn tinh đến thế, mà lại kỹ tòi, mùi tòi.

Tôi vừa đến, mới ngồi đã bị hỏi:

- Có phải cậu vừa ăn tòi?

Nếu tôi ừ chắc Nguyễn Tuân sẽ bảo tôi đi đâu mai hãy trở lại. Tôi đáp:

- Không phải.

Cái mũi thính có vẻ bớt khó tính với tôi, nhưng lại lắm bầm:

- Ở nhà dưới lửa lên?

Sợ mùi tòi, ông voi to dùng sợ con kiến. Cũng lạ, cái lạ mà bình thường. Bài bút ký *Phở* đã đưa tác giả vào hàng những tay cực thạo

món quà này. Ít ai biết Nguyễn Tuân chỉ ăn một thứ phở, phở chín, phở thịt bò chín. Không đựng đĩa vào bất cứ thứ phở nào khác. Thịt bò chín, nạm hay mỡ, bánh vừa phải không nẫu vồng lên, không thái sẵn và thái máy như Sài Gòn mà Nguyễn Tuân gọi đĩa là vằn thắn phở. Xúc bánh xong, thái thịt lồi bày lên rắc hành hoa và hạt tiêu - không ớt, mặc dù thích ớt cay. Ông nào phở xào, tái sách, tái dúng hay tái lăn, sốt vang lại đập quả trứng, thêm một cục mọc thịt lợn, một miếng giò lụa, hay phở thịt gà, thịt ngỗng, thịt chó rửa mặn, thì tùy. Tôi không ăn phở để tắm mồ. Lũa thật nhanh, ăn thật nóng, lên hết chất phở, thủ nhất. Không hành tây, mùi tàu, húng chó, không thêm nước mắm, dấm ớt, tương ớt, không mỡ vàng, không mì chính, cốt thường thức cái tinh túy của nước dùng xương.

Tập ký *Băm Sáu phố phường* của Thạch Lam khen cái ngon của một hàng phở gánh đồ cạnh cây hương trong sân nhà thương Phủ Doãn, bát phở rõ mấy giọt cà cuống. Cả thành phố chỉ có một hàng phở cà cuống ấy. Nguyễn Tuân thường cười: Cái nước chè tươi nóng bỏng môi, cái bánh đậu xanh ngọt xít cổ, lại đến phở cà cuống, cái sự thích của anh nghiện vừa buông dọc tàu xuống ngon hay không ngon kẻ cũng đáng viết cho ra nhẽ.

Khoảng những năm 55, đôi lần Nguyễn Tuân còn ăn phở gánh ở tầng trệt nhà Địa ốc Ngân hàng, chỗ quán rượu Hoàng Gia cũ. Hàng phở này mở từ những năm thành phố còn bị chiếm. Rồi đến dạo quà phở thành cơm phở, người thành phố ăn phở lấy no, thì Nguyễn thôi ăn phở. Bút ký *Phở* cũng là vang bóng một kỷ niệm mà thôi.

Nguyễn Tuân có nhiều cái không, thật bất ngờ. Nguyễn chưa bao giờ cưỡi ngựa, không biết ngồi ngựa. Đạo diễn Phạm Văn Khoa làm phim *Chị Dậu*, Nguyễn Tuân đóng vai chánh tổng cưỡi ngựa đi đốc thuế. Chủ nhiệm phim đi thuê ngựa, phải thuê cả người chủ ngựa đóng vai đồng đứng giữ cương cho ông chánh tổng ngồi trên yên, chưa đến nửa phút. Nguyễn Tuân chỉ đi chơi biển, không tắm biển. Dễ hiểu: Nguyễn Tuân không biết bơi, dù bơi chó hai chân đập tầm phòng. Đọc ký sự *Ra đảo* của Nguyễn Khải kể về hành trình Nguyễn Khải vượt biển ra đảo Côn Cỏ, Nguyễn Tuân khoái riêng cái anh nhà văn trẻ này ngồi thuyền ra Côn Cỏ dưới bom và tàu chiến địch quần xung quanh mà không biết bơi, nhất nước chẳng khác Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân chẳng thiết cái quán bát nháo của ông lão 81. Nhưng đến đây là một cơ hội để nhớ. Tách cà phê bít tất hay chén rượu có nhạt, cũng không quan tâm, chỉ bởi nó đem lại được cái cơ Nguyễn Tuân kéo mẩu ghế ngồi. Dáng ông lão gầy gầy, bộ quần áo nâu non còm cõi, lom đom. Nguyễn Tuân nhớ những cái khác. Mỗi đêm ngủ sáu, từng người lại tìm về những kỷ niệm của mình. Những năm ấy chưa có mấy quán cà phê, quán nước bán kèm nước trắng. Tôi không được biết Nguyễn Tuân thời xưa kênh kiệu tàn nhẫn thế nào, chỉ thấy bây giờ cũng chịu khó chơi tạp, chỉ có điều là ngồi đối diện đây, nhưng không nhìn mặt ai. Cái ác khẩu của nhà văn này thì khỏi nói. Tao mà chết, nhớ chôn theo với tao một thằng phê bình, ai đã bịa ra mà kể lại thế, nhưng giá ở dưới âm ty, thằng phê bình chẳng may nào đó bị chôn sống, lại mời ông đi uống rượu rồi đi chơi đảo Cát Hải thì chắc ông cười xòa, làm lạnh ngay. Vẫn cái khó khăn hay cái dễ dãi chỉ vì mình. Đã thích thì cứ cầm lấy, một quyển sách mượn không bao giờ trả, một nhánh hoa địa lan cắt thẳng ở chậu vừa hỏi chủ nhân vừa cắt.

- Ông 81 mới đổi mặt hàng. Có cái rượu hay lắm.

Trước cái chõng, ngọn đèn Hoa kỳ nhòe nhoẹt. Cũng không ai để ý những bày biện mới, lọ lác rang lại lọ kẹo bi xanh đỏ nhờn nhọt, quả đồ tiền trẻ con. Ông lão đương cù rù, lần mẩn bốc củ hành khô. Vô hành kêu tanh tách như bật ngón tay. Cái chảo mỡ bắc ngay cạnh.

Đậu nghệ chấm muối hay đậu rán, những mặt hàng mới. Thêm mấy cái ghế lồi giấy ép cuộn chỉ nhà máy sợi bên gốc cây đã xây vuông vắn quanh thành cái bàn. Bập bênh như chiếc ghế ngất ngưỡng trước quầy rượu, cũng hay hay.

Tôi nói:

- Ra cái ông 81 này đã làm bồi cho Grapphori ở Huế, ông Nguyễn ạ.

Nguyễn Tuấn gật gật:

- Grapphori công sứ Trung Kỳ.

- Tôi mới nghe ông ấy kể.

Chờ đợi sự ngạc nhiên, nhưng Nguyễn Tuấn chỉ ừ thế rồi nhìn bộ quần áo nâu bạc của ông lão đồng chiêm xa lạ. Ông lão mọi khi cứ lẳng lẽ lúc có khách, tự dung bồng bật nói:

- Ở Huế làm bồi, tôi kiêm cả chân bếp. Chả là mỗi lần cả nhà nó đi pích-ních Bạch Mã, tôi phải lo các thứ, đâm ra thạo. Miếng giăm bông hun khói tôi cũng làm lấy được, khét bỏ mẹ lại khen ngon. Người Tây lắm cái ngược đời, còn An Nam mình thì khôn ngoan, hay xỏ ngâm. Thế mới chết chứ. Tôi làm ăn lương gấp rưỡi. Nấu nướng cho Tây chẳng khó như cao lầu Tàu. Hành mỡ phi thơm lừng, Tây nờ mũi, thế là khen bùng. Các ông để ý xem, hèn nhất là cái mặn muối, thế mà Tây ăn cứ phải có lọ muối trắng như bát hương mà tổ nhà nó để giữa bàn. Động một tý lại rắc muối, thế thì mất hết mùi vị, các cụ nhà ta kén đến hàng chục loại nước mắm vẫn còn chưa bằng lòng kia mà.

Câu chuyện của ông lão quê mùa mỗi lúc một sang trọng phố phường, bắt đầu từ Huế lên Bạch Mã đến khi Grapphori hết hạn ở Đông Dương về Pháp đem theo cả thằng bếp giỏi. Thế là tôi phú bà đầm nhà tôi về quê, bảo là cho tôi đi kiếm cái vốn. Tôi đi xêlibat ba năm bồng bềnh bên Tây. Các ông ạ, nói thực chứ ngủ với đầm chán bỏ xừ. Nó bắt phải đùa cả đêm, nhọc lắm.

Thế là ông lão hơn đứt chúng tôi rồi. Cao hứng, Nguyễn Tuấn chốc lại hỏi một câu về núi Bạch Mã, chén rượu để vào về gốc cây sấu đã cạn từ lúc nào. Phong tục và khách khứa ở những quán còm cõi chủ hàng hay đuổi khéo khách không uống thêm mà còn bẻ nhè, thế mà ông lão vẫn dễ yên. Những câu chuyện của ông 81 đã làm chúng tôi lẫn lộn gốc sấu, gốc xà cừ, gốc cây sữa với những gốc thông và bạch đá tảng boongalô trên Bạch Mã. Tôi ngồi hóp những chuyện trên vùng núi nghỉ mát ấy và chuyện chơi bồi bên Tây mà tôi chưa được biết đến bao giờ, chỉ nghe cũng như thuộc. Ông lão 81 vẫn bóc hành. Bây giờ tôi mới để ý bàn tay bồi bếp suốt đời ấy to bè bè, mỗi ngón như trái chuối mấn khác hẳn khổ người thấp bé, gầy úa. Gia vị chuyên có củ hành. Cái hành củ già mới hăng, không như hành hoa, hành lá nhạt thếch. Rồi khách hàng cũng đâm ra nghiện hành khô theo chủ quán. Các ông ạ, hôm nay có ngẫu pín. Từ dạo chủ khách ngoài phố Huế đóng cửa món cháo ngẫu pín, thỉnh thoảng ông 81 xuống lò mổ mua chui được mấy cái. Da bò, thịt tái và dải trâu dải bò hồi này hiếm hãn. Nghe nói mậu dịch thu mua, da thì vào nhà máy thuộc da, còn ngẫu pín để xuất khẩu đi Hồng Công. Lão 81 hay khoe của lạ, mà không bao giờ vui chén với khách.

Lão chỉ nhìn người ta uống và đợi được khen hành phi thơm sực mũi. Lão giữ đúng quy lát nhà bếp nhà bàn có cái thú ở sự ngắm người ta thưởng thức - Nguyễn Tuấn bảo thế. Nhưng vẫn rôm rả chuyện Bạch Mã và bên Tây. Mỗi câu đối đáp như nói cho mình nghe. Lão ấy cũng khoái nhớ chứ! Nhớ vui hay nhớ buồn, nào biết được với lão. Có lần tôi nói với Thanh Tịnh khi đọc những hồi ký ông viết về thời làm nghề hướng dẫn du lịch rằng ông nhớ lâu quá, Thanh Tịnh sáng tác ra một câu ngạn ngữ: *Nhớ lắm, khổ nhiều*. Ôi tội cho

những người nhớ lâu.

Chúng tôi đưa một khách Ba Lan ra ngồi gốc cây ở đây. Nhà văn Dukôpsky đã lên mặt trận Điện Biên nhưng A.Covanepsky, nhà văn Ba Lan này đến Việt Nam khi hòa bình đã lập lại. Ông nhà văn hình thù cổ quái ấy chuyên viết phóng sự về đời sống loài vật. Covanepsky đã ở rừng châu Phi, đã qua suốt mùa hè trên ngọn sông Amagiôn và ở cả năm trong vùng muỗi rừng đương khai hoang mở đồn điền chuối bên Braxin. Ông đã lặn lội hầu khắp rừng núi thế giới, chụp ảnh và viết về những con vật kỳ lạ. Covanepsky đã bảy mươi lăm tuổi, thế mà bạn đọc ông nhiều nhất lại là thanh thiếu niên.

Ông đến làm khách của Hà Nội cuối tháng chạp. Ở lại Tết Nguyên Đán, mấy khi được ăn cái Tết cổ truyền mùa đông ở một thành phố nhiệt đới, nhưng Covanepsky lại muốn đến xem mùa xuân tận nơi rừng thẳm có muông thú hoang dã. Ông lên Lai Châu. Ở tỉnh lỵ, Tết xoe Mường Lay trên các nhà sàn cũng không quyến rũ nổi ông. Ông đã cười bốn ngày ngựa lên Mường Tè. Những địa danh Mường Thanh, Lũng Cú, Mường Tè, Mèo Vạc, ngay đối với người Việt Bắc cũng tận đâu đâu.

Trời rét ngọt, gió cuốn dưới lòng đường lên như cắn vào mặt. Chúng tôi vác đến một chai rom Sanh Giam mua ở khách sạn Mét-rô-pôn. Uống cà phê bít tất pha rượu hảo hạng. Nhưng không ai lưu tâm cà phê hạt muông với cái rượu ngon nhất nước Pháp mà là ngồi ở chỗ này để tưởng tượng ra đồng không mông quạnh cho ông nhà văn rừng rú quê ở châu Âu ấy trò chuyện. Ông kêu chán phòng ăn, phòng ngủ khách sạn từ hôm ở Mường Tè về. Ông đòi đổi khách sạn Mét-rô-pôn cho ông đi ở nhà sàn. Kiểm đâu ra của hiếm ấy ở đây.

Nhưng rồi vài hôm đã quen lại dần. Cây sáng kiến ăn chơi Nguyễn Tuấn nghĩ ra cách tối ấy đưa khách ra ngã sáu. Vừa đẹp trong ý nghĩ chúng tôi. Cái lão nhà văn thế giới Covanepsky này có thể được gọi hứng thú khác. Rằng ở giữa nơi chợ vợ trông nghiêng qua mặt đường nhựa phẳng lạng bóng ngọn cây cao cao đẵng xa, ánh đèn lốm đốm như đêm sa mạc. Tôi đã cười lạc đà qua sa mạc Gô bi, vào Mông Cổ. Nhưng chưa được tới nơi nào như Mường Tè - Ông cười, một chiếc răng hồng. Có điều không nơi nào như Mường Tè, ông vừa kể lại và đưa tấm ảnh chụp ở sân huyện ủy.

Covanepsky vịn vai một con gấu ngựa, gấu thật. Con gấu ánh chừng hai ba tuổi cao to bằng người. Hai chân sau đứng, một chân trước đặt lên vai áo. Một tay ông nhà văn, ông già tuyệt Nô-en dề trên đầu con gấu.

- Không phải gấu độn rom của thằng thợ ảnh ở vườn hoa các nước châu Âu. Gấu thật. Tôi chưa được thấy đâu nuôi gấu trong nhà. Đến bữa ăn, gấu ngồi châu gằm bàn, nhặt cơm vãi. Lại nhất thế giới!

Tôi không dám nói, làm ông cụt hứng. Ở giữa thành phố này người ta cũng nuôi gấu, mua bán gấu như chó con. Ít lâu sau, tôi trông thấy con gấu Mường Tè ấy ở một trang họa báo Ba Lan của một ông nghề chào hàng phụ tùng ô-tô đem đến. Nguyễn Tuấn vốn thích tranh áp phích Ba Lan. Ông chào hàng mới quen này lại là một ông Ba Lan. Cũng chuyện thường ngày mà lạ, cái ông chào hàng bỗng nhiên chúng tôi quen. Hôm ấy, sân khấu ngoài trời Nhà hát Nhân dân diễn tuồng hồ quảng tích *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài* của một đoàn hát Quảng Tây sang. Chúng tôi đi xem, tình cờ ngồi cạnh một người Âu. Trong lúc đợi mở màn, ông ấy đã mau miệng tự giới thiệu. Biết tiếng Pháp, tiếng Anh, Mariam Stvensky người của hãng sản xuất phụ tùng ô-tô du lịch chuyên đi chào hàng. Nghe đệm họ Mariam, đã biết là một người Do Thái Ba Lan. Ông nói lần đầu tôi đến Việt Nam. Lần thứ hai tôi đi xem nghệ thuật kịch Việt Nam. Nguyễn Tuấn bảo là tuồng Trung Quốc. Ông Stvensky nhất định rằng đây là kịch hát Việt Nam. Hôm nọ tôi được xem rồi. Có những người tốt bụng, nhưng

tính ương bướng thế. Không thể lay chuyển được cái điều lão đã định ninh.

Nhưng lão rất vui, nhận lời hôm sau lại gặp nhau để tiếp tục tranh luận xem vở kịch hát là của Trung Quốc hay của Việt Nam.

Gặp cái lão gàn dở vô lý cù không cười kiêu Saclô, Nguyễn Tuấn tỏ ra thú vị. Chúng tôi hẹn Mariam đến nhà Buda. Buda ở phố Hồ Xuân Hương yên tĩnh, lại ở một mình, tha hồ nói to. Thực đơn: chai rượu vang của Nguyễn Tuấn, lão kia sẽ đem đến rượu vốt ca Ba Lan và xúc xích hun khói - đúng khẩu vị Nguyễn Tuấn và kết thúc bằng bát cháo gà ở ngã sáu dốc Hàng Kèn gần đấy. Buda không biết lão Mariam, nhưng tôi đến đặt tiệc thế, Buda nhận lời ngay.

Tôi mới quen Buda những ngày ở Thái Nguyên về Hà Nội, nhưng đã nghe kể về Buda từ khi còn trên Tuyên Quang. Làm việc Nhà xuất bản Ngoại Văn, Buda đã dịch ra tiếng Pháp *Dế mèn phiêu lưu ký* và *Truyện Tây Bắc* của tôi. Giáo sư một trường trung học Sài Gòn, Buda đã trốn ra kháng chiến ở miền Đông rồi được lệnh vượt Trường Sơn bảy tháng ròng rã ra Việt Bắc năm 1952 để làm việc ở đài phát thanh. Cuộc đời thật dữ, mà anh chàng thì ngơ ngác hiền lành. Bạn bè gọi tắt chữ tên anh là Gioóc Buda-ren! Buda cũng có nghĩa là ông Phật, hợp với con người lù đù ấy. Có những tù hàng binh Pháp, thằng An, thằng Bình hay đóng các vai Tây trong các phim *Chung một dòng sông* và *Vợ chồng A Phủ* - những bộ phim vỡ lòng của Xưởng phim truyện, bọn này cả ngày loăng quăng xe đạp lượn phố tán gái. Khỏi cô mê thằng An. Buda thêm lấy vợ mà đành chịu. Anh chàng chỉ thạo sách vở. Một lần, Buda đi thăm Điện Biên Phủ, gặp ở Tuấn Giáo một cô gái Thái lai Tây. Buda mê quá. Nhưng cả một buổi tối ngồi uống cà phê cô ấy pha và im lặng. Chỉ say sưa khi về Hà Nội kể lại. Và câu chuyện tình ngậm miệng ấy cũng qua đã nhiều năm rồi.

Chai vang Pháp của Nguyễn Tuấn đặt giữa bàn. Lịch sự, chủ nhà mua thêm hai chai Boócdô. Mặc dầu chỉ nửa cốc vang Buda đã bị dị ứng mẩn ngứa đỏ khắp người không chịu được. Tây mà không uống được rượu.

Ai đã tổng kết từ lâu rằng uống vang với phở mát - cách uống cổ điển, ngon nhất. Ông bạn tình cờ đã tự đổi thực đơn, tự khen mình và có nhận xét thế. Bởi vì cái ông Ba Lan vui tính bán phụ tùng ô-tô đã mang vốt ca đến với một bọc phở mát và bánh mỳ gối. Ông này cũng không bợm rượu mấy. Thành thử, chỉ còn có hai người chúng tôi không tể nhị. Cái vang Pháp đỏ sẫm sao mà nó chất sướng đến thế.

Một Tây, một Ba Lan khoái chí nâng cốc và nhìn hai tôi cạn cả cốc như uống bia. Ông Ba Lan nói to:

- Tôi đã nghe Dukôpsky nói chuyện về Việt Nam trước khi sang đây. Một người Ba Lan đã có mặt trên chiến trường Điện Biên Phủ. Tuyệt vời. Còn con gấu chụp ảnh với một nhà văn đồng bào của tôi đây này, tôi tặng các bạn tờ họa báo. Rồi lão lại giờ chuyện hôm qua.

- Vâng, những tối kịch hát Việt Nam, hay lắm. Không thể thêm một câu nào khác với một người chỉ cho là mình đúng.

Nhưng Buda ngơ ngẩn hỏi:

- Đoàn kịch hát Trung Quốc đang diễn ở nhà hát Nhân Dân?

- Không, đoàn nghệ thuật Việt Nam. Tôi đã đến Bắc Kinh, Trung Quốc hát khác.

- Có diễn viên Hồng Tuyên Nữ nổi tiếng.

- Đều là Việt Nam. Tôi biết mà.

Câu chuyện đùa cợt giằng co, miên man, buổi tối không hẹn mà nên. Mariam Stevensky kể bốn giờ sáng mai đã sang sân bay. Ở đây

về là xếp va li.

- Không sao, phải tranh luận cho đến được sự thật, sự thật chỉ có một!

Chốc chốc lại hura: nghệ thuật muôn năm. Ông Ba Lan ôm tôi đứng dạy nhảy, một tay giữ cái ảnh con gấu Mường Tè. Hu ra, hu ra. Phụ tùng ô-tô, phụ tùng ô-tô cũng là nghệ thuật. Buda hào hứng: Cho tôi uống! Cho tôi uống! Rồi sẽ nằm gãi một tuần lễ, không sao, không sao.

Mariam tiếng Pháp giọng mũi, giờ cốc trịnh trọng:

- Hãy nghe tôi nói. Người bán phụ tùng không chào hàng đâu, mà nói về triết học. Thứ nhất, chúc con người tiến tới bằng cái ô-tô, nhân loại sẽ đến được thời kỳ trong người hồng hộc bộ phận nào thì thay bộ phận ấy. Thứ hai, bấy giờ ở ô-tô cơ thể của các bạn có cái gì cũ, cái gì hỏng hãy cho tôi biết. Hăng tôi sẽ gửi sang, tôi sẽ đi theo, tự tay lắp máy mới cho các bạn, máy liệt, máy hóc lại chạy ngay. Con người bằng cái ô-tô, hơn cái ô-tô. Hu ra... hu ra...

- Nhưng không có bánh mata^[1].

- Cũng được. Đây là một lời chúc hạnh phúc.

Khuya rồi, chúng tôi mới ra ngã sáu. Không nhớ chốc nữa ông bán phụ tùng ô-tô - và tương lai, bán cả phụ tùng người phải sang sân bay Gia Lâm. Hơi vang đã nhạt, người cười nhiều quá cũng đâm buồn, những cái bóng chúng tôi đi lẳng lặng.

Phó mát làm bứ bụng, không muốn ăn cháo gà. Và lại, các bạn Tây không khoái chén súp đêm. Chúng tôi vào chõng cà phê bít tất của lão 81. Làm như phong tục Nga, khi tiễn đưa, mọi người đặt tay lên đầu gối ngồi im với nhau trong giây lát.

Một bác xích lô về khuya, ghéch cái sà-nh xe rên ken két lên bờ hè. Bên gốc sáu bành rế sù sì, mảnh gỗ làm bàn, những mẫu gỗ, cái lõi cuộn chỉ dựa cây, dựa tường, mỗi người trầm ngâm nhìn đi đâu. Cả cái lão cà phê số nhà 81 kia nữa, chắc đã làm một chén trước khi dọn hàng. Biết đâu ông lão này, bác Chữ cháo gà, những ông xích lô đầu hói râu rậm, các cụ ngơ ngác vác cả lũy tre trong làng về đây, hỏi ra thì lão nào, lão nào cũng đã đi bồi bếp, cho Tây đâm ăn ra sao thì chúng phải ăn thế đấy, lại đã sang đánh nhau bên Pháp, bên Ma rốc từ thế chiến thứ nhất. Ai cũng đã bôn tẩu sông hồ bằng mấy chúng tôi. Ông cà phê đương lơ mơ trời đất ở đâu. Thấy người lỗ nhỏ vào, hai cái đầu gối quần nâu lòng thông đứng dậy.

- May quá, còn cái ngẫu pín.

Bác xích lô ngồi ngủ gà trên cái đệm xe, chọt tỉnh nói to vào:

- Tôi, tôi, để cho tôi.

- Ừ, chứ bảo mấy ông Tây này ăn dái bò thì các ông ấy chết khiếp.

Lão bếp già 81 cười tùm, vẻ thành thạo:

- Cứ bảo xúc xích nhồi, thì cũng nuốt tất.

Bác xích lô lại nài:

- Ấy, để cho tôi. Người mình thì phải dùng cái bồ thặng một lèo mới kiến hiệu được. Ông Chữ cho tôi bát cháo trắng, rồi thì tổng vào dái dái bò, dái dê, dái chó bao nhiêu cũng cần.

- Được được. Ai cũng đủ. Các vị chơi khuya thế? Ông này người nước nào mà trông giống quan công sứ Grapphoi. Các vị dùng cái đen hay cái trắng?

Lại vẫn quan công sứ, quan công sứ với cả phê hay rượu trắng, lần thân ăn người đấy.

- Nay cụ bít tất, năm nay tuổi giờ cụ được bao nhiêu?

- Thừa ông, nhà cháu thất thập rưởi.

- Thế thì cái thằng quan công sứ của cụ xuống chơi với giun lâu rồi.

Ông cả phê bít tất nói một câu ngắn thôi, nhưng ý nghĩa thì địch được với câu triết lý của ông Ba Lan sắp bán phụ tùng cơ thể con người.

- Các cụ xá cho. Chuyện chiêm bao ấy mà.

Đêm thành phố trên ngã năm ngã sáu bờ hè. Khách đến, khách đi, lủi thủi trong bóng tối, không có báo in, báo tường mà mọi chuyện đâu cũng theo người tự lại, mỗi người đem đến một chuyện. Những ông Ba Lan và Buda và ông Aki chẳng bao giờ gặp nữa, mà cứ nhớ như hôm qua, như lão 81 lúc nào cũng quan khâm sứ Grapphoi. Vâng, đã là nhớ lại thì dầu vui xưa kia cũng là nỗi buồn bây giờ.

Shoisi Aki, mà có tên là Nguyễn An Nghệ, cái người Nhật ấy đã ở với chúng tôi suốt chín năm kháng chiến. Aki đến khi chúng tôi ở núi Thượng Yên, trong một làng dân tộc Dao đỏ giữa một cánh rừng rậm bờ sông Lô trên bến Bình Ca.

Chưa bao giờ cơ quan rúc vào một nơi hóc hiểm đến thế. Nguyễn Tuân ngại nơi này nhất. Đến Thượng Yên, trong cánh rừng âm u ướt Nguyễn Tuân mới thực sự bị những cơn sốt rét hành hạ. Trước, tiếng là yên rừng, nhưng còn ở ngoài đồi chân Tam Đảo và bên sông Thao. Ở xóm núi Yên Dã, đi một quãng ra huyện lỵ Đại Từ, đã là Hà Nội nhỏ của chúng tôi. Câu thơ ngao ngán *Sớm nay ra khỏi u ti quốc* của Xuân Diệu là để lưu niệm nơi này. Thế mà đến khi chui vào rừng sâu Thượng Yên u ti và ma quái, nhà thơ Xuân Diệu lại lặng im. Có lẽ đã quen rồi, mặc dầu ở đây, trong cơ quan, nửa đêm anh Truật làm kế toán quê Thái Bình đã chết sốt rét ác tính. Nguyễn Tuân cứ đi đâu về, chỉ nằm giữa tre nửa âm u mười hôm lại sốt, lại rên râm thấp khớp. Trần Mai Thiên, con trai Nam Cao, khi bố cháu hy sinh, chúng tôi đón được Mai Thiên, mẹ cháu gửi ở Đại Hoàng hậu địch chiến trường khu Ba, cháu đương ở với chúng tôi. Có hôm, cả buổi Mai Thiên ngồi bóp chân cho bác Tuân. Cụ bếp Ban vác củi ngoài rừng về qua, đi xuống bếp, lại lâm bệnh: Rõ nhà giàu đứt tay. Mời ông vào rừng với tôi đi vài chuyến củi thì khỏi chân ngay thôi. Chẳng khi nào Nguyễn Tuân bớt nghiêng ngả tôi về cái chỗ mới của cơ quan ở Thượng Yên. Có khi giận cá chém thớt. Tôi ở Tây Bắc về, đem theo trong ba lô một cái sáo Mèo. Sáo Mèo như ông trúc có cái lưỡi gà bằng đồng. Tôi không biết thổi, những chập tôi trong rừng sâu hay lấy sáo ra rên ri lên độc một tiếng tồe... tồe... tôi nhớ tiếng sáo vất vèo núi cao trên những thung lũng ruộng bậc thang.

Nguyễn Tuân bảo:

- Ông cất đi cho tôi nhờ. Nghe ông thổi sáo, tôi đau tai hơn đau chân thấp khớp.

Tôi ở bên báo *Cứu Quốc* đôi công tác về, được phân công tìm địa điểm mới. Cơ quan chuyển ở cây số 7 đường Hà Giang trong xóm Động Móc chân núi Là sang đây. Nguyễn Tuân rĩa róc: Chỗ núi Là không đủ kín mà lại phải chui sang rừng Thượng Yên. Theo thằng này rồi thì sốt rét, rồi bụng báng chết hết. Có thể nhiều người nghĩ như thế, nhưng không nói ra. Chỉ Nguyễn Tuân không dứt ca cẩm. Ôi giờ

oi, ông ở Chợ Rã, ở Tùm Tó, ông nằm đất, ông rang bọ hung ăn, ông xoi thịt lợn không muối thối um lên, ông uống rượu men lá cũng khỏi ốm, ông còn thiết, còn nghĩ đến ai.

Bác Ngô Tất Tố chén thịt lợn lừng cụ bếp Ban đã kho riềng cạn khô vẩn tanh đến lợn mỡ. Nguyễn Đỗ Cung ngoài bờ sông vào bắt châu chấu ăn sống. Nguyễn Tuân từ lán ở xuống nhà bếp lừng thừng đi sau con kỳ đà ra rình bắt gà. Có con trăn gió nằm phơi mình ở bãi cỏ ven suối trên đám lá cải soong chúng tôi sắp xuống hái. Những cái đó thấm đầu với khi tôi ở suối Lừa trong vùng rừng Yên Thế Thượng, ở Píc Cây núi Phía Bioc làm báo *Cứu Quốc Việt Bắc*. Tôi hóa ra máu cá, khi nghe những lời ca thán.

Đến Thượng Yên, Shoisi Aki sốt rét ròng rã, mặt trắng nhợt. Đặng Thai Mai chủ tịch ủy ban Hành chính Kháng chiến Thanh Hóa đã gửi Aki ra cho chúng tôi. Ở Tokyo, Aki sang Đông Dương thực tập tốt nghiệp đại học kinh tế. Đương ở Vinh thì Nhật thua trận đầu hàng Đồng Minh. Aki trốn vào trong làng. Đặng Thai Mai nhắn: Aki biết tiếng Anh, có thể dạy Aki tiếng Việt để Aki dịch tiếng Anh. Ai cũng gọi Shoisi Aki là Nguyễn An Nghệ, cái tên Nghệ An kỷ niệm nơi Aki đi với kháng chiến Việt Nam.

Lán chúng tôi ở và làm việc bên bụi nứa rậm rạp góc đồi. Mỗi lán thành một tổ tăng gia. Nuôi gà trồng đậu, rau muống, cải soong. Nguyễn Tuân, Aki với tôi và Nguyễn Đình Nghi. Đôi khi có Phan Khôi, Đào Duy Anh, Phan Ngọc bên bên Ngọc sang. Nguyễn Đình Nghi ít tuổi nhất, chủ lực cuộc xới, làm chân tổ trưởng tăng gia.

Mấy năm ở rừng Thượng Yên mà nhớ lại tưởng như đầu một vài ngày. Bởi chỉ khi ra ngoài, đi công tác, đi chiến dịch, quang cảnh và mọi việc mới đổi khác. Trờ về trong rừng, ngày ngày lại như thế. Dây theo hiệu còi, tập thể dục, vác xẻng cuốc xách ống vầu nước tiểu xuống sườn đồi tăng gia rồi lên làm việc, đến giờ sang nhà bếp ăn cơm, họp kiểm điểm cuối ngày, vào xóm người Dao dân vận, dạy học, làm vệ sinh quét dọn nhà, chuồng trâu... Aki nằm phủ phục trong màn, lồm cồm chui ra. Sáng sớm, mở mắt trong đám sương đặc quện. Hình như nằm ngủ, các đốt xương dính lại, bấy giờ duỗi chân tay ra đau ê ẩm.

Aki đã ra ngoài đầu nhà lúc nào. Chắc đã dứt cơn sốt. Mặt vuông bạnh quai hàm, khung xương người cao to gầy rạc. Không phải Aki tập thể dục. Aki ngồi phệt trên mặt đất ẩm. Hai chân xếp bằng tròn, tay đặt trong lòng, mắt nhắm nghiền, mặc mọi người vung tay vung chân, vận mình, nhảy nhót. Đến lúc ai nấy đã xuống vườn sườn đồi, Aki lẳng lẳng đứng dậy, cầm ống nước tiểu, bước theo. Thỉnh thoảng Aki lại ngồi như thế. Chưa bao giờ tôi hỏi vì sao.

Suốt ngày, Aki cầm cúi bên cái bàn vì tre trước giường nằm. Aki chỉ đứng dậy ra cạnh bụi nứa khi nghe tiếng khu trục Spitphai, kinh cobra cổ ngỗng theo sông Lô lên lướt qua. Aki dịch sang tiếng Anh các truyện anh hùng chiến sĩ của chúng tôi viết về Nguyễn Quốc Trị, Giáp Văn Khương, nữ du kích Nguyễn Thị Chiên, lão nông Hoàng Hanh... Bản thảo giấy tờ ngôn ngữ trên mặt đất giường nứa ngủ.

Những hôm trời nắng, Aki ngồi lẳng yên ngoài rừng. Mặt nhợt nhạt màu đau gan. Aki dăm dăm như ban sáng nhập thiền. Một lúc lâu lại vào ngồi trước bàn. Ngày nào cũng thế không nói một câu. Nếu không trông thấy Aki đọc sách, tưởng Aki không biết tiếng Việt. Nghe tiếng gà kêu quét quét, Aki nhòm lên. Aki ra đuổi kỳ đà. Con kỳ đà mọc thẹo như con thằn lằn to bằng bắp chân từ hang hốc nào ra cả ban ngày đương rướn cong cổ nghe ngóng. Cái chuồng gà của mỗi người đặt giữa sân trước mặt, tôi lại khiêng vào trong nhà. Những khi con cáo, con rắn bò đến Aki cầm cái sào nứa ra đuổi.

Ở nhà bếp, Aki ngồi một góc, ăn nhai hững hờ, nhưng bao giờ cũng hết suất cơm muối vừng. Không có lọ kem nước mắm, ống bơ

thịt kho, nhưng thỉnh thoảng, Aki tắm bồ một món đặc biệt: chuối tiêu thái từng khoanh mỏng để vào bát, rồi đập quả trứng gà quấy lên. Món sổng sít hồ lớn ấy không ai dám bắt chước.

Thế rồi nghe đồn tù binh ở Điện Biên Phủ được giải về thị xã Tuyên Quang. Chỉ mấy hôm không ra mà ven sông Lô đã san sát một dọc những nếp nhà mái nứa. Thị xã mọi khi ban ngày vắng ngắt bỗng đông như hội. Bọn tù ốm nặng và tù bị thương ngày nào cũng được đưa xuống bè xuôi về nơi trao trả dưới bến Việt Trì. Tây trắng Tây đen đi lều đều, ngắt ngắt. Người da đen chỉ còn thô lỗ hai con mắt trắng dã. Những tù binh gầy yếu quá trước khi thả được giữ lại vỗ béo cho ít ngày.

Quanh thị xã đổ cả ra xem tù binh. Không còn những máy bay cổ ngỗng, B26 lên bom bắn. Người đi đông như mít tinh. Aki ra thị xã, trở về đứng trước lán, nước mắt ràn rụa. Không biết khóc buồn hay khóc vui. Nhớ chín năm trước, khi chạy vào làng, bây giờ Aki bồi hồi sắp được trở về. Vợ Aki dạy đàn piano. Đứa con gái, khi ra đi còn nhỏ. Nếu được bình yên, năm nay mười một tuổi.

Thế rồi về Hà Nội. Mỗi tháng có một chuyến tàu Nhật vào cảng đón những người Nhật lưu lạc còn sống sót ở Việt Nam. Ở thành phố mọi việc mới bận rộn. Một hôm, Aki đến chào mọi người, Aki sắp xuống Hải Phòng. Bây giờ bỗng thấm thía cái xa cách.

Chúng tôi đêm hôm ấy la cà ra ngã sáu. Lui hùi ánh đèn chai, đèn hoa kỳ, gánh cháo gà, chõng cà phê, rượu trắng, đậu nghệ, ngầu pín, lạc luộc như ngày trước đầu xóm các nhà hát ngoại ô hiu quạnh bên Thượng Cát, trong Ba La Bông Đỏ. Ở Khâm Thiên bây giờ vẫn còn lác đác vài nhà tom chát không bỏ đi Nam. Loáng thoáng tiếng đàn tung tung, tiếng phách... Nhưng chẳng hiểu sao, không phải vì sợ phạm nội quy vào vùng mới giải phóng, chúng tôi chẳng còn háo hức thú chơi như năm xưa. Mà chỉ lang thang tha thần các hàng quán phố đông, phố vắng, quanh các rạp Chuông Vàng, Kim Phụng, đương diễn các vở cải lương diễm huyền La Mã kèm cái kịch ngắn chống di cư chẳng mấy may ăn nhập với nhau.

Tôi bảo ông lão 81, ông này là người Nhật. Ông 81 kêu lên: Ôi giờ ơi, nước ta lắm thứ người quá. Lúc nghe ông Nhật sắp về nước, ông 81, quên cả thói tục dừng dưng của người hầu bàn, đã uống góp một chén với khách. Chúng tôi ra ngồi sưởi trước cửa lò sau nồi cháo đã cạn sôi sùng sục. Dễ đã quá nửa đêm. Gió ào ào lòng đường, sột soạt miếng ny lông trên lưng ông xích lô đầu quả gáo như lão quan tàu Tưởng thất thế, vào giờ này tà tà đến làm chén rượu với bát cháo ấm bụng rồi ra ga Hàng Cỏ đón tàu chợ dưới Phòng lên. Lão cà phê bít tất nói vọng ra như khoe cho mọi người biết:

- Ông ấy là người Nhật?

Bác cháo gà Chữ nhẩn nhó ngược cặp mắt lông quặm kèm nhèm nhìn đám khách muộn. Chắc chẳng rõ ra người nào người nào, nhưng bác gật gù: Nhật à, giôtônay, giôtônay. Tự nhiên nhớ mấy chữ cốp nhắt chế giễu của người thành phố này mỗi thời kỳ biến động đều vẽ nên được bức tranh thế sự bằng chữ nghĩa, ai cũng xi xô vài ba câu: mét xi bô cu, măng giê ca ca... hầu sực, tả ló và vài năm có người Nhật đến lại thêm arigatô... giôtônay... Bác Chữ chấp tay, cung kính: Mời các ông ngồi. Máy chiếc ghế con được khóp lại thành bàn. Những mẩu củi trong lò đã vạc than được vét ra mặt đường làm đồng lửa sưởi cho mấy ông khách sau cùng. Bác moi ra cái chai rót đều, lại bung một chén vào lão 81.

- Chẳng nói giấu gì chư vị, nhà em vừa làm một chén rồi. Lâu lắm mới lại trông thấy ông giôtônay, em xin hầu chư vị chén nữa.

Gió sồn quanh gáy, không ai biết cơn lạnh thít người. Bác Chữ cất chai vào ngăn kéo lại lôi ra hai thanh tre mà mỗi hôm vừa đặt gánh,

thằng con trai bác đã đi các phố quanh quanh chỗ vào đầu ngõ gỗ sục tắc, sục tắc cho mọi người biết cháo gà đã đến.

Thanh tre kê xuống mặt đường nhựa, thanh tre sục tắc thành cái phách.

- Nhà em xin hầu cán bộ một khổ.

Hãy còn giăng gió gió giăng

Đừng lo lắng thanh xuân bắt tái

Biết rằng ai đã hơn ai...

Nguyễn Tuân hứng chí cầm cái ống khói bếp gõ ngón tay đánh trống châu nhịp. Ông xích lô đầu quả gáo tường đi ngay, nhưng đã lại dương thiu thiu lúc ấy cũng nhòm dấy. Mỗi người một tâm sự ở cái ngã sáu đường đời này. Chẳng ai đoái hoài đến Aki ngồi yên, nước mắt lã chã. Aki khóc. Cũng không ai để ý những câu ư ừ rên rí bát nháo gió giăng của bác hàng cháo. Im lặng một lúc lâu. Nguyễn Tuân vỗ lưng Aki:

- Mai đã đi rồi, Tokyo đương đợi anh. Tôi hò chúc Aki một bài đường trường từ biệt Hà Nội. Hãy giữ lâu được nỗi nhớ cái đêm đàm bạc này.

Chiều chiều mượn ngựa ông đồ

Mượn kiệu chủ lính đưa cô tôi về

Ngựa ô đi đến quán Lau

Ngựa hồng dừng đình đi sau gò Diên...

Không rõ mấy câu ca dao Phú Yên ấy Aki hiểu đến đâu. Tôi thì tôi bồi hồi nhớ xưa kia những khi hợp mặt thanh niên hay truyền bá quốc ngữ nghe Trường Đình Thi giọng Bắc lại hò Phú Ôn kể về người đàn ông lặn lội dắt vợ công con vượt đèo xa xứ kiếm miếng ăn. Người đứng cất tiếng hò cũng hốc hác nảo nề như người tha hương kia. Mỗi khi uống và buồn, Nguyễn Tuân thường bắt chước giọng Trường Đình Thi hò Phú Ôn. Có phải những câu hò ngơ ngẩn nảo lòng trong đêm lạnh giữa những con người đã trải mấy cuộc đời làm rơi nước mắt xuống đường thành phố như dòng sông miên man, nhớ nhà, mà mừng trở về, không còn lệ ai chan chứa biết đi đâu về đâu như khi ở rừng Thượng Yên, mà khóc cũng chẳng vì lẽ gì. Nguyễn Tuân nhìn Aki. Nguyễn Tuân rút khăn tay chấm mắt. Ở câu hò Phú Ôn của con người ấy còn ngồn ngàng bao nhiêu hơn cái thằng Aki trở về. Làm sao hiểu được những giọt nước mắt kia vì nỗi niềm ai.

(Về Tokyo, Shoisi Aki làm tổng thư ký đầu tiên của hội Nhật Việt hữu nghị. Hai năm sau, Aki lại sang Hà Nội. Nguyễn Tuân gửi tặng vợ và cô con gái Aki đương học nhạc viện mấy thước lụa vân tím màu mạn hậu. Chuyến ấy về, Aki bị bệnh gan và mắt).

Cụ tú Hải Văn đã cho cậu con trai mới lên mười theo đến nhà hát ả đào Hàng Giấy. Thơ Đỗ Mục, cụ tú dịch:

Mười năm tình mộng châu Dương

Hồi thêm một tiếng phủ phàng ngày xanh

Cụ tú Hải Văn, tác giả bài thơ tám chữ độc vận Ai, mà năm 1981, Nguyễn Tuân in tuyển tập đã viết tay trang đầu để trả lời một người chị có nhã ý hỏi về thơ cụ tú H.V. nhớ Huế, xin chép hầu chị bài thơ độc vận ai.

Những là dậm liễu bay hồn khách

*Nào thấy mảnh hoa thoáng bóng ai
Buồm thuận gió xuôi vui mặt bạn
Canh tàn rượu tỉnh giật mình ai
Cầm tay dẫn với ba câu chuyện...*

Cuộc đời phóng túng và nếp nhà quan các cụ nội đại thần trị nhậm đất Sơn Tây, đã in đậm, đã mờ chồng lên ngày tháng đời con đời cháu từ bao giờ. Nhiều lần Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng và tôi thường lên Sơn. Chúng tôi ngồi bên hào thành, dưới cây sữa. Mặc Nguyên Hồng với bà cai ách bán hàng - khuôn khổ người đẹp kiêu của ông ấy. Tôi hỏi Nguyễn Tuân: *Chữ người tử tù, Định non Tân* và tất cả vang bóng của ông đều phảng phất Sơn Tây, thế ông đã đi ả đào ở Đông Tác chỗ gần chốt Nghệ kia chưa?, Nguyễn Tuân tùm tùm và lặng yên.

Truyện ký *Vang bóng một thời*, hình ảnh những ngày qua xa xưa. *Vang bóng một thời Tây* mà Nguyễn Tuân lúc nào cũng định viết, đã công bố trên trang *Cùng một tác giả* từ khi tập truyện ngắn *Vang bóng một thời* in lần thứ nhất. Thời ấy, thời Tây, mới thực Nguyễn Tuân, những nông nổi, những vang bóng của Nguyễn Tuân. Cái này tôi phải viết... Cái này ông phải viết... Viết chứ! Ở *Tùy bút 1, Tùy bút 2, Một chuyến đi* hay *Chiếc lư đồng mắt cua*, hay ở những tùy bút kháng chiến, những cái đã viết và những cái chưa viết mới chỉ là “mảnh hoa thoáng bóng ai” chứ chưa bao giờ Nguyễn Tuân thực đã viết.

[1] Bánh mì Do Thái mỏng như bánh đa, người Do Thái ăn với súp lạnh trong các dịp lễ lớn.

Chương 2



KHÁNGCHIẾN, Nguyên Hồng và Kim Lân đưa gia đình tản cư lên ấp Cầu Đen trên Nhả Nam. Các họa sĩ Trần Văn Cẩn, Tạ Thúc Bình, cả nhà bác Ngô Tất Tố cũng lên quay quần trên cái đồi thấp bấy giờ còn hoang vắng. Những vùng ở Xuân Áng (Phú Thọ) hay Quần Tín (Thanh Hóa) cũng tụ hội lại những làng văn nghệ sĩ kháng chiến. Nghe kể họa sĩ Trần Văn Cẩn được xã cấp cả ruộng, anh đi cày đã thạo. Tên cúng cơm ấp Cầu Đen, Nguyên Hồng đặt lại là ấp Đồi Cháy.

Chẳng hiểu vì sự tích gì. Các nhà ở đây cho đến khi hòa bình lập lại. Về Hà Nội, Nguyên Hồng và vợ con thuê cái gác hai một nhà ở phố Miriben cũ bên cạnh viện Mắt gần chợ Hôm. Nhớ những lần Nguyên Hồng rủ đến chơi nhà thường vào chiều thứ bảy. Dựng xe đạp ở cái sân chung nhộp nháp nhà dưới rồi lên gác. Nhà một buồng lũng cùng ba lô, tay nải. Chẳng khác trước kia ở dưới bãi Nghĩa Dũng. Chỉ thêm trẻ con chạy ra chạy vào lít nhít rồi cả mất. Chị ấy đã xin được làm nhân viên cửa hàng quốc doanh sách, đứng bán ở quầy góc nhà bách hóa tổng hợp bây giờ, phía cửa đường Hàng Bài.

- Ngồi vào đây lấy chỗ cho mẹ nó kê cái hỏa lò. Chả rán phải chén nóng tại chỗ mới hay.

Nguyên Hồng lui cui dẹp quanh cho tôi ngồi tựa lưng vào tường trông ra chẳng chịt dây điện ngoài cửa sổ, lá xà cừ rụng bay rào rào. Nguyên Hồng không nói, nhưng tôi đã biết cái chả rán này rồi. Nguyễn Tuân chỉ nghe, đã lắc đầu, rửa chả rán Nguyên Hồng đãi cái thằng xoi được bọ hung thì nó còn từ cái gì. Nguyên Hồng không khi nào mời Nguyễn Tuân và biết tôi thường thức được món tiểu tảo cao cấp ấy, chủ nhà cũng chẳng cần báo trước. Ấy là cái nem Sà Goong nhân rau đàn bà đẻ đã xin hay mua được ở nhà hộ sinh nào đấy. Nguyên Hồng thường ca tụng sức thần kỳ bổ và chữa bách bệnh của rau đàn bà đẻ. Khi bị ãy lên Bắc Mê, tao ngồi viết được cả tập bút ký *Cuộc sống* lại còn sống mà dò được về đến Nam Định rồi lấy vợ cũng là nhờ cái phải gió ấy của trẻ sơ sinh. Mẹ tao ngâm rượu mật ong gửi lên Bắc Mê. Bây giờ thì một cái rau ăn tươi cả nhà được tắm bổ! Nguyên Hồng cười hề hả.

Miếng chả giò nóng ròn. Bát dấm pha không có ớt - chủ nhà không ăn ớt. Đĩa xà lách trắng ngần. Nhân trộn mộc nhĩ và miến. Kẽ ra cũng cảm thấy hơi hơi khác vị, nhưng vốn tính dễ ăn, tôi nhắm ngon lành bình thường.

Giữa năm 1957, Hội Nhà Văn được thành lập. Nguyên Hồng phụ trách tuần báo *Văn* của Hội. Đã nhiều năm làm nghề viết và trong kháng chiến có làm báo, làm xuất bản nhưng cũng là ngồi trong rừng điều khiển đôi quang gánh sách báo đi các chiến khu, chúng tôi bờ ngỡ và háo hức những công việc mới.

Chín năm ở rừng, không có lương, quần áo phát theo mùa, xà phòng tắm và giặt cũng lĩnh ở kho tàng miến. Cơ quan sắm dao kéo, tông đơ mọi người húi đầu cho nhau. Văn Cao cắt tóc đẹp có tiếng, chỉ dùng kéo. Trở lại thành phố, khó đâu chưa biết, nhưng thức ăn và

hàng hóa ê hề. Chiều chiều, uống bia Đức chai lùn bên gốc liễu nhà hàng Thủy Tạ. Nhà hàng Phú Gia, vang đỏ vang hồng vang trắng vô còn dính rơm như vừa lấy ở dưới hầm lên. Áo khoác da lông cừu Mông Cổ ầm ừ, người ta mua về phá ra làm đệm ghế. Hàng Trung Quốc thôi thì thượng vàng hạ cám. Kim sào, kim khâu, chỉ màu, củ cải ca la thầu, sắn xấu, mì chính, xe đạp cái xe trâu cao ngồng. Cả xi rô ngọt pha vào bia cho những người mới tập tọng uống bia. Bắt đầu được linh lương thánh. Không nhớ bao nhiêu, nhưng tôi nào cũng có thể la cả hàng quán được. Có cảm tưởng cả loài người tiến bộ đồ tiền của đến mừng Việt Nam Điện Biên Phủ.

Chúng tôi ngỡ ngàng một cách khoan khoái. Đất nước như cánh đồng cây vờ, chưa biết cây hái ra thế nào. Vết thương cái cách ruộng đất, chinh đồn tổ chức còn đỏ hơn hồng khắp chợ thì quê. Các thành phố đã bắt đầu cải tạo tư sản. Báo chí hô trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng. Chẳng biết căn do của nước người ta ra sao, nhưng nghe khẩu hiệu khá sướng tai. Đến khi thấy nói có hoa thơm, có hoa thối! Lại mới ngỡ ra là có hoa thơm, có hoa thối! Năm 1956, Hungary đề xướng đổi mới. Thủ lĩnh Jmre Natgior bị treo cổ.

Chưa kịp ngỡ ngàng, lại dùng dùng đổi khác lại ngay cả trong thành phố. Nhà máy diêm, nhà máy gạch thời Pháp họ đã để làm trại lính, tanh bành như bãi hoang. Điện Yên Phụ, xe điện Thụy Khuê cổ lỗ 1899, nhà máy rượu cạnh nghĩa địa Tây, Chính phủ phải mua lại của các công ty tư nhân Pháp. Nghe nói mở Hòn Gai, đường sắt Hải Phòng - Vân Nam ta cũng chuộc mất nhiều tiền. Chiến thắng rồi mà cũng chẳng lấy không được. Các thành phố đương cải tạo tư sản. Cách làm dụi dụi và lặng lẽ. Nhưng cũng xanh mắt. Nhà máy thuộc da Thụy Khuê, nhà máy gạch Cầu Đống mấy vị có tiền vừa chung nhau tậu, bây giờ lo sốt vó phải lên tư sản. Nhà giàu khóa cửa im im, người ra vào khuôn lên đồ đạc lúc chập tối. Quanh tường, đại sứ quán Pháp cắm tấm biển đất riêng. Cơ quan lãnh sự Mỹ đã dọn vào Sài Gòn, bây giờ chỗ ấy là căng tin của sứ quán và Pháp kiều. Tổng giám mục Đuy-lây ngày ngày sai mấy bồ già đến mua đồ và thức ăn về dùng. Từng bao tải các thức được thuê xích lô kéo sang nhà thờ Hàng Trống.

Bờ ngõ và sôi nổi, những trái ngược và mới mẻ ấy dội vào mỗi chúng tôi. Bây giờ nhìn lại, nghe kể chuyện lại, tưởng như câu chuyện lạ lùng một lúc. Nhưng đường đi và những quanh co bối rối đến mỗi con người lẫn những cả mấy năm trước và sau 1957. Ngại nhất những lần họp chi bộ ở cơ quan. Cuộc chiến đấu lớn đã kết thúc ở Điện Biên Phủ, nhưng chúng tôi lại không êm ả như ở Tuyên Quang. Thêm nhiều tổ chức mới có cán bộ các khu và từ miền Nam tập kết ra. Họp cơ quan, họp chi bộ, tranh luận miên man. Dần dà, hình thành cái nhìn ở một số người, thành một chỉ trích cơ quan cản trở, hạn chế, có thể mới là mới. Mọi việc không phải của cơ quan hình như đều đúng hơn.

Tôi làm Nhà xuất bản Văn Nghệ rồi Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Khi in tiểu thuyết *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng, tôi về Mộc xin phép gia đình tác giả, gặp chị Phụng và bây giờ cụ bà thân sinh Vũ Trọng Phụng vẫn còn. Mẹ chồng nàng dâu sinh sống gieo neo ngày ngày cấp cái thúng mấy lọ thuốc viên ra chợ Ngã Tư Sở. Bao nhiêu năm, sách của Vũ Trọng Phụng bây giờ lại được in, cả nhà mừng lắm. Quý tôi như bạn bè cùng thời với nhà văn đã khuất. Thật ra, tôi không biết mặt Tân Đà và Vũ Trọng Phụng. Tôi vào nghề viết, các nhà văn này đã qua đời. Khi ấy, các Nhà xuất bản Minh Đức, nhà Thép cũng rục rịch in Vũ Trọng Phụng, quảng cáo rầm rộ. Ngay ở cơ quan cũng lây nhau cái cảm tưởng tư nhân in mới phóng khoáng, Nhà xuất bản của đoàn thể gò bó và dường như lỗi thời. Người ta lên nước và cạnh tranh như thời trước. Nhà Minh Đức yêu cầu được kỷ niệm Vũ Trọng Phụng chung với chúng tôi ở Nhà Hát Lớn thành phố vì lý do nhà ấy cũng in Vũ Trọng Phụng. Chúng tôi định in lại tiểu thuyết *Một mình trong đêm tối* của Vũ Bằng. Tôi tìm gặp chị Vũ Bằng. Biết tin, lão

Minh Đức nhằng nháo mắt trở xộc đến luôn. Chúng tôi in kịch *Kim Tiền* của Vĩ Huyền Đắc, Nhà xuất bản Minh Đức cũng in *Kim Tiền*, đã đưa đơn kiện vi phạm bản quyền tác giả. May, được bác sĩ Vĩ Huyền Trác, con trai cụ Vĩ bảo đảm, Nhà xuất bản chúng tôi không bị thua kiện.

Chỉ được trôi chảy khi in lại tập truyện ngắn *Vàng bóng một thời* của Nguyễn Tuân. Cũng ngẫu nhiên không bị giành giật. Nguyễn Tuân không để ý tưởng số nhưng Nguyễn Tuân bảo: Trông mặt thẳng Minh Đức đã thấy khó chịu. Minh cũng đã đả tiền nhiều Nhà xuất bản, nhưng chưa cầm của thẳng này một xu. Và chẳng mưu sĩ Nguyễn Hữu Đang của nhà Minh Đức thậm ghét văn Nguyễn Tuân. Văn Nguyễn Tuân, Nguyễn Hữu Đang đọc một đoạn cũng không nổi. Âu cũng là lẽ đời, các đấng cao ngạo thường không nhìn mặt nhau.

Nguyễn Tuân nhớ lâu và ghét dai. Không biết bao nhiêu năm, Minh Đức đi tù về vẫn ôm mộng xuất bản. Anh phác một kế hoạch chiến lược về xuất bản nhờ tôi giới thiệu với những cơ quan có trách nhiệm. Việc không đến đâu, Minh Đức mở quán cà phê và bán sách cũ trên phố Hàng Bút. Khai trương quán, Minh Đức nhờ tôi mời Nguyễn Tuân, Nguyễn Tuân không trả lời. Rồi Minh Đức bệnh mất, Nguyễn Tuân cứ vặn tôi: Sao ông đi đưa đám thẳng ấy? Tôi bảo trong đầu tôi không thấy có câu trả lời nào về việc như ông hỏi tôi. Nguyễn Tuân về không tin. Song cũng không vặn nữa, chúng tôi tránh đi bằng cách đụng cái chén hơi mạnh.

Hồi ấy, đến Nhà xuất bản Minh Đức, tôi quen Minh Đức và Tô Thủy Nguyễn Văn Kiện, cùng người Thái Bình, một trong những cây bút làng thơ mới, thời kỳ đầu, lúc đó làm thư ký Nhà xuất bản. Từ năm 1945, Minh Đức ở Thái Bình lên Hà Nội làm xuất bản. Nguyễn Công Hoan giới thiệu cho tôi làm quen và bảo bố thẳng này ở phố Pi kê buôn đồng nát mà giàu có, chẳng biết thực hay đùa. Nhà xuất bản Minh Đức ở phố Phan Bội Châu. Trương Tửu như chủ nhà ngồi đấy. Tôi cũng chưa được biết Trương Tửu trước kia. Ông Trương mở rượu, đàm đạo. Dễ thường chỉ có tôi uống, cảm thấy dễ chịu. Lững thững về cơ quan. Buổi trưa, trải chiếu, Nguyễn Bính, Hoàng Tố Nguyên và tôi nghỉ lại trong buồng làm việc. Hoàng Tố Nguyên hồng một chân. Nhưng có một chiếc giày đánh bóng lộn, đặt tượng trưng trên ghế - chiếc giày đẹp đẽ, không bao giờ được xỏ chân. Khi đó mọi người tự do ra báo, mở xuất bản.

Trong thành phố nhan nhản báo hàng ngày *Thời Mới* báo tuần *Nhân Văn*, *Tre Xanh*, *Trăm Hoa* và những tập san định kỳ *Giai Phẩm*, *Đất Mới*... Ông Phùng Ngọc Long Nhà xuất bản Hưng Văn ngoài khu 8 về tìm tôi bàn mở xuất bản. Ông Long chính là chú Luyện ngày trước ở phố Hàng Mã mà tôi đã xuống ở hai năm, đến khi thi trượt vào trường Cửa Đông mới trở về quê. Nguyễn Công Hoan và tôi đến nhà ông Vũ Đình Long. Những năm về sau, ông yếu bệnh tim, bệnh thờ. Vẫn chịu khó ngày nào cũng đi quanh hồ Hoàn Kiếm. Và hằng hái muốn mở lại nhà Tân Dân. Nguyễn Công Hoan bảo: Làm gì thì làm, đừng làm xuất bản, ông ạ. Mặc dầu khi ấy có ông Thuật hiệu sách cũ dốc Bà Triệu, em ông xuất bản *Đời Mới* Trác Vỹ xưa kia, ông Thuật định làm xuất bản sẽ in mở đầu hai tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, thì Nguyễn Công Hoan không khuyên can câu nào. Hai nhà giáo bè bạn lâu năm, Nguyễn Công Hoan nói thật điều mình nghĩ và tính toán hộ ông Long.

Dần dần, ở cùng cơ quan tuy hằng ngày gặp và làm việc, nhưng cách sống của mỗi người cũng úp mở nửa thật, nửa giả. Chơi với nhau đấy, rồi đi đâu, làm gì không biết. Và xem nhẹ cả những việc tình nghĩa. Tôi đã lo toan cho Lê Đạt bỏ được cô Nguyễn người vợ lấy lúc đi cải cách ruộng đất, Hoàng Cầm êm thấm ra tòa dứt khoát với cô hàng xén chợ Hanh. Sự giao thiệp hai mặt và cánh hâu này nở ngay cả trong việc đáng lẽ một lòng và phải trái cần ngang mặt, bởi tôi làm bí thư, Lê Đạt phó bí thư chi bộ Đảng. Nhưng cũng chỉ thế thôi.

Tuần báo *Trăm Hoa* của Nguyễn Bính mới xuất bản. Nguyễn Bính tập kết ở miền Nam ra. Mấy năm sau ở trong ấy Nguyễn Bính thôi không công tác đâu nữa, nhưng vẫn ở vùng giải phóng Đồng Tháp Mười. Vui thú điền viên nơi kênh rạch và bạn bè qua lại giúp đỡ. Khi đất nước bị chia đôi, Nguyễn Bính được gọi đi tập kết, cũng như cán bộ được phân công ra miền Bắc. Nguyễn Bính về công tác Nhà xuất bản, cùng làm việc với tôi. Gặp lại nhau thì hơn mười năm đã qua mà tưởng như mới hôm nào cùng anh em nhà thơ Việt Châu Long ngổn gieo tình và Tân Phương đi ăn cháo cá chợ Cũ. Những người lang thang bắt đắc chí ngày ấy như xưa nhưng cũng thật khác xưa:

Có lần tôi xuống Nam Định, đến tìm Võng Xuyên công tác ở thư viện thành phố. Người nhỏ nhắn, già đi nhưng vẫn khỏe. Tay bắt mạch mừng xong cung cách thì thưa gửi đồng chí, báo cáo anh, đề nghị thủ trưởng, lời thôi quá. Trong khi tôi tưởng như vừa mới đây, cái thằng Võng Xuyên tên là Truật mở bàn giấy biện sự phòng mà chúng tôi gọi đùa là sinh sự phòng, ông thầy cò chạy kiện tôi không nhớ ở cái phố vắng, phố hàng Nâu hay bên Cùi. Thầy cò Truật với Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương đốt thuốc phiện và làm thơ, đọc thơ suốt đêm trong cái phòng hẹp nhà Truật được gọi là lò luyện linh đan. Khách rờn rã ở chơi không chịu nổi, hôm nào cũng say thuốc đến bóng môi, bóng mắt. Chị Truật người đầy đặn, phúc hậu vẫn cơm rượu đãi bạn chồng ngày hai bữa tươm tất. Không hiểu tại tôi hay tại anh mà bây giờ lại ra sự cách bức và khách sáo đến thế. Cái năm Võng Xuyên về hưu rồi, lên ở với con trên Hà Nội tôi mới rõ hồi ấy ở cơ quan, anh chỉ làm việc giữ mấy quyển sách thư viện mà cái ông sinh sự phòng kiểm ăn hồi xưa đương bị đấu cật lực vì lý lịch thầy cò và những chơi bời. Cái vô ý của tôi thật tàn nhẫn.

Khi đó nhiều người còn ăn và ở cơ quan, phòng làm việc cũng là nơi ở. Tính nết Nguyễn Bính thì chẳng khác xưa. Đời là một cuộc chơi dài, mà thiên hạ phải cung phụng nhà thơ. Bọn mất trắng, hiểu thế không? Những trò ấy nhiều khê, tàn phiến, cồ quái lắm. Tôi nghĩ thế. Làm biên tập báo, xuất bản như làm khoán, chẳng cần giờ giấc bàn giấy. Mà cũng vẫn không hợp với Nguyễn Bính. Có mỗi việc giao cho Nguyễn Bính tự tuyên tập thơ *Nước giếng khơi* - tác giả làm lấy tập thơ cho nên mới có được cái tên sách không phải tên một bài thơ nào trong tập, mà cũng trầy trật mãi. Hứng làm thơ lên thì tung hê công việc, thích đi chơi thì vay tiền, cơ quan lúc nào chẳng có tiền. Cho tao vài ba đồng là bao. Say khướt tối ngày, uống tợn hơn xưa nhiều. Nhà hát lớn có kỷ niệm Nguyễn Du. Nếu tối ấy không có ban tổ chức Hoàng Châu Ký ra can thiệp, còn lời thôi nhiều. Đã muộn, ở cuộc rượu nào vừa đứng lên, Nguyễn Bính ngồi xích lô đến Nhà Hát Lớn.

Những người giữ cửa không cho vào. Thế là Nguyễn Bính làm toáng lên:

- Không phải giấy má gì cả! Giỗ Nguyễn Du mà Nguyễn Bính không vào được a!

Người ta phải lập lại trật tự với người say rượu. Rồi Nguyễn Bính cũng vào được. Chắc được vào rồi cũng ngồi ngủ mà thôi.

Một lần Nguyễn Bính bảo tôi, giọng bình thường không hơi men:

- Mày phải kết nạp hội viên Trúc Đường chứ!

- Nói anh Trúc Đường làm đơn rồi hai thằng chúng mình giới thiệu anh, theo thủ tục.

Nguyễn Bính nôi cẩu, hỏi lại:

- Trúc Đường mà phải làm đơn xin vào Hội Nhà Văn à?

Rồi vùng vằng bỏ đi.

Tập thơ *Cửa biển* của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Trần Dần đã được Hoàng Cầm chọn xong và đưa in. Vẫn phải chòng vòng chèo

chống hàng ngày với Nguyễn Bính những chuyện tương tự trên mà chưa xong được *Nước giếng khơi*. Những cổ nhân như Yến Lan và tôi bây giờ đã mất tính, không như các bạn Mai Lộc, Đoàn Giỏi ở miền Đông trong Nam, trên ghe đò hay trong rừng, phải cho chính thẳng mắt trắng ấy một bài học, chứ chẳng phải thiên hạ nào, giả cho nó một trận rồi mới lại thương lại. Ít lâu sau, Nguyễn Bính cũng thôi, không công tác ở đâu nữa.

Không biết ai đã giúp tiền cho Nguyễn Bính ra những số báo *Trăm Hoa* đầu tiên. Tôi vẫn đến chơi, hồi này có tiền, tôi được Bính rủ đi đánh chén luôn. Cái cô mọi khi vẫn giới thiệu là người yêu thơ, là thư ký đánh máy, bây giờ đã là vợ. Nhà thuê một tầng dưới rộng rãi, gần phố Hòa Mã treo bảng *Trăm Hoa* - mấy chữ đánh rào rào, người ra vào tòa báo nhộn nhịp.

Trên có sáng kiến lấy giấy và tiền Nhà xuất bản giúp báo *Trăm Hoa*. Tôi được giao thuyết phục làm sao ra được một báo tư nhân nhưng có tiếng nói chống những luận điệu ngang ngược của báo *Nhân Văn*. Công tác không khó khăn đối với tôi, nhưng đã thuộc tính lung tung của Nguyễn Bính, tôi liền kéo cả anh Trúc Đường đến. Nguyễn Bính cảm kích được giúp đỡ. Trúc Đường đã có kinh nghiệm làm báo lâu năm, từ *Ích Hữu* đến *Đàn Bà* và rồi *Công Dân* ở đồng bằng sông Hồng trong kháng chiến. Chúng tôi bàn về *Trăm Hoa* lâu dài và cả từng số báo. Tôi mua hộ giấy in, xe đến. Từ *Trăm Hoa* rõ ra một vẻ khác. Không vẻ bè với *Nhân Văn*, như chẳng đi với ai. Trên nhận xét từng số, từng bài cho là vẫn chưa đủ hơi sức hỗ trợ cần thiết. Tôi bàn lại với Nguyễn Bính. Nguyễn Bính cười mỉa:

- *Trăm Hoa* phải thế mới là báo của Nguyễn Bính chứ. Nếu không thì mày làm quách, cho xong?

Tôi nghe cũng có lý. Có lẽ vì thế tôi không còn hào hứng vận động cho chuyên được Nguyễn Bính. Có lần Nguyễn Bính nhắn tìm tôi. Chắc lại đòi giấy và tiền. Tôi không đến. Mấy lý cũng không phải tiền của tôi. Biết ăn nói thế nào. Một buổi tối, Nguyễn Bính rủ tôi ra nhà hàng Lục Quốc, phố Huế. Nguyễn Bính nói:

- Hôm nay ăn cỗ đám ma *Trăm Hoa*!

Tôi hỏi:

- Trúc Đường đâu?

- Ông ấy không đi.

Có thể vì tôi bỏ *Trăm Hoa* anh Trúc Đường không bằng lòng tôi.

Mấy lâu sau, Nguyễn Bính được giới thiệu về ty Văn hóa Nam Định. Ở Hà Nội một dạo, vài ba tháng hay một hai năm cũng không để ý, thỉnh thoảng gặp chỉ thấy nhẵn nhụi, râu rậm. Xưa nay thì cái thẳng này vẫn thế. Những cùng quần tự chuốc, những thương đau vợ vào, mình lại đẩy ải mình, thân làm tội đời, cả những ngày còn lại này mà vẫn không nguôi.

Người con gái ấy yêu thơ tuổi đương thì. Những mối tình như thế của Nguyễn Bính, chẳng rõ khi ở Huế, ở miền Nam thế nào, nhưng ở ngoài này, bạn bè đã biết tính, biết tật Nguyễn Bính, thấy gái như quạ vào chuồng lợn, như ech vào hoa. Thế bồi dấy rồi lại nhặng cuội ngay đấy. Kiểu như những câu thơ đồ tòi hoa: *Nhà em ở dưới cây mai trắng* (Bạch Mai) *Bên gốc mai vàng* (Hoàng Mai) *Cạnh đế kinh* (Phố Huế), biết bao nhiêu con gái đã theo thơ đến với Nguyễn Bính. Nhưng cuộc đời hoa thơm bướm lượn không giống thơ, không như thơ. Thế thì lại vứt bỏ. Người con gái đến với Nguyễn Bính khi làm báo *Trăm Hoa* cũng chẳng ở được bao lâu. Chỉ tội đã có với nhau một mụn con.

Từ lâu, tôi muốn viết một truyện ngắn. Chưa viết nhưng đặt tên trước truyện ngắn: *Tên cháu là Hiền*. Câu chuyện đôi vợ chồng bỏ nhau. Đã được một con trai tên là Hiền, mới bập bẹ. Mẹ cháu trẻ quá, còn như ở tuổi son rỗi, đã đi bước nữa. Mẹ đem Hiền về trả bố Hiền.

Hiền bụ bẫm, phúng phính rồi chẳng bao lâu Hiền còm nhom, ghẻ lở, mụn nhọt ghê người. Ngày ngày bố ẵm vác Hiền trên một bên vai, như mèo tha con. Đến đâu, từng đám ruồi nặng xanh xám đuổi theo. Một tối kia, bố rượu say rồi bố bế Hiền thân thơ ra phố. Đến ngã sáu Bà Triệu - Ô hay, làm sao mà bao nhiêu tâm sự nước mắt nụ cười của người viết truyện này, trong những năm ấy, cứ quẩn quanh chỗ cái dốc Hàng Kèn oan nghiệt thế nhỉ?

Chợt nghĩ thế nào, hai tay bố Hiền giơ Hiền ra, đưa Hiền cho một người đàn ông đương đi tới. Trờ về, con say vật bố thiếp đi. Quá nửa đêm, quờ tay không thấy con. Bố vụt nhớ lại tất cả. Bố lật đặt chạy đi đấm cửa nhà mấy người bạn. Chúng tôi đã đi báo hầu khắp các đồn, các trạm công an trong thành phố. Nguyễn Bính thất thểu suốt đêm. Sáng ra, nhọt nhọt thẩn thờ bước giữa trống không. Tim thế nào bây giờ vì không phải là cháu lạc. Chỉ còn cầu mong biết đâu là cái người hốt nhiên được có người dúi cho đứa bé, lại chẳng là một người đương hiểm trở.

Bấm đốt ngón tay, đã trên ba mươi năm rồi. Ai là người đã đi qua ngã sáu tối hôm ấy - nếu trời để cho chứng sống, ông ấy cũng phải đến trong ngoài sáu bảy mươi rồi, nếu vẫn nhớ có người đưa cho một đứa trẻ, thế thì tên cháu là Hiền. Thôi bây giờ viết vào đây câu chuyện thương tâm ngày ấy. Biết đâu, chuyện này - như một cái nhẩn tin tìm người ruột thịt thường đọc trên báo. Chẳng đã có bao nhiêu cha mẹ anh em ly tán những năm đói những năm chiến tranh ngót nửa thế kỷ, mà rồi cũng tìm được nhau. Đột nhiên, tôi hy vọng. Tên cháu là Hiền nhé.

Có lần qua Nam Định, được nghe Kim Ngọc Diệu kể rằng câu chuyện đau đớn ấy, mỗi khi nhắc lại lần nào Nguyễn Bính cũng khóc.

Báo *Nhân Văn* đã ra được mấy số. Có dư luận báo chống đối. Người thành phố nghe ngóng và tò mò. Nhưng mà những hoạt động gây sự không phải chỉ ở vài bài báo trên *Nhân Văn*, mà cái chính là ý đồ chính trị rộng ra nữa của một số giới không phải là những người làm báo *Nhân Văn* trong tình hình nhạy cảm ở các đô thị lúc ấy. Báo *Nhân Văn* đương hô hào dân chủ và in một số sáng tác phong cách mới. Bạn đọc chú ý và chờ đợi sự đổi mới của văn nghệ. Nhưng không ai lưu tâm những người bỏ tiền cho vốn in báo và những hoạt động chính trị đòi thay đổi và chia quyền lãnh đạo đã âm thầm dấy lên, trong giới tư sản đương bối rối, trong một số trí thức ở vùng mới giải phóng và ở đảng Dân Chủ. Báo *Nhân Văn* chỉ là một phần bề ngoài và là một thủ thuật chính trị dựa vào trăm hoa đua nở. Mấy cây bút cộng tác với báo *Nhân Văn* không biết được tình hình thật sự như trên. Đăm ra ngộ nhận tai hại về hoàn cảnh, về văn học và cả về tài năng của họ nữa.

Chiến thuật thâm hiểm ấy gây nên cách nhìn lẫn lộn số đông tác giả với lòng chân thành ở mỗi người và ở tổ chức. Khi còn ở rừng, chúng tôi đã thuộc tính Nguyễn Huy Tường, đôi lúc còn chế giễu, những lúc Nguyễn Huy Tường tròn miệng tròn mắt thao thao ca tụng khăn vái L.Tônxtôi, Ixên... và ở mỗi người bạn mà anh quý, mỗi cán bộ cấp cao, Nguyễn Huy Tường đều tìm ra những ưu điểm tô hồng rậm rộ. Ai nấy đều cười và quen đến độ, Nguyễn Huy Tường sắp khen, đã biết khen thế nào rồi. Nhưng về thành phố, từ lúc nào xuất hiện một Nguyễn Huy Tường lầm lì, đăm chiêu, ít nói và nói cũng khác mọi khi. Nguyễn Huy Tường không bằng lòng mấy anh em quanh mình giấu giếm làm báo *Nhân Văn*, nhưng Nguyễn Huy Tường cho rằng chúng nó cũng vẫn là chúng mình cả thôi, chẳng lẽ chỉ biến đâu

một lúc, trở lại là thằng khác à?

Những cơn nghĩ giầy vò Nguyễn Huy Tường lúc ấy là tình hình thế giới. Vốn phục Ti tô, Nguyễn Huy Tường không bằng lòng với việc nước Nam Tư bị đuổi khỏi cục Thông tin quốc tế - một tổ chức tập hợp lực lượng dân chủ và tiến bộ thích ứng với tình hình mới. Dồn dập, tháng mười năm 1956, xảy ra sự kiện Hungari. Mấy đêm Nguyễn Huy Tường không chợp mắt được. Mở cửa trông sang cái hiệu Tàu vẫn thẩn mi hôm trước đông khách suốt ngày tới khuya, bỗng có thì thảo: vẫn thẩn thịt chuột. Khách vắng hẳn. Buồn thiu nhu Nguyễn Huy Tường. Nguyễn Huy Tường nói:

- Nước Hungary trong phe xã hội chủ nghĩa, nhưng trước nhất nước Hungary là nước Hungary đã ông thấy thế nào? Các ông thấy thế nào? Tôi không hiểu, tôi không thể hiểu.

Nguyễn Huy Tường bần khoăn. Nguyễn Huy Tường có những ý kiến khác những lời bình trên các báo. Nguyễn Huy Tường vốn kỷ luật, chịu khó viết nhật ký và sưu tầm tài liệu. Nhưng chắc Nguyễn Huy Tường đã không ghi lại những trăn trở, những khủng hoảng như tôi vừa kể trên. Bấy giờ, những ý kiến khác lạ không mấy ai dám nói ra và ghi lại. Thà chôn sâu trong lòng. Trò chuyện với Nguyễn Huy Tường cái cười vẫn đôn hậu thế, nhưng khác trước rồi. Có người bảo gần đây bác sĩ Phạm Ngọc Khuê dưới Hải Phòng hay lên chơi với Nguyễn Huy Tường. Khi còn trẻ, Nguyễn Huy Tường mê và phục thuyết Sinh lực mới của anh bạn có khuynh hướng tở tốt kit này. Nguyễn Huy Tường thân với Nguyễn Hữu Đang. Chúng tôi đã cùng hoạt động hội truyền bá Quốc ngữ và Văn hóa Cứu Quốc. Nguyễn Huy Tường quý bạn, bao giờ cũng phát hiện ra những khía tốt của bạn, nhưng tôi không tin Nguyễn Huy Tường thay đổi vì ảnh hưởng ai. Con người chân thành ấy chỉ nghĩ thực, nói thực. Có khi tôi đùa:

- Ông là thằng cộng sản dân tộc.

Nguyễn Huy Tường cười hiền lành.

- Cậu bảo tớ bắt chước Ti tô? Không phải.

- Nguyễn Huy Tường là cộng sản Việt Nam. Nhưng mà nguy hiểm đấy. Chẳng nên đùa nhau thế.

Nguyễn Huy Tường nói nho nhỏ, cặp mày rậm rên con mắt hồn nhiên nhú lại, buồn hẳn. Chúng tôi không bao giờ đùa cợt và nhắc lại như vừa rồi nữa.

Bấy giờ Nguyễn Huy Tường đang ấp ủ dự định viết tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô*. Sự tích hai tháng chiến đấu trong lòng Hà Nội của Trung đoàn 102 những ngày đầu. Đề tài ấy Nguyễn Huy Tường theo đuổi đã lâu, từ khi trung đoàn được thành lập giữa liên khu 1 ở nội thành, đến hôm trung đoàn vượt vòng vây ra, chúng tôi đã đi đón ở cánh đồng Gối, Nguyễn Huy Tường càng mê. Ở Việt Bắc, Nguyễn Huy Tường đã có dịp đi nhiều chiến dịch với Trung đoàn Thủ đô. Nguyễn Huy Tường vốn có nghị lực và thiết thực, đã chuẩn bị thì phải viết và viết được.

Nhưng từ khi về Hà Nội, Nguyễn Huy Tường có hoàn cảnh được về luôn Lai Xá, doanh trại trung đoàn nhà cao cửa rộng ở đấy. Nguyễn Huy Tường đã đến ở lâu với trung đoàn. Ngót mười năm chinh chiến, hầu hết các đại đội trưởng, trung đội trưởng đã không còn. Những trận đánh nhanh nhẹn tài hoa phong cách thanh niên Hà Nội của Trung đoàn Thủ đô đã nổi tiếng khắp Việt Bắc trong các chiến dịch Biên giới, Trung du, Hòa Bình, Đông Bắc, Tây Bắc, Điện Biên Phủ. Giữa những cuộc chiến dũng mãnh ấy, các chỉ huy đại đội, trung

đội đã ngã xuống nhiều. Và cũng biết bao nhiêu tâm trạng phức tạp, éo le, trái ngược trong một con người chiến sĩ. Mấy tháng trời, Nguyễn Huy Tường cất công về Lai Xá. Kết quả thu được, Nguyễn Huy Tường sẵn hào hứng mới về một tác phẩm khác hẳn bản thảo ban đầu đã viết. Trung đoàn Thủ đô mới được Nguyễn Huy Tường phát hiện, khí thế và truyền thống, coi cái chết như không. Bao nhiêu chiến sĩ tin nghĩa, trung thực và cũng thật tàn bạo, - anh hùng và hoang dại, đằng nào cũng đều cực kỳ. Vẫn cái nhìn và phong cách Nguyễn Huy Tường, cái gì cũng tới chuẩn tối đa, nhưng không còn Nguyễn Huy Tường lúc nào cũng ngạc nhiên và trở mắt, khen không tiếc lời. Nguyễn Huy Tường định xây dựng và sáng tạo lại nhiều mặt cuộc sống mãnh liệt và phức tạp, tinh thần chiến đấu quên mình, sắc sảo tính cách Hà Nội, lẫn lộn và chống chọi với tâm địa hèn nhát, thói mặc cả tinh thể. Trung đội trưởng Bạch Ngọc Liễn còn sống sót đến bây giờ đã hiện ra như một nhân vật tiêu biểu và cũng là người cho Nguyễn Huy Tường thấy được những góc cạnh u tối trong cuộc đời. Ở chiến dịch Sông Thao năm 1949, tôi đã được đọc nhật ký của Bạch Ngọc Liễn. Cái hôm Bạch Ngọc Liễn đứng gác trên sân thượng nhà in Lê Cường phố Hàng Bò nhắc khẩu trung liên lia một băng đạn vào chiếc phi cơ spitphai vừa sà xuống bán phố Hàng Thiếc khu Đông Thành. Chiếc máy bay ấy rơi ngoài bãi Nghĩa Dũng bờ sông, có lẽ là chiếc máy bay đầu tiên của địch bị hạ trong cuộc trường kỳ kháng chiến. Những người còn sống mà Nguyễn Huy Tường đã gặp và những người đã chết Nguyễn Huy Tường được nghe bạn bè kể. Kỷ niệm làm sống lại những sự thực đã cho Nguyễn Huy Tường những khám phá mới. Nguyễn Huy Tường có ý muốn viết lại *Sống mãi với Thủ đô*.

Một đợt nghiên cứu chính trị của văn nghệ sĩ và cán bộ quản lý văn hóa văn nghệ ở Trung ương. Hai mươi ngày, lên hội trường ở cái gác làm sàn nhảy trên sân thượng khách sạn Rít ở Bồ Hồ. Ngoài cửa sổ, vòm lá sấu xanh rì, thấp thoáng bên kia mặt hồ Hoàn Kiếm. Giữa tình hình ấy, lớp nghiên cứu thật quan trọng. Nhưng chúng tôi không có trách nhiệm đáng kể và thói quen nhờn nhờ của tôi thì vẫn thế. Đường sắt Hải Phòng - Lào Cai vừa khôi phục nối với Côn Minh bên Vân Nam. Tôi đi dự khánh thành trên một đoàn tàu khách, có cả Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tường... Làm thế nào mà Nguyễn Tuân cũng mò đi! Lúc ấy, Nguyễn Tuân đương làm Tổng thư ký Hội Văn nghệ cơ mà. Có lẽ xưa nay văn nghệ văn nghèo vẫn thế, bảo là cần thì cần lắm, mà là thường thì cũng thường thôi. Dong duỗi đó đây thích hơn.

Những chiếc tà vẹt tám gác, những thanh ray cổ lỗ nhất thế giới. Chúng tôi muốn được thú vị ngồi trên toa mà đường ray là những thanh tà vẹt bánh tàu đương lăn dưới kia, khi kháng chiến tiêu thổ, người các làng bên Đoan Hùng lên Tuyên Quang ven sông Lô đã sang tận sông Thao dỡ từng chiếc khiêng về làm cầu khỉ, cầu ao, cọc bờ rào. Giữa mùa mưa lũ, đường đất thỏ sống trâu trơn như đồ mỡ, ở Ao Châu, Gia Điền, Đan Hà, Đại Phạm, Ba Quan, Thịnh Cù, người chống gậy qua những cầu ray nhún nhảy. Những thanh sắt lưu lạc bây giờ được vác về đặt tên taluy mới, các làng ven đường lại đổ ra cấm cờ lên, đắp đất bắc đường cho chóng thấy tàu hỏa chạy qua, thật hăng hái làm cũng như khi cất lực đào phá đường tàu. Những kỳ diệu, bây giờ chúng tôi cho là thế cả như trong thành phố, cái tàu điện cải tiến, ông vát man có ghé ngồi không phải đứng lái như xưa. Trong khoang bỏ ghế hạng nhất, chỗ ngồi đồng loạt à thế là dân chủ. Và không biết cái đường xe lửa Hà Nội - Vân Nam này của công ty hỏa xa Việt Điền được mua lại hay là ta đã sung công, cứ cho là ta sung công cho oai! Còn thật là sướng mắt khi thấy báo đăng tin kèm ảnh chụp, rồi một hôm nhìn được hẳn hoi chạy ngoài đường cái ô-tô đầu tiên của quân giới lắp ráp được. Sau đít xe, chiếc biển kê ba số 0 rồi mới đến con số một đỏ chói - nhà máy quân đội ta đã sản xuất được

ca ô-tô! Những đồ đồng nát đem chữa chạy vá víu lại mà khiến ta có thể vỗ tay lên được chủ nghĩa xã hội thì đến ngơ ngẩn cả người thật.

Nguyễn Tuân không nhiều tâm trạng và băn khoăn thời sự với chính trị như Nguyễn Huy Tưởng. Con người ấy quan niệm về tự do là không bờ bến không chính trị, nhưng cũng không bao giờ lung tung, đứng nghĩa ra là một lối sống nền nếp. Cùng Nguyễn Tuân, nhiều lần tôi tiếp khách nước ngoài. Nguyễn Tuân chuyện thật vui, mà lại rất nghiêm chỉnh. Cái ngang ngang Nguyễn Tuân một mình một tính làm cho người ta hiểu lầm và dễ vui chuyện phóng đại lên. Những tiệc đứng tiệc ngồi trong dịp các lễ lớn ở một số sứ quán.

Thông thường, khách ăn uống đủ, trò chuyện qua loa với người bên cạnh rồi chỉ còn đợi vị khách cao nhất của ta chào chủ tiệc, thì mọi người lục tục ra theo. Nguyễn Tuân không thế. Nguyễn Tuân làm những sự khác thường, khác thường nhưng tế nhị. Nguyễn Tuân vốn khảnh ăn. Đôi khi sắp đến hẹn đi, Nguyễn Tuân vẫn ăn uống như thường, không bỏ cơm nhà. Nguyễn Tuân thích trò chuyện với mấy người phóng viên thường trú ở Hà Nội của báo Ý, báo Pháp, báo Liên Xô: Cầm đĩa, lấy một miếng thịt sấy, một ít trứng cá. Không cầm rượu rót sẵn ngoài bàn, Nguyễn Tuân vào cái quầy ở phía trong phòng tiệc - mà chỉ khách thạo uống mới khám phá được chỗ góc rượu thân ái ấy. Nguyễn Tuân lấy một cốc rượu mạnh, cô nhắc hay uyt-ky rồi ra đứng một mình. Như nhấp nhấp và nhìn ra xem người ta đương xúm xít quây quanh bàn.

Hôm ấy cao hứng - vâng, thật cao hứng mà không phải vì say, ở sân cỏ vườn sứ quán Pháp, khách đã vãn, Nguyễn Tuân vẫn cầm đĩa, lại châm thuốc hút và dùng đình đứng đấy. Cuộc chiều dài không phải đã kết thúc sau lúc tiễn khách. Nguyễn Tuân biết kiểu Tây ăn cũng chẳng khác phong tục lâu đời ở quê ta, nhà có cỗ bàn đám cưới, khách khứa đi về gia chủ mới dọn ra một mâm - không phải cỗ vét, mâm bát mới hẳn hoi, nhưng là mâm người nhà. Bao giờ những mâm người nhà cũng thật sự vui nhất. Ở sứ quán này cũng thế. Tôi đã được dự mâm người nhà thể tại sứ quán Trung Quốc ở Tân Đê Li bên Ấn Độ, và ở Êtyôpi đến bây giờ ai cũng mới uống say. Cho hay cái ý nhị trong ăn uống vốn là tính người và kinh nghiệm nhân loại từ tiền sử cho đến ngày nay thật phong phú. Người nhà, suốt buổi lo đưa đón, phục dịch, bây giờ mới vào cuộc cho mình. Ông đại sứ đầu trò - cuộc chè chén kéo dài không biết khuya đến đâu. Cái vị khách từ lúc tiệc chính vẫn đứng một mình đằng kia, bây giờ bước lại bàn chủ tiệc người nhà và nâng cốc. Nguyễn Tuân lịch sự cạn một cốc của ông đại sứ Pháp vừa mời lại. Rồi khách mới ý tứ chào, ra về một mình. Đường khuya đã vắng ngắt, chỉ còn người công an đứng trong chòi gác. Những khác người trong lối sống, những tế nhị, kiểu cách mà không ồn ào. Cả trong văn Nguyễn Tuân, từ triết lý đến mỗi câu mỗi chữ. Những ai có trách nhiệm đọc Nguyễn Tuân đã bỏ công soi mói, bề hành bề tôi chỉ là thói quen gò ý và trịch thượng. Thời chống Mỹ, Nguyễn Tuân viết một loạt ký về *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*, thế mà vẫn có những bút chì đỏ gạch từng quãng lưu ý cấp trên. Tôi gặp khó khăn bởi những chuyện ấy, vì Hội Văn nghệ Hà Nội đã in lần thứ nhất tập bút ký này. Công việc gọi là theo dõi ấy thật sự là đồ kỹ và bề trên, khác nào ngày nay người ta dùng lần hai chữ theo dõi mà nghĩa một thời của nó không đẹp để lịch sự như bây giờ đài báo cảm ơn bạn đọc và người nghe đã theo dõi. Không, chỉ có mật thám theo dõi người bị tình nghi, đội xếp theo dõi kẻ cấp sắp móc ví. Nghĩa thời trước của hai chữ theo dõi là vậy. Xem lại những bút ký *Phở*, *Tình rừng*, *Tờ hoa*, có thể đọc một lần rồi đọc lại lần nữa. Không vì thích thú mà còn vì ngạc nhiên. Đây chỉ là những áng văn bộc lộ những nét riêng với cái nhìn đảo đẽ và trang nhã, mãi những cái ấy đi thì còn đâu văn Nguyễn Tuân.

Mấy chữ Nguyễn Tuân viết cho tôi, từ Sapa - không đề ngày tháng. Dấu bưu điện trên cái bưu thiếp ảnh màu rừng thông, mái nhà

nhô ra trong sương mù và bóng Hoàng Liên Sơn.

Hoài,

Mình leo Hoàng Liên Sơn cả lên cả xuống mất 5 ngày. Người đang mệt và đau gối. Khoe khoe là xin huyện ủy thuê ngựa cho và sẽ đi tiếp vào Phong Thổ. Mình ở trên đỉnh cao nhất, được thấy hoa đỗ quyên nở rất đẹp. Đỗ quyên màu hồng điều, cánh sen vàng nở giữa rừng trúc phát trắng. Trong đời mình, trong mọi mùa xuân, mình chưa bao giờ thấy mây và hoa nhiều đến như thế. Lên đây lạnh, mưa gió như bão, túi luôn phải có chai rượu mạnh để chống khí núi. Hết 2/3 lạng cao hổ rồi.

Nguyễn Tuân

Khi lên cao, mình có bị ong đốt, mặc dù chẳng có trêu phá gì nó.

Cái câu tái bút ong đốt vu vơ chỉ gửi cho tôi này, chắc nếu đăng báo, in sách cũng lại điều đúng đấy. Ôi là trời, cái tính người ta thế, chứ xò xiên gì đâu.

Có một thời, những người theo dõi báo chí, xuất bản và phát hành sách báo được phong làm lính gác. Lính gác thì phải có việc của lính gác, chẳng lẽ ăn lương để đứng không. Nhưng thật ra người ta chỉ đọc a dua rồi đánh đòn hội chợ. Cấp trên hô người ấy, bài ấy có vấn đề. Tự nhiên cảm thấy hình như có vấn đề thật và người ta dò tìm từng câu từng chữ. Thế nào chẳng ra vấn đề! Bỗng khó chịu cả cách diễn đạt khác nhau của mỗi ngòi bút, thế là làm sao. Không biết vì tổ chức đặt ra công tác theo dõi làm cho cái người theo dõi bỗng nhiên được làm thầy thầy bị (được) theo dõi. Hay là tại vì thuở nhỏ đi học, nhà trường chưa bao giờ giảng cho các vị ấy khi còn là học sinh hiểu bài văn muốn có ý nghĩa, trước hết bài văn phải hay. Khốn thay, người ta viết văn thật bài nhưng vẫn làm cán bộ theo dõi được. Cái nhìn sự sáng tạo cứ lên xuống theo thời tiết. Nguyễn Tuân cúi kinh nhẹ nhàng và chua chát:

- Có khi mây bảo chúng nó viết đi, để ông với mây đi chơi, thế là bớt được thẳng công tác theo dõi!

Nói vậy, Nguyễn Tuân vẫn là Nguyễn Tuân thế, không có gì khác.

- Này, chúng nó đồn âm lên ông mới nói, nếu ông còn trẻ thì ông cũng bỏ đất này ông đi.

Nguyễn Tuân thông thả nói, như cho mình nghe:

- Biết đuổi theo đứa nào mà cái chính bây giờ!

Những câu Nguyễn Tuân nói thế, Nguyễn Tuân bảo thế đến tai Nguyễn Tuân quá nhảm. Càng khó khăn, càng gay go, khi cả buổi tay khur khur quyền sở đứng vẫn chưa đong được thúng gạo. Mỗi hôm mua bó rau muống, rau dền, phải sắp hàng dài hơn - may thay, nhà văn già, hay là như Nguyễn Tuân đã vỗ ngực xưng với Mộng Tuyết: hàn sĩ đồ, nhà văn đồ và cao tuổi ấy đã được bà lão và cô con gái út cặng cho những vát và về gạo nước mà ông chỉ trông thấy đã đủ mệt nhọc rồi. Cái đèn điện không chao cứ nhè đến bữa ăn chấp tối thì tắt ngóm. Thế là buồng đứa thờ dài ca cẩm, tương tượng như bí thư thành ủy đứng trước mặt:

- Đấy điện khí hóa thành phố của ông ấy đấy.

Trong khi vẫn lặng lẽ với tay lên giá sách lấy cây nến đỏ. Và vẫn tuân thủ, làm việc và đọc mê mải. Nửa đêm qua sông sơ tán sang huyện Quế Võ. Tang tảng sáng, vào quán chè tươi uống bán nước sớm xem người ta ăn phở thịt chó rửa mặt. Trở về thành phố, báo động và máy bay còn rền rĩ trên đầu, Nguyễn Tuân đạp xe lên hồ Trúc Bạch. Thấy bảo có thằng giặc lái rơi xuống đấy, nhưng bị xích cổ đi rồi,

còn thẳng nữa nhảy dù xuống đường Thụy Khuê ven hồ đăng kia. Nguyễn Tuân đội cái mũ sắt khối Nato nông choen hoàn - đạo trước có cái mũ lính cứu hỏa có mào của Pháp, mới đổi được chiếc mũ Nato này. Nguyễn Tuân đến dự đám cưới của đội tự vệ tổ chức trên trận địa pháo cạnh cầu Long Biên. Rồi viết bài đăng trang nhất báo *Nhân Dân*.

Thế nhưng, những câu người ta bảo ông nói thế này... thế này... vẫn vo ve đến. Cho hay cũng là thói đời. Câu nói mát mẻ, xò xiên, các thứ tiểu lâm thời thế ở đâu đâu hay quảng đến mượn tiếng Nguyễn Tuân bắt măn. Nhiều đến độ người nọ thổi vào tai người kia, nếu tò mò cộng lại, cũng không thể tin cái ông nhà văn dấu có tiếng là ngành tre đấy, nhưng chắc cũng không hơi sức đâu bịa ra lăm chuyện đồng giả thế. Nhưng đồn thì cứ đồn.

Nguyễn Tuân lại nói:

- Kể ra mình cũng có tội. Cái tội hay nói bô bô, không kín võ được như cậu. Mà tớ chẳng có võ gì cả. Cũng không biết bơi, không biết cưỡi ngựa. Bởi thế mới sinh chuyện. Nhưng cũng không bức mình vì mọi thứ người ta đổ lên đầu đầu. Mình không nói thì thẳng khác nói. Các nhà văn hóa dân gian nên sưu tầm và nghiên cứu tiểu lâm tục ngữ, ca dao thời sự, văn hóa dân gian đấy chứ.

Ông nói vui thế chứ ông cũng không phải người đa ngôn. Cũng như ở những thói quen khác, cái nổi vẫn là, một mình một tính. Khi bức bối, chẳng kể to nhỏ, cái gì cũng vặc. Đuổi một người gõ nhầm cửa. Dừng dung trước một người mình không ưa, dù người ta giờ tay định bắt tay. Lại thấy cái ông ấy vào cùng buồng trong bệnh viện, nhất định đổi sang buồng khác. Phàn nàn mùa này Hà Nội đến chết sặc vì mùi hoa sữa. Cười những cán bộ các tỉnh gà vịt đội lông công, cũng áo cánh lụa mờ gà phe phẩy cái quạt giấy, cười cười như ủy viên bộ chính trị. Chửi các báo địa phương làm mắng sét hết báo *Nhân Dân*. Trên báo chúng nó phải làm thế à. Rồi lại khó chịu với cả mình. Mình là cái chó gì mà có thẳng cũng bắt chước. Cái tóc cái râu, cái batoong khệnh khạng vào nhà hát lớn, lên máy bay.... Ôi vui nhiều, cái nhiều quá, bức mình quá.

Nguyễn Tuân nói:

- Thế này thì mình xin ra Đảng.

Nguyễn Tuân hay nói câu ấy khi bức bối. Nguyễn Tuân nhớ và ghi con số không thua Nguyễn Công Hoan thuộc sử. Ngày nào năm nào sở Liêm phóng Bắc Kỳ cho mật thám giải từ Hỏa Lò lên cảng Vụ Bản, châu Lạc Sơn vùng rừng núi Hòa Bình, Ninh Bình. Bị bắt ở Vọng Các, tổng về Sài Gòn, xuống tàu thủy ra Bắc, tàu Chantilly ngày mấy tháng mấy. Đi hội nghị hòa bình thế giới ở Henxanhky qua Trung Quốc ở lại bao nhiêu hôm. Những lần lên Lai Châu, lên Hà Giang, năm nào mùa nào...

Chúng tôi ở Lào Cai về, đợt nghiên cứu 21 ngày vừa hết, còn buổi sau cùng. Tiếng vỗ tay bé mạc rầm rầm ngập cái sân thượng. Ông Phan Khôi ngang như cua ưa chơi trội, chống batoong bước ra về trước, còn quay lại phang một câu thế nào đấy, dường như bảo là người đi chợ Hôm sung sướng mua được quả chanh cốm, hỏi ra mới biết chanh xuất khẩu bị ế. Ồ, người trồng chanh phải được ăn quả chanh ngon nhất chứ! Chẳng hiểu lão chửi bóng hay nói vỗ mặt. Nhưng mà cách ngêngh ngáo tợn tạo của ông thì không ai lạ. Ở Yên Dã trên Đại Từ, một lần tư lệnh Nguyễn Sơn đến chơi, Nguyễn Huy Tường mời anh em họp mừng ông tướng mới ở khu 4 ra và nghe ông tướng nói chuyện Kiều. Quá mười giờ đêm rồi, Nguyễn Sơn vẫn nói và hét toang toang. Phan Khôi nằm trên nhà đồi không ngủ được. Ông xuống, thò đầu vào cửa phòng, quát:

- Nói to thể mà không sợ đứt cổ à?

Rồi quay ra, lại lên chui vào màn.

Chúng tôi bị kiểm điểm qua loa: bỏ lớp học quan trọng đi ăn mừng đường xe lửa được khôi phục, việc không cần thiết. Báo *Nhân Văn* ra đến số 6 bị tịch thu tại nhà in. Các báo hoan nghênh việc đó. Một số văn nghệ sĩ chúng tôi chẳng biết ai chủ trương cũng ra tuyên bố tán thành sự tịch thu báo *Nhân Văn*. Nhà xuất bản Minh Đức tự đóng cửa. Hồi ấy, báo in còn ít, chỉ tính số nghìn. Nhưng một tờ báo bị cấm thì âm ỉ ngay. Bấy giờ, cuối năm 1956.

Thành phố vẫn đương âm thầm cải tạo tư sản. Dẫu cho thường được nghe phân tích là ở nơi đô hội, thị dân chỉ có tiêu thụ thì giai cấp tư sản bé bằng con muỗi mắt.

Nhưng làm sao không đụng chạm đến từng nhà. Lại thêm biết bao nhiêu người họ hàng xa gần vừa bị chìm nổi sóng gió đầu tổ ở nông thôn, từ Nghệ An, Hà Tĩnh ra, Hải Dương lên. Nhiều địa chủ đã được sửa sai vẫn chưa dứt cơn hốt, bỏ quê về thành phố. Càng thêm nháo nhác, nhộn nhạo những đồn thổi.

Các đoàn thể tổ chức kiểm điểm và kỷ luật nội bộ những cán bộ tham gia viết và hoạt động cho báo *Nhân Văn* và tập san *Giai Phẩm* của Nhà xuất bản Minh Đức.

Ở hội Nhạc, Đặng Đình Hưng bị khai trừ đảng. Văn Cao, phải cảnh cáo, chỉ được ở hội nhạc không được ở hội Văn, hội Vẽ. Họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm và Dương Bích Liên, tuy chỉ làm có cái bìa sách cho Nhà xuất bản nọ nhưng chắc là không khi sát phạt ở các buổi họp khiến các anh ngại, đã xin ra đảng. Trên có nghị quyết không khai trừ, mà đồng ý cho được thôi. Có lẽ đến bây giờ, Nguyễn Tư Nghiêm vẫn giữ cuốn sổ tay ghi số đến thứ bao nhiêu lần những cuộc mời họp mà Nguyễn Tư Nghiêm không đi. Khoe với tôi như thế, anh có vẻ thú vẻ những con số tỉ mẩn ấy. Khác Nguyễn Sáng, Nguyễn Sáng vẽ ký họa trên báo *Nhân Văn* một đầu người ở cổ có vết khía, như cái lá. Người ta bảo đấy là chân dung Trần Dần và cái sẹo còn lại khi anh định tự vẫn. Nguyễn Sáng không được bình huân chương kháng chiến. Những năm sau, trong lúc Hà Nội bị máy bay Mỹ quấy báo động liên miên, Nguyễn Sáng đã lo rất đứng đắn. “Rồi giải phóng miền Nam, tao về thăm quê, họ hàng bà con hỏi chú đi làm Việt Minh, Việt Cộng bao nhiêu năm thế mà trên ngực không có cái mề đay nào? Mày bảo tao trả lời ra sao? Tao buồn lắm.” Hoàng Cầm bị ra khỏi ban chấp hành, phải thôi việc Nhà xuất bản, chuyên công tác về sở Văn hóa Hà Nội. Phùng Quán nhờ có chú Phùng Thị, chánh văn phòng bộ Văn hóa đưa lên làm ở vụ Văn hóa quần chúng. Nhưng ai cũng bức bối không yên. Hoàng Cầm thì mở quán rượu, Phùng Quán câu cá hồ Tây, hiu hắt, đông dài, cho tới năm về hưu non. Đi Bắc Kinh dự kỷ niệm Lễ Tấn về, ông Phan Khôi hào hứng viết về chuyến đi. Nhưng rồi nhặt dần. Ông ngồi yên. Ông vẫn được đãi chế độ nhân sĩ lương cao và tiêu chuẩn có người phục vụ, nhưng chẳng ai hỏi tới. Ông nằm yên. Mấy năm sau, lâm bệnh mất. Đám ma bác Phan Khôi, đi sau xe tang, chỉ có bác gái và các con với một mình chị Hằng Phương - cháu gọi bằng cậu. Trần Dần và Lê Đạt ra khỏi cơ quan, chuyên dịch không ký tên cho Nhà xuất bản Văn Học. Nhà xuất bản Sự Thật thuê Trần Đức Thảo duyệt dịch sách lý luận kinh điển. Ban chấp hành Hội Nhà văn quyết định truất ba năm hội tịch Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán đăng tin trên báo *Văn Học*, cơ quan của Hội. Tôi không nhớ việc ở các hội nghệ thuật khác.

Nhưng đằng đằng ba mươi năm không Hội Văn học Nghệ thuật nào lôi ra xem xét lại. Sợ sệt, pháp phòng không phải chỉ ở tâm trạng

mấy ông *Nhân Văn* cả nước, mà tràn lan đến những *Nhân Văn* phố, *Nhân Văn* xóm, chẳng bị kỷ luật gì, nhiều người không phải vì bài văn câu thơ, mà bởi lời nói bông lông, bốc trời chẳng hạn, cũng bị quy chụp luôn. Hữu Loan không ở nhóm nào cũng bỏ làm báo *Văn Nghệ* về Thanh Hóa. Nghe nói sinh nhai bằng nghề đi xe thô và vào núi đập đá bán. Những cây bút trẻ, như Vũ Bảo, như Lê Bầu, có mấy truyện in sách, đăng *Văn nghệ Quân đội* tươi mát lắm, cũng chột luôn. Triền miên lẳng lẳng bề ngoài bình thường như đã xóa đi, nhưng bên trong thì khác. Người có vấn đề thì lo đối phó.

Người canh gác thì cảnh giác. Tập ký của Nguyễn Tuân đưa Nhà xuất bản Văn Học lần nào cũng được trả lời: Phát hành người ta chưa lấy được đủ số lượng. Nhà xuất bản có nhã ý gửi tác giả ít tiền ứng trước, thỉnh thoảng lại ứng trước. Nhưng rồi cũng không hẳn yên ổn. Đôi khi lại tòi ra *Đống rác cũ*, lại *Vào đời*, lại *Cái gộc*, lại chuyện Bác Hồ đi tắm bãi Titóp ngoài Hạ Long...

Những người theo dõi lại vất vả, lại nhộn nhịp. Mấy năm đầu, đôi khi Lê Đạt, Phùng Quán cũng viết ký tên khác cho sách bướm sở Văn hóa, Công Uẩn, Lê Đạt hay Phùng Quán truyện dự thi về Lenin, truyện cho thiếu nhi *Tâm Trọc về thăm nhà*, Nhà xuất bản Kim Đồng in, Trần Dần dịch tiểu thuyết *Những người chân đất* không ký tên. Chỉ vài người quen có biết. Sau có lẽ cũng buồn, vì tên tuổi chẳng đi đến đâu, các anh thôi. Hoàng Cầm thì vẫn thế. Ai bảo thơ Hoàng Cầm hai mặt, một mặt, không, Hoàng Cầm có thể cắt nghĩa thành ba mặt, bốn năm mặt cũng được. Chỉ có tâm hồn thơ và cái giọng vàng mười hát thơ trên đài Tiếng nói Việt Nam, là không ai quên với vẻ đẹp thơ lấp lánh vàng mã trang kim - nhận xét của Lê Đạt. Đặng Đình Hưng dịch tài liệu cho hội nhạc, buôn rượu lậu và làm thơ. Từ dạo làm cái bài hát theo thời *Nông dân là quân chủ lực*. Đặng Đình Hưng chán nhạc. Oái oăm như Văn Cao chỉ được sinh hoạt ở hội Nhạc, thì lại kiếm ăn bằng vẽ bìa. Văn Cao làm bìa độc đáo, có nét riêng. Đặng Đình Hưng viết một tập thơ *Nhân*, có chỗ buồn tay làm mấy trang đánh dấu chấm như mưa. Hiện nay, tập thơ *Ô mai* của Đặng Đình Hưng cũng nhiều bài lấy ở tập *Nhân* thơ đầu tay. Ông cử Hưng - như người làng gọi, tưng kiết lắm. Xách bị buôn chuyển rượu trong quê Chương Mỹ ra để được uống ghé vào đây. Nhưng vẫn những tung bưng bất thường. Đặng Đình Hưng rủ tôi lo đêm Trần Khánh hát. Đặng Đình Hưng biết tôi thích cái giọng sần sần của Trần Khánh, người hát hay mà chưa học hát bao giờ và lặn dạn vì lý lịch. Đêm ấy, cả buổi tối, một mình Trần Khánh hát. Hai đứa con lớp năm, lớp ba chỉ đó ngồi châu hấu dưới này rồi rồi rít giờ tay đánh nhịp theo bố hát. Tôi tặng Trần Khánh bó layon hồng - Trần Khánh chẳng thể biết tôi không chơi hoa mua hoa bao giờ. Đặng Đình Hưng kèm vào bó hoa một chai rượu. Chắc cái bị khoác vai đeo rượu đi bán để ngoài cửa. Đặng Đình Hưng ôm tôi, thì thảo:

- Thành công, thành công, Trần Khánh!

Như chuyện Kim Kiều tái hợp, đời người cũng có hậu, những năm sau này Đặng Đình Hưng được con trai gửi tiền nuôi. Mua một căn hộ 23 thước vuông, thuê một máy điện thoại. Cứ chấp tối lại nghe giọng rè rè 44639, 201 C4 Hưng Giảng Võ đây. Đặng Đình Hưng bày ra chiếu giữa nhà cả chục hũ thủy tinh rượu ngâm tắc kè, rắn, ba kích, dái dê, quất hồng bì, bắn gớm chết. Hôm nào nếm rượu nhà Đặng Đình Hưng về tôi cũng bị tào tháo đuổi. Khách ghé gắm uống nhiều nhiều. Ông chủ đã để những chai rượu chợ ra phía ngoài. Cho người ta uống chặc, ngồi nhìn mà trong bụng khinh. Bây giờ Đặng Đình Hưng lại bỗng thấy trong văn nghệ thì nhất hội họa. Đặng Đình Hưng vẽ lụa, sơn dầu, sơn mài... Đặng Đình Hưng nguệch ngoạc xuống giấy rồi thuê người làm sơn mài. Đặng Đình Hưng bảo tôi:

- Em vẽ ông anh ngồi uống rượu đấy.

Rồi trở vào mấy chấm vàng và một nét nửa chữ V trên nền sơn thên. Trần Lưu Hậu và Trọng Kiệm gật gật, giờ chén.

Tiểu thuyết *Người người lớp lớp* về Điện Biên Phủ của Trần Dân, bắt chước giọng như tiểu thuyết Trung Quốc đương bày bán ở các hiệu sách của Triệu Thụ Lý, của Mã Phong, những Anh hai Đen lấy vợ và ánh lửa đằng trước, cũng chương hồi, cũng: Lại nói về chi còn thiếu có câu hồi sau phân giải. Và cái kiểu nhân vật tên kép hai ba chữ Hùng Sinh, Trần Hoàng, Ngô Thiên Lý của Trần Dân đã được nhiều người bắt chước theo. Trong khi, theo cách từng thời của văn ta, tên người chỉ một chữ và khi dùng hai, ba chữ đều do những yêu cầu riêng. Đến thời văn chương Tự Lực đã dọn lại thành Mai, Chương, Tuyết, cần lắm mới thêm chữ tú, chữ hai, hay hai ba chữ tiếng lóng. Năm Sài Gòn, Bảy Sẹo... Tên hai ba chữ là trở ngược lại một giai thoại văn học đã qua. Mấy năm ấy, Trần Dân loay hoay với một tiểu thuyết - mà tôi được đọc bản thảo, không nhớ tên, hay là chưa có tên. Kết quả công phu Trần Dân đi vùng phố Khâm Thiên làm quen với những người thời Pháp đi lính nguy và viết về họ.

Cuốn tiểu thuyết ấy như tác phẩm của các nhà văn phái tiểu thuyết mới của văn học Pháp hiện nay, những tiểu thuyết *Năm ngoai ở Marinba* của A.R.Griê, *Người lạ mặt* của N.Sarôt, *Thay đổi* của M.Buto... Các ông này viết khó hiểu, mỗi quyển trên đằng cuối in thêm một trang hướng dẫn người đọc. Mới đây, trên một tờ phụ san văn nghệ ở thành phố Hồ Chí Minh, Dương Tường có trao đổi về một bài báo tôi viết về vấn đề những cái dấu trong câu văn. Dương Tường không đồng ý với luận điểm của tôi. Vấn đề này chúng ta còn tiếp tục bàn nhưng tôi đọc của Griê, của Buto loại in phổ thông, thật có tờ chỉ dẫn cách xem ở trang cuối. Tôi không bịa dựng đúng ra đâu.

Lời tựa tiểu thuyết mới này của Trần Dân đại để: Nông nghiệp nước ta đương tiến lên công nghiệp, những cánh đồng đã bờ vùng bờ thửa, văn tôi cũng bờ vùng bờ thửa. Trang sách bờ vùng bờ thửa của Trần Dân, một chương chữ như kiến bò đều đều từ đầu tới cuối không xuống dòng. Nhân vật trò chuyện và câu văn không có dấu. Người ta nói có ngừng lại để đánh dấu đầu. Rất nhiều tiếng lóng hủi, hủi - Văn tiếng lóng, văn hiện đại nhất. Thơ văn tiền phong hướng về tương lai, phải chôn hết cái cũ để cái mới xuất hiện. Trần Dân bảo thế.

Tuần báo *Văn* của Hội Nhà Văn mà Nguyên Hồng phụ trách vẫn ra đều. Nhưng hầu như số nào cũng lọt những bài mà các cơ quan trách nhiệm cảm thấy ын ý sao đấy. Kể cả một truyện ngắn của Nguyên Hồng. Truyện rất ngắn ấy, câu chuyện một con hổ người nuôi ở nhà như con chó. Phường săn kia bắt được trong rừng một con hổ bé tí tẹo. Con hổ được đem về nuôi trong nhà, cho đến khi con hổ to đùng. Hổ hiền lành bè bạn với con cún, con mèo, con gà. Nguyên Hồng đã có lần kể cho tôi nghe về nguồn gốc truyện này.

Mẹ Nguyên Hồng đã chấp bút đấy. Có lẽ cụ thấy từ thuở trẻ tới giờ, người con trai độc đinh của cụ quanh năm viết các truyện rồi đem bán được tiền, dễ quá. Ôi chao, một đời cụ, nổi nhà và miếng cơm đã khiến con người đầu sông cuối bến sớm hôm, thiếu đâu chuyện, vô khối chuyện, chôn đi vẫn nhớ, vẫn không hết. Nhưng tội một nổi cụ không biết chữ. Một hôm, cụ kể cho các cháu chép lại câu chuyện tại sao con hổ hóa ra như con chó vàng nằm hiền lành trong xó cửa. Hổ đã như con chó rồi, nhưng cả xóm ai cũng vẫn sợ. Bởi vì nó là con hổ chứ không phải con chó. Thế là các ông phường săn đem hổ thả lên rừng. Nhớ nhà, hổ lại lững thững về nhà, lại phải đem thả. Cụ đưa cái chuyện các cháu đã chép như thế cho Nguyên Hồng. Nguyên Hồng cặm cụi viết lại, đăng trang cuối báo *Văn*. Câu chuyện nguồn gốc con hổ, tức cười và thực bắt đầu như thế. Nhưng với cách đọc soi lên gạch bút chì đỏ và suy diễn ra thì lại không thấy thế. Đời người thuở nào mà người lại nuôi hổ như nuôi vịt, dễ hơn nuôi vịt. Ông này muốn nói cái gì, nói ai? Xò xiên thế nào đây,

không hiểu. Không hiểu tức là có vấn đề.

Năm 1956, báo *Nhân Văn* bị đình bản. Tôi có cái yếu bẩm sinh thường không nhớ ngày tháng của sự việc. Bây giờ viết lại những chuyện này, nhớ đâu viết đấy, nói được năm nào, năm nào, đã là tự cố gắng lắm rồi. Tôi thường cũng được tiếng là chịu khó ghi chép, nhưng thực chẳng bao giờ chú ý đến năm tháng và ghi đều. Năm 1957, đại hội thành lập các hội chuyên ngành. Hội Nhà Văn Việt Nam ra đời. Liên ngay, Hội tổ chức các cơ quan: báo, Nhà xuất bản (có Trần Dần, Hoàng Cầm, *Nhân Văn* vẫn làm việc ở đấy), ban nghiên cứu sáng tác, ban liên lạc văn học nước ngoài (có Lê Đạt) câu lạc bộ (để Nguyễn Tuân nói về Đôtôépky và cười cợt mỉa mai, cứ đà này thành câu lạc bộ Pêtôphi lúc nào không biết), quỹ sáng tác (chẳng khác đánh trống gọi người đến lĩnh tiền, chia tiền)... Trên cho là cơ quan Hội Nhà Văn đã bị xô mũi. Ở Nhà xuất bản Văn Nghệ rồi chuyển thành Nhà xuất bản Hội Nhà văn, tôi cùng làm việc với Hoàng Cầm, Trần Dần... Nhiều người tố cáo họ làm cá, Tô Hoài chỉ phồng mũi lên ký duyệt. In *Kim Tiền* (Vĩ Huyền Đắc), Truyện ngắn và tiểu luận (Thạch Lam), *Nước giếng khơi* (Nguyễn Bính), *Vàng bóng một thời* (Nguyễn Tuân), tập thơ Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao... và đã quảng cáo in nhiều tác phẩm phức tạp khác của Vũ Bằng, của Vũ Trọng Phụng... Những tác giả ấy, người thì có vấn đề người thì đã di cư vào Nam và hầu hết viết trước cách mạng, tại sao đề cao nhiều những cái đã xếp xô đến thế. Tất nhiên là không bình thường, cái gì đây?

Báo *Văn* mà Nguyên Hồng phụ trách đã in trong nhiều số có những sáng tác còn khó chịu nữa. Kịch ngắn gọi lại vết thương cái cách ruộng đất những vở kịch của Hoàng Tích Linh (*Cơm mới*), Nguyễn Khắc Dực (*Chuyến tàu xuôi*), Chu Ngọc (*Ngày giỗ đầu*). Ca khúc buồn bã và những phát biểu lệch lạc về âm nhạc của Từ Phác, của Nguyễn Văn Tý. Rồi thơ Phùng Quán (*Lời mẹ dặn*), truyện ký Phan Khôi (*Ông năm Chuột*) và truyện ngắn *Đống máy* của một cây bút trẻ gửi đến. Truyện tả một nhà máy nhập thiết bị nước ngoài rồi để chất đồng ngoài trời đến hồng nát. Người ta truy ra người viết là một kỹ sư và quy là anh nói xấu công nghiệp ta và tình hữu nghị quốc tế.

Chúng tôi lo lắng thực sự. Mấy bài xã luận của tôi trên báo *Văn* như *Tổ chức phát triển lực lượng sáng tác trước nhất* và *Góp ý kiến về vấn đề xây dựng con người* đều bị nhiều báo và dư luận nhận xét là lệch lạc thứ nhất, phải là tổ chức học tập và đi vào thực tế đời sống và không phải xây dựng con người chung chung mà là con người xã hội chủ nghĩa tiến lên cộng sản...

Lại trước đây, sau đây, truyện ngắn *Ông lão hàng xóm* của Kim Lân nghi ngờ thành tựu cải cách ruộng đất, những bài bút ký yếu đuối tinh thần đấu tranh thống nhất, như *Thao thức* của Đoàn Giỏi, *Một ngày chủ nhật* của Nguyễn Huy Tưởng (Trong *Nhà văn Việt Nam hiện đại* in năm 1992, kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập Hội Nhà Văn (1957-1992), tuần báo *Văn* xuất bản 1957/1958 không được nêu tên kể tên là tờ báo đầu tiên của Hội Nhà Văn Việt Nam).

Nhân Văn vẫn sờ sờ ra đấy, chứ đâu. Những người đã đánh *Nhân Văn* vừa qua khẳng định thế, cộng với những rì rào sang tai nhau, không khí nặng nề, ngao ngán, triền miên, thường hiện ra ở những chỗ này. Cái chuyện nuôi ông ba mươi trong nhà, cụ thân sinh ra Nguyên Hồng nghe được ở đâu từ đời thuở nào. Người đọc tha hồ nghi, nhưng mà sáng tác không có ước ao được người đọc nghĩ ra mệnh mông thì cầm bút để làm gì? Một vòng người họp tổ, như các cụ trong làng ngày trước ngồi xếp bằng quanh chiếu tổ tôm. Những lời đao búa truy dồn. Thế là Nguyên Hồng khùng lên, khóc óa.

Năm trước đã nghiên cứu cả tháng rồi, bây giờ báo *Văn* lại sa vào hữu khuynh tệ hại như thế. Báo *Văn* phải ngừng xuất bản. Hội nghị

bất thường Hội Nhà Văn - nhiệm kỳ mở đầu ngoi ngóp được hơn một năm, tất cả các cơ quan của Hội được chấn chỉnh lại, tuần báo *Văn* của Hội thay người phụ trách và đổi tên mới là tuần báo *Văn Học*. Chuẩn bị cho đại hội bất thường, nhờ địa điểm trường tuyên giáo dưới ấp Thái Hà, làm một cuộc thảo luận và kiểm điểm dài ngày. Cái tổ 18 của chúng tôi có Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Kim Lân... với một số nhà văn vừng vàng làm nòng cốt. Trêu người ai, Kim Lân lại mới in truyện ngắn *Con chó xấu xí*. Con chó cũng như con hồ hiên lành, không ai tin con chó chỉ là con chó, lại xấu xí nữa, có khi tác giả ám chỉ con người nào cũng nên. Nguyễn Huy Tưởng đã về làm Nhà xuất bản Kim Đồng. Đương bị toi bởi kiểm tra nhau mấy cái bản thảo, trong có một truyện đồng thoại ao cá ao rùa chi chi đó của Sao Mai - lại con cá, con rùa, con ba ba, lắm con quá. Cũng chẳng ai bảo đảm người vào tổ 18 ấy là một bọn hay một cánh, nhưng cứ ang áng biết thế, và cái kiểu hiểu như bên Trung Quốc kiểm thảo nhóm Đinh Linh đã xuất hiện cụm từ đầu mày cuối mắt thì dù chẳng nói một câu, cũng là cánh, cũng cho được vào xiếc một bọn rồi.

Cùng liên quan, liên quan một nỗi buồn mà thôi. Nhiều hôm tan họp tối, đạp xe về trong thành phố, tạt vào cái Hà Nội 36 phố phường ăn chơi cũ, lòng bông khuây khỏa đôi chút, sáng mai lại lóc cóc xuống lớp học dưới ấp sớm. Chẳng ai dư dật, nhưng thời ấy đồng bạc có giá, hôm nào cũng đóng vai khách hầu của gánh cháo gà lão giải phóng quân, gói cơm rang bọc lá sen quán Tiểu Lạc viên, phở Lâm rồi cả phê lão Ca. Cái khu lúc nhúc này vẫn riêng một phong vị, dấu cho những năm gần đây đã tàn tạ nhiều. Những cao lâu lớn Đông Hưng, Tây Nam, Nhật Tân không còn cái nào. Các chủ hiệu sang trọng này trước kia hẳn là đặc vụ Tưởng Giới Thạch, là cánh Uông Tinh Vệ là mật thám hai mang bên Tàu bên Nhật. Hàng quán và cả con người bị xóa đi theo giông bão của lịch sử. Chỉ còn lại cao lâu Mỹ Kinh mới mở vài năm trước đảo chính Nhật, cùng với những quán cơm tám của người ước Lễ, thì nay Mỹ Kinh đã hóa nhà hàng quốc doanh, được đeo cái tên của thời cũ, còn nhớ thời ấy trộm cắp như rươi, chiếc đĩa đựng bánh ngọt phải bắt dính vít xuống khay. Mấy năm Tây vừa trở lại, từ quán Siêu Nhiên, Lục Quốc và Nguyên Sinh mới mở. Siêu Nhiên đặc sản món óc đậu nhồi, ngon được tiếng. Chủ đã di cư, cũng như nhà Lục Quốc phố Huế, cánh nhà bàn nhà bếp đứng ra hùn vốn. Nhưng cũng chẳng mấy khi vào Siêu Nhiên, Lục Quốc, chúng tôi chỉ ngồi via hè tường rạp Chuông Vàng, nghe tiếng phèng la tích cái lương La Mã diêm huyền. Như cảnh la cả hàng quán dưới ngã sáu dốc Hàng Kèn mà bây giờ đêm hôm người qua lại nhiều, không ngồi lan xuống lòng đường được nữa, ông 81 thụt hẳn vào trong nhà, gánh cháo bác Chữ thì quảy về cạnh cửa chợ Hôm, cũng tan trò.

Nhưng ở vùng ăn chơi lâu năm trên này, hè và đường lẫn lộn, người đi rong đông hơn khách xem cái lương Kim Phụng, chèo Lạc Việt. Tiệm cà phê Phúc Châu như đám chơi gà. Cô Tàu ngồi kết váy đen, thất lưng to bản đen bóng nhoáng một Đài Loan đương thịnh hành. Khói thuốc lá lùa ra cửa sổ như ống khói tàu thủy phun xanh mờ. Bốn bên trong nhà cũng như ngoài phố, la liệt lao xao, đàn sáo nhị réo rắt, cò cù, tiếng rao bát bảo lèng xà, lục tào xá, người nườm nượp, nhiều nhất cán bộ miền Nam tập kết.

Tôi nhớ ngày xưa cũng đông na ná thế. Năm tôi sáu bảy tuổi, ngày Tết, thường theo các di tôi ra Kê Chợ xem hát bói tuồng đầu năm ở rạp Quảng Lạc - mà ngõ Sầm Công, quen gọi là ngõ Quảng Lạc, cái quán Tiểu Lạc Viên bây giờ ở trong hẻm này. Mồng hai, mồng ba Tết năm nào rạp Quảng Lạc cũng diễn tuồng tích Giang tà cầu hôn cho người năm sớm bói lấy may. Trên cửa vào trong rạp, bàn thờ thần tài dán giấy điều trang kim khói hương ám đen kịt cả vành khăn. Tuồng có vai Quan Công mặt đỏ bờ quân, râu đen từng chòm tuôn xuống. Quan Công ra, cả rạp im rừng rợn, thành kính đốt vàng hương vái lên sân khấu. Khi lớn, tôi một mình đi xem phim kiếm hiệp Tàu

chiều ở rạp Hiệp Thành, rồi rạp Tổ Như, bây giờ là Chuông Vàng Thủ đô, trước cửa, gắn tấm bảng đá ghi chiến tích đội quyết tử liên khu 1 đã được thành lập ở đây giữa 60 ngày đêm Hà Nội chiến đấu trong vòng vây.

Phía Hàng Da, ngõ Yên Thái, cũng như ngõ Sầm Công, những phố hẻm có nhà chứa, không hiểu tại sao lại gọi là nhà thổ, mà người ta nói lóng tiếng Tây bồi là medong dờ te (nhà đất). Trên tường đầu phố treo hộp đèn kính sơn đỏ nhòe nhòet. Khách chơi biết đây là đầu hiệu trong phố có ổ gái điếm. Đi nhà thổ trả tiền giờ, nửa giờ, trò tiêu khiển mặt hạng, người đứng đắn không dám bước chân vào cái dãy phân bày bán người ấy. Cô nào cũng lông lá cạo nhẵn, trắng nhễ nhại, hăm tãi lấm. Bàn cùng, cánh thợ xẻ, thợ nề cũng chỉ thậm thụt chốc lát, chứ chẳng mấy may ham hố, đắm đuối. Chập tối, các cô nhà thổ quần áo trắng hồ lơ, mặt bệch tròn chầy trề, ngồi một loạt trên cái ghế dài trước cửa ngóng ra, vẫy vẫy ới ới người đi qua. Thấy quen thì chạy ra, kéo lại. Ở làng tôi, những anh thợ còn táo tợn, ngày phiên có tiền xuống phố chơi nhà thổ, hôm sau về phải nghi dẹt, nằm dờ cả ngày, con ruồi đậu mép không buồn xua. Tôi không dám lảng vảng đến những cái ngõ nhầy nhụa ấy. Chỉ vì sợ bệnh. Nghe nói thuốc nớp xằng cát tó hiệu nghiệm, nhưng đắt. Cũng chưa thấy bao giờ, chỉ nghe nói phải đâm mũi tiêm vào dái, đau lắm. Thời ấy, tim la, lậu, giang mai, ai mắc những bệnh xấu hổ thì chỉ muốn chết.

Nguyễn Tuân hay dạo mấy phố này lại có thể cũng vì những cái nhớ. Nguyễn Tuân được sinh ra và nhón nhao lên ở Hàng Bạc. Phố Hàng Bạc, số nhà 49, năm 1910 - Nguyễn Tuân ghi lại như thế ở mép một quyển sách *Hướng dẫn du lịch Ba Lan*, có lẽ vì đương đọc chọt nghĩ đến một kỷ niệm. Trong quyển *Đường phố Hà Nội* của Nguyễn Vinh Phúc tặng, chỗ phố Hàng Bạc và ngõ Gạch, Nguyễn Tuân đề bút chỉ đình Cổ Lương ngõ số 28 án sát Siêu và câu ca dao về phố phường ấy, dễ chừng ông đã thuộc từ tuổi thơ.

Nên ra thì mùa tứ linh

Không nên thì lại nằm đình Cổ Lương

Lão hàng cháo gà giải phóng quân, cũng là cái tên của Nguyễn Tuân đặt cho. Ông Tàu ấy to cao, khệ nệ, đội đúng cái mũ ka ki của Bát lộ quân ô vết mỡ đã ủa vàng màu nước dưa. Hàng ông bán muộn, nhiều khi tôi ở dưới áp về vẫn còn thấy ánh sáng đèn giữa mấy chiếc ghế xếp lóng chông trên hè. Lão giải phóng quân lắm lì chẳng mấy khi hé răng. Cũng hợp, chúng tôi lặng lẽ. Chẳng ai nói một câu, thế mà lúc nãy ở tổ, gay go đốp chát nhau ra trò. Về mệt mỏi hiện nên nét mặt từng người. Tôi nhận ra Nguyễn Tuân đến hàng cháo gà này còn vì ông giải phóng quân có lọ xằng xấu Nam Ninh chính hiệu thơm và béo ngậy mùi vùng. Bát cháo lớt cái cúc của Nguyễn Tuân được lão cầm lọ xằng xấu vẩy lâu hơn bát của tôi. Rồi nở nụ cười nhà hàng, lão dứt lọ xằng xấu vào trong ngăn kéo - ai không biết thì thôi chứ chẳng phải ai cũng được nhà hàng cho nếm mùi đâu. Vẫn là chăm chú cái mình thích, mình muốn, một giọt xằng xấu hợp khẩu vị, một câu văn hay gạch đít, một chuyến đi...

Có hôm, vào Tiểu Lạc Viên ăn cơm rang bọc lá sen. Ông chủ Tiểu Lạc Viên này là tay nhà bàn hảo hạng. Khách đông cũng vì cái duyên lão ta. Hỏi các món khách dùng, rồi nhanh nhanh đưa bát thìa và gia vị ra bày trước mặt từng người. Đôi mắt kính lấp lánh, cái câu có ngay, có ngay luôn miệng như hát. Thực khách vào bàn, tuy chẳng thấy có ngay ở đâu, nhưng được cái cảm tưởng món ăn món nhắm sắp bưng ra.

Lão Tiểu Lạc Viên tri kỷ vì chúng tôi biết thưởng thức món cơm rang bọc lá sen lão khoe nhất Hà Nội, không nhà nào còn làm được đúng kiểu cách thế. Lão chỉ mới ngược kính, chưa hỏi, Nguyễn Tuân đã gật đầu, đưa thưởng một điều thuốc lá Thủ Đô hiếm. Thế là đã

biết khách lại xơi món quen. Lão hô có ngay, có ngay rồi đặt bát đĩa bày ra bàn. Nguyễn Tuân nói, vừa nghiêm vừa đùa:

- Đây, không cần có ngay đâu nhé!

Lão cười, nheo mắt. Sang bàn bên, hỏi khách xong, chưa bước vào cửa bếp, đã: Có ngay! Có ngay! Có ngay!

Phải, cơm rang bọc lá sen thì có ngay sao được. Xong một tuần rượu suông, món nhắm mới ra - chỉ gọi độc một món ăn, cũng như nhắm. Kể thì người ăn xô bồ bây giờ chẳng mấy ai thiết chờ đợi các thức lịch kịch này. Gạo tám thổi niêu đất chín rồi đổ vào chảo rang, được rồi lấy chiếc lá sen khô lột xà xiu, vớt quay gỡ xương chặt miếng rồi đổ cơm rang vào, buộc khéo cái lạt. Nhà bàn bung ra túm lá đặt trên đĩa. Mỡ ra, hơi cơm, các thứ xì dầu, thức ăn tủa lẫn mùi lá sen già đầu thu. Một năm, về Hưng Yên, tham quan đào kênh thấy sân kho các hợp tác xã phơi đây lá sen, hỏi bảo lá sen khô để xuất sang Hồng Kông (Nguyễn Tuân xin về mấy cặp lá). Những chiếc lá sen già sẽ được xuất đi Hương Cảng để gói món cơm rang bọc lá sen ở các hiệu cao lâu.

Cũng có thể ấy là những lúc Nguyễn Tuân nhớ khi xế trưa vắng khách ngồi trên lầu nhà Đông Hưng thang gác vàng giữa phố Hàng Buồm. Nguyễn Tuân kê giấy lên bàn ăn, những tờ giấy trên góc in cánh buồm Gió đã lên. Tiểu thuyết *Thiếu quê hương* đăng báo *Hà Nội Tân Văn* của Vũ Ngọc Phan được viết từng kỳ một ở cái bàn ấy. Người tùy phái đến lấy bài đã đứng trực. Nhà in Trung Bắc ở phố này, bên kia đường. Viết xong chữ cuối, người tùy phái cầm tờ bản thảo xuống khuất, cũng là lúc nhà văn gọi phở kỵ đem đến bữa trưa, be rượu bỏ đào uống mấy chén gừng và gói cơm rang bọc lá sen. Lại một sự mang mang hoài cổ. Cái cơm rang lá sen thơm tới nay ở Tiểu Lạc Viên còn có thể bắt đầu từ gói cơm rang thập cẩm ở những quán ăn cò con trên đường Cáo Đạo giữa cái phố khúc khuỷu bậc đá bên Cầu Long Hương Cảng, đêm ba mươi Tết Đinh Sửu 1938. Chúng tôi chỉ quý và chiều nổi nhớ của Nguyễn Tuân mà chịu khó bắt chước kẻ cà với các món cầu kỳ ấy. Nguyên Hồng đã sinh sống ở thành phố cảng có cả một phố Khách, tỏ vẻ thành thạo khen mùi lá sen, đoán già là những cái lá sen hồ Tây.

Mỗi đêm dưới áp về, bộ dạng Nguyên Hồng cũng chẳng khác đi đâu ban ngày. Trên ghi đông xe đặt cái cặp đúp chứa bản thảo. Sau yên xe buộc một chồng báo *Văn*. Mọi khi, chỉ kè kè cặp bản thảo, giờ thêm lô báo *Văn* từ số 1. Nét mặt hăm hờ lẫn lộn đắm chiêu với những tờ báo *Văn* như một lá đơn đề trình bày các nơi. Nhiều cuộc phê Nguyên Hồng, tôi không thể nhớ xiết lần nào cụ thể. Chỉ nhớ báo *Văn* đã bị xỉ vả là hữu khuynh, bị lũng đoạn. Ở đâu, họp tổ hay liên tổ hay lên hội trường; Nguyên Hồng từ từ, cẩn thận, trình trọng đặt tập báo trước mặt. Nguyên Hồng nói:

- Tôi làm báo không kể giờ giấc, không quản thức đêm thức hôm, tôi bỏ hết sáng tác, cố làm cho kịp. Suốt tuần tôi bận bịu về nó hơn con mọn, bỏ ăn bỏ uống vì nó... thế thì làm sao tôi lại có thể sai... Tôi đấu tranh thực hiện đường lối văn học nghệ thuật của Đảng... Tôi hết tâm hết sức vì nó, tôi không thể, tôi không thể sai...

Như người ôp đồng, không biết đương còn tỉnh hay đã mê, Nguyên Hồng để một bàn tay lên chồng báo, to giọng đến bật khóc, vừa mếu máo vừa nói tiếp, nước mắt ròng ròng, hai tay mê mẩn xot xa vuốt mép tập báo. Cái lý lẽ cùng đường và những dòng nước mắt đã khiến những ai đương phê bình anh cũng không biết tiếp tục phân tích thế nào nữa. Bảo dối trá thì không ai nữ, không ai dám hạ đòn ấy. Cuộc nào cũng tương tự, những chữ “boong ke, ngoan cố”, không đúng với quang cảnh sầu não thiết tha của người bị phê bình.

Chúng tôi ngồi góc bàn đằng kia. Lão Tiểu Lạc Viên đã đem bát đĩa, thìa với tương ớt đến. Lão này vừa là chủ, vừa là tớ trong cái

phòng ăn con con kê ba chiếc bàn nhỏ. Chim quay Tiểu Lạc Viên cũng được tiếng. Chẳng biết nhà hàng vô tình hay cố ý để những cái bàn khập khễnh tạm bợ. Chắc là cố ý thôi. Các hàng quán này cứ chập chờn chưa biết lúc nào bị đóng cửa. Trễ nải, tàn tạ, người ta chỉ bày biện qua loa, cốt làm ra thể.

- Có ngay! Có ngay!

Lão Tiểu Lạc Viên bước ra, bỗng im bất, quay lại, nhìn quanh, rồi hỏi:

- Các ông có cái mùi...

Không ai bảo ai, mọi người chú mục vào Nguyên Hồng vừa đặt lên góc bàn mở gói giấy báo bọc thịt chó và lập cập nói:

- Nhắm cái này trước đã! Nhắm cái này đã!

Thoạt trông cũng biết không phải là gói nguyên. Chắc trưa nay Nguyên Hồng đã đánh chén ngoài ấp còn thừa thì cầm đi nốt. Hồ lớn thịt luộc, lòng gan trộn với húng, riềng, cà dùm con con muối tiêu.

Lão Tiểu Lạc Viên đã nhìn rõ gói thịt cây. Lão cau có hầy một tiếng, tan biến cả về hơn hờ có ngay vừa rồi. Lão chấp tay, rầu rĩ như khăn:

- Ông ơi, ông mang nó ra ngoài kia, mang ngay ra ngoài kia...

Chúng tôi biết những người buôn bán kỹ cái thịt hăm tãi này - nhất là người Trung Quốc.

Dường như thấy nó thì đã đánh hơi được cái mùi con ma xúi quẩy. Lão lại nhăn nhó:

- Giết nhà hàng rồi. Các ông không được, không được ló!

Lúc ấy, hai bàn bên cũng quay sang. Cười nhăn nhở rồi họ lại cúi xuống ăn. Lão Tiểu Lạc Viên đến góc nhà cầm một nắm hương châm cắm vào men tường trong chỗ dán tờ giấy điều trang kim đã xam xín một nam chân hương. Khói hương bốc mù căn phòng chật chội. Rồi lão bước lại phía chúng tôi, xốc kính, mặt hăm hăm, không hiểu lão định làm gì.

Nguyên Hồng, đứng lên, gơ tay:

- Phở kỹ! Cầm đi!

Nguyên Hồng lật đặt gói lại bọc thịt chó, bỏ vào cặp. Nước mắt lưng tròng, nói:

- Lúc này ở tổ chúng nó đòi đuôi ông, bây giờ thằng Tàu này lại đuôi ông, tui cái nhà ma ló!

Nguyên Hồng cung cúc bước ra, lấy xe đạp. Cũng chẳng ai buồn gọi lại. Đã biết tính nhau nhiều. Mấy năm sau, một lần Bùi Hiền, Nguyên Hồng và tôi chén thịt chó Chữ Hàng Bè rồi vào quán cà phê lão Ca. Vẫn Nguyên Hồng cầm bọc giấy gói mấy miếng thịt chó thừa, đặt lên góc bàn. Lần này, cái gói kín đáo, nhưng tôi vẫn ngài ngài. Lão cà phê Ca không có nhà. Vợ lão trông hàng. Tự nhiên, bà ấy đứng lên đến chỗ cửa nách châm nén hương vào khám thờ thần tài dán giấy điều. Linh tính tôi đoán người đàn bà Tàu đã đánh hơi thấy mùi lạ. Như chợt nhớ ra, Nguyên Hồng đã tinh ý bỏ gói vào cặp.

Mấy hôm sau, trở lại Tiểu Lạc Viên, lão có ngay lại ngược mắt kính cười cười, đưa ra bát dưa và chén tương ớt - Nguyễn Tuấn bao giờ cũng gọi là lạp chấu chương. Lão xoay cái đuôi thìa cẩn thận đặt trước mặt Nguyễn Tuấn và Nguyên Hồng. Thêm hai miếng chanh cho Nguyên Hồng. Nhà hàng đã thuộc ông khách có thói quen vắt chanh, lại đổ dấm vào đĩa húng rau để sát trùng. Đến tận hồi chống Mỹ,

Tiểu Lạc Viên vẫn đông khách thế. Một lần kia, đến thấy bà Tiểu Lạc Viên mọi khi đương nằm cái giường gấp ở gian trong. Tiếng trẻ mới sinh khóc oe oe. Hỏi thăm thì ra lão Tiểu Lạc Viên đã ngất đi, chết nửa đêm giữa lúc máy bay ném bom cầu Long Biên cuối tháng trước. Người vợ đã lấy chồng khác. Ông Tàu này gầy lom khom. Nào biết đứa trẻ ấy con ai. Đã lâu không đến, không tiện hỏi. Trên mặt kính cái tủ con đặt ngoài cửa vẫn ba chữ Tiểu Lạc Viên sơn đỏ. Cửa hàng mở, nhưng hiu hắt, vắng vẻ. Đến năm nhiều người Trung Quốc bỏ thành phố đi, bà ấy với người chồng sau ra Cát Hải vượt biển. Nghe nói thuyền chuyển ấy đi bị đắm, chết cả.

Những đêm mưa rả rích gọi cái thú quán cà phê lão Ca. Thường đến lão Ca vào lúc nào, chắc là khi đã ngà ngà ở Tiểu Lạc Viên hay hàng bánh cuốn chú Hồng Lâm ra. Nhưng cũng có buổi chỉ đến đây. Trong ngõ ngách này, chúng tôi lui tới mấy quán, không đậu lại đâu. Phúc Châu tiếng tăm, nhưng tạp. Chen vai thích cánh, những võ sĩ đai đen thập đẳng, ngũ đẳng hay các ông cá mú trụ ở góc bao quát, hay một tay cướp ngày lẳng lẳng ngồi xuống, rờ túi ngực, túi quần vờ tìm cái bật lửa. Nó đang ngắm cô Phúc Châu thất lung đen bóng hay nó sắp rút dao găm dí xé dưới sườn rồi thần nhiên đưa con mồi ra ngách ngõ lên Hàng Đào, hỏi mượn cái ví và cái đồng hồ. Quán Lý Hảo thì âm cúng hơn. Chỉ phải cái mụ Lý ăn nói đối đáp và cử chỉ như tập thể dục trước mặt khách. Chả là Lý Hảo, đương kim thể thao lướt ván nữ loại một. Hội hè nào cũng giết giải nhất đứng đầu sóng hồ Hoàn Kiếm. Thằng chồng mặt vuông Nhật Bản, như Aki Nguyễn An Nghệ. Nhưng nó là người Quảng Châu, chỉ bụng cà phê và cười ruồi. Mất vui, cũng chẳng lý thú, bởi nhà này ít chuyện.

Cà phê Ca chưa mấy quen như rồi sau chúng tôi đến nhiều hơn. Lúc đầu chỉ nghe mang máng trước kia lão Ca ở trên Hà Giang, làm nghề đuổi ngựa buôn cho nhà chúa đất Vương. Còn tôi để ý chỉ vì thấy ngồi trong hàng một người đàn bà luống tuổi, mặt buồn rười rượi. Có hôm thoáng sau chiếc bình phong con công đỏ gắt, cái áo xường xám xa xưa màu cánh chả xé tà xòe ngang đầu gối. Cứ hao hao người con gái ngày xưa ở nhà gác đầu đường Cổ Ngư hồ Tây mà sáng nào tôi cũng đi học qua. Ai khi tuổi ấy chẳng trông thấy bao nhiêu bóng đẹp thấp thoáng và mộng mơ. Không hỏi có phải trước kia nhà bà ở đầu ô Yên phụ, tôi chỉ lặng im cho mình được định ninh. Tường tượng vun thêm vào làm cho không phải cũng thành phải. Nếu bà ấy nói: Vâng, tôi là vợ tông Ca. Lại càng khó hiểu, thế thì phải từ Hà Giang xuống. Như vậy, lại hóa ra buồn. Thôi cứ mơ hão vậy. Cà phê phin nhà Ca nhạt đường, hợp chúng tôi mà Nguyễn Tuấn khéo tường tượng là có vị rừng. Chưa biết rừng Hà Giang có cà phê hay không. Chỉ Nguyễn Hồng đã bị hai năm an trí căng Bắc Mê rõ đôi chút chẳng. Nhưng Nguyễn Hồng chẳng khi nào kể lại về nhà tù chính trị đi đây ấy. Chỉ nghe một người tù Bắc Mê khác tả Nguyễn Hồng đi làm cỏ vè, đi lấy củi cũng đeo mấy cái ống bơ đẳng dít, cái đựng muối, cái để cơm nguội và lúi thúi một mình.

Thậm chí, lần ấy, một đoàn địa chất đưa chúng tôi thăm một vùng quặng trong Bắc Mê, Nguyễn Tuấn rủ Nguyễn Hồng, bảo được dịp trở lại quang cảnh xưa. Nguyễn Hồng cũng không đi. Chuyến đi ấy, cái hôm lội qua con suối sau cùng rẽ về bên này đường về huyện Bắc Mê, tôi đứng tần ngần giữa dòng nước, nhìn mãi quả đồi áp lưng núi. Căng Bắc Mê xưa ở núi Pắc Min kề ngọn sông Gâm lượn dưới chỗ xanh thẳm kia. Suốt buổi chiều, trèo qua công trời đỉnh núi thăm dò quặng Nguyễn Tuấn vẫn băn khoăn không hiểu tại sao Nguyễn Hồng không đi Bắc Mê chuyến này. Nửa đêm, giữa rừng trên cao, con suối mơ hồ đưa lại tiếng nước thờ dài từ phía Bắc Mê. Chúng tôi ngồi trước đám củi sưởi. Nguyễn Tuấn nói: Tớ tức cảnh được hai câu ca dao đem về tặng thằng Nguyễn Hồng. Thế này nhé:

*Non xanh gỗ hòn đá xanh
Nửa năm nghe tiếng mõ canh Cổng Giời.*

Trở về, tôi viết Pài Lùng cái ký theo thể kịch đăng báo *Văn Nghệ*, đặt hai câu ấy lên đầu bài. Chú thích nghịch ngợm *Ca dao cũ vùng Bắc Mê*. Cho nhớ và như Nguyễn Tuân bảo có dùng thì nên đề thế.

Cái bồng dung kỳ cục của Nguyễn Hồng thường dễ hiểu và cũng khó hiểu. Người ta làm thì Nguyễn Hồng lẳng lẳng im. Ai cũng nờnức vào Nam khi miền Nam được giải phóng. Nguyễn Hồng chưa bao giờ đến Sài Gòn, mà đã sinh ra nhân vật du côn Năm Sài Gòn từ những năm 40 và chưa khi nào trông thấy sông Cửu Long, đã là tác giả bài thơ *Cửu Long giang ta ơi*. Nhưng không đi Sài Gòn. Ai rừ chi lắclầu đầu. Cái tính thế, thiên hạ vậy thì ta khác.

Cuộc đời đã đưa đẩy ông Ca từ thị xã Hà Giang xuống Hà Nội mở quán cà phê. Những chuyện ông Ca kể về biên giới, Nguyễn Tuân mê lắm. Cũng thú vị như lão giải phóng quân cháo gà có lọ xắt xầu chính cổng Nam Ninh, Hồng Kông gì đó. Cà phê Ca ngon mùi mộc mạc. Hay là cứ nghĩ ra thế. Mỗi lần Nguyễn Tuân tới, ông Ca lại lấy ra chai rượu Rom Pháp vuông bằng đầu gối, đặt lên cạnh cái phin vừa cặn. Lắm khi tôi vào hàng lão Ca không khi nào bê chai rượu mạnh ra. Đám mà có Nguyễn Tuân trong bọn, đám ấy sang lên, thú vị hơn, không phải ông Tuân chi tiền, mà thằng chủ quán lại hân hạnh, lại trọng vọng vị khách bất thiếp, trịnh trọng mời nhà bàn thuốc lá thơm và xuống tận chỗ xào nấu đưa nhà bếp một điếu. Chai rom của ông Ca đã được đặt lên bàn. Vài giọt rượu quý nhỏ xuống tách cà phê bốc khói. Cà phê rom - một kiểu uống theo lối Pháp. Đến lúc cả chủ quán cũng kéo một ghế, nhắc bếp điện lại gần, bày lên một phin nữa. Câu chuyện âm dần. Nguyễn Tuân đẩy hộp thuốc lá về phía ông Ca. Ca nói, giọng âm thầm xa vắng:

- Tôi ấy a, cái ngày tôi đi đuổi ngựa cho nhà Vương...

Ngồi đây, trong cái phòng vừa nhà hàng vừa buồng ở lộn xộn, bề bộn quanh những lá màn, cánh gà mà tường đương lang bạt sông xuôi đầu đầu Simacai bên Lào Cai sang Xin Mần rồi rong ruổi lên Mèo Vạc sang Bảo Lạc, Cao Bằng. Những đoàn ngựa thồ hàng trăm con lên núi, ông Ca là một người trong đám thủ túc nhà vua Mèo họ Vương trong đám dắt ngựa, đuổi ngựa ấy. Chuyển hàng rông rã đói khát cả tháng, chẳng bù với mỗi khi người ngựa được trở về dinh cơ nhà Vương ở Sà Phìn, Đồng Văn lại thả sức lu bù chè chén. Cả mấy chục phu ngựa, cơm rượu và khay bàn đèn thuốc phiện rải ra khắp trên sân đá tảng từ trước cửa dinh vào trong nhà.

Được dịp về Đồng Văn, thế nào Ca cũng xuống thị xã. Ca đi làm mướn cho người, nhưng Ca cũng có dây thuốc phiện riêng của Ca. Ca ăn ngủ nhà mụ Tèo me Tây đồn Yên Minh ngày trước, Tây rút rồi mụ ở lại mở quán cơm giữa cánh đồng tranh trên dốc Pác Xum về làng Đán. Mụ Tèo cũng là một mối thuốc của Ca. Quán mụ Tèo chơi vợ có tranh phủ ngập mái nhà, trông sang những ổ cướp nương nấu trên rặng núi Bát Đại Sơn lộ xò trước mặt. Bọn thồ ngựa dừng chân. Từ khi có đường ô-tô lên Phó Bảng, thêm các ông tài đường ngược, đêm đêm trong vách tường trình, quán mụ Tèo rộn rịp đỏ đèn suốt sáng. Chẳng bao lâu, Ca cũng tậu được ngựa và thuê người đuổi ngựa. Lão Ca đã thành ông chủ nhỏ, có khi theo hàng sang tận Phong Thổ, Mường Lay bên Lai Châu.

Quanh tách cà phê giữa những con phố lui hui cụt lùn mà tường đương theo những đoàn ngựa thồ qua đầu núi nào. Quên đi, quên đi ngoài trời đêm thành phố đương sấm rền trận mưa đầu mùa hạ, rồi sáng mai chúng tôi lại đạp xe xuống áp hợp tổ. Cái say chơi rừng núi biên giới phía bắc đối với Nguyễn Tuân, có phải đã được nhóm bếp ở những đêm cà phê rom nhà lão Ca, trong cái phòng lũng cùn, linh kinh rất Tàu. Một dây xích đồng trên đầu, mấy cột chân bông xếp đồng. Dưới gầm ghế, cái hòa lò, củi, chai dầu, làn mây và túi gạo, xoong, chảo, chậu, bô men trắng xóa loang lổ có thể là bô nước đá, bô cút. Nhưng con mắt chúng tôi đắm đắm vào bóng tối mênh mông

xa đâu.

Ở các ngõ ngách ẩm ướt trông lên nhấp nhô những đầu tường chuôi vồ thời xưa này phải kể thêm quán bánh cuốn ông Hồng Lâm cũng chỗ ngã tư cùng phố với cà phê Ca. Hàng bánh cuốn này không ai biết, bánh cuốn bấy giờ được tiếng ngon bán đêm ở phố Huế xé chợ Hôm cũng gần ngã sáu dốc Hàng Kèn. Khách ngồi châu hẩu mấy lượt ghé dài đợi bà hàng không biết sốt ruột cứ nhẩn nha tráng từng lá bánh. Tôi cũng chẳng thú cảnh châu chực đợi lượt ném chiếc bánh cuốn nhân thịt gốc Lạng Sơn. Thế mà quán bánh Hồng Lâm thì lại hay ghê. Ấy cũng là một nỗi.

Một tối, trên vỉa hè tấp nập người, tôi ngất ngưỡng như con bói cá đậu trên cái ghế xếp gánh cháo gà giải phóng quân. Các rạp đã trống giáo đầu rồi mà hàng quán vẫn dập diu vì cán bộ tập kết đi dạo bờ hồ dạo phố là chính. Mấy ngã phố chật hẹp không có điện, đèn đóm lập lờ từng khóm. Một ông Tàu gầy còm đội cái mũ xanh một mẫu, má xệ đỏ phừng màu say xuống tận cổ, cứ đứng sững. Tôi tưởng ông ấy nhìn ông hàng cháo gà đồng hương. Rồi ông ấy bước lên hè trước mặt tôi giọng rệu lè nhè:

- À, à... Có phải cậu Sen không?

Nghe tiếng hỏi cái tên cúng cơm của tôi, dù chưa nhận ra ai, cũng biết đấy là bà con quê ngoại quê nội. Nhưng tôi không nhớ được ông này là người trên Nghĩa Đô hay trong Cát Động. Tôi đương ở ra thì ông ấy lại nói lơ lơ:

- Tôi là Lâm. Lâm hàng phở dốc chợ Bưởi. Thuê nhà ông ba Chui ấy mà. Cậu nhớ không?

Thế thì nhớ rồi. Ngược đời, nhà hàng lại đi nhớ khách. Tôi nhớ tên chú ấy chứ không nhận ra người. Mười mấy năm rồi còn gì. Chú khách Lâm ở dưới phố lên mở hàng phở. Nhà hàng kê cái bàn, hai bên chống tràng kỷ. Tua giấy điều nhập nhánh trang kim phát pho trước cửa cạnh những củ hành tây trắng bong và chùm ớt đỏ. Dấu hiệu hàng quán lúc ấy không có bảng kê hai chữ Com Phở như bây giờ. Phở nước hai xu, đĩa phở xào ròn xào mềm năm xu. Không bạn này có tiền thì bạn khác, ai cũng dễ dãi với nhau được. Tôi nhớ hàng chú Lâm không phải vì phở, mà vì một chuyện oái oăm. Ông trẻ Tám hay đi chơi ả đào. Bà ấy ghen. Nhưng ông Tám đã nghĩ được mẹo. Tầm áo the dài, quần là và chiếc khăn ông Tám gửi trên hàng phở chú Lâm. Chiều chiều, cơm nước xong, tôi sang rủ ông Tám đi dạo mát.

Tôi tuy tuổi chẳng kém ông Tám bao nhiêu nhưng trong họ thì vào hàng con cháu, mặt mũi lại hiền lành, bà Tám tin được. Chúng tôi thùng thỉnh như tình cờ lên đầu chợ. Ông Tám vào hàng chú Lâm, chít khăn, thay bộ quần áo mới rồi bước nhanh lên ngã ba Thành gọi cái xe sắt. Đi chơi bởi ăn mảnh ở các nhà hát quanh Cầu Giấy, ở Mả ông Năm trong phủ, khoảng nửa đêm lại cuộc bộ về. Tôi thường đóng vai lá chắn che đỡ cho các bậc bề trên như thế nên hay được ăn theo các ông Tám, ông hộ Nghĩa, ông bảy Nền đi hát châu chay có rá vùng phủ Hoài, sang Thượng Cát, hay lên bên Chèm - cũng chưa được ra đến các nhà hát Ngã Tư Sở. Những chuyện lêu bêu nhưng những ấy thì nhớ chứ quên hẳn mặt lão Lâm này.

Tôi khen:

- Chú nhớ dai quá.

Lão Lâm khoái trí cười giơ hàm dưới răng vàng chõe.

- Ô, ở trong này tôi làm công an mặt nên quen nhận mặt người ta. Tôi vẫn gặp ông giáo Thịnh dạy trường Yên Thái ngày trước mà. Hôm nào đến chơi. Chỗ kia kia, nhà bánh cuốn.

Thế thì biết rồi, hàng bánh cuốn ấy gần cao lầu Tứ Kỳ. Chúng tôi đến quán ông Lâm. Nguyễn Tuân chẳng thiết cái bánh nhân thịt này - không chịu ăn tạp, vẫn nhớ thuở bánh cuốn Thanh Trì nước mắm Nghệ cả cuốn, không pha dấm, không vắt chanh.

Thế mà Nguyễn Tuân vào quán bánh cuốn ông Lâm. Cũng phải duyên cớ thế nào, như cái ông 81 cà phê bít tất dốc hàng Kèn với quan công sứ Grapphoi và núi nghỉ mát Bạch Mã. Như lão cà phê Ca đem rừng núi Hà Giang về thành phố. Nhưng Nguyễn Tuân bảo tôi:

- Vào đây cho thẳng này về Kê Bưởi một tý. Hôm nào rủ chúng tớ lên Nghĩa Đô bắt chuột đánh chén nữa nhé.

À ra ông ấy chiều tôi. Nói thế chứ ông chẳng dám xơi thịt chuột. Chả là đã có một năm, mùa tháng mười, ông Nguyễn với Kim Lân lên cánh đồng làng tôi đi bắt chuột với ông Ba Hĩ. Gác ngoài, bà Lâm ngồi tráng bánh. Thấy đi vào nhà trong, những cô cậu mặc áo xanh công nhân, chắc tan ca nhà máy về. Con cái không để mắt đến cái cửa hàng câu dầm của ông bà già. Bà Lâm gầy khô, đeo kính, mặc áo gi lê hoa lốm đốm tím, nửa mái đầu bạc. Ông Lâm bảo:

- Bà nhà tôi cũng người làng Bưởi cậu ạ.

Bà Lâm cười nhợt nhạt, ngược mắt kính, hỏi tôi:

- Ông có biết chú Sồi có bàn thịt lợn ngoài cầu chợ, nhà ở xóm Ao Đình không?

- Ngày bé, tôi vẫn xách liễn lên mua nước xuyết sáng sớm nhà chú Sồi.

- Bỏ tôi đây.

Tôi ngạc nhiên vì cái giọng nói hết tiếng Yên Thái của bà Lâm. Ôi, tôi được sinh ra ở đất Bưởi, tôi ở trong làng đến ngoài hai mươi tuổi mới ra thành phố rồi đi lang bạt, giọng tôi bị pha mất tiếng quê. Thế mà cái bà Tàu này lại hẳn hoi đặc giọng vùng tôi. Nhà khách Sồi đã mấy đời ở xóm Ao Đình, thế thì con cái y như người làng rồi.

Nguyễn Tuân lặng lẽ hút tàu thuốc. Nguyên Hồng đã sà đến. Bà xếp cho một chục bánh, nhưng hẫng năm cái một, để được nóng sốt. Ông Lâm xách chai rượu thuốc ra. Cái này chữa bách bệnh, giờ giờ chỉ vài ngum, khỏi thấp khớp, khỏi cả đau răng - Ông bảo thế.

Tầm bằng cửa sổ Công An thành phố khen tặng ông Lý Hồng Lâm đã có thành tích trong thời gian kháng chiến ở Hà Nội? Ông Lâm ngấm nghĩa những người khách đương chăm chú xem cái bằng đóng khung treo trên chỗ thoáng nhất mặt tường. Nguyễn Tuân bao giờ cũng là người tài nhìn ra trước những điều mà chưa ai kịp nhận là đáng hỏi. Ông bắt tay ông Hồng Lâm và ông này cười khoái trá thú vị cái người hiểu mình, biết mình.

Ông Lâm nói:

- Bây giờ ở Hà Nội tôi bán phở, như khi ở trên Bưởi ấy. Đông khách thì dễ đi lại. Các anh công an mật ở nhà tôi cả năm, không bị lộ. Tôi là người Tàu mà, thằng Tây không biết đâu.

Giữa chén rượu, câu chuyện trở về những ngày thành phố còn thằng Tây. Ông Hồng Lâm hào hứng kể tên từng người cán bộ nội thành, nay vẫn thỉnh thoảng đến chơi, có người đi ô-tô com-măng-ca đỗ xích trước cửa. Nguyên Hồng đã chén gọn cả chục chiếc bánh. Chúng tôi uống sưng.

Bà Lâm tỉnh ý:

- Chắc hai ông không thích. Tôi làm bánh mà tôi cũng không ăn nữa. Bây giờ người ta ăn bổ bã lắm. Hôm nào các ông lại chơi, lúc rỗi

hàng khuya khuya đã. Tôi làm cái bánh cuốn thật như Lạng Sơn ngày xưa các ông ném thử.

- Có giống lốc bều không?

- Gọi là lốc bều hay bánh cuốn Lạng Sơn, cũng tay mình làm ra thôi.

Nguyễn Tuân gật gù. Lốc bều, lốc bều. Ừ hôm nào trở lại. Thế là cái quán ông Hồng Lâm trở nên hay hay mà Nguyễn Tuân đã tìm dần ra, không phải theo tôi về Nghĩa Đô nữa. Vẫn cái tài gọi cho phải đáng chú ý, chúng tôi a dua theo. Dần dần cảm thấy đầm ấm trong nhà, nhớ những đêm Cao Bằng ở Quảng Uyên, ở Thủy Khẩu và ở Hạ Đồng bên kia biên giới năm 1950 trong chiến dịch. Những quán phở vịt, phở chua, rượu men lá. Những ông tay áo chàm rộng, một chiếc răng vàng kín đáo chẳng biết các chị các em dân công ấy người Nùng hay người Hán. Khách ngủ lại, ẩm cơm như bữa cỗ vẫn kèm bát cháo hoa, lại dầm chân nước nóng, như nhà trọ của thím Hằng nhân tình cầu thủ Goòng tàn cư ở Ba Giếng trên Đại Từ.

Không phải bà Lâm hẹn đãi bồi. Chúng tôi đến, một tối ở dưới áp về. Lại mưa, mưa tầm tã ướt lướt thướt, ánh đèn đường nhòe nhoẹt trời mưa, hay là ta cứ nghĩ ra là mưa thế.

Nhà có khách riêng, ông Lâm đóng cửa hàng. Lò than kê giữa nhà, ngay trước bàn. Mặt lò đặt chiếc thạp nhôm to. Hơi nước và mùi bánh chín bốc lên thoang thoang. Giọng nói đặc kẻ Bưởi mà tôi không thể nén được bồi hồi, mỗi khi nghe. Chợt để ý cái người con gái chú Sồi bán thịt lợn ngoài cầu chợ hồi tôi còn xách quang liễn đi mua nước xuyết bây giờ đã lên bà, nghĩ xa mà buồn.

- Giời mưa thế này, tưởng các ông ngại. May quá. Vui thôi mà.

Chiếc vung thạp được gác hẳn lên tường bếp. Làn hơi trắng thom khắp phòng. Những chiếc bánh hấp nhân thịt mộc nhĩ được lấy từng đôi đặt lên đĩa tây. Chén nước mắm chắt nhỏ mấy giọt cà cuống. Ông bà Hồng Lâm ngồi cùng chúng tôi. Bà vừa ăn, vừa tiếp bánh và mỗi người nhấm nháp một cách khác nhau. Nguyên Hồng vẫn uống rượu và đánh lêm năm đôi, như lệ mọi khi, một chục chiếc đầy đặn. Bà chủ nhà nhắc ra cặp bánh, ông ấy rót rượu. Nguyên Hồng nâng chén, dầm đĩa nước mắt.

- Bây giờ tôi mới lại được chén cái bánh hấp như lốc bều từ ngày bé ở phố Khách dưới Hải Phòng.

Nguyễn Hồng cứ đứng thế, ôm vai ông Hồng Lâm, miệng lập bập hầy hầy hảo lớ, hảo lớ, cái ni hảo tố lớ không nói lên lời nữa. Hàng nước mắt đã chan chứa hai gò má, rồi lại ngồi xuống nhồm nhoàm ăn, nước mắt vẫn lã chã. Chúng tôi đã quen với những cảm hứng giữa đường giữa chợ của Nguyên Hồng. Ông Hồng Lâm cười hề hề:

- Uống rượu mà ra nước mắt thế là phát tài, sắp có bông, các ông ạ.

Nguyễn Tuân đã ngậm tẩu thuốc. Nguyễn chỉ ăn một cặp bánh.

- Ông ném thế thôi? Ông chê, phải không?

- Ngon lắm, bà Lâm à. Người biết làm thức ngon như bà bây giờ hiếm, không có nữa đâu. Chốc nữa, tôi xin ông bà mười chiếc đem về, tôi quen ăn đêm như vạc, bà ạ.

- Ông cứ tự nhiên.

Bà Hồng Lâm lấy mảnh lá chuối tươi bọc năm đôi bánh đặt sẵn bên góc bàn. Cho tới lúc ra về Nguyễn Tuân chỉ uống rượu với ông Lâm và ngấm nghĩa chúng tôi ăn. Có hôm, Nguyễn Tuân nhắc đến cái tối lốc bều nhà ông Hồng Lâm lại bình rằng quả là ăn bánh cuốn

phải chằm nguyên sì nước mắm chất Nghệ mới lên chất, chứ đoảng nhất là đem pha dấm - dấm và muối phương Tây thô, như ông lão 81 đã nhận xét, chỉ biết mặn khác nhạt, trơ ra như con số, người mình không thể. Ông lại chê lấy sang chúng tôi chỉ biết hốc.

Nguyên Hồng cãi: Ăn được nhiều mới thấy ngon - Cái chủ nghĩa cơm nắm bát cật lực của ông, tôi chịu. Nhưng ông biết khen bánh cuốn Lạng Sơn của thím Hồng Lâm, thế là được, - Nguyễn Tuân nói. Quang cảnh hàng quán khu này cũng là một góc thời sự thành phố. Nhiều năm về sau, hồi người Hoa bỏ đi, mấy người quen thuộc và nghèo nghèo này vẫn cặm cụi thế. Nhưng rồi cứ thấp thoáng như ma trận. Tôi vào cả phê Ca, lão cháo gà giải phóng quân trông thấy. Lão mới gặp. Lão bảo lão đã dọn hàng vào số nhà gần đây. Tôi cười:

- Phát tài, có cửa hiệu rồi?

Lão cười hiền lành:

- Nhà người ta đi mình đến ở thôi.

Có những hôm tự dung ngỡ như hôm nào vẫn đến chuyện tâm phơ với vợ chồng nhà Hồng Lâm, câu chuyện cũ dềnh đoảng. Thoắt dấy thôi mà đã ra sương khói. Hàng nhà Hồng Lâm đóng cửa. Ghé vào, thấy mảnh giấy dán niêm phong. Nhà người Hoa bỏ đi. Qua cả phê lão Ca thấy một cái giường kê thò ra tận ngoài thềm. Người khác đã ở. Cái người cả tuổi trẻ đuổi ngựa qua các núi Hà Giang ấy đi, cái bà giống người con gái xưa ở đầu đường Cổ Ngự có cùng đi không? Vợ chồng ông Hồng Lâm, người con gái chú Sồi không biết tiếng Tàu, nói giọng kẻ Bưởi. Mà cũng đi, mà già lão cả rồi, mà đi đâu. Lão cháo giải phóng quân tôi cũng không gặp lại nữa.

Năm trước, tôi qua Tây Beclin. Có hai vợ chồng trẻ gốc Trung Quốc, không biết tiếng Tàu, không biết quê ở đâu, chỉ biết cha mẹ sinh ra ở thị xã Bắc Ninh. Nghe tin có người Việt Nam mới sang thì đến chơi cho đỡ nhớ nơi sinh. Hôm Tết mừng năm, nhà cũng thôi xôi, thấp hương rồi đóng cửa, vợ chồng ngồi khóc. Quán ăn Phương Hoàng, cô chủ hàng Trần Lệ Tương kể chuyện nổi nhà tha hương. Nghĩ người Do thái, người Digan cũng chỉ đến thế, nhưng chưa phiêu bạt vòng quanh trái đất như thế. Lệ Tương chỉ nghe nói quê ở Thượng Hải. Đây là đến đời Lệ Tương nghe kể lại. Rồi sang Xiêm, ở Băng Cốc, vào Phù Kiệt. Lệ Tương được sinh ở vùng du lịch và nghỉ mát Phù Kiệt. Khi lớn, theo cha mẹ sang Mỹ, bồng bênh mấy nơi rồi động lại ở Canada. Lệ Tương lấy chồng, hai vợ chồng trôi về Beclin, nhiều năm rồi. Rồi còn đi đâu nữa? Trần Lệ Tương mỉm cười, có phải hình bóng con gái cái bà già chú Sồi ngày trước đây? Âu cũng là nông nổi chia ly thì cũng chỉ mình nghĩ ra thôi. Nổi đi nổi ở của những người không có quê thì đâu cũng vậy. Người Hoa ở đảo Cát Bà đã ra đi như thế này. Cả vạn chài, phố chài hàng mấy trăm chiếc thuyền đậu trong vụng. Suốt đêm chề chén, đốt pháo. Gà gáy thì ra khơi. Cái lần tôi qua miền Nam Ấn Độ, thấy nói gần cảng Madrat có nhiều vạn chài người Trung Quốc, cả thuyền bè đồ nghề, mới đến định cư. Phải những nhà chài ở đảo Cát Hải, Cát Bà dạt sang lập nghiệp ở đấy? Có thể.

Hôm sau, mới rõ nguồn cơn những giọt nước mắt Nguyên Hồng rơi xuống đĩa bánh cuốn hấp ở nhà Hồng Lâm. Không biết những điều tôi đoán có hẳn như thế, nhưng mấy hôm ấy tổ 18 bước vào thu hoạch cá nhân. Tự đánh giá công tác sáng tác thời gian qua. Những cái đúng và những cái sai và phương hướng sửa chữa. Thói quen những cuộc họp tập thể này gọi là chỉnh huấn, cái đúng, cái tốt thì nói lốt phốt, rồi người ta dội lên đầu nhau những chữ nhưng, chữ tuy nhiên, chữ mặc dầu đã...

Tôi bị mơ hồ mất cảnh giác mọi mặt. Các cơ quan Hội Nhà Văn và nhiều công tác bị lũng đoạn. Báo *Nhân Văn*, Nhà xuất bản Minh Đức không còn, nhưng tư tưởng *Nhân Văn - Giai Phẩm* vẫn tồn tại, vẫn làm lệch lạc chúng tôi.

Ngôn ngữ tâm sự và tâm trạng chua chát, mỉa mai, lại hài hước. Có người quen thân, có người chỉ sơ sơ, bây giờ moi móc những việc, những lời đã nói, bắt kể nói lúc nghiêm trang hay khi vui chén bông đùa, được dẫn chứng bằng cứ ra, phân tích cho nhau rõ ràng giới định ta. Chỉ Nguyễn Tuân mới nhớ lâu và đề bụng những câu góp ý ấy. Có những người rồi Nguyễn Tuân không bao giờ quên nữa. Đến lượt, ai cũng phải suốt buổi ngồi chịu trận nghe cả tổ mắng xa xă, vì vút. Kim Lân kể đạo ở trên chợ Chu, trong một cuộc kiểm điểm, Ngô Tất Tố bị một anh xưa nay bác Ngô vẫn không coi ra gì, bây giờ phải nghe anh ấy sát phạt lên lớp cho. Ngô Tất Tố quệt nước mũi vào gốc cây, sùt sùi nói với Kim Lân:

- Làm người khó lắm, bác ạ.

Khổ một nỗi, có người nghe phê bình, cứ tiếp thu thun thút, còn mình họa thêm lỗi mình cho to ra thêm nữa. Thế mà cũng không được tin, lại bị tố cáo là hời hợt, trốn tránh. Có người bỗng thật thấy mình sai, nhận ngay cũng lại bị cho là nông cạn, con vẹt, thiếu đào sâu suy nghĩ. Đến lượt Nguyễn Hồng trình bày, lại đặt chồng báo *Văn* ra trước mặt, giờ từng số, vừa nói vừa ứa nước mắt. Chịu chẳng ai phân tích ra thế là kẻ công hay nhận tội. Tôi dự các cuộc chỉnh huấn đã nhiều, có người lo quá, cả tháng không chợp mắt, như ở báo *Cứu Quốc*, một cậu còn trẻ, đã vào rừng thất cổ.

Phương châm trị bệnh cứu người là ngồi nghe không được nói lại, đợi đến lúc phát biểu thì tiếp thu. Dao kéo chỉnh huấn của tôi cũng đã hăng hái mổ xẻ nhiều người lắm. Mùa đông 1951, ở rừng Chiêm Hóa, hai tháng dự lớp đầu tiên chỉnh huấn gọi là theo phương pháp Hoa Nam. Lớp ấy nòng cốt các ngành các giới và địa phương học xong về tỏa ra rộng khắp. Trần Dần và Từ Phác phụ trách chỉnh huấn trong văn nghệ quân đội. Đặng Đình Hưng và Lê Đạt là cán bộ trên ban tuyên nghiên huấn Trung ương về mở các lớp cho giới văn nghệ. Đoàn cán bộ giáo vụ đi học chỉnh huấn ở Hoa Nam về mặc áo bông xanh Sỹ Lâm. Lớp tôi bé mọn, một số cán bộ vượt Trường Sơn vào làm chỉnh huấn và cải cách ruộng đất trong khu Năm. Đoàn còn được lệnh vào sâu hơn, nhưng mới tới miền Đông Nam bộ thì hiệp định Ginevơ 1954 được ký kết.

Nửa đêm trời dậy, giữa rừng đất hàng trăm bó đuốc đốt lên, lấp lánh bằng khẩu hiệu vải đen chữ trắng... Bộc lộ khuyết điểm... Thước đo lòng trung thành... Trời rét cắt ruột. Rừng đêm tối như mực. Con người bắn thiu lửu lảm đầy rẫy... Chưa... Chưa đủ thành khẩn, làm lại... lại làm lại. Mỗi lần làm lại, viết lại càng ngày càng áy náy lo. Cái chờ đợi được tổ thông qua cứ xa vời vợi. Chỉ có bộc lộ tội hủ hóa ngu bậy thì cơ chừng nói ra dễ nhất, không có cũng đâm ngực bảo có, nhất là nam giới. Chết rồi còn bị khai trừ, vì tội trốn tránh. Họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm tham gia một đợt giảm tô ở Thái Nguyên. Công tác dưới xã xiết chặt phẩm pháp từng buổi, từng ngày, cả đội như một đơn vị ra trận. Hai ngày bắt rết, một ngày xâu chuối rồi hợp rết chuối, rồi trường thôn mới ở xóm ra mắt... Đội viên giảm tô Nguyễn Tư Nghiêm loay hoay cả tuần không bắt được rết, không xâu chuối được một cổ nông nào. Nguyễn Tư Nghiêm hoảng quá phát đại, đi không nhớ đường về xóm. Suốt ngày vợ vẫn ngoài đồng, bắt cào cào, châu chấu ăn. Họa sĩ Tạ Thúc Bình được cơ quan cho xuống đoàn xin Nguyễn Tư Nghiêm về. Chưa bao giờ tôi hỏi lại xem ngày ấy Nguyễn Tư Nghiêm diễn thật hay sợ phải ngồi chuồng trâu kiểm thảo đã sáng tác ra trò Văn đại áy.

Chỉnh huấn xong ở Chiêm Hóa, về tổ chức chỉnh huấn trí thức và văn nghệ sĩ. Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, Nguyễn Minh Tấn làm cán bộ giáo vụ chủ chốt của lớp. Anh em chúng tôi ai đợt trước chưa dự đợt ấy thì làm nốt. Tôi chỉnh huấn rồi lại dự nữa không làm giáo vụ

nhưng được làm tổ trưởng. Tổ tôi có nhiều nhân vật lạ khác nhau: Phan Khôi, Tú Mỡ, Văn Cao, Nguyễn Công Hoan, nhà triết học Trần Đức Thảo, bác sĩ Đặng Vũ Hi... Người khó góp ý kiến, khó đánh đổ không phải bác Phan Khôi ương bướng như tôi tưởng mà lại là bác Tú Mỡ hiền lành, củ mĩ, ít nói.

Có hai việc khó cho tổ trưởng tôi về bác Tú. Bác Tú Mỡ nói:

- Nguyễn Tường Tam phản bội, nó là kẻ thù của nhân dân. Nguyễn Tường Tam lập đảng Đại Việt hại dân hại nước. Nguyễn Tường Tam theo Tàu Tưởng về chống phá cách mạng rồi trốn đi. Tôi kịch liệt lên án nó. Nhưng tôi không quên được Nguyễn Tường Tam đã có ơn với tôi.

Bác Tú tiếp tục:

- Nói thẳng ra là không có Nguyễn Tường Tam thì không có Tú Mỡ. Khi làm báo *Phong Hóa*, Nguyễn Tường Tam đã khuyến khích Tú Mỡ đi vào thơ trào phúng, chuyên thơ trào phúng, có Nguyễn Tường Tam mới thành Tú Mỡ.

Bác Tú Mỡ không chịu phân biệt chính trị và văn nghệ hai vế, bảo Nguyễn Tường Tam có tội thì được, nhưng Nguyễn Tường Tam đã giúp đỡ Tú Mỡ, làm sao nghĩ khác được, bác Tú Mỡ chưa biết phải nên thế nào. Đến cả Trần Đức Thảo mới ở Pháp về Việt Bắc cũng lắc đầu:

- Không được, không được, không thể gượng nhẹ với Nguyễn Tường Tam được.

Trần Đức Thảo hồn nhiên hăng hái cả trong cách sinh hoạt của anh lúc ấy. Thảo đã đem cho hết đồ Tây. Thảo mặc quần áo nâu, đi chân đất. Tối ngủ không màn, mặc dầu chúng tôi đương ở rừng đầu sông Lô, đêm đến, muỗi ra nhiều như vãi chấu. Về muộn mà, tớ phải tập gian khổ cho kịp với các cậu. Trần Đức Thảo nói đúng đắn thế. Chẳng bao lâu, Trần Đức Thảo run cầm cập sốt rét xanh tái.

Sau cùng, Tú Mỡ đầu dụ:

- Các anh phân tích thế tôi đã nghe hiểu, tôi đã nhận ra được cái mặt thẳng bán nước ấy rồi. Chỉ lo trước một điều, quả đất tròn biết đâu việc đời thường éo le. Chẳng may lịch sử có cuộc xoay vần thế nào, một ngày kia ta bắt sống được thẳng chết chém ấy mà tình cờ lại có Tú Mỡ ở đấy. Thì xin chính phủ đừng cử Tú Mỡ ra chém Nguyễn Tường Tam.

Nghiêm nghị, Tú Mỡ nói, không nhìn ai:

- Tôi đề nghị các anh thế.

Việc thứ hai rắc rối hơn. Bác Tú Mỡ, chiến sĩ thi đua ngành văn hóa văn nghệ đi dự đại hội anh hùng chiến sĩ toàn quốc ở Tuyên Quang rồi về nhà tản cư bên Bắc Giang, trên đường Tú Mỡ tạt xuống vùng ven sông Đuống. Đội chèo tinh Bắc Ninh đương dựng một vở của Tú Mỡ. Chẳng may, sớm hôm ấy địch bên kia sông tràn sang càn quét, cướp cái ăn. Tú Mỡ bị bắt. Tú Mỡ khai là công chức đi tìm vợ con tản cư trên Thái Nguyên! Tú Mỡ nói được tiếng Tây, bắt Phù Lưu giữ Tú Mỡ lại cho làm thông ngôn, chưa gửi về giam Nhà Tiền bên Hà Nội như mọi người khi bị bắt trong các trận càn. Chuyện này tôi đã viết ở tập ký *Chuyện cũ Hà Nội*.

Thằng quan ba sếp bắt Phù Lưu bị chết trận. Hôm đưa xác quan ba lên ô-tô về Hà Nội, Tú Mỡ đã đọc tiếng Tây một bài văn tế. Ôi thôi, thế là tổ chúng tôi quần bác Tú đến điều. Cũng không ai khen bác một câu, bởi vì bác Tú Mỡ có thật thà nói ra, chúng tôi mới biết chuyện kỳ cục ấy, chứ Tú Mỡ giấu đi thì nào ai biết được. Lúc đến lượt phát biểu tiếp thu được giúp đỡ, Tú Mỡ cũng không nói câu nào.

Hôm tan lớp, chúng tôi trở lại cơ quan. Trên đường đi, Tú Mỡ mới thù thì tâm sự:

- Nghe các cậu phân tích mình cũng nhận ra cái sai. Nhưng mà... nhưng mà... tớ tính nếu không có bài văn tế, không được thăng quan đồn mới đến thay tin cần hơn, đời nào nó thả cho tớ đi Thái Nguyên tìm vợ con. Có được xô lồng thì Tú Mỡ mới về với các cậu được chứ. Thế thì thử bắc cân lên xem thăng Khổng Minh Tú Mỡ so với thăng phản động Tú Mỡ, thăng nào nặng cân hơn.

Đến lúc ấy không còn vai tổ trưởng, tôi cười trừ. Ở lâu với Tú Mỡ, thấy anh cứ vừa ngơ ngác vừa thâm thúy và không biết đùa. Tú Mỡ làm thơ trào phúng toàn đọc bản tin Thông tấn xã lấy gợi ý. Về Hà Nội, chi bộ dự định kết nạp Tú Mỡ vào Đảng. Tú Mỡ cũng có nguyện vọng ấy. Ở trên nhận báo cáo và có ý kiến xuống đồng chí Tú Mỡ chiến sĩ thi đua toàn quốc xứng đáng đảng viên, nhưng nên để đồng chí Tú Mỡ ngoài đảng. Như thế có lợi cho cuộc đấu tranh thống nhất hai miền.

Tôi có trách nhiệm nói lại với anh Tú Mỡ như thế. Tôi đã nói, rồi lại đề nghị Tú Mỡ cùng tôi lên gặp trên. Ra về, anh Tú Mỡ bắt tay tôi, vè hề hã. Ôi thôi, bao nhiêu náo nùng trần ai. Ngót hai năm trước, tôi đã đi làm anh đội mấy đợt cải cách ruộng đất. Đợt 3 dưới kẻ bề Hải Yến, Tỉnh Gia rồi lên Hậu Hiền tổng kết. Xong về xã Đồng Tiến, Nông Cống, đợt 4 được thăng đội phó phụ trách tòa án. Chẳng phải vì tôi tài ba đánh địch thế nào, mà vì hồi ấy nghe tin chính quyền trong Nam kiện với ủy ban Quốc tế rằng ta vi phạm nhân quyền, bắt giam người không có án. Đoàn ủy cải cách có sáng kiến tìm ra tôi là nhà văn nhà báo, gọi lên, phong chức cho tôi có cương vị múa bút sửa soạn chữ nghĩa, giấy tờ đối phó, nếu ủy ban Quốc tế kiểm tra đến. Tôi đã làm sẵn nhiều bản án. Mỗi không thấy gì. Nhưng dù sao, đội tôi cũng là một đội đánh địch khá, đã hai lần được tuyên dương toàn đoàn. Cho nên, đợt 5 được điều ra Cẩm Bình, Hải Dương vùng hai trăm ngày sau tiếp quản mới giải phóng, làm một lèo thăng cải cách ruộng đất không qua phát động giảm tô. Những vùng trắng cơ sở, chắc chắn lúc nhúc mật thám và Quốc dân đảng. Tôi làm phó, đội trưởng Huỳnh Cự, nghe nói là đại đội trưởng bên quân đội đã tham gia ba đợt rồi. Huỳnh Cự sát phạt dữ dội mọi mặt. Mới vài ngày xuống xã, Huỳnh Cự đã tổ chức mít tinh hoan nghênh đoàn ủy duyệt cho bắn một địa chủ để nâng khí thế nông dân lên. Huỳnh Cự lấy một cô rể cổ nông. Huỳnh Cự bảo tớ chưa có vợ. Vóc cao lớn, vạm vỡ, đáng đã đúng tuổi, hai con mắt ngầu đỏ, đi đâu cũng đeo ba lô và vắt cái khăn mặt trắng quanh cổ. Tôi nghi ngờ thế nào ấy, chẳng lẽ lão này lại chưa có vợ. Nhưng không dám hé răng. Huỳnh Cự nhốt tôi vào chuồng trâu lúc nào chẳng được. Tôi đã viết bài và làm nhiều ca dao đăng báo của đoàn về tội cường hào ác bá mà tôi nghe ở những cuộc họp kể khổ.

Bao nhiêu năm sau. Một đêm tôi mở đài Sài Gòn. Tôi hay nghe mục Tao Đàn, cái giọng nữ ẻo ọt của cố nhân Đinh Hùng. Hôm ấy, có tin đại tá Huỳnh Cự đi dự hội nghị quốc tế chống cộng ở Đài Loan. Lại, nhưng tôi tin ngay là Huỳnh Cự ấy. Đến lúc Huỳnh Cự phát biểu với các nhà báo ở sân bay Tân Sơn Nhất, thưa dóm bảo... thưa dóm bảo... cái tiếng Quảng Ngãi nặng trịch, nghe dễ sợ vẫn như ngày làm cải cách ở Cẩm Bình.

Thì ra, Huỳnh Cự làm cải cách cuối đợt 5 xong rồi vào chiến trường, rồi ra hàng địch.

Đầu tôi nặng trĩu mưa gió chính huấn. Lúc lặng im vẫn lo vẫn vơ. Không biết nên thế nào, cũng không khuây khỏa nhẹ nhàng được. Việc không đáng nghĩ mà đâm ra nghĩ. Xưa kia đi làm, cái nghề bán giày kiếm đồng tiền mua mật ra, rồi viết văn, cũng là đi làm. Tôi theo đuôi lý tưởng từ những ngày bóng tối. Không có cách mạng, tôi làm sao nên người như bây giờ. Làm sao tôi lại có thể nghiêng ngả, có thể bị lũng đoạn được nhỉ? Ở rừng ra, đi cải cách rồi về bắt tay vào những công tác rất quen mà cũng rất mới mẻ này, mới được hơn một

năm. Tôi hữu khuynh, tôi bị anh em bốc lên phồng mũi Triệu Tử Long, tôi bị bịt mắt, tôi bị xỏ mũi mà không hiểu, chậm hiểu, không tự biết. Phải thế không? Tôi không tin tôi đến nỗi dù dờ thể. Có lẽ tôi cũng như Nguyên Hồng, chỉ thấy công phu đã làm báo, đã mất công lo việc thế thì không thể sai. Ngày trước và cả khi ấy, Như Phong vẫn bảo tôi là thằng ngoại ô lấu cá, văn chương đẽo gọt. Cái ấy thì có thể. Tôi sinh ra ở nơi thành phố với làng mạc lẫn lộn, thế lực chánh lý không khác ra lửa như trời đất làng Đại Hoàng của Nam Cao, mà ở quê tôi, túi bạc đâm toạc tờ giấy, có tiền là có cả, bấy lâu tôi lăn lóc trong khố đời ấy có thể vì thế mà tôi sai chăng.

Trước bước kiểm thảo, chúng tôi được nghiên cứu và phổ biến lại vấn đề *Nhân Văn* đã xảy ra năm trước. Sự việc ấy phức tạp cả trong nhiều tầng lớp xã hội ở thành phố, không phải chỉ có mấy cái truyện ngắn, bài thơ trên báo là tất cả. Trong những người dính líu không phải ai cũng đều biết tác động nhuộm màu chính trị lan truyền trong hoạt động đảng xã hội Pháp cũ (Sfio) và những người đang lo lắng lên tư sản hay những người liên quan, con cái và địa chủ các nơi lên về ẩn náu. Lại có ông tùy viên văn hóa Đuy rằng con, tay chơi đồ cổ có hạng, nói tiếng Việt như ta, lại có thư luân lưu tổng giám mục Đuy lấy địa phận Hà Nội dạy dỗ giáo dân sống với quý ác, biết nhẫn nhục, ép mình, thư luân lưu lan đến những vùng công giáo cơ sở du kích cũ ở Hà Nam - vẫn địa phận Hà Nội của bên đạo. Các nơi ấy, chín năm kháng chiến không có lẽ cho người chết, cho trẻ sơ sinh, cho các đám cưới, bây giờ cha cổ về làm lễ rông rã mấy tháng qua các làng chưa hết. Cái họ đạo xôi đỗ làng du kích Đại Hoàng của Nam Cao cũng trải những việc đạo việc đời nhiều khê thế. Những người nước ngoài vi phạm an ninh của đất nước đã bị trục xuất. Người có quan hệ với họ, Thụy An và Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo trên đường xuống Hải Phòng bị bắt ở ga Phú Thái. Ở hội trường, được phổ biến thế.

Tiếng vỗ tay rào rào. Tôi ngồi im. Tôi ngâm ngùi nhớ hơn mười năm trước, tổ văn hóa cứu quốc chúng tôi bị giải xuống Nam Định. Mật thám đã xong cung, còn nằm nhà giam đợi ra tòa. Dối dãi, cả ngày chuyện tào lao, Nguyễn Hữu Đang có một nhận xét chưa chất về đàn bà:

- Những thằng ăn nói lém lỉnh như tao, đàn bà không thích. Chúng nó ưa những đứa lờ mờ một chút, dễ sai bảo. Tao có kinh nghiệm thế rồi.

Nguyễn Hữu Đang ngâm thơ giọng thủ thi rất buồn: *Nào những ai bấy thước thân nam tử. Bốn bề chỉ tang bồng... Ngàn mây bay bồng...*

Tan lớp ở Thái Hà ít lâu, Phùng Cung bị bắt, Phùng Cung công tác chạy hiệu ở văn phòng cơ quan hội Văn Nghệ từ trên Tuyên Quang. Ở rừng, những việc tù mù không tên, giấy tờ công văn, giữ sách thư viện, làm sách mới, đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan... Nghĩ đến Phùng Cung, tôi nhớ những việc linh tinh hàng ngày ở cơ quan kháng chiến. Hồi ấy nhiều người ở đâu vào làm cơ quan, tuy khổ song chắc chắn hơn long đong dò giang chạy chợ.

Nhưng mà cũng là ở đâu yên thân thì người ta tu lại không dính tề về thành, mặc dầu thật ở nơi dèo heo hút gió lại khác. Báo *Cứu Quốc Việt Bắc* chúng tôi ở Bắc Cạn có anh bỏ cơ quan ra lấy vợ người Tày trong làng rồi đi cắt tóc, đi sơn tràng. Bây giờ anh Ban ra ngoài làng vẫn còn sống, ở vùng chè Tân Cương trên Thái Nguyên. Tết, tôi thường nhận thư. Phùng Cung từ cơ quan nào dạt đến, không nhớ - có lẽ ở ty thông tin Tuyên Quang. Chơi vui, cũng không để ý, kể cả việc hệ trọng khi tôi nhờ Phùng Cung đạp xe dèo đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy. Đọc truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh* Phùng Cung đăng trên báo *Nhân Văn* tôi

cũng gât gù.

- Thăng này viết được. Nhưng còn học máu ra mới nên cơm nên cháo đấy, con ạ.

Phùng Cung cũng điều dóm và tập tành như tôi ngày xưa, đầu dễ mà có sừng có mỏ ngay. Phùng Cung bị bắt khi nhân văn, nhân võ đã được dọn dẹp yên ổn, đã tàn. Nghe nói Phùng Cung hay chén chén anh với đám Trần Dân, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được mấy anh này phong chức tay truyện ngắn nhất Đông Dương. Chắc là la đà chiều rượu với nhau, ăn nói càn ngo ngoá gan nhau, càn bạt mạng. Lại viết tập *Dạ ký* đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm.

Tôi không thể tưởng tượng ra được một Phùng Cung thế nào mà bị bắt. Tôi vẫn mơ màng về chúng tôi, cây số ba, cây số bảy trên Tuyên, phở Dơi, cà phê Pháo, anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu về vệt vệt nặn trứng cá, cứ ngồi bên bàn đọc sách, có lúc gãi ghè hay lúi húi làm gì, con mắt đỏ đỏ mà tinh, như chú mèo vờ lù rù rình chuột. Về Hà Nội, đôi ba lần chúng tôi lảng cháng cả phê Phúc Châu phổ trên. Hình như Phùng Cung quê ở trung du và nổi nhà địa nhà phú thế nào ấy cũng không bao giờ tôi hỏi.

Lại hơn mười năm sau. Chập tối, một người bước vào cửa. Dáng ủ rũ, mặt tái ngoét, không phải Phùng Cung mà là cái bóng Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chỉ mờ mờ.

- Phùng Cung phải không?

- Tôi đây.

- Còn sống về được a?

- Cũng không hiểu tại sao, anh ạ.

Từ ấy, thỉnh thoảng có gặp lại. Trước kia tôi đã không biết, bây giờ chẳng muốn đụng đến vết đau. Lại bình thường. Có hôm Phùng Cung nói chuyện ở tù, cứ như chuyện ai, ở đâu. Hồi ấy, thuốc viên rửa, loại độc bảng A rất hiếm, dù đấy là dược phẩm của ta. Phùng Cung hỏi và kể luôn:

- Anh có biết sao thuốc hiếm không? Trong viên rửa có thuốc phiện. Người ta mua, gửi cho thằng người nhà ở tù hãm nghiện, cai nghiện. Có đứa uống viên rửa, cả tháng không ỉa được, gãi tuột da, phát điên.

Hôm ấy, chúng tôi đi ăn phở, Phùng Cung trả tiền rồi rù lên cả phê bà Sinh ở Cột Cờ. Tết, Phùng Cung đem biếu chai rượu thuốc. Tôi mừng, cái thằng chớm lao ngày ấy - bệnh lao đã nặng lên trong tù tuy ngày nay không phải là bệnh chết mấy nữa, nhưng vẫn là ho lao. Phùng Cung hỏi tôi:

- Anh có biết tôi phải giam bao nhiêu năm?

- Không biết.

- Vâng, mười một năm tù biệt giam.

Đã tù lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù. Thế nào, người tù biệt giam mười một năm vẫn hiện được về. Lại lâu lắm không gặp. Ngỡ như Phùng Cung đã làm sao. Nhưng, một hôm, có người sở Công an đến nhờ tôi ký chứng nhận quãng công tác ở cơ quan sau cùng Phùng Cung làm việc, trước khi phải bắt. Các anh phụ trách Hội Nhà Văn bây giờ đều là người các khóa mới không chịu trách nhiệm quãng thời gian ấy. Tôi lại phải làm cái việc qua đã lâu rồi.

Tôi hỏi người công an trẻ tuổi cầm giấy.

- Chứng nhận để làm gì?

- Có liên tục công tác thì mới đủ năm cầm sổ hưu. Thủ tục thế ạ.

- Liên tục cả ở cơ quan nhà tù?

Anh công an cười hồn nhiên, chào cảm ơn bác. Gần đây, nghe Phùng Cung đã chuyển lên ở một xóm trên Quận Ngự. Nghe nói con cái nên người đã khấm khá, làm được nhà mới. Lại thấy báo đương viết, viết hồi ký - hay tiếp tục *Dạ ký* sau hơn ba mươi năm, hà đờ! Báo có hôm nào lên chơi, vẫn chưa đi được.

Tôi ngồi cạnh Nguyên Hồng. Kiểm điểm Nguyên Hồng một buổi chưa xong. Vẫn một chồng báo *Văn*, vẫn như mọi hôm. Cả tổ với nhiều người tổ khác đến viện trợ cũng không ai hỏi thêm Nguyên Hồng một câu nào nữa. Bây giờ mà đụng đến, lại phân tích, lại bổ sung, lại tôi xin góp với đồng chí thì chắc chắn lại như hôm qua, hôm kia, trông trước kia kia Nguyên Hồng xòe bàn tay lên chồng báo, vuốt vuốt, méu máo nói, nước mắt như trút... tôi thức đêm thức hôm... tôi bỏ hết sáng tác, ngày đêm tôi chỉ nghĩ đến tờ báo... bài này đề tài công nhân... bài về kháng chiến... bài này về thống nhất... bài về sửa sai cái cách ruộng đất... tôi không... tôi không... Chẳng mấy lúc Nguyên Hồng lại khóc hu hu.

Thế là không ai nói chen vào được nữa.

Báo *Văn* nghỉ. Tuần báo *Văn Học* ra thay. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn sát nhập vào Nhà xuất bản Văn Hóa, bộ phận văn học của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn do phó giám đốc Đồ Phồn phụ trách. Chúng tôi thì được chia vào các tổ đi thực tế lâu dài theo phong trào lúc ấy. Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Văn Cao, Lưu Quang Thuận, Nguyễn Văn Tý lên nông trường Điện Biên. Nguyên Hồng về nhà máy xi măng Hải Phòng. Có anh đội mũ thợ, đẩy xe goòng đăng báo *Nhân Dân*. Tôi đi với tổ trưởng Hoàng Trung Thông, xuống Thái Bình cùng Hoàng Cầm, Chu Ngọc, Trần Lê Văn, Phùng Quán. Chúng tôi về lao động và xây dựng hợp tác xã một thôn ở Thái Thụy, huyện Thái Ninh. Mỗi xã mới tổ chức hợp tác xã ở một làng làm thí điểm. Đi lâu, chuyển hẳn mọi chế độ sinh hoạt cơ quan và đảng về địa phương.

Buổi chiều ấy, Nguyên Hồng rủ tôi đến chơi nhà. Không phải chiều thứ bảy, khác lệ mọi khi.

Tôi hỏi:

- Lại nem Sà Goòng?

- Ừ, mới kiếm được cái rau hay lắm.

Đúng, lại chả giò với nhân nhau thái băm với mộc nhĩ. Vẫn trên căn gác mọi khi. Các cháu, đứa bỏ củi, đứa xuống nhà rửa rau, đứa ngồi học cạnh cửa sổ. Người trong phòng bẽ bộn hơn đồ đạc. Chị ấy gầy leo khoeo đã chớm bệnh hen, đương lúi húi rán chảo nem trên hỏa lò than cám. Chị đi làm về, sao hàng sách đóng cửa sớm thế - tôi hỏi. Chị cười nhẹ nhàng, không trả lời câu hỏi mà sau tôi mới hiểu. Cụ bà bên góc tương đương trùm mền áo sứt chỉ của cháu nào.

Chúng tôi im lặng một lúc. Lớp học dưới áp xong đã lâu mà cái rã rời cộng với bao nhiêu buồn bã vẫn vơ khác lại chọt đẩy mỗi người chìm vào một xó. Không phải ngẫu nhiên mà vừa rồi mới có cuộc họp về vấn đề tên văn gian tởn kít Vũ Trọng Phụng, do Hoàng Văn

Hoan triệu tập chỉ có tổ nòng cốt, cốt cán những người tin cậy. Hai chúng tôi không được dự. Cuộc họp ban chấp hành Hội cũng đã quyết định về chúng tôi. Có hai người hăng nhất, Hoài Thanh và Lưu Trọng Lư đề nghị đưa hai chúng tôi ra khỏi Ban chấp hành, ra khỏi Hội Nhà Văn. Nguyên Hồng suýt lại bị kiểm điểm vì không đi đưa đám Mạnh Phú Tứ. Tôi thì được Đỗ Phồn chứng nhận. Anh này có đi đưa, có kiêng quan tài ra xe nhà đòn! Nguyên Hồng bị nhảm là có thái độ chống đối với những người tích cực. Nhưng đến khi Nguyên Hồng nói rằng mấy hôm ấy nằm khàn ở nhà, không đến cơ quan, không đọc báo cũng không ai đến báo cho biết. Thế mọi người mới thôi.

Đột nhiên, Nguyên Hồng nghiêm nghị nói:

- Tao không chịu.

Tôi ừ hừ. Nguyên Hồng nói tiếp, nho nhỏ:

- Tao kiện lên anh Cả.

- Kiện à?

- Ừ, tao kiện. Tao tin tưởng đồng chí Sao Đỏ. Không dễ thịt nhau như thế. Tao không có điều gì không đúng với Đảng.

Ừ, chúng ta sai lầm sao được. Những tự tin ngậy dại. Có điều, ở Nguyên Hồng được biểu hiện ra khác mà thôi. Nguyên Hồng kia mà. Có lần, tôi được Trần Quang Huy kể rằng khi sắp chiến tranh thế giới lần thứ hai, bộ phận hoạt động công khai của Đảng chuẩn bị rút vào hoạt động bí mật.

Trần Quang Huy được phân công đưa Nguyên Hồng đi công tác thoát ly. Nguyên Hồng đã ra ngoại ô Hải Phòng ở bí mật được vài hôm, nhưng mà cậu ta nhớ nhà hay sao ấy, hôm nào cũng khóc! Thế là lại phải cho về. Ít lâu sau, mật thám Pháp bắt, rồi Nguyên Hồng bị đẩy lên trại tập trung Bắc Mê trên Hà Giang. Phải, chúng tôi từ những lặn lội ấy ra cơ mà.

Nguyễn Lương Bằng đương phụ trách ban thanh tra Chính phủ. Nguyên Hồng đã cấp cả ôm báo *Văn* lên ban thanh tra. Nguyên Hồng quý Nguyễn Lương Bằng, có lẽ từ những chuyện vượt ngục dưng cảm. Nguyên Hồng gọi một cách trân trọng đồng chí Sao Đỏ. Huống chi Sao Đỏ lại đương làm Bao Công.

Nguyên Hồng nói đi nói lại:

- Rồi mày xem! Rồi mày xem!

Tôi không nói. Cũng không dám một câu cười cợt cái cá tin hồn nhiên của Nguyên Hồng. Nguyên Hồng lắm bầm, lâu bàu nói một mình. Lát sau, bảo tôi:

- Mà tao đã tính rồi.

Nét mặt Nguyên Hồng rầu hẩn lại. Nguyên Hồng thường vui buồn đột nhiên, khó hiểu. Vừa nói đến Sao Đỏ, Nguyên Hồng phần chần lạ thường, bây giờ lại khác hẳn.

Tôi đưa tờ báo *Nhân Dân* ngày 12 tháng ba năm 1958 in bài của tôi đề là *Nhìn lại một số sai lầm trong bài báo và trong công tác*. Nguyên Hồng cầm xem, chỗ qua loa, chỗ chăm chú.

Sau Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, cũng như tất thấy anh chị em văn nghệ sĩ, tôi rất phấn khởi trước sự thành lập của những hội riêng của các ngành.

Tôi thường nghĩ rằng. Đường lối thì đã có ở thư của Trung ương Đảng gửi đại hội, đúng quá, rõ quá rồi. Chúng ta chỉ còn lo liệu sao cho nhau ra sức sáng tác mà thôi, một mặt khác, đối với những tư tưởng chính trị nguy hiểm và những quan điểm nghệ thuật sai lầm bộc lộ trên báo *Nhân Văn* và các tập *Giai Phẩm* của Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Trương Tửu, tôi ngỡ rằng trước phong trào quần chúng đấu tranh phản đối như vừa qua, họ phải sáng ra, như vậy là đã giải quyết xong những lệch lạc ấy.

Các quan điểm nhẹ nhàng đến độ vô lý nguy hiểm như trên, đã đưa tới cái nhìn, cùng với những lý luận sai lầm trong chủ trương công tác của tôi. Hội Nhà Văn Việt Nam và cụ thể trong một số việc làm, một số bài viết của tôi.

Ngày nay, sau những cuộc thảo luận, phê bình vừa rồi, tôi mới nhận rõ trong năm qua tình hình không phải mọi sự êm đẹp chỉ có việc sáng tác mà trong văn học vẫn có đấu tranh tư tưởng gay go. Tư tưởng xấu của nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm* đã tiếp tục len vào cơ quan của Hội Nhà Văn, trên báo *Văn*, gây nhiều tác hại. Quan niệm mơ hồ của tôi, khách quan đã tạo điều kiện cho khuynh hướng tư tưởng nhóm ấy lợi dụng diễn đàn báo *Văn* và một số cơ quan khác của Hội Nhà Văn như Nhà xuất bản, câu lạc bộ, đã gieo rắc quan điểm chính trị và nghệ thuật nguy hại. Sự yên tâm vô lý của tôi trước hình hình đó là do tôi đã hầu như không để ý rằng miền Nam còn nằm trong lưới để quốc Mỹ. Bộ máy chiến tranh tâm lý của Mỹ Diệm ngày đêm tìm mọi cách gieo rắc tư tưởng thù địch để phá hoại sự nghiệp xây dựng miền Bắc của chúng ta. Trong văn học hiện nay không thể quên mỗi tư tưởng đều hoặc có lợi cho ta hoặc có lợi cho địch. Tôi đã hầu như bằng chân như vại để cho những tư tưởng xấu của báo *Nhân Văn* cũ còn có cơ hội nhoi ra trên sách báo của Hội Nhà Văn, làm cho Mỹ Diệm có cơ hội lợi dụng để gây hoang mang cho đồng bào miền Nam và xuyên tạc sự thật ở miền Bắc.

Một phía khác, tôi cũng chưa nhận rõ miền Bắc đã đương trên quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa mở ra trên miền Bắc Việt Nam sau cuộc chiến tranh tàn phá khốc liệt, trong khi tiến hành cách mạng ruộng đất và cải tạo tư sản. Với đặc điểm xã hội Việt Nam, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta vẫn không thể ra ngoài những qui luật phổ biến mà trước nhất là cuộc đấu tranh giai cấp mới đương diễn ra về mọi mặt. Tất nhiên, trước công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa thì những lực lượng tư bản chủ nghĩa khủng lên, phản ứng, ra sức chống chọi và một lúc nào đó kéo theo được một số hoang mang ở những tầng lớp gần cạnh.

Điều đó rất rõ hiện nay trên mọi mặt đấu tranh tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hóa ở thành thị và nông thôn. Do đây, càng thấy rõ những tư tưởng nguy hại của một số người, từ báo *Nhân Văn*, không phải ngẫu nhiên tồn tại và có cơ phát triển đối kháng, chống lại Đảng, chống lại chủ nghĩa xã hội trong khi giai đoạn cách mạng đương chuyển nhanh, chuyển mạnh.

Những điều trên, trong thời gian vừa qua, tôi hoàn toàn không biết soi lên và cắt nghĩa được trong lĩnh vực văn học.

Cho nên, ở bài tổ chức phát triển lực lượng sáng tác trước nhất và bài góp ý kiến về vấn đề con người mới đăng trên báo *Văn* tôi đã đưa ra một số luận điểm sai lầm. Đại ý nói rằng:

1. Trong phong trào văn học hiện nay hãy khoan khoan lý lẽ, bởi vì lý lẽ đã cạn rồi, nói tô đen hay bôi hồng gì cũng là vô ích. Mà chỉ có tổ chức, phát triển sáng tác là cần thiết và đáng chú trọng hơn hết, trước nhất? Chủ trương trên đây có phần ảnh hưởng vào hội nghị lần thứ 3 ban chấp hành Hội Nhà Văn và trở nên phương châm công tác của một thời kỳ giữa hai kỳ họp của ban chấp hành. Sai lầm của tôi đã gây nhiều tác hại. Lẽ cố nhiên, nhiệm vụ của Hội Nhà Văn là phải tìm mọi cách phát triển sáng tác nhưng vấn đề là phát triển sáng tác theo phương hướng tư tưởng nào? Không thể phát triển loại sáng tác mang những tư tưởng xấu, chống đối lại chủ nghĩa xã hội,

không thể bỏ công sức ra tổ chức, tạo điều kiện cho những sáng tác như vậy ra đời. Mà trái lại phải đấu tranh chống những sáng tác đó. Nhưng trong thời gian qua, báo *Văn*, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn lại đem in lên, đăng lên những sáng tác có hại. Như vậy, không thể gọi là phát triển sáng tác. Thế mà tôi đã bảo vệ cho những sai lầm đó. Tôi còn cho là lý lẽ đã cạn rồi, thực ra là cho công tác lý luận, phê bình không có ích, lúc này cứ việc sáng tác mà không cần đấu tranh tư tưởng. Vì thế, chẳng những là không trị được những tư tưởng xấu lại cũng không tìm hiểu, phân tích, biểu dương được những luồng sáng tác tốt.

2. Khi thảo luận về con người mới, tôi nêu vấn đề một con người mới Việt Nam là có thật, nhưng vô cùng phức tạp, vì nó sinh ra từ một xã hội phong kiến và thuộc địa nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua gần mười năm kháng chiến gian khổ và hai miền chia cắt như ngày nay, cho nên, hiện giờ, nêu biểu hiện con người mới thì dù lấy quy cách nào ra so sánh cũng là công thức cứng nhắc, bất cứ ai cũng không thể định được mẫu cho ai theo. Mà chỉ nên cùng nhận định thống nhất đại khái như trên rồi đi sâu tìm hiểu và biểu hiện, càng muôn màu muôn vẻ càng hay.

Nói cho cùng, về việc biểu hiện con người mới Việt Nam, tới bây giờ tôi vẫn thấy là rất phức tạp là nhiều khó khăn. Nhưng nhận định xóa nhòa như trên đã làm cho tôi lẫn lộn cơ sở của vấn đề con người mới ở đâu mà ra, con người mới là ai, con người mới phải thế nào. Cố nhiên, nhà văn không thể lấy công thức cứng nhắc để thay thế sự nghiên cứu tìm hiểu những con người mới đương sống trong đời. Nhưng khi Đảng ta nêu lên: Con người mới là con người lao động chân tay và trí óc phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trước nhất là công nông binh, thì đó là sự thật là nguyên tắc căn bản chứ không thể gọi là công thức. Trái lại, giữa lúc chúng ta đương đấu tranh với lối sống đầu cơ, bóc lột của một số người tư sản, mà chỉ nêu cao con người chung chung, vui đi mọi ranh giới, như vậy, chỉ là bao che cho những kiểu người bóc lột lối thời. Trước đây, chính báo *Nhân Văn* và các tập san *Giai Phẩm* cũng núp sau chiêu bài con người mà bôi nhọ chế độ ta và đưa ra những tư tưởng tình cảm cá nhân chủ nghĩa, chọi lại với cuộc sống mới đang được xây dựng. Do quan niệm thiếu căn bản như trên, tôi đã rất coi thường sự mờ nhạt hình ảnh công nông binh trên báo *Văn* và trong phương hướng xuất bản của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Tôi không trọng việc khuyến khích những tác phẩm đề cập những vấn đề nóng hổi của cách mạng và xem nhẹ nội dung, quá thiên về hình thức, kỹ thuật. Mặt khác, nhận định của tôi bị một số người có xu hướng tư tưởng lạc hậu cố ý núp vào, tô điểm vẽ vời thêm theo lối của họ để che giấu chủ trương tách rời đường lối văn nghệ của Đảng. Những chiêu bài con người, nhân phẩm chung chung ấy thực ra chỉ để trốn tránh đi vào công nông binh, hoặc ngụy biện là biểu hiện thực tế nào cũng được. Cho nên, cũng dễ dàng thấy như vừa qua, bên một số sáng tác giá trị, còn những sáng tác ốm đau, vàng vọt chìm đắm vào những khía cạnh tẻ nhạt, cá biệt, sắc chủ quan, xa rời những nhiệm vụ của thời đại, xa rời đời sống quần chúng. Những sáng tác đó tự cho là tìm tòi nhưng thực chất cũng chỉ lại rơi vào bệnh sơ lược vụn vặt mà thôi. Sự thật tỏ rõ: Ai đã thâm nhập thực tế quần chúng, những sáng tác nào đã chuẩn bị trên sức lực của kết quả thâm nhập cuộc sống đều tốt. Những ai sợ thực tế như con dơi sợ ánh sáng, trốn nấp sau cái lá chắn thực tế do mình mà ra đều cùng quần không viết được, tự mình thấy trống rỗng một cách xấu hổ và họ đã thất bại thảm hại.

Với quan niệm trên, tôi đã đặt vấn đề sáng tác đơn thuần trên hình thức của công việc sáng tác mà không đặt vấn đề nội dung sáng tác thế nào (thật ra, đầu óc bám đặc tư tưởng lạc hậu mà cứ sáng tác thì cũng chỉ nghĩ ra được những cái tồi cái xấu mà thôi). Tôi không chú ý trạng thái đó đã không may may đặt vấn đề tổ chức học tập nghiên cứu chính trị, nghiệp vụ và trầm trọng nhất, đã không tổ chức

đi vào thực tế lao động phần đầu của quần chúng, chẳng những đã không giúp mà còn buông lỏng coi thường khả năng của người viết hòa mình vào quần chúng. Đó chính là một thiếu sót trầm trọng.

Hiện nay cách mạng đã chuyển giai đoạn, nhưng bởi nhận thức và tư tưởng không chuyển kịp, có chỗ lẫn lộn, tôi đã không lường hết được tầm quan trọng của đấu tranh giai cấp. Vì thế mà đánh giá thấp những hoạt động của tư tưởng chính trị và nghệ thuật kiểu báo *Nhân Văn* vẫn sống sót, lại nhất nhạnh dần thêm những rơi rớt lạc hậu của từng người hoặc một phần nào trong tư tưởng mỗi người, vào lúc giai đoạn cách mạng đương chuyển, nó giẫy giụa chống lại bước tiến mới của cách mạng và đã tác hại không nhỏ.

Những khuyết điểm trên đây dẫn tới sai lầm lớn nhất là đã làm tâm thường và hạ thấp tác dụng lãnh đạo tư tưởng của Đảng. Mặc dầu, trong lúc này tôi chưa kiểm điểm công tác của Hội Nhà Văn mà mới bước đầu nhìn lại một số bài báo và công tác của tôi, cũng đã thấy ra được cái nguyên nhân và tác hại cuối cùng của vấn đề là như vậy.

Đành rằng trong một vài sự đánh giá cụ thể về một truyện ngắn này, một bài thơ nọ, có thể nhận thức riêng của tôi còn chưa rõ ràng, nhưng chính yếu là những điều căn bản thu hoạch trên kia đã chỉ ra những sai lầm của tôi, nhất định sẽ càng làm nảy nở sự suy nghĩ đúng của tôi, giúp tôi cùng toàn thể anh chị em đấu tranh kiên quyết chống lại những tư tưởng nguy hiểm còn đương tác hại trong văn học.

Nguyễn Hồng buông tờ báo xuống. Rồi Nguyễn Hồng xua xua tay, nói như hét vào mặt tôi:

- Tiên sư mày, thằng Cầu Tiên ông thì không, Nguyễn Hồng thì không!

Nguyễn Hồng quỳ xuống trước tôi, rồi cứ phủ phục thế, khóc thút thít. Chị ấy bỏ chảo nem, chạy đến.

- Thầy nó làm sao? Lại làm sao thế?

Tôi đỡ Nguyễn Hồng lên. Bà cụ có lẽ nặng tai, vẫn ngồi rờ rẫm vá víu chỗ áo rách. Dưới sân, trẻ con đùa cười nắc nẻ, lại cảnh cách tiếng giã cua. Như không có gì mới xảy ra. Chúng tôi ngồi trở lại, yên lặng như từ nãy vẫn thế.

Nguyễn Hồng nói khẽ:

- Tao tính cả rồi. Trông đây này.

Gian phòng vẫn bẽ bộn màn mừng như mọi khi. Nhưng để ý thì thấy có khác. Mọi thứ đã được gói, buộc lại như dạo trước tôi đã quen mắt thấy sáng sớm các thứ trong các nhà sắp sẵn để quăng ra bờ rào tránh máy bay. Tôi gật gù, nhưng thật cũng chưa hiểu ra như thế nào.

- Tao về Nhã Nam.

- Về Nhã Nam?

- Ừ, Nhã Nam. Đủ, đủ lắm rồi. Ông đeo chơi với chúng mày nữa. Ông về Nhã Nam.

Tôi hiểu cái cười lạnh lẽo và lặng lẽ lúc này của chị ấy.

Rồi một hôm nghe Kim Lân nói Nguyễn Hồng đã dọn về Nhã Nam. Không biết vợ chồng con cái gồng gánh như hôm ở Nhã Nam tung bừng trở về Hà Nội hay là thuê xe ba gác đẩy. Lại lên ngược, tôi chỉ thương chị ấy phải bỏ việc. Không hiểu tại sao, bỗng nhớ lại mùa đông 1950 Nguyễn Hồng ở chiến dịch Biên giới từ Cao Bằng về Nhã Nam. Bộ đội tặng nhà văn chiến lợi phẩm: đồ hộp, mấy cái chăn

đá, đôi giày lính... Lại cấp một tù binh đi theo quây đồ đạc. Dọc đường, Nguyên Hồng mua một con chó mực. Người lính tù, vai đòn gánh, tay dắt chó, rờn rã ngày đi đêm nghỉ, về đến nhà, Nguyên Hồng mời anh lính làm một châu túy lúy. Anh ta ngủ lại một đêm, hôm sau, Nguyên Hồng dặn một câu ngớ ngẩn:

- Về nhà nhá, đừng lên trại giam nữa mà khổ.

Bây giờ Nguyên Hồng lại lên Nhã Nam.

Thế ra hôm ấy Nguyên Hồng mời tôi bữa chả chia tay. Tôi vẫn lơ lửng không tin Nguyên Hồng lại lên Nhã Nam. Nhưng mà sự việc đã thật như thế. Nguyên Hồng vốn quyết đoán. Thầy nó mà đã định, thì trong nhà ai nấy chỉ việc làm theo.

Cả tính toán chi tiêu mấm muối, Nguyên Hồng đi chợ lo liệu lấy, nếu không chị ấy cũng bảo các con: Đã hỏi thầy mày chưa?

Trở lại Nhã Nam, trong khi ở đây nhà đã yên nơi ăn chốn ở và trường lớp các cháu đi học, chị ấy đã có việc làm. Nhưng nhất định không ở nữa. Thế là bỏ hết, lại lên Nhã Nam, ấp Cầu Đen, ấp Đồi Cháy, lại ở cái đồi như những năm tản cư. Gia đình người chị Trần Văn Cần, nhà Tạ Thúc Bình, nhà Kim Lân - khi ấy, bác Ngô Tất Tố đã mất và tất cả các nhà về xuôi đã lâu. Trên quả đồi lưa thưa tre pheo còn lại lơ thơ mấy nhà người làng, cái trường học cấp 1, mái lợp nứa, tường trình ụp xụp, quanh quẽ. Lại vẫn ở cái nhà như từ hồi chạy Tây mới tản cư. Nhà đường đất, bờ rào cắm hàng xương rồng ông, có vũng nước giềng đất trong khe dưới chân đồi. Xa xa, trước mặt, bắt đầu nhấp nhô những cánh rừng thấp trên Yên Thế Thượng. Đi vào đấy, giữa màu chàm âm u, không biết mấy ngày đường qua Cầu Gỗ, Na Lương sang đến Tràng Xá, Võ Nhai bắc Thái Nguyên. Những xóm hẻo lánh người Ngái, người Nùng còn sót lại của tàn quân Lương Tam Kỳ và thời Đề Thám mà mấy năm vừa rồi, chỉ khi nào Tây dưới cầu Đuống rập rình đánh lên Bắc Giang, cơ quan báo *Cứu Quốc* chúng tôi mới phải chui rúc ẩn vào tận suối Lửa gần cửa âm phủ ấy. Nhưng cũng chỉ ít lâu, rừng rậm âm u ngột ngạt quá, lại nhào ra.

Nguyên Hồng về Nhã Nam. Chưa bao giờ nghe Nguyên Hồng trách móc đồng giả chữ ai. Nguyên Hồng không có thói hai ba người tụ bọ bới móc người thứ tư vắng mặt. Thỉnh thoảng về Hà Nội, làm sơ khảo, chung khảo các cuộc thi sáng tác, các giải thưởng văn học và làm chủ tịch hội Văn Nghệ dưới Hải Phòng... Được giao việc thì làm đến nơi đến chốn, nhận tiền công trả đảng hoàng, các thứ của văn phòng lính rạch rồi từng cái ngòi bút, một ram giấy. Hội Nhà Văn Đức tặng Hội Nhà Văn Việt Nam 200 cái xe đạp Diamant mới cứng. Nguyên Hồng được điện khẩn mời xuống công tác. Ấy là việc dắt chiếc xe đạp đứng vườn hoa Cửa Nam trò chuyện với người qua đường. Vô tuyến truyền hình của Việt, của Đức quay giới thiệu nhà văn với tặng phẩm hữu nghị quốc tế.

Nguyên Hồng hỏi ấy mới đề râu, rõ ra phong thái học giả phương Đông. Tuyên truyền thế thôi, cả hội chẳng được sờ vào vành bánh chiếc xe nào.

Hai trăm cái xe lăn cả vào kho bộ Thương nghiệp. Nguyễn Tuân hỏi mắng Nguyên Hồng:

- Đóng trò xong rồi, dắt mẹ nó cái xe ấy đi, đưa nào làm gì được!

Nguyên Hồng cười vuốt râu, đánh trống lảng:

- Tớ lên phim còn nhiều phút hơn cái thằng phiên me vô danh trong *Cánh đồng ma* đấy.

Nguyên Hồng không làm thế, nhưng lấy công tác phí, đòi trả thù lao công tác đóng phim cần thận.

Năm sau, các cơ quan vận động giảm chính, giảm biên chế. Nguyên Hồng ở tuổi 52, đương sức lực, hăm hở. Nguyên Hồng đã hưởng

ứng phép nước, xin được giảm biên chế, về hưu ngay. Nguyên Hồng nói:

- Cũng tiện. Khỏi phải ngửa tay nhận lương tháng, chẳng phải vờ vẩn bịa đặt báo cáo công tác chẳng phiền ai.

Rượu vào, Nguyên Hồng cười hề hề:

- Ông đồ đưa nào dám ra khỏi biên chế bất chước được ông đấy?

Quả thật, xưa nay cũng chỉ có một Nguyên Hồng xin về hưu non mà thôi. Nguyên Hồng là thế. Chẳng ghét ai thân ai, tưởng như vờn vờ gần gũi rất vui, nhưng vẫn là xa lánh một mình.

Hồi ấy, được tiền bán quyền bộ tiểu thuyết *Cửa biển*, Nguyên Hồng chữa nhà. Chúng tôi lên đánh chén khánh thành dinh cơ mới. Vẫn ba gian nhà ở chỗ cũ, nền đất, sân đất, được bó hàng gạch thêm. Dui mè xoan lẫn tre ngâm có chắc chắn hơn. Mái tranh được thay ngói và bức tường hậu đã xây gạch thay tường đất trình khác hẳn. Ngói tây không lốt, chắc là mùa hè nóng phải biết. Tường mới mà đã thấm nước mưa hoen ẩm lem nhem. Bàn viết vẫn kê dưới nhà ngang - chỉ là cái chõng tre và chiếc chiếu. Nguyên Hồng trải chiếu ngồi khoanh chân xếp bằng, tập giấy, lọ mực, cái bút sắt đặt trên mặt chõng. Từ thuở trẻ, khi ở dưới bãi Nghĩa Dững tôi vẫn thấy Nguyên Hồng ngồi nguyên thế như bao giờ. Nguyên Hồng cắt nghĩa rất AQ về sự thoải mái của mình:

- Lúc thư giãn, kèn xuống mặt chiếu trải đất, mát bằng mấy xích đu róc-keng-xe. Cái bàn viết không hay bằng cái chõng viết, tha hồ xê dịch, chán cảnh rừng Yên Thế lại bê chõng về đằng này ngắm giàn mướp hương.

Trên mặt tường nham nhở, Nguyên Hồng treo hai bức sơn dầu của Dương Bích Liên. Dương Bích Liên đã cho Nguyên Hồng một tranh sơn dầu hai đứa trẻ gái gây guộc xanh lét cả tóc. Tranh ấy treo cạnh bức sơn dầu *Hào*. Bức *Hào* của Dương Bích Liên dự triển lãm năm ấy chỉ được treo ở chỗ tranh bị loại. Tôi đã mua bức tranh bị loại về biếu Nguyên Hồng. Đưa được bức *Hào* lên Nhã Nam là một công quả, không biết Nguyên Hồng đã vác bằng cách thế nào. Bức tranh to kín một gian mặt tường. Nhưng ít lâu sau, tranh bị mốc. Nguyên Hồng lại khiêng tranh về Hà Nội, nhờ Dương Bích Liên tân trang lại. Rồi thế nào không đem về nữa, và bây giờ không biết bức tranh *Hào* lưu lạc ở đâu!

Cổ thịt ngan của nhà, lại nổi bồ câu hầm dưới bếp cũng cây nhà lá vườn. Chúng tôi ngồi trên tấm phản bên cửa sổ trông ra sân. Râu Nguyên Hồng lởm chớm cứng quèu, chưa dài hẳn. Bộ râu của Nguyên Hồng nhiều giá trị thực dụng chứ không phải như râu những lão ở ần. Lưỡi dao cạo hiếm, chợ cũng không có. Đôi khi, cơ quan phân phối một hai lưỡi. Nguyên Hồng không còn sinh hoạt công đoàn vẫn được chia, nhưng cắt công xuống tận Hà Nội lĩnh một lưỡi dao cạo, ngại quá. Thế rồi bộ râu tự do trở ra. Rồi lại gặp cái tiện lợi khác. Cán bộ thuế hồi ấy khám rượu quốc lủi khá ngặt trên tàu hỏa. Nguyên Hồng đi đâu thường đem rượu nhà theo. Bỏ thêm vào hũ mấy cái vỏ quít khô. Nhà thuế khám, Nguyên Hồng hạ chiếc bị trên vai áo nâu bạc xuống, một tay khoảnh lại dăm lưng, một tay lỏ hũ rượu. Đau lưng, đau lưng, phải có cái tang thuốc ngâm gia truyền này mới được. Anh thông cảm! Đến hồi có thêm bộ râu dài hẳn hoi thì hũ rượu ngâm thuốc bắc vỏ quít cứ để trần ra trên ghế hàng tàu, cũng chẳng ông nhà thuế nào ỡi ời đến lão nhà quê ấy. Không mấy ai để ý trên bộ râu ngụy trang, hai con mắt còn nhanh như chớp.

Nguyên Hồng vênh râu, hào hứng:

- Các ông xem cơ ngơi tôi thế nào? Đã hơn dinh Đề Thám chưa? Hai cái tranh của thằng Liên treo thế, đắc địa nhất chứ. Bây giờ mà

thằng Dương Bích Liên trông thấy thì nó phải sượng tỉnh người.

Chị Hồng ở dưới bếp, nói chen:

- Thầy nó nhà tôi nghe người ta nịnh, lấy hết cả tiền. Chứ đám thợ ngỗ bên ấy chỉ khéo nói, nhà với cửa chẳng ra sao đâu. Mưa to, mái hắt, tường thấm nước, mà nắng thì nóng ời là nóng. Cái mái nứa, mái rạ ngày trước mát...

Nguyễn Hồng bị cụt hứng, trừng mắt. Tức quá, môi bấp bấp không nói thành tiếng. Nếu không có chúng tôi đương ngồi quanh mâm, thì không biết có phải câu cất nghia này không. Nguyễn Hồng cất giọng hách, lẩn át:

- Xà, mẹ mày biết đâu! Cầu kỳ lắm mới đón được hiệp thợ của người ta. Chỉ nói một câu này là các ông đã phải kinh người rồi. Toàn tay thợ con cháu các cụ đã cất dinh ông Đề, đã xây dựng doanh trại ông Đề Thám ở Cầu Gồ đấy. Có thể tôi mới chịu khó chuốc về.

Chị Hồng im. Nguyễn Hồng mà nói đến hơi hưởng oai danh ông Đề thì đến chúng tôi cũng chỉ biết lặng im. Có một lúc, tôi sang đầu nhà trông ra góc sân chỗ cây mít. Ở đấy có nếp nhà tranh cao ráo phủ kín rạ và lá cọ mới mọc. Tôi hỏi:

- Ông bà định xây nhà nữa à?

Chị Hồng đáp:

- Không, đây là của bộ đội.

- Cái gì của bộ đội?

- Đạn của bộ đội.

Trong gian nhà chật cao ngất toàn hòm đạn. Thế này, chỉ một băng liên thanh, một quả bom vu vơ nào máy bay Mỹ choang xuống thì cả xóm đồi ra tro, kể chi một nhà ông Nguyễn Hồng. Sao không bảo bộ đội làm kho chứa đạn xuống chỗ chân tre vắng vẻ, khuất nẻo bên kia. Tôi chưa kịp hỏi, chị Hồng lại nhẹ nhõm, như không:

- Thầy cháu cho bộ đội gửi đấy ạ.

Thầy cháu đã bảo cho gửi thì thôi rồi. Thầy cháu đã bảo mà.

Không bao giờ nghe Nguyễn Hồng nói có khi lại đưa vợ con về Hà Nội nữa. Ở đây cũng vui thú và quen biết. Cả đời này đây mai đó, lên Hà Nội, xuống Hải Phòng, Nam Định, từ khi đem vợ con về dưa muối ở đất này chốc cũng đã mấy chục năm qua. Cái khắc khoải chỉ vẫn vợ ở những người khách một đôi lần lên đồi thăm chủ nhân thấy heo hút quá mà thôi. Chứ ông chủ thì ung dung thành thạo - đến người ta phải khó hiểu. Bè bạn còn băn khoăn, thương cảm nữa, nếu nghe chị Hồng than thở:

- Thầy nó nay xuôi mai ngược chứ tôi ốm đau thế này, suốt mùa rét ngồi cuộn sâu kèn hút lá cà độc dược chữa bệnh - tuổi đã nhiều, bệnh hen càng nặng, tôi đến chết cũng không bao giờ ra khỏi cái đồi này mất.

Người con gái thành Nam ấy vẫn còn thuộc nhiều thơ Lưu Trọng Lư, thơ Nguyễn Bính. Vợ chồng lấy nhau khi Nguyễn Hồng bị đi phát vãng, vừa được thả trên Bắc Mê về. Cái đạn Mỹ bỏ bom Nhật, hai người ở dưới bãi Nghia Dừng chạy bom đem lên Nghia Đô gửi tôi chiếc hòm khóa chuông, trong có bộ áo dài lụa vân hoa cau, quần kếp trắng và đôi guốc Phi Mã cao gót.

Có lẽ Nguyễn Hồng nhớ Hà Nội có mỗi một cái thú tâm quái! Ở xé cửa ga Hàng Cỏ. Chỗ ngã ba đường trông sang ngõ Túc Mạc, đêm đến, trên vỉa hè và dưới lòng đường, những cái chiếu trải, mấy người đàn ông mất lửa, như cóc ngồi rao khàn khàn mèo gào: Tâm quái,

tắm quất. Chập tối, rượu vào rồi, Nguyên Hồng hay ra đẩy tắm quất. Đã quen, Nguyên Hồng cởi áo, quần dài gói lên đầu. Minh trần, độc trụ cái quần đùi, nằm úp xuống chiếu. Trong ánh điện đường đỏ quạch, người lòa sờ sẫm bẻ khúc răng rắc đốt chân, đốt tay, đốt lưng, vành tai, sống mũi kêu lên như bẻ bánh đa. Ngoạn mục nhất đến cái mực người tắm quất khẽ bảo Nguyên Hồng ông lật người lên nào! Nguyên Hồng sượng lử là rên hừ hừ ngồi dậy. Người tắm quất nắm hai cánh tay ông khách lồi quặt lại, thúc đầu gối vào lưng. Đầu tiên còn nhẹ nhẹ, rồi chỉ nghe tiếng hự hự. Không biết tiếng người ư ư hay tiếng gối thúc. Nguyên Hồng ưỡn oằn người theo từng cú đầu gối như cái đầu chày của người tắm quất. Hự hự, ghê cả tai. Nguyên Hồng rần xương sống, nằm thẳng cẳng, rên ú ớ, dễ chịu quá, sướng quá. Đến lúc mơ màng nghe tiếng ông lão lòa lại rao tắm quất, tắm quất như mèo kêu trên đầu, cũng như nghĩa là xong rồi, xong rồi ra ý đuổi khéo ông khách. Nguyên Hồng lồm cồm ngồi dậy, trả tiền rồi cứ vắt áo quần lên cánh tay, lừ rừ đi. Nguyên Hồng bảo tắm quất khỏi đau xương, tốt bằng mấy thuốc ngủ. Đẩy giấc lẩm, mà không phải tống cái chất độc hóa học vào bụng. Có thể như thế. Chưa bao giờ Nguyên Hồng đi bệnh viện. Nguyên Hồng không lĩnh sổ khám bệnh. Tôi còn chứng kiến một đêm Nguyên Hồng tắm quất kịch liệt ở chợ Kỳ Lừa. Chuyến ấy, Nguyễn Tuấn và Nguyên Hồng đi chơi nhờ xe của thanh tra Vạn Lịch. Ra Móng Cái rồi theo đường Đinh Lập, Bình Liêu lên Lạng Sơn. Chúng tôi nghỉ trọ ở cái quán cạnh chợ Kỳ Lừa. Xẩm tối, Nguyên Hồng đứng bên cửa sổ tha thần nhìn ra những mái cầu chợ ụp xụp, rêu đen. Bỗng kêu rồi rít:

- Bỏ mẹ rồi, bỏ mẹ! Chỗ khi ho cò gáy cũng có thằng tắm quất! Đợi tớ xuống làm một quán xúc miệng đã rồi hãy cơm nước nhé.

Nguyên Hồng xông ngay vào cửa chợ. Người các làng bản xa về đêm đợi mai phiên đã đông dần, tiếng vó ngựa đập cộp cộp trước quán phở chưa lên đèn. Trong cầu, trai gái hát dúm vừa cất giọng. Tiếng đàn tính rơi rơi như nước giọt gianh. Mặc kệ, Nguyên Hồng sà ngay vào một bác lòa mắt dương ngồi bó gối mặt tây ngây ngoài thềm. Nếu không đã thạo, có thể nhầm là lão ăn mày. Không có chiếu, khách tắm quất nằm xuống đất. Nhưng Nguyên Hồng đã cầm xuống sẵn hai tờ báo, trải ra. Lắc cổ, bẻ vai, tẩn đầu gối lên lưng, khắp người xương cốt kêu lách tách, chẳng khác ở ga Hàng Cỏ. Hay vẫn là những lão lòa ấy đã thuộc tàu các ngả, đứng phiên chợ Kỳ Lừa, lại mò lên đây làm ăn.

Tôi bảo thế với Nguyên Hồng. Nhưng Nguyên Hồng xua tay:

- Không phải, tớ ngấm đòn tắm quất nhiều rồi, tớ biết. Thằng lão sư tắm quất thổ mù này tuyệt diệu. Đây gần biên giới, nó lỏng cả võ Tàu vào. Mai phải làm quán nữa.

Chao ôi, có người khoái tỷ được cái tắm quất tra tấn, cũng là cái thú Hà Nội. Nguyên Hồng ấy chứ còn ai, khi nào tôi cũng cứ ngờ ngờ có thật không. Nhưng tôi lại tin cái khí phách của con người một mình một tính ấy.

Chương 3



CHUYẾN TÀU HỎA TỪ PHNÔM PÊNH ra đến Poipet vừa chậm tối. Bấy giờ vào mùa thu 1930. Đường sắt tà vẹt tám thước Phnôm Pênh vừa hội khánh thành đoạn cuối nối với bên Xiêm ở Poipet còn như chạy thử, vài ngày mới có một chuyến không nhất định. Bên Xiêm vẫn tăng bo một quãng chưa nổi thẳng được xuống Vọng Các.

Những chuyến tàu thất thường này xộc xệch, còn thừa khách. Chỉ có người đi buôn hay phu phen rừng cao su ra. Lắm hôm vào ga thị trấn Poipet, chỉ còn vài người trên tàu xuống. Hôm ấy cả một toa hạng tư, có ba người. Một người luống tuổi xách cái bị, mặc áo bà ba xuyên đen đã bạc, râu ria lờm chờm. Dáng như một người ở đây về trong xứ có việc, bây giờ trở lại. Hay một chủ hiệu tạp hóa, một người cai ở đồn điền cao su ra chợ thị trấn cất hàng.

Đoàn tàu vắng khách dần dần cất toa bỏ lại ga xếp dọn đường. Bác ấy bị dồn ở toa nào mới lên thôi. Chiếc đầu máy kéo vài toa hùn hoen, như con chuồn chuồn cụt đuôi. Bác ấy ngồi một xó đầu góc ghế một bên hàng tàu, lấy trong bị ra một gói giấy và thuốc lá sợi, cầm cúi cuộn thuốc, không để ý ánh mặt trời đã vàng vọt trên những đám lá cao su ken dày xanh sẫm loáng thoáng ngoài kia. Người đã thông thuộc thổ ngơi này biết tàu sắp vào ga cũng chẳng buồn ngoảnh mặt ra cửa sổ.

Cuối hàng ghế có hai người trẻ tuổi. Chiếc nón cu li đã sờn vành rấp dưới gầm ghế. Chân đi đất, bụi lấm đồ bám lên cả hai gấu ống quần cháo lòng. Có thể đoán đây là những phu đồn điền gần đây. Cũng có thể người tỉnh xa, các đồn điền cao su dưới Chúp tạt Côngpông Chăm hay bên Batambang. Nhưng họ đi chơi, hay trốn công - tra hay mò ra đây rình chạy sang Xiêm, thì không biết. Hai người mặt non choẹt, chưa chắc đã được hai mươi tuổi. Chốc chốc họ lại thấp thỏm nhìn ra. Còi tàu rúc vang động, tiếng bánh sắt nghiền trên đường ray dồn dập. Tàu sắp vào ga.

Bác đứng tuổi dằng kia ngược lên, điều thuốc lá quấn cằm vênh trên môi, đắm đắm mắt nhìn sợi khói uốn éo tuôn đằng mũi. Rồi bác đứng dậy, thông thả bước lại chỗ hai anh chàng cũng đương tò mò và hình như ngần ngại nhìn bác phập phèo thở khói thuốc. Một người hỏi trước:

- Thưa ông, có phải qua ga này thì xuống Poipet ạ?
- Phải đấy.

Bác ta bập môi rít thuốc, nhìn hai người:

- Các cậu xuống Poipet à?
- Thưa vâng.

- Có người nhà ở phố hay các cậu trong đồn điền ra chơi? Ở đây nghe nói tiếng Bắc người ta hay hỏi thế. Mới đến Poipet lần này là một à?

Câu hỏi đoán tự nhiên, thân mật mà đúng đến thế.

- Thừa thực với ông, chúng cháu làm dưới cao su Lộc Ninh. Nghe nói trên này dễ dàng, có mỏ ngọc Pai Linh kiếm ngày bạc trăm. Chúng cháu rủ nhau lên.

Bác ấy cười khắc khắc, vút cái đuôi thuốc qua cửa sổ.

- Các cậu này to gan, liều quá. Chẳng biết mô tê mà cũng lang thang đồng đất nước người thế này. Không có xứ nào kiếm ra cái bỏ vào mồm dễ như cái dừa xui khôn xui dại các cậu thế đâu. Lại còn định lên Pai Linh đi đào ngọc à? Có chịu được hai cơn sốt đái ra máu không? Cả trăm người đã chạy chết trên Pai Linh về đây.

Hai người trai trẻ nọ được một bài học rừng mình càng như từ trên trời rơi xuống. Nhìn nhau phân vân, hốt hoảng, mỗi lúc một dăm chiêu. Họ vừa có ý sợ nhưng cũng lại có phần cổ võ ra như thế một cách vụng về. Chưa chắc họ đã đi Pai Linh. Cứ nói Pai Linh để người ta biết vẫn là trong đất Miên, bởi vì có thể căn cước thì đi khắp Đông Dương được. Thật ra, họ đã rắp tâm trốn sang Xiêm.

- Bảo thực, nhưng các cậu có nghe thì mới nói.

- Nhờ ông bảo cho.

- Phải mạnh bạo.

- Chúng cháu đã lần mò lên tận đây.

- Ừ, kể ra cũng biết thí mạng đây.

- Vâng ạ.

Rồi bác ấy nói:

- Đây, có dám sang Xiêm không? Sang hẳn Xiêm, mà đến hẳn Vọng Các. Ở Vọng Các, ăn mày cũng sướng gấp nghìn đời thẳng cu li đồn điền bên ta, ai cũng giàu vù vù lên như đi tàu bay. Tôi đã giúp cho nhiều người sang Xiêm.

- Ông giúp cho chúng cháu.

- Sao bảo đi Pai Linh?

- Pai Linh hay Vọng Các thì cũng thế, đâu kiếm được miếng sống.

- Được, được. Trả công tôi là được. Cứ chẻ hoe ra như thế, ông Khổng Minh, thằng Tào Tháo bây giờ cũng lĩnh lương tháng của Tây chứ không như đời Tam Quốc đâu.

Chẳng biết trả lời thế nào, hai người lúng túng dạ, dạ... vâng...

- Dẫn thì nhớ nhé. Đến ga xếp này thì xuống. Chứ vào Poipet lính sen đâm nó thọc ngực ngay ở cửa toa, biết không!

- Vâng ạ.

Ba người xuống một ga xếp cách Poipet ba cây số. Cũng may, tối lại có trăng. Bác ấy khoác cái bị, điều thuốc lá phập phèo, hai người đi theo, vắng ngắt, chỉ có bóng cây. Họ vào đường qua rừng cao su.

- Đi tắt, một quãng nữa tới biên giới. Tôi sẽ chỉ chỗ lên tàu bên kia. Sang bên ấy rồi thì dễ, không như cái thẳng Tây mắu tòm bên này. Lính Xiêm đi tuần cũng lăm nhâm niệm Phật ấy mà. Nếu gặp, cứ dán cho mỗi thẳng một tờ giấy bạc vào mồm. Chúng nó cảm bạc rồi lại rì rầm niệm Phật. Hay thế đấy. Các cậu cứ việc đi. Trưa mai thì đến Vọng Các. Có bao nhiêu tiền?

- Chúng cháu còn hơn hai chục.

- Mỗi chuyến thế này người mỗi phải ăn bạc trăm. Nhưng thôi, gười Phật phù hộ các cậu gặp tôi, tôi làm phúc, tôi giúp không các cậu.

- Đội ơn ông.

- Còn bao nhiêu tiền, đưa cả ra đây. Sang bên ấy không tiêu được tiền ta, mà cũng chả cần. Tôi cho các cậu tiền Xiêm, cho vé sẵn đến Vọng Các.

- Ông giúp chúng cháu. Ông có quen...

- Không, không. Tôi không quen ai ở Vọng Các. Mà đến Vọng Các cứ ngửa tay ra là có gạo, có tiền thôi.

- Đội ơn ông.

Xa xa, ánh điện ánh lên một vùng.

- Đấy tàu hỏa bên Xiêm đỗ chỗ sang sáng ấy. Cứ trông đèn điện mà qua cánh đồng hoang, không vương làng mạc phố xá gì đâu. À, cậu nào có đồng hồ đeo tay không, có thì phải để lại. Bên Xiêm, tiền khác, đồng hồ khác.

- Chúng cháu không có đồng hồ.

Bác ấy đưa mấy tờ giấy bạc Xiêm và vé tàu. Hai người lục các túi moi ra số tiền còn lại.

- À, để cái nón đây, vứt đi. Không có sen đầm thấy nón biết người bên này sang. Mà nó có hỏi thì bảo ở Poipet. Hai bên vẫn qua lại mà. Bác ấy còn nhìn theo. Hai người đi rồi mà vẫn nghĩ gặp may, được người tốt chỉ vẽ cho. Nhìn phía ánh điện hắt sáng, rào bước.

Hai người trai trẻ vừa qua biên giới sang Xiêm ấy là Nguyễn Tuấn và Lương Đức Thiệp. Hai cậu học một lớp năm thứ ba trường Ca rô Nam Định. Lại cùng tham gia bãi khóa. Chả là lão giáo Pôn mũi đỏ mới đổi về, động lên lớp là chửi học trò những câu thậm tệ: mệc xà lù, côsoong san Annamít (Đồ đều, con lợn, giống An Nam bản thiu). Suốt buổi, Pôn mũi đỏ văng loạn xạ thế. Cả lớp hò hét bỏ ra về, đòi đuổi Pôn mũi đỏ rồi mới học. Rốt cuộc, Pôn mũi đỏ vẫn đến trường và vẫn chửi bới trong lớp. Trong khi nhà trường báo mật thám bắt mấy người học sinh đầu têu đem giam xà lim. Mật thám Tào gọi bọn Nguyễn Tuấn lên bàn giấy đe nẹt rồi cả lũ bị đuổi học.

Cuối năm 1944, tôi bị mật thám Nam Định bắt về vụ Văn hóa Cứu quốc. Vẫn còn phán Tào ở đấy. Chúng tôi, đôi khi lẫn thân điếm lại những mặt người mặt chó, Nguyễn Tuấn lại nhớ phán Tào. Lão phán Tào nho nhã, trắng trẻo, áo đoạn khăn xếp, ăn nói mềm mỏng. Nhưng quay điện, ống nước, treo xà nhà, các ngón của phán Tào thì hiểm ác khét tiếng. Cũng như ở ty mật thám Nam Định có tên Đình ác ôn có hạng. Nhưng Đình lại một phép sợ người vợ đồng bóng.

Nguyễn Tuấn phải trở về nhà ở Thanh Hóa.

Hai người học trò bãi khóa đã bàn nhau một chuyến phiêu lưu phía tây Cao Miên giáp nước Xiêm La có mỏ hồng ngọc ở Pai Linh. Nguyễn Tuấn cũng không nhớ ai đã nghĩ ra được cuộc đi mạo hiểm này. Nhưng có thể bởi những uất ức khi bị đuổi học, cuộc sống tinh thần tuổi trẻ tù túng, cùng quẫn. Như cách nghĩ bông bột tưởng tượng, bước chân đến những nơi xa xôi tên là Pai Linh, là Xiêm, là Vọng

Các, là châu Phi, châu Mỹ. Ôi chao mộng lên hương đời đời. Nhưng cái sự bắt đầu cũng chẳng đẹp dễ mấy. Bấy giờ, hai cụ đã cho vợ chồng Nguyễn Tuân ra làng Hạc ở riêng. Để làm lộ phí, Nguyễn Tuân đã phải lấy đi hoa tai, khuyên vàng của vợ. Rồi Lương Đức Thiệp và Nguyễn Tuân vào phía Nam, quãng tàu hỏa, quãng tăng bo ô-tô đến Sài Gòn. Bỏ đường lớn đi Phnôm Pênh, đạp xe lửa lên Lộc Ninh. Lại vòng về Tây Ninh, qua Sa Mát sang Kông Pông Chàm. Bắt chước những nhà thám tử, những nhà cách mạng bí mật đầu tư đầu tài đọc thấy trong sách. Lặn lội, vạ vật đường trường, vừa ngại ngùng vừa háo hức.

Chuyến tàu hỏa ấy rầm rập suốt đêm xuống Vọng Các. Họ không chớp mắt được. Hãy còn hồi hộp vì may mắn và tự khen đã khôn ngoan, khéo léo che mắt được mật thám. May mắn, đã bình yên ra khỏi xứ Cao Miên. Đến nửa buổi, tàu vào thành phố Vọng Các. Hai người ngơ ngác đến giữa nơi chưa biết bao giờ. Xung quanh, trong ga lớn, những đám người Xiêm, người Tàu, người Việt hỗn độn, tíu tít. Bốn cảnh sát Xiêm áo quần trắng toát, mũ viền kim tuyến và một đám lính vác súng trường quây đến.

Một người nói tiếng Việt hỏi:

- Chúng mày là thằng Tuân, thằng Thiệp?

Đúng tên cúng cơm. Lính cảnh sát biết rồi, chỉ hỏi làm phép thế. Lúng túng, chưa biết trả lời sao, đã bị thùng trời giạt cánh khuỷu cả hai lại. Báng súng thúc vào lưng, đẩy đi bộ qua các phố đông tập nập.

Đến cả tháng, Nguyễn Tuân và Thiệp bị giam chung với những tội phạm người Xiêm. Không ai vào hỏi, cũng không biết sự tình bị bắt vì sao. Nhà giam, một phòng rộng kín ba phía. Mặt trước không có tường nhưng rập hai lượt dây thép gai mắt cáo. Một bott lính gác đối phiên cách bức ngoài sân xi măng.

Nguyễn Tuân thường kể lại cái cảnh liêu trai quái đản đã trông thấy ngày đêm trên nhà gác trước mặt. Chẳng biết nhà giam hay nhà điên, trong cửa chắn song nhốt toàn đàn bà. Những người đàn bà lùn tròn, trần truồng như nhộng đứng bám song sắt ngó xuống lồng giam rất gần ông dưới này. Không hiểu sao không ai có váy áo. Chẳng lẽ bức bối quá, người ta đã cởi hết, xé hết. Chỉ khổ đám đàn ông trong lồng sắt dưới này ngược lên lúc nào cũng thấy trên ấy nồng nồng trắng phốp, lông lá rậm rạp đen ngòm lượn qua lượn lại. Có thằng dưới này chốc chốc lại gào toáng, dứt phăng quần tung lên. Trên dưới hò hét loạn xạ cơ hồ hóa đại ca.

Một hôm, cảnh sát đột ngột mở cửa buồng giam, cầm dùi cui làm hiệu lừa Tuân và Thiệp ra. Hai người bị xích một cánh tay với nhau, trèo lên cái xe bò kéo, có lính ngồi cùng thùng xe. Xe bò lắt lư qua mấy phố dài, xúm xít người chạy theo xem ra tận ga tàu hỏa. Cảnh sát đẩy hai người lên một cái toa đen rồi khóa trái cửa lại. Không có người, linh kinh những thùng gỗ, bao bố tải, toa бру kiện của nhà dây thép. Nhìn hàng chữ tiếng Anh quét sơn trắng cửa toa, đoán đoàn tàu chạy Băng Cốc - Poipet.

Đúng, trở lại Poipet. Chỉ có một việc kinh hoàng mà hai chàng thanh niên mơ mộng chưa tưởng tượng ra được. Ấy là lúc được dẫn vào đồn biên phòng Poipet trông ngay thấy cái bác tử tế gặp hôm nọ, cũng đương hút thuốc lá quần, ung dung trong đám quan lính đồn binh. Chỉ khác bác ta hôm nay ăn vận chỉnh tề. Râu ria nhẵn nhụi, quần áo tây vàng đầu đội mũ cát, đi giày ba ta trắng.

Bác mật thám ấy bước đến, mặt tươi tỉnh như đã quen. Lại làm bộ nắm cánh tay bên không bị xích và hỏi một câu tỉnh bơ:

- Các cậu đến được Vọng Các rồi à?

- Biết nhờ vào mặt hay biết trả lời thế nào?

Nguyễn Tuấn và Lương Đức Thiệp bị giải về Phnôm Pênh trong cái ô-tô tải bột lưới sắt đằng sau - như con vượn, con đười ươi người ta mới bắt được trong rừng đem về thành phố. Mà cái xe ấy cũng vừa tới Poipet, bụi đỏ xum tưng nóc. Nó là cái xe cây của cảnh sát chuyên để bắt nhốt người, nhốt chó. Buổi sáng ở Phnôm Pênh và các tỉnh đều có xe cây và những chiếc xe bò kéo đủng đỉnh, cảnh sát rà vào ngõ ngách các phố bắt chó hoang vút lên xe, ra thả ngoài đồng. Người Miên mộ đạo Phật, không nuôi chó, cũng không thịt chó. Chó hoang ở đường ở chợ lúc nhúc hàng đàn. Ngày lại ngày đội sếp bắt chó đem thả ngoài xa, rồi chó lại linh vào, vẫn lông không khắp nơi, ở xó chợ Mới giữa thành phố Phnôm Pênh còn nhung nhăng những đàn chó con.

Đến Phnôm Pênh, vẫn bị còng tay vào nhau như thế và tổng ngay xuống Sài Gòn. Lại cái xe cây khác. Rồi bị giam ở bót cảnh sát Xóm Chiếu. Đẩy gần bến tàu, hôm sau giải ra Hải Phòng, Tuấn và Thiệp ngồi trong hầm tàu viễn dương Chantilly. Hạng vận tải biển Đầu Ngựa Năm Sao có nhiều tàu đường Macxây - Sài Gòn. Hai chiếc Đăctanhăng và Chantilly chuyên đi về Hải Phòng - Sài Gòn, thỉnh thoảng mới ra đại dương. Hồi xuống Hải Phòng tìm việc làm, tôi hay vợ vẫn ngồi mép nước cảng Sáu Kho xem tàu Đăctanhăng đỗ ở đấy, trắng toát như cái nhà táng. Chàng mã thượng phong lưu Đăctanhăng trong tiểu thuyết *Ba người ngự lâm pháo thủ* hẳn hạnh được con tàu đồ sộ mang tên. Hình như còn có cả tàu Tốt, tàu Aramit... Tôi không được trông thấy tàu Chantilly bao giờ. Thế mà lại nhớ Chantilly. Bởi vì đã hai lần nghe nói đến con tàu Chantilly. Chỉ trong câu chuyện mà tưởng tượng ra mình cũng đã tận mắt thấy. Tập *Thor say*, Vũ Hoàng Chương bỏ tiền in, nhờ Nhà xuất bản Cộng Lực phát hành, có bài thơ *Tặng con tàu Chantilly*, đây là bông hoa của một chuyện tình cờ gặp gỡ. Thời kỳ này Vũ Hoàng Chương làm sở hỏa xa Đông Dương. Trong một chuyến tàu suốt Sài Gòn - Hà Nội, người thanh tra kiểm soát viên tài hoa đã làm quen với một hành khách toa hạng nhì sang trọng mà Vũ Hoàng Chương bảo gọi tên nàng là Marie, là Juylie, là Verónica, cũng đều được. Người đâm ra Hà Nội xuống Hải Phòng đáp tàu Chantilly, chẳng rõ nàng trở lại Sài Gòn hay về Pháp chỉ biết mỗi tình trên tàu hỏa chỉ ngắn ngủi thế. Ấy là trang nhật ký thơ Vũ Hoàng Chương kỷ niệm theo con tàu.

Những câu chuyện tình dài tình ngắn thuở ấy. Triền miên những đêm nhà hát Vạn Thái hay Vĩnh Hồ, những tuyệt vọng và những bài thơ, những chuyện có thật và những tô vẽ cho hoa mỹ. Nguyễn Bính thì cô nhân Hương, Hương cô nhân, Đình Hùng thì em Liên Hàng Bạc, người đẹp biết thổi acmônica như ngọc nữ xuống trần gian thổi sáo gọi nhau. Những búp hoa quỳ trắng này Liên mang đến mùa hạ, giờ đã sang thu, cuống hoa đã héo quắt trong chiếc độc bình mà em thì, Liên đã nằm dưới mộ - thời ấy, quả là trai gái hay chết yêu, không mấy người sống lâu như bây giờ. Vũ Hoàng Chương thì Tổ Uyên, Tổ Uyên. Tàu Chantilly, chỉ là một thấp thoáng chiêm bao, Tổ của Hoàng ơi thì vẫn neo lại trong tâm tình. Nhưng những bài thơ còn đây mà nàng thì đã lấy chồng. Các chàng lạy nhau, tôn nhau lên thành đấng rồi vừa khóc vừa đọc thơ, nghe tiếng trúc Cao Tiệm Ly thổi khi Kinh Kha qua sông Dịch. Những bài thơ tuyệt vọng cứ tưởng tượng ra như thế.

Tôi mới viết truyện ngắn *Ông giăng không biết nói* đăng tuần báo *Tiểu thuyết Thứ bảy*. Gã yêu em. Em sắp về nhà chồng rồi mà cứ trơ trên như không. Đêm hội chèo, tay đôi đưa nhau ra ngoài đồng, bên cái giếng thơi đầu xóm. Gã gắng hỏi. Nhưng em lắc đầu bảo không, rồi khóc. Mọi khi thì chẳng dám nói. Nhưng hôm ấy thông thả phiến chợ tơ, lại có chèo hát sân đình, gã hơi ngà ngà một chút. Gã sung cồ lên:

- Ông biết thừa ra rồi. Ông hỏi thử chơi đấy thôi. Ông biết mười hai tháng sau cưới mày. Đồ khốn nạn!

Người con gái vùng chạy. Gã say rượu khát cháy cổ, cúi đầu hớp nước ngã lộn xuống, chết đuối trong giếng. Thế rồi ngày 12 tháng sau, ả nọ về nhà chồng. Từ đấy, mỗi lần về xóm nhà mình không bao giờ ả dám đi tắt cánh đồng qua lối men bờ giếng. Nào ai biết đâu cái chết thương tâm của người con trai. Nông nổi đêm ấy chỉ có mỗi ông giăng chứng kiến. Thì ông giăng lại không biết nói.

Trong nhà hát ở Vĩnh Hồ, Vũ Hoàng Chương chấp tay bái tôi:

- Lạ huynh, huynh nhất thiên hạ, huynh đã rõ tâm tình đệ. “Ông thử hỏi chơi đấy thôi. Ông biết mười hai tháng sáu thì cưới mày...”

Ha ha, lạ huynh...

Tôi bảo:

- Mắt ông viền vải tây hay là chữ in sai đấy.

Câu trong truyện của tôi là mười hai tháng sáu, không phải mười hai tháng sáu, không phải....

Vũ Hoàng Chương cãi:

- Không, mười hai tháng sáu mới đúng cái đau của đệ, huynh đã cho đệ nén hương mười hai tháng sáu. Không, mười hai tháng sáu...

Huynh cứ cho đệ đọc cái ngày tuyệt mệnh ấy là mười hai tháng sáu của đệ.

Làm thế nào cãi, mà cãi làm gì. Châu hát suông, người ả đào và chú kếp xách đàn sang nhà khác đã lâu. Chúng tôi lại uống bia đen, nghe không biết bao nhiêu lần Vũ Hoàng Chương rên rĩ bài thơ *Riêng tặng Kiều Thu*:

Trăng của nhà ai? Trăng một phương!

Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường

Ờ đêm tháng sáu mười hai nhĩ

Tổ của Hoàng ơi, hỡi nhớ thương

Là thế! Là thôi! Là thế đó!

Mười năm thôi thế mộng tan tành

Mười năm, trăng cũ ai nguyện ước

Tổ của Hoàng ơi! Tổ của anh

Tháng sáu, mười hai, từ đây nhé

Chung đôi từ đây nhé, lìa đôi

Em xa lạ quá, đâu còn phải

Tổ của Hoàng xưa, Tổ của tôi

Men khời hôm nay sầu dựng mộ

Bia đề tháng sáu, ghi mười hai

Tình ta, ta tiếc, cuồng, ta khóc

Tổ của Hoàng nay Tổ của ai

Tay gõ vào bia mười ngón rập

Mười năm theo máu hận trào rơi
Học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp
Khúc Cổ Bôn ca gõ hát chơi
Kiều Thu hê Tổ em ơi!
Ta đương lửa đốt toi bờ mái tây
Hàm ca nhịp gõ khói bay
Hỗ, xừ, xang, xể, bàn tay điên cuồng
Kiều Thu hê trọn kiếp thương
Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô
Xừ xang, xể, xừ, xang, hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên
Kiều Thu hê Tổ hỡi em
Nghiêng chân rón bể mà xem lửa bùng
Xê hồ, xang... khói mờ rung
Nhịp vương sầu tỏa năm cung ngút ngàn.

Cái tàu Chantilly tải tù Nguyễn Tuân và Lương Đức Thiệp từ Sài Gòn ra. Sự đời đưa đẩy, cũng một con tàu mơ mộng Chantilly ấy mà trước kia đã có lần nhốt hai người phiêu đảng ngồi dưới hầm than. Tới Hải Phòng, lên Hà Nội rồi Nguyễn Tuân bị giải về Thanh Hóa. Giam một năm nữa mới được thả, lại bị quản thúc tại gia, đi đâu phải trình báo quan sở tại. Đây là dư âm cay đắng của chuyến lên đường thứ nhất trong đời thiếu quê hương của Nguyễn.

Nguyễn Tuân viết sớm mà lại cũng là muộn. Những truyện và ký cuối thập kỷ ba mươi in trên các báo *Tiểu thuyết Thứ bảy*, tạp chí *Tao Đàn* không phải những bài đầu. Trên báo *An Nam Tạp chí* của Tân Đà, báo *Đông Tây* của Hoàng Tích Chu, Nguyễn Tuân đã in những bài ký, những truyện ngắn đầu tay khi còn ở Thanh Hóa làm phóng viên tinh lẻ nhật tin đêm chữ ăn tiền cho báo *Trung Bắc Tân văn*. Biết đâu, những sáng tác chưa định hình đã thấp thoáng mờ màng từ trường trung học Nam Định. Có thể sớm hơn, khi còn học trường tiểu học Trương Minh Sang phố Hàng Vôi trên Hà Nội. Ở những thời kỳ, các cơ quan nhà nước đều quân tụ giữa thành phố. Kho bạc ở vườn hoa Nhà Kèn bên hồ Hoàn Kiếm. Sở Tài chính phố Hàng Trống - tòa báo *Nhân Dân* bây giờ. Cả đến nhà lục xì - nhà thương chứa bệnh hoa liễu cho gái điếm và khách làng chơi xây năm 1902 cuối phố Huế, năm 1926, Tòa đốc lý cho chuyển nhà lục xì lên phố Trường Thi - bệnh viện C ngày nay. Chỗ cũ thành trường tiểu học Ô Cầu Dền, nhưng người ta vẫn gọi là trường Lục Xì. Trường tư thực Trương Minh Sang mở cuối 1923 nhận học sinh đến lớp 3 đi thi sơ học yếu lược. Năm 1929, một người Pháp mua giấy phép trường này dời lên phố Phủ Doãn, mở mang, đổi tên thành trường trung học Gia Long. Hết lớp ba trường Trương Minh Sang, Nguyễn Tuân về học ở Nam Định. Nay đây mai đó cũng là gia đình theo công việc của cụ tú Hải Văn.

Nguyễn Tuân không khi nào nói lại những sáng tác chấp chừng mờ nhạt thuở ấy và bạn đọc thực sự làm quen với Nguyễn Tuân khi

xuất hiện bài *Khóc Vũ Lang* trên tạp chí *Tao Đàn* năm 1936, ký tên độc một chữ *Tuân*.

Vũ Lang, cây bút mới nổi vài truyện ngắn, mất bệnh năm 24 tuổi. Nguyễn *Tuân* khóc bạn và Nguyễn *Tuân* còn thương tiếc một lối văn biên ngẫu diễm lệ của Vũ Lang mà Nguyễn Công Hoan cũng rất chuộng. Truyện ngắn *Khóm trúc thêm tuôn dòng lệ cũ* của Vũ Lang, mở đầu những câu thánh thót:

Rừng xưa vốn người Kẻ Chợ... Hàng Châu, Hàng Châu có cảnh Tây Hồ. Phong cảnh Tây Hồ có Tam đàn ẩn nguyệt, vài ba tảng đá trên làn nước bập bênh. Làn nước Tây Hồ bập bênh trên tảng đá. Khóm trúc đượm hạt mưa xuân trước gió. Hạt sương rơi rơi tả... rơi tả...

Những bút ký, truyện ngắn, truyện dài của Nguyễn *Tuân* liên tiếp trên các báo *Tiểu thuyết Thứ Bảy*, báo *Thời Vụ*, báo *Bạn đường*, báo *Hà Nội Tân Văn*, tạp chí *Tao Đàn*, các tập *Giai Phẩm* của Nhà xuất bản *Lượng Lúa Vàng*, của *Văn Đoàn tự lực*. Và các tập bút ký, truyện ngắn, truyện dài *Vàng bóng một thời*, *Một chuyến đi*, *Tàn đèn dầu lạc*, *Tùy bút 1*, *Tùy bút 2*, *Thiếu quê hương* (nhà *Anh Hoa* in bị kiểm duyệt bỏ một chữ thiếu), *Chiếc lư đồng mất của*, *Chùa Đàn* của các Nhà xuất bản *Tân Dân*, *Mai Lĩnh*, *Cộng Lực*, *Anh Hoa*, *Hàn Thuyên*, *Thời Đại*...

Đầu năm 1946, tôi quen Nguyễn *Tuân* trong một cuộc họp hội Văn hóa Cứu quốc, chỗ nhà Khai Trí Tiến Đức bờ hồ Hoàn Kiếm rồi sau chuyển xuống đầu phố Ôn Như Hầu gần hồ Thiền Công. Nguyễn *Tuân* rủ tôi lên nhà Thủy Tạ. Lúc uống bia, Nguyễn *Tuân* hỏi tôi:

- Có phải *Lương Đức Thiệp* chết rồi?

- Tôi không biết.

Nguyễn *Tuân* vẻ không bằng lòng.

- Cậu làm báo của *Việt Minh* mà không biết à?

Tôi không biết thật. Một đạo thầy hay đến chơi với *Phạm Ngọc Khuê* chỗ tôi ở gần chợ Hôm. Nguyễn *Tuân* dường như không tin. Nguyễn *Tuân* thường có những nghi ngờ và quyết đoán chủ quan tương tự. Rồi cũng không nói đến việc ấy nữa. Câu hỏi đột ngột và chỉ có thế.

Đêm *Nô-en* 1972 chúng tôi đi dạo phố rồi nửa đêm về nhà thờ *Hàng Trống*. Nguyễn *Tuân* và tôi cùng hai bạn nhà văn *Liên Xô* đương thăm *Việt Nam*, *Eptuchenkô* và *Marian Tkchốp*, giới tiếng *Việt*.

Tôi đã được xem *Eptuchenkô* đọc thơ ở *Bây-rút*, thủ đô *Li Băng*. Người không biết tiếng *Nga* cũng phải chăm chú - nói là *Eptuchenkô* biểu diễn thơ thì đầy đủ hơn. Bây giờ gặp lại, có những việc nửa vui nửa buồn. Ở khách sạn *Thống Nhất* một tối, hôm sau *Eptuchenkô* nói đùa:

- Tôi chưa bỏ vợ, mà đêm qua đã phải lấy vợ mới.

Ý nói đêm qua *Eptuchenkô* ngủ chung buồng với *Marian*. *Manan* đã ở khách sạn này nhiều lần, đoán được cái phòng ở tầng một ấy loại mấy và thế là biết cách chủ nhà đối đãi với mình. *Marian* im lặng. Nhưng đến khi chạy cho hai người được hai phòng, lại gặp rắc rối mới. Nhưng rắc rối vui vui. *Eptuchenkô* cao quá một thước tám mươi. Phải nằm chéo và ghech chân lên thành giường. Rồi cũng đối được cho nhà thơ ấy cái buồng giường đôi, anh ta vẫn phải nằm chéo nhưng để được chân xuống. Mấy hôm đầu hầu như không có ai bèn

mảng đến gõ cửa hai ông khách. Nhưng dần dần thấy trên có vẻ quý trọng, người mới dần dà ùn ùn đến. Rồi sách tặng, sách tặng đầy bàn. Không thể đem đi được, quá cân cước vé máy bay. Marian cẩn thận xé trang đề tặng rồi cho tôi khâu đi có đến mấy chục quyển!

Một đêm, qua phà Rừng về Hải Phòng. Phà đông, chen chúc xe và người. Trong bom đạn, đường sá tắc nghẽn sâu đêm. Chúng tôi đứng bên thành phà. Người làm ca nô soi đèn bão đến tháo xích cho phà rời bờ, sáng loáng qua chỗ chúng tôi. Bỗng sau lưng tôi, một câu chửi rủa:

- Tiên sư thằng xét lại!
- Marian ghé tai, thì thào:
- Nó chửi tôi, ông ạ.

Tôi không biết chui đầu đi đâu được. Ở khách sạn Hạ Long rồi khách sạn chuyên gia ở Hải Phòng, tôi còn được nghe những câu đùa nhả, những câu rủa ráy độc ác của những cô nhà bàn, cô căng tin quây rượu. Tôi thật oán cái sôi tiếng Việt của anh bạn lúc lúc lại làm tôi khô cứng vì xấu hổ từ câu Hiền Lương ra vịnh Hạ Long, về Hà Nội. Tối qua, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom đêm Nô-en. Chúng tôi có thể đi dạo, bớt phải đề tai lên trời. Nhưng mới quăng tám giờ tối, tiếng nổ như sấm rền dội tới. Nghe như ở chỗ cái túi bom cầu Giẽ, bom lại ném cầu Giẽ. Giữa đồng chiêm Hà Đông - Hà Nam mênh mông, cái cầu Giẽ lơ lửng trên đường số 1, như cầu Hàm Rồng, máy bay Mỹ quyết liệt triệt hạ, quẫn suốt ngày đêm. Trong nhà thờ Hàng Trống, từ chập tối, những xóm họ đạo ở quanh cầu Giẽ đã lũ lượt kéo lên. Mỗi năm nay các nhà thờ vùng đồng chiêm bị bom phá, đêm Nô-en dân đạo dưới ấy phải đi lễ nhờ. Cả nhà người già trẻ con trải ni-lông, gói quần áo và những túi cơm nắm lớn nhón lẫn với người nằm hai bên hành lang nhà thờ đợi chuông đóng nửa đêm.

Các bạn Liên Xô chú ý quang cảnh đường. Phố đông vui, người đi chơi, người đi lễ. Và chẳng, đây đã thật xa Bến Hải đầu cầu Hiền Lương trong kia. Eptuchenkô lại nảy ra một cái lo khác. Eptuchenkô hỏi:

- Có người Trung Quốc đi lễ nhà thờ không?
- Không đề ý. Mà cũng khó biết, người Trung Quốc ở đây ăn mặc cũng như người Việt Nam.

Nguyễn Tuân nói:

- Có thể không có. Người Trung Quốc theo đạo Tin Lành, như người Mỹ, như Tường Giới Thạch, họ không đến nhà thờ này.
- Eptuchenkô chưa yên tâm.

- Cho tôi đi giữa và tôi sẽ bước hơi rụt đầu xuống. Nếu bị đánh cũng chỉ trúng bả vai. Cái lo xa của anh chàng cao quá khổ. Nửa đêm, nhà thờ chen lấn ních người. Eptuchenkô lênh khênh hơn xung quanh hẳn một đầu. Nhưng vào cảnh thanh bình khác thường giữa thành phố đương bị đánh phá, anh đã quên cúi cổ xuống. Chúng tôi ngột ngạt len được vào một hàng ghế. Trên đài lễ, ông cố đạo giảng một lúc bằng tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh. Có nhiều khách nước ngoài đến nhà thờ. Khi trở ra đường, Eptuchenkô đã nhặng hấn cái lo bị đòn. Eptuchenkô bước nghênh ngang.

Hà Nội. Đêm Nô-en. Bom Mỹ. Lạ thật. Nhưng ông linh mục nói tiếng Anh không giỏi. Mùa hạ vừa qua Eptuchenkô đi chặt mía cả tháng ở Cu Ba. Ở Việt Nam về, Eptuchenkô sẽ sang Mỹ. Tôi tìm được quyển kịch *Người chào hàng* của A. Mi-ơ Nhà xuất bản Văn Học in năm trước. Eptuchenkô hứa sẽ đưa cho tác giả, khi đến Nữ Ước.

Cái vui kỳ dị đêm Nô-en chưa hết. Chúng tôi lên phố Hàng Giày. Các tiệm ăn uống quốc doanh và tư nhân sáng đèn suốt đêm quanh Bờ Hồ và ở trung tâm - người ta dựa vào đêm nay không có báo động.

- Chúng ta sẽ ăn Nô-en ở một quán người Trung Quốc.

- Thật không?

- Anh đã không bị đánh thì cũng không ai bỏ thuốc độc vào con cá ở đĩa của anh. Đêm Nô-en, đức Chúa Trời lòng lành...

Nói vui thôi, Eptuchenkô đã tuổi tinh từ lâu. Quán Tiếu Lạc Viên vẫn mở, nhưng ông có ngay đã nghe bom giạt mình chết từ Tết năm ngoái. Một người hầu bàn đầu tròn, áo cánh xuyên đen ống tay rộng. Nếu thêm cái nón tu lơ sơn dầu quang mây, thì tưởng vào một cao lâu mới ở Lạng Sơn dọn xuống. Không biết có phải thật Tàu không. Cái năm lắm người Hoa đi, nhiều cửa hàng vẫn thắp, chủ quán quần cái tạp dề xanh đội lốt làm chủ quán Tàu. Mắt ông có ngay, cửa hàng nhạt hẳn. Nhưng Eptuchenkô đâu biết cái buồn thiếu vắng ấy. Năm trước, nhà văn Solukhin và tôi vào hàng nem Cát Tàn sắp đóng cửa để tránh nạn bị nhòm ngó lên tư sản. Cả gian hàng trống không, cái cốc cũng không có, chúng tôi uống bia bằng bát chiết yêu. Solukhin gật gù khoái rồi về Matxcova viết trong bút ký *Bưu thiếp Việt Nam*: Lần đầu tiên trong đời, đến Hà Nội tôi được cầm cái bát phương Đông uống bia Đức.

Chúng tôi uống cuộc lùi với chim bồ câu quay. Tôi nói dối đây là chim giẻ, một giống chim mùa lạnh về trú đông ở các cánh đồng nước nhiệt đới. Chim ăn thóc, thịt rất thơm. Marian Tkchốp hóm hỉnh:

- Chim giẻ cũng ngon như chim bồ câu, ông ạ.

Eptuchenkô lại như cắt nghĩa tiếp theo:

- Đừng tưởng chúng tôi không ăn thịt những con chim hòa bình. Cách nói như thế chỉ để hô khẩu hiệu. Khi còn chiến tranh, tôi là cậu bé tám chín tuổi theo bố mẹ tản cư về vùng thảo nguyên Taiga ở Trung Á. Cẩn đường, lít sữa cũng mua bằng phiếu như các bạn có sổ mua gạo bây giờ. Người lớn bắt chim bồ câu hầm cho trẻ con ăn. Nhưng bồ câu đàn ngoài vườn thịt tanh lắm. Bồ câu mới nở trong ổ bắt trên các khe mái nhà ăn mới ngon.

Không ai hỏi lại và chế giễu tôi về con bồ câu hay con chim giẻ. Mọi người đều biết là nói đùa và những tưởng tượng vui. Chập tối hôm sau, sang sân bay. Ở Gia Lâm, hay có khi Nội Bài, khách đi và đến vào chập tối. Xe lửa liên vận biên giới phía bắc ở ga Hàng Cỏ chuyển bánh lúc nhọ mặt người. Qua cái cầu Long Biên già chết - những nhịp cầu bị đánh gãy vắn gục đấy, máy bay không người lái chụp ảnh lướt ngang cũng không biết đường sắt, đường ô-tô vẫn sống trong lòng cầu.

Đêm đêm, những đoàn tàu đoàn xe không đèn lẳng lẳng qua.

Eptuchenkô ném hai đồng xu Nga xuống sông Hồng. Phong tục ngồi lại giây lát để ước được bình yên trước khi ra đi cũng như ném đồng tiền xuống sông, ấy là mong sự tốt lành và những cái hên có ngày trở lại. Năm sau, tôi gặp Eptuchenkô ở Matxcova, nghe nhà thơ bốc phét kể chuyện tranh luận với tổng thống Mỹ J.Ca-tơ. Ca-tơ nói ông ta rất yêu L.Tônxtôi, nhưng lại dẫn sai một câu của đại văn hào này. Chắc là tay chuyên gia đăng trí nào đã làm sẵn cho lão nói - Eptuchenkô nghĩ thế. Eptuchenkô đã đưa vở kịch *Người chào hàng* cho A.Mi-lơ. Mi-lơ chảy nước mắt nhận quyển sách nhỏ bé, bìa quần queo. A.Mi-lơ không thể tưởng bom Mỹ ném như thế, Hà Nội vẫn in và diễn kịch A. Mi-lơ.

Bao nhiêu năm sau, trong một chuyến thăm Thái Lan, Eptuchenkô đã tạt sang Hà Nội chốc lát. Dẫu sao, đồng tiền Nga vẫn thiêng, người ra đi có trở lại. Tôi không được gặp để hỏi xem khi Khorutxốp qua đời đám ma thừa thớt, Eptuchenkô đã đi đưa, viếng đọc một bông hoa cẩm chướng. Câu chuyện ấy ra sao, tôi đọc tin tức thấy nói thế.

Đôi lần, tôi hỏi Nguyễn Tuân:

- Anh nghĩ thế nào về Tờrôtkit thời kỳ ấy?

Nguyễn Tuân dăm chiêu rồi sùng sộ hỏi lại:

- Mày muốn chụp mũ tao hả?

- Ông cứ quá lời...

- Tao đi Vọng Các với thằng Lương Đức Thiệp, vậy thì tao cũng là đệ tử. Cách suy luận máy móc của chúng mày là như vậy? - Bơ vơ, tôi bỗng bị Nguyễn Tuân trút cơn bực mình - Bấy giờ tao với nó còn là những thằng ranh con, đã biết tam tứ ngũ lục thế nào đâu. Tao đọc hồi ký *Đời tôi* của Tờrôtkit đầy chữ. Mượn ở thư viện. Thư viện Trảng Thi có cả Tônxtôi, Goocky, Giôn Rít, có tuốt. Tây mật thám ăn mắm tôm, biết sách vở đỏ đen thế nào. Cái đứa viết báo khoe thời Pháp đã tìm đọc chui Lênôn Tônxtôi là nói láo ra về ta đây cũng cách mạng từ bóng tối. Thằng Việt Minh Như Phong nhà chúng mày thỉnh thoảng lại vờ xuống chơi. Chẳng thấy nó giác ngộ gì tao, lại đưa cho tao tiểu thuyết tự truyện của Sacơ Pliniê. Mà Pliniê là thằng đệ tam rồi tờrôtkit. Việc đời lồi thoi lăm. Tao không bài bác, nhưng tao không thích.

- Ông chỉ làm cái gì ông thích thôi.

- Mồm nói thế này, bụng lại nghĩ khác, là thằng đều. Mày gọi là thằng cơ hội, thì thằng bịp cũng thế. Không ưa mà cứ làm như thích lắm. Tao không sức được các chính khách!

Cứ cái kiểu ấy, một đời còn biết bao gian truân!

Ở Thanh Hóa, khi thôi bị quản thúc, Nguyễn Tuân ra Hà Nội, viết đề sinh nhai và cho ra nhân vật nào cũng là nhân vật Tôi. Trong sách cũng tương tự ngoài đời, người ấy tên là Nguyễn hay là Bạch cũng thế, trà dư tửu hậu chán chê rồi rời bỏ nơi ăn chơi, nhưng cũng không về nhà, bấy giờ nhà bác Nguyễn đã dời Thanh Hóa ra ở Ngã Tư Sở trên đất Mọc Thượng Đình quê gốc. Bạch về một gian gác nhỏ ở một phố khuất. Trong buồng mắc chéo cái võng day. Không bàn ghế, không hòa lò không be lọ, không trai gái. Chỉ độc chai nước lọc mấy quyển sách dưới sàn với hộp cá sặcđin và bánh mì. Có khi nằm võng cả tuần không ló ra đường, không cầm bút, không khách khứa nào gõ cửa cái buồng đã khóa trái. Chủ nhân khước từ mọi trò chuyện, chỉ mình với mình, gần như tịch cốc. Rồi bất thần lại biến biệt đi đâu, chìm đắm trong cuộc truy hoan nào rồi lại về nấu mình ở cái buồng con trên nóc bếp hay ga ra ô-tô.

Cái gác của Nguyễn trong các tùy bút và truyện ngắn, truyện dài cũng na ná cái gác Nguyễn Tuân tá túc ở cuối sân sau một tòa nhà bên tay phải phố Hàng Dẫy. Bè bạn cho Nguyễn Tuân ở nhờ một buồng gác có thể trước là nơi ở của thằng tài xế, tầng dưới để xe, trông thẳng ra cửa bên. Một cái thang gác gỗ nhấc đi được dựng đứng góc buồng, người trèo lên rồi sập mạnh ván xuống, đóng kín sà, hết cái bầy chuột. Lên thang nghe gió cuốn âm thầm... *Gác trọ không đèn nhớ cổ nhân...* - như câu thơ Trần Huyền Trân. Có một lần, Nguyễn Tuân đã dẫn tôi đến đứng ngoài vỉa hè nhìn vào hoài cổ cái gác xép ấy. Trải mấy chục năm dâu bể, thế mà khi ấy, bên trong một

quán chè tươi, cái gác xếp vẫn nguyên. Nguyễn Tuấn bảo chẳng khác ngày xưa. Ngồi hàng chè tươi ấy của ông Nghi người làng tôi xuống Kê Chợ làm ăn. Ông Năm Nghi bảo:

- Chỗ gác ấy là trạm giao thông nội thành, cán bộ thường đến liên lạc. Chẳng biết thành phố có giữ làm bảo tàng không?

Ông Nghi cũng hoạt động cơ sở quận 1 thời kỳ ấy.

Tòa nhà nọ, khi Nguyễn Tuấn ở nhờ, là nơi tụ tập bí mật của một nhóm người đảng Đại Việt. Các nhà văn nhà báo Đào Trinh Nhất, Nguyễn Triệu Luật, Phùng Bảo Thạch... hay đến, có người bạn, có người chỉ quen, cả Đỗ Xuân Mai chủ Nhà xuất bản Mai Lĩnh in phóng sự hai tập *Tàn đền dẫu lạc* của Nguyễn Tuấn. Có thể, Nguyễn Tuấn mới ở được cái gác bỏ hoang kia. Họ ra tờ tạp chí *Văn Hóa*, tòa soạn đóng ở đây. Báo hàng tháng bìa vàng dưới in trang trí hai chữ V và H trên nền một góc mặt trời đỏ tỏa tia ánh sáng. Chúng tôi xi xào hai chữ này: Đây là bọn thân Nhật viết tắt chữ Vòng Hồng, mặt trời với tia nắng là vòng hồng đương lên - gần gũi với cái mặt trời tròn đỏ giữa quốc kỳ Nhật. Không hiểu tại sao,

Nguyễn Tuấn cực ghét cờ Nhật, mà Nguyễn Tuấn bảo là cục mực đỏ trên miếng vải trắng và giễu cợt Tàu Tường có cái ru líp xe đạp, bánh xe răng cưa. Hồi ấy tôi đã ở tổ chức Văn hóa Cứu quốc. Tôi để ý tin tức các phe nhóm chính trị thân Nhật, thân Pháp trong thành phố. Nguyễn Tuấn cũng biết bọn ấy, Nguyễn Tuấn không viết báo *Văn Hóa* nhưng lại thích cái góc tĩnh mịch hơn, nên đến ở đây. Chỗ cái sân sau dưới cửa sổ - Nguyễn Tuấn kể, tối nào chúng nó cũng tập võ, tập súng khuya lắm. Hình như đánh bốc, đấu gươm, bóp cò tanh tách, ném lựu đạn chai lọ vỡ choang choang. Trên buồng, mình nằm võng mơ màng, rồi ngủ, mặc kệ. Biết có điều phức tạp, nhưng vẫn đi về một mình, coi như không bận tâm. Chúng nó bảo viết bài thì trả lời ậm ừ. Lão xuất bản họ Đỗ lên buồng, rền rầm lên: Ôi giời ôi, thời thế này mà ông nằm chõng vó lên được à? Dậy, dậy. Gươm đây, ka ki may áo, may mũ sẵn cả rồi. Không mau lên thì không ai đợi được ông đâu.

Nguyễn Tuấn im lặng, lát sau hỏi câu thân tình với nhà mua sách ấy như thế này: Này, ông chủ xuất bản, ông sẵn tiền đấy không, ông cho tôi tiêu một ít. Và Nguyễn Tuấn vẫn nằm võng trong cái gác xếp trơ trọi. Mọi sự xung quanh, không động trệ đến mình.

Một hôm, Phùng xuống tìm Nguyễn Tuấn dưới nhà ở Ngã Tư Sở. Phùng nói nhỏ:

- Mật thám quay nhà ấy rồi, đừng lên nữa, cho tao ở nhờ mấy ít ngày.

Thế là Phùng ẩn náu ở Am Sông Tô. Ba chữ Am Sông Tô chỉ là cái bóng đẹp khéo tưởng tượng mà thôi. Nguyễn Tuấn thường để lạc khoản kèm với ngày tháng dưới những sáng tác như thời thượng của người viết. Chữ đâu phải cái am, cái động, cái lầu tranh, cái mái trúc mà chỉ có muỗi đêm túa ra tấp vào mặt, bên con sông Tô xanh rờn những bèo rau muống trên dòng nước hơi thổi ở các cổng thành phố thải ra. Sau bờ rào cúc tần, một ngôi nhà ngói cổ tọa lạc giữa mảnh vườn con, trông sang nhà ga ra tàu điện đường Hà Đông - Cầu Mới. Nguyễn Tuấn đã viết tùy bút *Nhà bác Nguyễn* xưng tụng công lao thân mẫu ông vất vả từ Thanh ra trông coi dựng nên nếp nhà ở quê. Đại gia đình về an cư nơi gần đầu làng Mọc sau bao nhiêu năm cụ tú Hải Văn - tú tài khoa thi sau cùng, đã bôn tẩu theo công việc chữ nghĩa và dong chơi khắp Khánh Hòa, Phú Yên, Phai Pho, Turan, Huế, Hà Tĩnh rồi cắm lại Thanh Hóa, đến khi về già mới trở về được nơi chôn rau cắt rốn. Tam đại đồng đường ngụ trong ngôi nhà ngói cũ kỹ ven đường này. Thời bị chiếm, Pháp mở rộng đường Hà Đông, ngôi nhà bị ủi đi biến vào giữa lòng đường Nguyễn Tuấn bảo chỉ nhớ ánh chùng cái am Sông Tô ấy ở chỗ gần cửa nhà máy cơ khí bây giờ.

Nhà bác Nguyễn, nhà bác Trương Tửu mất nhà, không được may như nhà bác Tú Mỡ trên Cầu Giấy, tản cư rồi có người trong họ đến ở nhờ trông nom hộ, khi trở về, nhà cửa vườn tược gần như nguyên.

Phùng luân quần tránh ở nhà Nguyễn Tuấn. Lại còn như trâu ngựa, như không biết là người đương bị mật thám truy lùng, cứ tối đến, hai người thong dong lên tàu điện vào chơi ở đảo Khâm Thiên.

Tôi không được cùng thời yên ba sầu xứ trong cái vỏ ốc thành phố này với các vị. Nhưng những khi đôi ba chén rồi rồi, ngồi nghe kể, lại tưởng ra nguồn cơn vui thú của cái ông trưởng nam mới tý tuổi đầu đã được cụ thân sinh dắt theo đến phố Hàng Giấy thưởng thức đàn ngọt hát hay hẳn cũng có khác người, cho nên bóng dáng và tiếng tơ tiếng trúc xóm yên hoa còn dấu vết xa xưa lại trong tâm tư. Nhưng đến thời buổi nơi hát xướng đã nửa cô đầu nửa nhà thổ, bên tiếng hát băng khuâng hồng hồng tuyết tuyết, phách róc lấp lánh lựa thưa như hạt ngọc rơi để khách cầm roi châu gỗ ngắt xuyên tâm, lại cộng thêm một lũ đào dĩ hầu rượu giải chiếu mắc màn rồi ngủ với khách, thú thanh tao họ đã sang một sự vật đục khác cung phụng cho nhiều người khác rồi.

Nguyễn Tuấn không chơi như người ta xưa và nay. Nguyễn Tuấn trang nhã, thân tình với bà luật sư thượng viện Phước Đại, bà Bảy Nam và cô Kim Cương cả với ca sĩ Hà Thanh, một thời giọng vàng đài Sài Gòn, với Hoàng Oanh mà tôi vừa gặp đã giới thiệu ông quen ở khách sạn Côngtinhăngtan hôm đoàn kịch Kim Cương ăn mừng một tuổi, thế mà cứ lưu luyến như rồi còn gặp lại. Nhưng chỉ vậy thôi. Nguyễn Tuấn hay xi và thối hoa lá cảnh của Nguyễn Văn Bổng và tôi. Cách mạng thành công năm 1945, Nguyễn Tuấn mới ba mươi tuổi. Thế mà đỉnh đặc, chinh tề như đã tuổi tác lắm. Không giăng gió, Nguyễn cũng không thuộc những người liến láu khôn đến rạc cả người mà đàn bà ngại như cách Nguyễn Hữu Đang xếp hạng.

Năm 1975, Nguyễn Tuấn vào Sài Gòn đến ở một nhà quen khó ai biết đích xác, kể cả những Phạm Tường Hạng, Đoàn Minh Tuấn chuyên làm đầu sai mua giò chả các quán Bắc, rượu đế thịt quay chợ Hóc Môn và chạy tiền để cụ tiêu. Bà chủ nhà kín đáo ấy, bấy lâu trong chỗ riêng tư. Ở trong này vẫn nhận thăm với bạn bè lứa tuổi, bà ta là một bóng chị Hoài, tóc chị Hoài. Hôm Nguyễn Tuấn trở ra Hà Nội xe về qua bưu điện Bờ Hồ còn tạt vào ghi sê gửi bức điện khẩn cho ai rằng đồ giang đã thuận buồm bình yên. Chẳng may, tôi lại cầm đi đánh bức điện ấy nên mới đề ý tên người nhận. Bà Nguyễn Thị Thảo. Ôi chắc là cái bà Nguyễn Thị Thảo báo *Phụ Nữ* ở phố Hội Vũ, trước có Trúc Khê, Lê Thanh cộng tác. Bà Thảo ấy sao? Tôi không hỏi. Tề nhị, người ta đã không muốn nói, thì cũng chẳng nên cố ý thóc mách. Sau chuyện ấy, Nguyễn Tuấn thường ra đường, tay cầm gậy song, mặc bộ áo cánh lụa màu cây dáng nhà Phật, bảo là của người ta cho. Khác nào hai câu thơ hoa viết bút lửa trên mặt đôi guốc mộc của Mộng Tuyết gửi biểu bác Nguyễn, những tình bạn đẹp và buồn phương trời.

Phồn hoa tình mộng sương pha tóc

Mà cổ nhân còn vẹn sắc hương.

Nhưng khác chuyện bà giáo ở Bến Tre gửi thư cho Nguyễn Tuấn - cũng trong cái năm 1975, sau bốn mươi năm Nguyễn Tuấn mới trở lại Sài Gòn. Bà giáo Bến Tre giọng buồn giọng vui viết thư cho Nguyễn Tuấn biết, năm xưa bà đã gặp phải một Nguyễn Tuấn dờm như thế nào.

Quãng những năm 1940 thuở ấy tôi cũng đương ở Sài Gòn. Tôi cũng biết chuyện có đứa mạo tên của Nguyễn Tuấn đi lừa tiền nhiều

nơi. Nguyễn Khánh Đàm, em Nguyễn Tuấn, chủ hiệu sách Nguyễn Khánh Đàm đường Sabuaranh đã kiện tên mạo danh lên tòa án thành phố. Nhưng tên ăn cắp đã lặn mất.

Bà giáo Bến Tre bị tên Nguyễn Tuấn dờm ấy lừa tình thì chẳng mấy ai biết. Bây giờ bà giáo tâm sự với ông Nguyễn Tuấn thật, rằng bà muốn được gặp ông. Nguyễn Tuấn chống batoong, đi đi lại lại trong buồng khách sạn Bến Nghé. Nguyễn Tuấn nheo mắt và nụ cười heo héo. Có cái thanh xuân của người ta thì thằng Tuấn già sức tất cả. Bây giờ thằng Tuấn thật đầu râu tóc bạc lụ khụ đến. Hai chiếc quan tài sắp hạ huyệt rồi. Cái trang cuối của thiên tiểu thuyết này không thể tái hồi Kim Trọng có hậu như truyện Kiều được. À cậu viết truyện tình được đấy, tớ bán cho cậu cái cốt truyện này. Một chai Macten thôi, trong này sẵn. Nguyễn Tuấn không xuống Bến Tre. Cũng không trả lời thư bà cụ giáo.

Thời là cà dưới xóm mà Nguyễn Tuấn đặt tên là những cuộc truy hoan, ở giữa nơi ăn chơi Nguyễn Tuấn cũng không dăng dện vắn vơ. Trong các tài danh thuở ấy ở Khâm Thiên mà bây giờ các bà Nguyễn Thị Phúc, Quách Thị Hồ vẫn còn nhắc lại giọng tức tưởi âu yếm: - Ông Tuấn với bà Năm, chỉ một bà Năm thôi, cứ gọi là hết nhẽ. Ngoài kháng chiến, ông đi chỗ nào, trong này bà Năm cũng biết. Thế mới tài chứ. Bà gửi cả vàng ra cho ông tiêu. Lo liệu cho nhau đến thế cơ mà.

Cũng thì chơi bời, Nguyễn Tuấn chỉ gắn bó với chủ nhà hát và hát hay. Lôi thôi quá, tao định đưa bà Năm về làm bé đấy. Nhân thể rước cả bàn tỉnh về. Đẳng nào cũng nghiện, hút ở nhà đỡ tốn đỡ đàn dúm. Cụ ông nhà mình tính cho hai bố con thế. Rồi cách mạng, thế là tung hê cả. Cái người nặng tình với Nguyễn không phải đào Hồ, đào Phúc, cũng không phải Mộng Hoàn chị ruột của Vũ Đình Hải trình thám tư và làm áp phe cho Nhật mở buyarô trên phố Trường Thi, rất thích truyện *Chí Phèo*, *Đôi lứa xứng đôi* của Nam Cao. Mà đây là đào Chu Thị Năm, cũng là chủ nhà hát. Tôi hậu sinh, chẳng biết đâu những đào hoa xa xưa của vị bố lão. Ở Việt Bắc trở lại, Nguyễn Tuấn tìm mua ở chợ Giời được mấy cái đĩa hát của Mộng Hoàn và của Chu Thị Năm. Canh tàn rượu tỉnh, khuya khoắt lắm mới lấy ra nghe như nghe ma hát. Nguyễn Tuấn bình: Cùng nhà nòi cả, Mộng Hoàn thì sang, hát hàng hoa bay bướm, nhưng khuôn giọng vào đàn có phần không dụng công bằng Chu Thị Năm. Ấy cứ đúng mực với nhau, mà có quá đi nữa, ông sẽ làm như nền nếp thói thường, đưa nó về lạy chị cả - chẳng thể tan hoang đến nỗi nào. Nguyễn Tuấn đã nói ra miệng thế. Một bạn chơi cùng thời với Nguyễn Tuấn là Vũ Bằng đã viết: Chơi đâu thì chơi, không bao giờ Nguyễn Tuấn sao nhãng cửa nhà. Hồi ký về Nguyễn Tuấn của Vũ Bằng in báo *Văn Học* ở Sài Gòn, đến khi đọc tự truyện *Bốn mươi năm nói láo* của Vũ Bằng không thấy câu ấy, thành thử tôi chỉ nhớ ý. Con mắt tinh đời của Vũ Bằng đã nhận xét ra từ ngày ấy và đúng suốt đời với Nguyễn. Năm kháng chiến, Nguyễn Tuấn với một đoàn cán bộ bí mật vào hậu địch hạ lưu sông Hồng. Trong công việc chuẩn bị vào tề, Nguyễn Tuấn tự đặt bí danh là Tuệ. Tây mà tóm được thì bác Nguyễn là cụ chánh tổng Tuệ, cụ chánh hội Tuệ, tùy tình hình. Nghĩ trước tới lúc hiểm nguy, vẫn là nhớ về bác gái nội trợ ở nhà. Tuệ là tên bác gái, bác Tuệ. Cả đời bác gái giúp bác trai làm nhà bếp, nhà bàn, nhà phòng nhà nó. Những năm sau này, ít đi xa, Nguyễn Tuấn hay khoe đùa:

- Chẳng đâu có ôten tốt hơn cái ôten nhà mình.

Những cái đĩa hát chỉ là những cái đĩa hát, những đĩa hát 78 cũ đã nhạt tiếng rồi mất hẳn. Người hoa khôi nơi yên hoa xưa đã yên giấc nghìn thu từ lâu. Tới ba mươi, tôi hay đến Nguyễn Tuấn nghe bà Năm hát, nhưng tục lệ ấy cũng đã tàn tạ nhiều năm rồi.

Những đêm này, Phùng và Nguyễn Tuấn thường hát ở nhà bà Năm, hát nhà hát nhà. Ở nhà hát ấy đã được miêu tả trong *Tùy bút 2*,

có lần bác Nguyễn lưu luyến ở đấy lâu quá, một sớm trở dậy chợt soi gương thấy hai hàng mi dường như đương trắng bệch ra - sắp thành thần Bạch Mi, ông thần cai quản đám ca nhi giang hồ nơi thanh lâu, lầu quán.

Nửa đêm, Phùng về am Sông Tô, Nguyễn Tuân ngủ lại. Mật thám đã rình cửa. Phùng bị còng tay, tổng ra xe.

- Thăng Tuân đâu?

Mật thám dẫn Phùng lên đập cửa nhà hát bà Chu. Gà vừa gáy canh một. Nguyễn Tuân chui trong màn ra, tra tay vào còng sổ tám, về sở liêm phóng. Cùm xà lim cả tháng, Nguyễn Tuân bị gọi lên tra và hỏi rờn rã về những đứa nào, chúng mày làm gì trong tòa nhà tạp chí *Văn Hóa* phố Hàng Dẫy mà Nguyễn Tuân vẫn về nằm võng. Chuyện thật mà mật thám Tây không thể tin. Nguyễn Tuân không đến nỗi nhát sợ khai lung tung, mà thực sự, không biết đồ vậy cho ai. Nguyễn Tuân không biết mấy may chuyện trong nhà ấy. Giữa năm 1941, hai người mật thám dẫn bỏ Nguyễn Tuân lên trại tập trung ở Vụ Bản vùng rừng núi Hòa Bình, Ninh Bình. Việc đi tù này, Nguyễn Tuân ghi một câu gọn lỏn vào lý lịch để ở cơ quan: Đi cãng một năm vì chứa chấp Phùng. Chỉ một câu mà đâm ngẫm ngọi. Cả khi có tuổi, Nguyễn Tuân cũng không quên.

- Tao không dây với chúng nó, việc gì nó phải dẫn mật thám đi bắt tao. Mật thám hỏi, nó chỉ nói một câu không biết, thì đã sao?

Thời ấy, Nguyễn Tuân còn một ông bạn, khi cần tiền vẫn giựt nóng mấy đồng mà không mấy khi phải trả. Năm tù ở Vụ Bản về. Nguyễn Tuân cho con cầm thư đến bạn mượn tiền, cũng như báo tin khéo: Tôi đã về. Ông bạn thân mọi khi không đưa tiền, cũng chẳng một chữ trả lời. Đến nay Nguyễn Tuân còn cười nhặt qua chén rượu: À người ta ngại dính đến thằng tù đây. Những đợt chinh huấn gay gắt, Nguyễn Tuân ngồi im nghe mọi người giúp đỡ, gọi cho nhớ lại những câu đã chửi ai, đã nói ác ra sao mà Nguyễn Tuân không nhớ nói thế bao giờ. Nhưng nghĩ chắc có nói, không phải chúng nó vu. Chỉ không tưởng được rồi có khi người ta lại đem câu giễu cợt ra chỗ nghiêm chỉnh thành chuyện tày trời. Nguyễn Tuân không tiếp thu, cũng chẳng nói lại, rồi cũng chẳng bao giờ nhìn mặt những người ấy nữa. Bề ngoài, tuồng như ở ngòi bút và trong cuộc sống Nguyễn Tuân chỉ có xô bồ và ngang càn bừa. Không, đối đãi với xung quanh, Nguyễn Tuân vừa thành kiến vừa tình nghĩa nên nếp cũ. Hợp nhau mặt nào thì chan hòa mặt ấy, những cái khác thì không lưu tâm. Cuối năm, cẩn thận, đều đặn, Nguyễn Tuân gửi thiệp chúc năm mới những người quen biết cần gửi. Không bất thường và trễ nải hững một lúc. Tôi đi Lai Châu hay Hà Giang lâu lâu, thế nào cũng được thư Nguyễn Tuân, khi gửi từ Hà Nội, khi Lào Cai, khi Vĩnh Linh, khi Matxcova. Ở phương này, Nguyễn Tuân nhắm phía chân mây kia mà ông thêm tới.

Đến việc ăn uống thì thật nể nã và cầu kỳ. Hay bảo là cốt làm ra khác thường cũng có thể được. Nguyễn Tuân lên cốt 400 núi Ba Vì. Trên ấy đạo diễn Mai Lộc đương quay một số thước ngoại cảnh phim *Vợ chồng A Phủ* của tôi. Lưng núi, xa chợ búa, con bò con lợn mổ được phải để ăn dần mười hôm. Tổ làm phim thịt bò đón khách linh đình. Miếng xách lược, miếng thịt tái cả da chấm tương gừng. Hôi này nhà mậu dịch gắt gao thu mua da bò da trâu, có ở rừng ăn chui mới được miếng da bò thui quý hiếm. Mấy ông già người Dao ở làng gần cũng xuống vui chung. Nguyễn Tuân khen ở núi hiểm gia vị mà cũng kiếm được rau thơm, ông chỉ nhặt bỏ ra ngoài mâm những lá cỏ dại gọi là lá mùi tàu nhỏ ở ven rừng. Nhưng Nguyễn Tuân chén thịt bò có một bữa ấy Những hôm sau, nhờ nhà bếp nắm cho nắm cơm và mở lọ muối vừng, lọ ruốc mang theo từ nhà. Đừng ai nài ông khách kỹ tính ấy ăn thêm miếng thịt kho, một bát nước xuyết oi khói hai ba lửa. Nguyễn Hồng với Nguyễn Tuân mỗi người ăn uống một khác, thế mà chơi được với nhau. Nguyễn Hồng uống tạp, rượu nhắm ôi xanh,

hành sống, cà pháo muối xổi... Buổi tối, Nguyễn Hồng ngủ lại ở cái gác xếp sân sau cơ quan. Chẳng biết cao hứng sao đi tìm tôi rồi ra chợ chiều cạnh bên xe Kim Liên mua miếng thịt bò, mấy nhánh cần tây và mớ rau húng. Thịt xào không mỡ với muối, rau húng chỉ cời lạt, ngắt ăn cả nhánh. Hàng rau người ta rửa rồi mới đem ra chợ bán chứ ăn cả đất đầu mà lo. Khéo vẽ vệ sinh lời thôi.

Nguyễn Tuấn khác hẳn, Nguyễn Tuấn uống như các cụ ngày trước, rượu gừng. Bữa sáng hay chiều có nhắm hay uống suông cũng thế, thành lệ mỗi lần một hai chén, quanh năm không khác. Nguyễn Tuấn có thổ mua rượu, ông kỵ rượu chợ. Không nát, không to tiếng, say chỉ lừ đừ và lặng lẽ nằm nghỉ. Tạng Nguyễn Tuấn với cách thức hương hoa ấy hợp với các thứ uống hảo hạng Chianti của Ý, Rôma Giamai hay Uýtky và Mao Đài. Mùa hè, làm cốc-tai thêm lát chanh với miếng đá, nhắm nháp cả ngày. Không đụng đến rượu ngọt, dù nặng. Cái sakê giòn ngọt của Nhật thì vứt đi. Có lần, đạo diễn Đình Quang ở Nhật về biểu ông bình rượu sakê to tổ bố. Ông cho chúng tôi uống cả. Những năm ấy, chuốc đầu ra những của quý như thế mà vẫn kiêu cách của ông. Bởi vậy nông nổi còm cõi càng trở khổ tai ra, mỗi khi có đôi chút phong lưu, nhiều cuộc uống tội tội thế nào ấy. Một miếng pho mát, một cốc vôt-ka Ba Lan trên gác nhà bác sĩ Trần Hữu Tước, cũng khá hiếm hoi. Chủ nhân chỉ ao ước có tủ sách chuyên môn, có tiền mua hàng tháng sách nghề của mình tháng nào chẳng có tạp chí, có sách mới, chỉ đọc báo cũng muốn phát sốt. Mà không có tiền mua. Ông bác sĩ anh hùng này đã dịch tiếng Pháp bút ký *Ngô tây* của tôi với nhiều truyện ngắn khác và những phát biểu, tham luận của tôi mỗi lần tôi đi dự hội nghị nước ngoài. Ông dịch thuê và đọc cô văn *Liêu trai chí dị*. ở Pháp ngày trước, ông làm bác sĩ tai mũi họng chuyên cho hoàng gia Anh. Một năm, chỉ vài ca khám đã thừa cái ăn chơi. Thuở ấy, xa rồi. Bây giờ, mỗi lần cho con xách cặp lông đến phố Khái 202, chủ quán quý khách thái thêm cho mấy miếng gầu đã cảm ơn, xuyết xoa khen.

Cái cung cách ăn uống phải tính toán nghèo nghèo này, kể cũng hiu hắt và vất vả. Mỗi khi vớ đầu được một chai ngon, henitxy hay cônhắc, Nguyễn Tuấn thường kéo bạn đến, từng người. Họ được uống vào những lúc khác nhau. Người mở nút đầu tiên và người uống ly chót, chủ nhân đều đã đo đạc cẩn thận. Không biết ai, chỉ biết tôi không mấy khi được vinh dự mở nút chai. Tôi chỉ lĩnh một chén ông dành cho vào lúc nào đấy và đến lúc khoái quá, được Nguyễn Tuấn bảo:

- Ông có thể thêm ly nữa, ly nữa.

Tự tay tôi thò vào cái nút be lọ linh kinh dưới giá sách lôi ra chiếc chai quý mà lúc nãy rót xong chén cho tôi, Nguyễn Tuấn đã lại cất sâu vào phía trong. Ai, thì đãi rượu nào. Có cái này uống được. Ông đến nhé... Được, hiểu là thượng hạng đấy. Trong lúc tôi liếm môi vị cônhắc thơm cay mà một bạn người Nga của chúng tôi, anh Vlat nghiện rượu quanh năm tưng bần chỉ nốc có rượu trắng, cứ nói xấu lấy được rằng thằng cônhắc có mùi hôi con rệp. Tôi ghét thì Nguyễn Tuấn tự rót cho mình một ly cuộc lùi. Nguyễn Tuấn xoi cái thường, nhìn khách uống cái sang và hỏi: Thế nào? Tưởng có thêm đến mướt mồ hôi cũng không nỡ nào dám uống thêm, thì Nguyễn Tuấn lại tự tay rót ngay ly nữa. Nhưng ông cất lời dạy bảo ngay:

- Uống trâu, mày là thằng uống trâu. Chỉ rượu trắng, người Nga mới hắt vào miệng một tợp chống rét như thế. Rượu có giá phải nhắm nháp và nghĩ đề thường thức.

Tôi chịu không làm được, tôi cũng không muốn đòi lỗi người ta nghiền ngẫm vị rượu trên lưỡi, tôi nghĩ về rượu trong cổ lên quỹ đạo lằng lằng theo cách của tôi. Tôi cãi chày cối, Nguyễn Tuấn không nói nữa, nhưng có vẻ không bằng lòng... Và nhiều cái không bằng lòng

khác. Có khi cả năm Nguyễn Tuân chán chường tôi, không nhìn mặt. Nhưng ông bạn vong niên ấy với tôi không đến nỗi kiêng nhau như bác Nguyễn và nhân vật Mọi trong tùy bút *Đôi tri kỷ gương* mà chúng tôi như người nợ nhau, ghét nhau đấy nhưng lâu lâu không được tào lao đôi ba câu, lại thấy vắng vắng. Thật khó nhọc, mà lại cứ thật là cần.

Mấy chữ này của Nguyễn Tuân có thể phác họa ra những khúc khuỷu trái ngược ấy.

Tô Hoài,

Mình thường ít khen ông - về cả con người, cả nhà văn.

Nhưng đọc Sài Gòn Giải phóng, 13 tháng giêng 1985 bài Một người bạn, mình thấy có một cái gì mới mới ở ông. Nhưng phải khen cái truyện ngắn khá dài khá sâu rộng này. Người thật việc thật trong chuyện này có thật không, hoặc có thì ở mức nào, đối với tôi không quan trọng. Cái quan trọng là nó như thật. Nó hay đấy. Ông còn khỏe hơn tôi, cứ làm độ một tập như thế này thì ông sẽ phá kỷ lục của Tô Hoài đó.

Nguyễn

Nhưng việc gì ông phải cho truyện ngắn Một người bạn dính vào mục dự thi. Không dự thi thì truyện Tô Hoài giám giá trị đi à? Hay là người ta xui ông đi thi viết!

Nguyễn Tuân vốn mến và chơi với họa sĩ Nguyễn Sáng. Nguyễn Sáng đã vẽ Nguyễn Tuân những chân dung thật đặc sắc. Nhưng mà cái hợm trong sáng tác, không coi ai ra gì, ai cũng không bằng mình của Nguyễn Sáng thì Nguyễn Tuân không chịu được. Nguyễn Sáng đến chơi, mừng ba Tết. Hai người uống vui, câu chuyện xoay quanh nghệ thuật. Bốc lên, Nguyễn Sáng hét:

- Chỉ có một thằng Sáng thôi. Còn thì cút hết!

Nguyễn Tuân gio tay ra cửa:

- Đi ngay!

Nguyễn Sáng vẫn hăng:

- Nguyễn Tuân à, đừng tưởng bỏ? Ông không biết viết tiểu thuyết. Truyện không có nhân vật, vứt đi?

- Anh ra khỏi đây ngay.

Nguyễn Sáng lập cập xuống thang.

Đến nhà tôi, Nguyễn Sáng nước mắt đầm đìa.

Nguyễn Sáng bảo con gái tôi:

- Người ta vừa đuổi chú. Năm mới mà chú bị người ta đuổi.

Ngồi một lúc coi như uống tiếp lúc này, tí tê hỏi mới ra câu chuyện những cái tài và cái tai gặp nhau. Nguyễn Sáng nói một câu sắc sảo:

- Nó cũng khinh người bỏ mẹ, lại bảo mình khinh người.

- Lúc này có nói thế với Nguyễn không?

- Chưa hết câu, nó đã tổng mình đi rồi. Tức quá đi luôn.

Cả sinh hoạt lẫn xử thế, lấm cái như trẻ con.

Buồn cười, Nguyễn Tuân nhiech tôi:

- Chứa ghét cái thằng bợm bia rượu mà hàng ngày lại uống nước lạnh.

Không mấy khi Nguyễn mời tôi uống chè. Không bao giờ cho tôi thuốc lá.

- Mày hút phí thuốc lá.

Quả là tôi không hút thuốc. Muốn hút chơi thì tôi phải xin ông. Thường nói, ông vừa khôì hải vừa mĩa:

- Chớ biết thằng này thế nào là thật? Tao ghét cái cười mồm mím hiền lành không hiền lành của mày.

Tôi cũng tìm ra cách chọc tức lại. Nay ông chửi tôi giả rượu giả thuốc, giả cười, tôi ăn bọ hung, tôi ăn thịt chuột. Ông bảo người ta chỉ thật nhất lúc ngồi với cái chén. Nhưng mà từ thời công nguyên, hai ba nghìn năm nay, thiên hạ thế giới đã luận về cả trăm lối nâng chén đấy, chứ không phải cách riêng của thằng lấu cá này đâu.

Tôi chia trang *Sử ký* ra trước mặt Nguyễn Tuân.

Tề Uy Vương hỏi Thuần Vu Khôn:

- Tiên sinh uống bao nhiêu thì say?

Khôn đáp:

- Thần uống một đấu cũng say, mười đấu cũng say.

- Một đấu cũng say thì sao uống được một hộc? Sao nói vậy?

Khôn nói:

- Nếu cho uống trước mặt đại vương có quan chấp pháp đứng bên cạnh, quan ngự sử nấp sau lưng thì Khôn sợ hãi cúi đầu uống, chỉ một đấu đã say. Nếu cha mẹ có khách quý, Khôn vén áo khom lưng hầu rượu trước mặt thỉnh thoảng được ban cho mấy giọt thừa, lại phải bưng chén chúc thọ, phải đứng lên hầu rượu luôn như thế thì hai đấu đã say. Còn như bè bạn lâu ngày không gặp, bỗng nhiên gặp gỡ, mừng rỡ kể chuyện cũ, đem chuyện riêng ra nói cùng, như thế uống được năm sáu đấu. Nhưng đến như ngày hội ở quê, trai gái ngồi lẫn lộn, mời rượu dằng dai, đánh lạc, ném hồ, kéo nhau tùm năm tùm ba, nắm tay nhau cũng không ai phạt, mắt nhìn nhau cũng không ai cấm. Đứng trước có cái hoa tai đánh rơi dằng sau có cái trâm bị bỏ sót, Khôn trộm lấy thế làm vui, có thể uống tám đấu cũng chỉ say hai phần. Khi trời chiều, tiệc vãn, dõn chén ngồi kê, gái trai cùng chiếu, giày dép lẫn lộn, chén bàn bừa bãi, trên thềm tắt đuốc, chủ nhân giữ một mình Khôn ở lại mà tiễn khách ra, áo là cởi bỏ, thoáng mùi hương thơm phức. Lúc bấy giờ lòng Khôn rất vui, có thể uống được một hộc

mười đấu. Vì vậy nói rượu quá hóa loạn, vui quá hóa buồn, muôn việc đều thế. Vua Tề nói: Hay!^[1]

Chắc chắn Nguyễn Tuân đã ngâm nga đoạn văn này bao nhiêu lần, nhưng tôi cứ đọc lên. Nguyễn Tuân im lặng, không phải để khỏi cụt hứng người đọc mà Nguyễn Tuân nhấp chút chút rồi gật gù:

- Mấy năm trước, chắc tớ cũng bị theo dõi. Nhưng bây giờ thì hẳn là thôi. Mình hay nói, đùa khác đem nói lại, nó bịa ra chuyện mới, lời bình mới, bảo là Nguyễn Tuân nói đấy. Thời buổi sinh ra ca dao hò vè lung tung ấy mà. Nhưng xét cho cùng, Nguyễn Tuân có tò mò đôi chút cũng chỉ nghe hơi chứ phải đâu được mắt thấy, được ngồi bàn bạc mà biết. Cái thằng cầm bút viết được chữ nào bán chữ ấy, sức

đầu mà làm ca dao cho không. Mày học làm đầy tớ Thuần Vu Khôn để dạy tao. Tao cũng là thầy đây. Thầy này ghét đứa nào uống rượu để nhaim thẳng khác uống rượu. Đây, lại mất điện. Tiến lên công nghiệp nặng của ông Lê Văn Lương ở thành phố này là phải trừ cái đèn hoa kỳ.

Năm 1954, về Hà Nội, tổng thư ký Hội Văn Nghệ Việt Nam Nguyễn Tuân và thường trực cơ quan Nguyễn Huy Tưởng ưu tiên hai thủ trưởng mỗi người được phát cái xe đạp, số xe công màu biển xanh. Xe đạp, Nguyễn Tuân cũng làm cho hình thù nó khác của người ta. Khung không sơn lại, để loang lổ đen xám, ghi đồng vuông, xe cời trỗng không mắc gácđờbu. Nhưng thế không có nghĩa là cầu thả. Thoảng trông xấu xí, mà xe khung Pháp, phanh tốt, lốp doonglốp đỏ sẫm.

Nguyễn Tuân đến tiếp khách nước ngoài ở khách sạn Thống Nhất. Đi xe đạp thường ý tứ để xa xa cửa vào, rồi khóa cẩn thận tựa bờ tường bên nhà phát hành sách. Chốc nữa, khách có thân tình tiễn ra ngoài cái cửa quay, chủ chỉ việc đi lưng thưng vài bước. Giá đồ như ở cái thành phố xinh xắn yên tĩnh này không cần đi ô-tô và thư thái tản bộ là một thói quen đẹp. Khách vào rồi, ông chủ ra ngách tường để xe đạp đằng kia, mở khóa và thóc đi.

Nguyễn Tuân đến chỗ giấu xe. Cái xe đã biến mất. Mấy hôm sau, thương nghiệp thành phố biết chuyện đã tặng nhà văn một xe Thống Nhất chưa bóc giấy bóng. Tòì không biết cái xe ấy Nguyễn Tuân đã cho hay bán, nhưng không thấy Nguyễn Tuân cưỡi xe đạp nữa. Trong thành phố, ông đi bộ và gọi xê lô. Chẳng mấy lâu, bệnh thấp khớp đã khiến cho đôi chân người phiêu đảng không còn mấy vững, phải có thêm cái gậy đỡ. Nguyễn Tuân vốn chơi gậy, có một ống đựng hàng tá batoong các kiểu. Gậy lim sơn then, gậy lụi. Gậy song Sapa khắc tên những nơi đã đi qua, Matxcova, Sôphía, Vácna... Mới thêm một chiếc nạng thương binh. Lần ấy, vào Sài Gòn, bệnh thấp khớp khéo trên người bỗng nổi lên ở cái đất khô nhẹ, mà những người quê miền Bắc bị khớp, xưa kia cũng như ngày nay, có điều kiện, đều tránh cái rét mùa âm vào trú đông trong Nam. Thế mà Nguyễn Tuân bị sưng chân lên đến gối, ngồi một chỗ. Cũng có thể không lạ, sự dị ứng trái ngược. Khi Nam Cao còn trẻ vào làm ăn trong Sài Gòn, bị nê đến phải chống gậy lên tàu ra. Đôi chân thềm đi của Nguyễn Tuân đã được đắp vôi vụn cao hồ, có đến mấy chục cái chân con hồ mà đến lúc cũng quy. Ở quán thịt chó Sinh Hàng Lược, Đoàn Giỏi mách:

- Hai cẳng sau con chó, ở trong Nam người ta chữa được nhiều bệnh, thần hiệu nhất cái bệnh đau xương, bệnh khớp.

Nguyễn Tuân ở bệnh viện về. Mỗi ngày, buổi chiều, đạo diễn điện ảnh Phạm Văn Khoa xách cặp lồng lên Hàng Lược mua cẳng chân sau con chó, không biết hai hay bốn. Đến bảy giờ Phạm Văn Khoa cũng hóa ra người không lò chân đất sét rồi, nhưng con người cao lớn lực lưỡng ấy lại ngược đời, kém chân thì đi xe đạp thay. Từ hôm Phạm Văn Khoa mất xe đạp, chàng mới chịu cho các nàng đèo xe máy. Phạm Văn Khoa treo cặp lồng chân chó ở đầu thang gác lên nhà Nguyễn Tuân. Xương hồ, xương chó và bè bạn lo cho cái chân người về già. Cũng nhờ vót vát chịu đựng thế mà khi đã đuối lăm, Nguyễn Tuân vẫn chống gậy với chiếc vai nhỏ đựng sách và hộp chè, khay chén đến bệnh viện lần cuối cùng. Cả cái chai rượu lẹp dẹp trong lườn áo khoác.

Những năm đầu, các cơ quan từ thành phố lên Việt Bắc, chúng tôi ở xóm Chòi làng Yên Dã huyện Đại Từ chân núi Tam Đảo ngoảnh về đảng Thái Nguyên. Ngày quang trời thấp thoảng thấy Khuôn Chu - một làng người Dao trên lưng núi, có lối tắt đỉnh núi sang vùng Tam Đảo nghi mất bên kia. Vào mùa mưa, những con lũ tràn ra giữa sườn núi xanh im, xa trông như những dải lụa trắng tỏa xuống. Nam

Cao và tôi ở báo *Cứu Quốc* trên Tuyên Quang cùng đôi công tác về hội Văn Nghệ. Nhưng Nam Cao còn lên Chợ Chu học ba tháng trường Nguyễn Ái Quốc - lớp tập trung ba tháng hồi ấy đã là dài và quy mô nhất. Tôi về thẳng xóm Chòi.

Từ khi rời Hà Nội đến đây cơ quan mới ở lại một chỗ ra hồn. Bên báo *Cứu Quốc* ở nhờ trong làng, lần lần từ Yên Thọ Hoài Đức vào Viên Nội Văn Đình, lên Trung Giáp Phù Ninh trên Phú Thọ. Sang chân núi Tam Đảo, các gia đình đi theo ở quanh trụ sở đông hơn các đoàn văn nghệ kháng chiến trên Nhã Nam bên Bắc Giang, bên Xuân Áng Phú Thọ và Quần Tín trong Thanh Hóa. Cơ ngơi ăn ở và làm việc gồm những ngôi nhà nhiều buồng trên lưng đồi. Kiến trúc sư Võ Đức Diên chỉ huy làm nhà kiểu ánh sáng cột vầu mái rơm vách nửa và ở cánh rừng bên ngoài, trường nội trú Văn nghệ Nhân dân của ông đốc Nguyễn Hồng, mỗi khóa hàng trăm người nhiều nơi về đây học. Các nhà theo cơ quan thì ở nhờ nhà bà con trong xóm. Tối tối, chúng tôi tụ tập ở căng tin Võ Đức Diên. Chị ấy nấu rượu nếp, có bánh đa. Hôm nào phiên chợ Ký Phú bên kia suối thì làm bánh cuốn, bún thang. Phạm Duy và Thái Hắng ở Thanh Hóa ra. Có một hội nghị quốc tế về âm nhạc ở Rumania, Phạm Duy chuẩn bị đi. Tôi không biết hội nghị hoãn hay vì đường sá cách trở, bấy giờ xe lửa Bằng Tường - Nam Ninh chưa có, cuộc đi lại thôi. Vợ chồng Phạm Duy trở về khu bốn. Chỉ có như vậy, không lắm chuyện như Phạm Duy đã viết trong *Hồi ký thời cách mạng, kháng chiến*.

Đầu năm 1950, chi bộ Đảng quyết định kết nạp hai đảng viên mới, Nguyễn Tuân và Xuân Diệu. Mỗi người được tổ chức ở một buổi họp khác nhau. Bí thư chi bộ Trọng Hứa phụ trách văn phòng cơ quan. Tôi ở báo *Cứu Quốc* về, được dự kết nạp Nguyễn Tuân. Ở rừng, giản dị như một buổi họp. Chi thêm một ống nứa cắm mấy nhánh hoa mua, hoa đơn đỏ ngắt ngoài đồi. Hai người giới thiệu, Nguyễn Huy Tưởng và Tố Hữu.

Cái chu đáo của Nguyễn Tuân, theo cách Nguyễn Tuân, nền nếp nho phong, như Nguyễn Tuân giao thiệp với Tố Hữu. Nguyễn Tuân được kết nạp vào Đảng ngày 18 tháng tư năm 1950 - tôi nhớ theo Nguyễn Tuân kể. Có khi, đột nhiên Nguyễn Tuân nhắc đến. Nguyễn Tuân nói: Hôm nay, hai mươi năm trước... hăm hai năm trước... hăm nhăm năm trước... nó quăng mình xuống tàu Chanilly... Tết năm ấy, năm ấy mình ở Hương Cảng... Rồi nói chuyện sách mới đọc hay có việc đương nghĩ, chúng tôi ngồi yên. Khi bức tức một người, một bài báo, người ta nói thường thốt ra, câu nói ác khẩu mà nhiều người hay kể lại: Bao giờ tôi chết thì nhớ chôn theo với tôi một thằng phê bình, theo cái nhớ của tôi, thật thì Nguyễn Tuân còn nói đùa thêm đề dưới ấy trao đổi cho đỡ buồn. Cũng táo tợn như cái câu của P.Mô-răng: Ta muốn sau khi ta chết đi, da ta được thuộc làm cái vali mà Nguyễn Tuân đã lấy đặt lên đầu trang tiểu thuyết *Thiếu quê hương* khi in từng kỳ ở tuần báo *Hà Nội Tân Văn*. Mỗi lần câu kinh, Nguyễn Tuân vùng vằng nói:

- Thế này thì tao đem trả thê Đảng cho Tố Hữu.

Nhưng chưa bao giờ Nguyễn Tuân làm thế.

Mà chỉ thấy mỗi năm, dịp kỷ niệm ngày vào Đảng, hay Tết nhất Nguyễn Tuân đều đến chơi Tố Hữu. Thế nào cũng cầm lên mấy bông hồng vàng lòng trứng gà. Trước sau tề chỉnh hầu như đã thành nếp. Cũng là miệng xà thôi...

Không nhớ ở cuộc họp kết nạp Nguyễn Tuân tôi có phát biểu thế nào không, nhưng sổ tay tôi ghi nhật ký ngày 18-4-1950.

Những đám mây xanh mơn mơn đùn lên như mây nổi trên khu rừng già, đầu cũng rừng, cũng rậm rà. Chiều Việt Bắc tối rậm rịt, vương vít trong cây không biết mờ mờ sương hay khói trải trên lớp núi răng cưa ngang mắt. Con chim bắt cô trôi cột kêu trong chiều muộn.

Tiếng con cuốc khắc khoải. Hoàng hôn cũng buồn buồn như lòng mình, ngồi đây mà nghĩ dẫu dẫu. Nghe mọi người nói, tôi nghĩ đến những chuyện khác. Buổi kết nạp Nam Cao ở núi Phía Biếc rung rung nước mắt. Tiếng sủng moochiê của địch từ ngoài Pù Giát câu vào. Buổi kết nạp Phúc Mơ, cái dáng Phúc Mơ nhảnh nhúm, đắm chiêu lúc giờ tay thê. Những điều mình dặn Phúc Mơ, trước hôm Phúc Mơ sang giữ kho bị Tây đồn Phủ Thông bắt. Những lễ kết nạp các đồng chí Thổ ở Bản Hậu.

Đây nói nhiều tới mình, tới sáng tác quá. Thế mà tôi lại thấy nó bé nhỏ làm sao! Sáng tác là cái quái gì, nếu không lẫn lộn, phản ánh được chiến đấu.

Mỗi cuộc đời, mỗi trường hợp đến với cách mạng không giống nhau.

Ở Nguyễn Tuấn, chắc không phải do sách vở, lý luận hay cuộc sống tối ngày, cũng không phải vì tính toán cơ hội, hoặc đua đả. Có thể cảm kích bởi một chén rượu với Tổ Hữu ở nhà hàng Thủy Tạ. Có thể vì hai người con lớn trong nhà đã là việt Minh từ bóng tối mà Tổng Khởi Nghĩa rồi ông mới biết. Cũng như tấm lòng của ông với Trung đoàn Thủ đô vì ở đây có con trai ông, có trung đội trưởng trình sát Kết người nhà bản quen thuộc ở nhà Thủy Tạ. Cũng có thể vì một suy nghĩ bất thần nào đó.

Không ai như ai.

Năm 1958, một hôm tôi trông thấy đi ra cổng đại sứ quán ta ở Matxcova một ông già nhỏ bé, gầy guộc như một người Cô-dắc, người Tác-ta ở Trung Á hay một lão Digan lang thang đi xem bói tay thường gặp. Hối, mới biết tên ông là Hồng - nhưng ông quên tiếng mẹ đẻ đến nỗi không nói nổi được cả tên mình. Ông từ một vùng thảo nguyên taiga ở Xibêri về chơi sứ quán - đã mấy lần. Ngày trước, ông ở Pháp hoạt động cộng sản rồi trốn sang Liên Xô. Ông theo phái tởrôtkit bị bắt đày đi Xibêri. Khi đó, đến cả Tưởng Kinh Quốc, con Tưởng Giới Thạch học ở Liên Xô tham gia tởrôtkit cũng phải bắt bỏ tù. May có bố đương trị vì nước Trung Quốc có can thiệp Quốc mới được thả về. Cách đây mấy năm, Tổng thống Tưởng Kinh Quốc trên tám mươi tuổi, chết bệnh ở Đài Loan, có bà vợ Nga già, bà Phaina Vârêna lụ khụ, đi đưa đám - người dân bà mà Quốc lấy ở một thị trấn Viễn Đông từ nơi đi đày đưa theo về. Ông Hồng này cũng lấy vợ ở chỗ cấm cố, mãn hạn tù không trở lại Matxcova nữa. Bây giờ đã được một lũ con và ông đã già lắm, cũng không có nguyện vọng trở về Việt Nam. Mỗi lần đến đại sứ quán ta, gặp ai, ông cũng chỉ nói được một câu: Tôi buồn quá và khóc rồi đi. Bây giờ, chắc ông đã mất từ lâu. Một lần kia, đi nghỉ ở Nha Trang. Trên bãi biển, bác sĩ Trần Hữu Tước có kể cho tôi nghe một câu chuyện. Chuyện đời của trăm nghìn người trí thức đã đến hay không đến với cách mạng, quả là không ai giống ai.

Năm 1946, cùng chuyến ở Pari về Hà Nội - không kể những người cùng phái đoàn ở Hà Nội đi Pháp, có Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước và một người quê miền Nam tên là Quang, cùng ngành học với giáo sư Trần Đại Nghĩa. Hơn một tháng lênh đênh trên biển, khi lên cảng Hải Phòng, Quang chào Trần Hữu Tước:

- Thôi, vĩnh biệt mày?

Rồi đi mất. Trần Hữu Tước nói:

- Nó là một trí thức giỏi, cả tuổi thanh niên chúi mũi vào sách và phòng thí nghiệm, nó hết sức timide (nhút nhát). Tôi nào anh em mình cũng tổ chức giải trí chơi vui với lính trên tàu, cả bọn vào những cuộc hát nhảy lu bù. Nó rất ngại và khó chịu. Có thể nó thất vọng. Có thể nó nghĩ cách mạng không phải thế. Nó biệt tăm suốt kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Bao nhiêu năm rồi, gần đây, nghe nó ở

một thành phố miền Trung, đã già lắm, làm nghề chữa mô tô, xe đạp. Không ai biết nó là ai.

- Anh có nghĩ khi nào tìm đến chơi?

- Không. Người ta đã coi như người ta không còn nữa, mình đến làm gì!

Ồi, những mảnh đời khác nhau.

Một tháng sau, chi bộ kết nạp Xuân Diệu. Mùa thu năm 1950, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng và tôi lên Cao Bằng tham gia chiến dịch giải phóng biên giới, chiến dịch lớn đầu tiên của quân chủ lực. Nguyễn Tuân với một đoàn công tác khác về đồng bằng liên khu 3. Ngày 13 tháng hai năm 1951, Nguyễn Tuân được công nhận Đảng viên chính thức ở chi bộ sở tuyên truyền liên khu - tôi lại ghi theo trí nhớ con số tuyệt hảo của Nguyễn Tuân. Không biết khi đó Xuân Diệu đã qua Sơn Dương và những vùng rừng thẳm Bản Ty, Đầm Hồng chưa. Bài thơ đăng tạp chí *Văn Nghệ* có câu *Sớm nay ra khỏi u tỳ quốc* Xuân Diệu đã sáng tác ở Yên Dã u tỳ quốc, đây mới là những nếp nhà tranh lung đòi trung du, đầu bằng mấy năm sau, đi sâu vào cuộc sống gian khổ, chúng tôi ở Động Móc áp núi Là, ở rừng sâu Thượng Yên bờ sông Lô. Trước mặt, thấy con trăng gió nằm trong bụi nứa và những con kỳ đà mọc thếch bò ra nghiền đầu rình bắt gà. Đêm nghe hổ về bên suối, tiếng gầm khô rợn.

Rời thành phố, lên đến Yên Dã đã u tỳ quốc lắm rồi. Tôi quen Xuân Diệu trước 1945. Tôi cũng là người Xuân Diệu rủ đi nghe và cổ vũ Xuân Diệu lần đầu tiên diễn thuyết bài *Thanh Niên với quốc văn* ở giảng đường trường đại học Hà Nội. Xuân Diệu nói: Hoài đi ủng hộ Diệu. Anh Hiến sinh viên mặt tái xanh nhút nhát ra giới thiệu lúng túng. Không sao, Xuân Diệu áo tuyết so lụa mỡ gà, cà vạt lấm tẩm vàng sẫm, làn tóc rậm đen loăn xoăn trên dải trán đã thu hút người nghe vào ngay câu chuyện. Đột nhiên, Xuân Diệu nói nhịu chữ tâm hồng - như một bà già trong làng bán bánh đúc có tật nói nhịu nhảm. Nhưng Xuân Diệu vẫn tiếp tục sang sảng hùng biện, không ai kịp sừng sốt.

Xuân Diệu và Huy Cận lên Nghĩa Đô, ở chơi cả buổi và ăn cơm. Dịu dàng, âu yếm, Xuân Diệu cầm cổ tay tôi, nắm chặt rồi vuốt lên vuốt xuống. Bốn mắt nhìn nhau đắm đuối. Xuân Diệu gấp thức ăn cho tôi. Cử chỉ thân thiết quá, hơi lạ với tôi, nhưng mà tôi cảm động. Tôi sượng mắt nhìn tập *Thơ Thơ* khổ rộng in ở nhà in Trung Bắc phổ Hàng Buồm. Hai chữ Xuân Diệu nét chữ chì sắc gọn, không phải chữ khắc gỗ đẹp đét. Thịnh thoảng, Xuân Diệu lại lên nhà tôi. Vẫn nắm tay cả buổi, nhìn nhau tha thiết. Xuân Diệu yêu tôi. Nhớ những tình yêu con trai với nhau, rồi trong làng và ở lớp, khi mới lớn. Học lớp nhất trường Yên Phụ, nói võ tiếng ồ ồ, mặt sù sì trướng cá chúng nó cứ bảo tôi là con gái. Nhiều thằng cặp đôi với tôi đòi làm vợ chồng. Có hôm chúng nó tranh tôi, đánh nhau lung tung. Có đưa xô vào ôm chặt, sờ soạng toạc cả đũng quần tôi. Nhiều hôm đi học tôi không dám đến sân trường sớm. Phải lẩn vào trong ngõ Trúc Lạc, nghe trống mới chạy ù đến sắp hàng vào lớp.

Đương cử mưa rào. Trong thùng lũng, có khi cơn nước trắng xóa mù mịt cả ngày. Ở Yên Dã, đi chợ Lục Ba, Ký Phú nhờ gặp con lũ lên, phải ngủ nhờ qua đêm bên này suối. Hết mưa rào xối xả, đến mưa dầm tã tui, còn buồn hơn. Triền núi Tam Đảo cao ngang đầu gối bóng tối sẫm. Nước mưa giọt ngắn giọt dài, đêm ngày mái nứa rả rích không lúc nào dứt hạt. Dường như trong trời đất chỉ còn cái xóm núi này sót lại chưa bị nạn hồng thủy. Có uống cả vò rượu nếp nhà kiến trúc sư võ Đức Diên cũng không vui được cái hiu hắt và nỗi nhớ phố phường. Mới xế chiều đã như chập tối, chẳng còn ai thò chân ra đường xóm đá tảng lầy lội. Cơm xong, nhà ăn đóng cửa, mái rạ lẩn vào

sườn đôi chơ vơ. Mấy cậu vẫn phòng ở một mình, xong bữa lại quẳng bát đũa đầy, vào chơi ngủ luôn tại các nhà trong xóm. Có cậu việc gấp, đánh máy đêm một lúc rồi cũng chuồn mất. Dây buông ở tập thể không đèn đóm, tối thui. Không nghe tiếng người trở mình, giát giường không ken kết, im như đất hoang. Nhà tôi ở ngoài ven gò giữa đồng. Rượu khuya, đường mưa lội tôi ngủ lại.

Chúng nó sợ, đi bỏ trống cả cơ quan. Cả dạo mưa gió Xuân Diệu ở u tý quốc không ra ngoài. Giọt gianh lách tách mái nứa gọi đêm ma quái về rừng rợn, say đắm. Bàn tay ma ở đâu sờ vào. Không phải. Tay người, bàn tay người đầy đặn, ấm ấm. Hai bàn tay mềm mại xoa lên mặt lên cổ rồi xuống dần, xuống dần khắp mình trần truồng trong mảnh chăn dạ. Bóng tối bập bùng lên như ngọn lửa đen không có ánh, cái lạnh đêm mưa rừng âm lên. Chẳng còn biết đương ở đâu, mình là ai, ta là ai, hai cơ thể con người quấn quai, quấn quít cánh tay, cặp đùi thừng chảo trối nhau lại, thít lại, giằng ra. Niềm hoan lạc trong tôi vỡ ra, lên cơn dữ dội, dẫn ngựa cái xác thịt kia. Rồi như chiêm bao, tôi rời rã, thống khoái, im lặng. Nghe mưa rơi xuống tàu lá chuối trong đêm và cái mệt dửng dăng trong mình. Giữa lúc ấy, hai bàn tay mềm như lụa lại vuốt lên mặt. Làn môi và hơi thở nóng như than bỏ vào mắt, xuống vú, xuống rốn, xuống bẹn... Con sướng lại con lên cho đến lúc ngã cả ra, rúc vào nhau. Rồi bàn tay dịu dàng lại vuốt lên mặt... Lần này thì tôi lử lả, tôi chuối ra rên ư ừ, như con diêm mê tôi không nhớ nổi người thứ mấy, thứ mấy nữa.

Trời rạng sáng. Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã trở ra khi sáng bạch. Tôi chạy xuống cánh đồng giữa mưa.

Nhưng đêm mai lại vào cuộc kịch liệt hơn. Trong đêm quái quỷ lại thấy mình không phải mình mọi khi, cũng không biết rồi trời lại sáng. Cho đến khi thật thấy rạng sáng mới rờn rợn tởm.

Mọi công việc cơ quan lặng lẽ, nhưng cứ tối đến thì nháo lên, nháo lên một cách âm thầm. Các chàng trai trẻ chạy trốn dạt vào ngủ lang trong xóm. Thăng Đại trắng trẻo, mồm mồm thì biến là phải. Nhưng cả đến thăng Nghiêm Bình cao to hiên ngang thế, tôi cũng lảng lảng vác cái ghi ta đi. Bốn bên im như tờ. Chỉ còn cái màn đã buông sẵn của lão trai già Văn Hiến - một tay bốc trời thường khoe trước kia đã nhắm mắt ăn chơi xóm Mông-mác bên Pari. Không biết lưu lạc ở đâu vào cơ quan, lão Hiến quần nâu vá gối, vá hai bả vai to bằng cái quạt mo, công tác giữ sổ công văn đi đến. Có những đêm quanh đồng cùi sười Trọng Hứa nhún nhảy gãi ghi ta một ca khúc Phần Lan, Đào Vũ dịch lời Trung Quốc: *Đấy gió, đấy trong rừng...* thì lão nghệ sĩ Văn Hiến bỗng trợn mắt uốn tay vờn cái ống quần rách nhảy quanh ánh lửa một mình một điệu vanxơ uyển chuyển tả tơi. Chiếc màn một trọi của lão Hiến, đôi khi cả màn của Kim Lân, của Nguyễn Hồng ở Bắc Giang sang, ngủ tạm đấy. Chẳng biết đêm hôm có ông kênh nào bị bàn tay nhưng sờ vào rốn không. Cuộc kiểm điểm Xuân Diệu kéo liền hai tối. Hồi ấy chưa biết phương pháp chinh huấn, nhưng hàng ngày chúng tôi làm việc giờ giấc nghiêm ngặt, mỗi tổ buổi chiều trước giờ tăng gia lại hội ý rút kinh nghiệm, nêu hướng sửa chữa và trình bày công việc ngày mai của từng người. Cả cơ quan họp đến khuya. Chỉ có ông Phan Khôi lên đòi, màn vẫn mắc sẵn, đi ngủ từ chập tối, bỏ ngoài tai mọi việc.

Xuân Diệu chỉ ngồi khóc. Không biết Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Trọng Hứa, Nguyễn Văn Mãi, cả lão Hiến, thăng Nghiêm Bình, những thăng Đại, thăng Đắc, Tô Sang và mấy thăng nữa, có ai ngủ với Xuân Diệu không, tất nhiên không ai nói ra. Tôi cũng câm như hến. Lúc rỏ lên, trong đêm tối quuyền rũ, mình cũng điên kia mà, chứ có phải một mình Xuân Diệu đâu. Không nói cụ thể việc ấy nhưng ai cũng to tiếng, to tiếng gay gắt nghiêm trang phê phán tư tưởng tư sản, tư tưởng tư sản xấu xa phải chữa đi. Xuân Diệu nức nở nói đấy là

tình trai của tôi... tình trai...! rồi nghẹn lời, nước mắt ứa ra, không hứa hẹn sửa chữa gì cả. Ít lâu sau, trong một cuộc họp ban chấp hành, Xuân Diệu bị đưa ra khỏi ban thường vụ. Và cũng thành một thói quen kéo dài, từ đây không ai nhắc nhở đến những việc chủ chốt ở ban thường vụ trước kia Xuân Diệu đã phụ trách. Bỗng dưng, Xuân Diệu thành một người có thì giờ chỉ chuyên đi và viết. Mà Xuân Diệu cũng tự xa lánh mọi công tác.

Mỗi khi nhớ, chuyện về Xuân Diệu chỉ buồn thương, buồn cười và đáng yêu, chỉ đáng yêu. Xuân Diệu nhiều nữ tính cẩn thận, từ chi tiêu đến sáng tác nhưng cẩn thận một cách lơ khờ, có khi anh làm gì tưởng kín bụng, kỳ tình ai cũng đoán biết.

Đặt kế hoạch hẳn hoi chứ. Xuân Diệu hay đi nói chuyện văn thơ. Xuân Diệu có kế hoạch chấm chút kỷ lưỡng bảy, tám bài nói, nói khắp nước cũng chuyên tám cái tù ấy. Đã trau dồi đến thuộc lòng, chỗ nào gờ tay, chỗ nào nghiêng phải, nghiêng trái, lên giọng và nhấn mạnh, chỗ nào đợi vỗ tay, đợi cười và mình mỉm cười. Xuân Diệu xuyết xoa thủ vị:

- Nước ta rất chuộng văn học và cũng là cái mốt. Phục vụ không bao giờ xuê được, nói suốt tháng vẫn kín chương trình.

Thời chống Mỹ, tôi đã đi với Xuân Diệu lên nói chuyện ở trường đại học Sư phạm Vinh sơ tán trên huyện Thạch Thành, Thanh Hóa. Mỗi bữa ăn, Xuân Diệu sẵn sóc thực đơn lấy - Xuân Diệu nói - như thế không làm chủ nhà tốn kém, lại hợp sự cần thiết của mình. Không sang trọng đâu toàn những thứ dễ kiếm, mấy quả trứng, thịt bò hay thịt gà, canh măng hay canh cà chua, canh cà chua hay hơn, cho nhiều hành và nhớ mắm muối đậm một chút. Ngày hai buổi nói, lại tối nữa, phải thế mới có sức. Cả đến viết, Xuân Diệu cũng tính chi li tức cười. Mỗi bài đều có mục đích hai việc một lúc. Bài nói ở đài hoặc bài đăng báo rồi để in sách. Nếu không, không viết. Đã tính trước rồi. Không bao giờ viết bài đăng báo rồi không in vào sách. Xuân Diệu chê tôi viết lung tung, khuyên tôi không nên phí chữ. Năm tháng qua, quyển sách thành hình trong đầu, các bài viết lấp dần vào. Lại từ đây tính ra sự tiêu pha. Ở Yên Dã, cái quần kaki vàng nhạt của Xuân Diệu đã bợt cả hai bên mông. Hỏi sao để trễ tràng thế, sắm quần khác đi. Xuân Diệu nói:

- Không ngờ cái kaki này mau rách, thành thử lỡ kế hoạch. Đáng nhẽ cuối năm mới đến hạn thay quần mới. Chán quá.

Chúng tôi đi công tác thuê công thương ở trung du. Xuống tận Lâm Thao, cách bốt dịch ở Việt Trì không mấy chốc. Đã được trên tỉnh dặn gần vùng dịch phải gọn. Gọn, nhưng ba lô Xuân Diệu vẫn đủ thứ dự trữ, mỗi chuyến đi đều sắp sẵn thế. Lọ nước mắm kem đặc sệt. Một túi củ hành tôi đã bóc bóc vỏ cho nhẹ đem từ khu bốn ra. Hộp thịt bò khô ướp lá sả. Cái thịt bò kho khan ấy xào nấu ở nhà tôi, hôm chúng tôi tạt vào Thịnh Cù trước khi xuống Lâm Thao. Lúc đi, tôi chỉ đeo ba lô con cóc, có cái màn và quần áo. Xuân Diệu cần nắn. Cậu này, có cái ăn mà cũng ầu. Thế thì cậu quý cái gì? Nói thế, nhưng khi đến bữa vẫn cho tôi miếng thịt kho và củ tỏi, và ăn nữa cũng được. Nhưng cứ phàn nàn, câu nhẫu tôi câu thả. Tôi cười và chén tự nhiên.

Xuân Diệu cho tôi là đũa khinh bạc, nhưng lại thương tôi, nên hay bảo ban, nhiều khi từ những việc nho nhỏ. Xuân Diệu khuyên tôi phải biết quý miếng ăn. Xuân Diệu dạy tôi khi nào đứng đái phải cần chặt hai hàm răng lại, như thế sẽ ăn khỏe chẳng kém hàng ngày uống vitamin B1. Xuân Diệu bảo bí quyết dưỡng sinh gia truyền ấy, ông thân sinh đã dạy từ khi còn bé. Tôi có cảm tưởng Xuân Diệu ăn uống cũng chẳng bao nhiêu, nhưng anh ăn cố. Không phải Xuân Diệu ăn, mà một người nào khỏe lắm gấp hộ, nhai hộ, biến Xuân Diệu thành con ma ăn, trông đến thương. Một chuyến chúng tôi cùng nhau thăm nước Lào, ở khách sạn Apôlô. Mỗi sáng Xuân Diệu nhắc: Cậu không ăn sữa thì để riêng đầy cho mình, không ăn hết bánh cuốn thì lấy đĩa sẽ ra cho vệ sinh để mình ăn nốt. Cố lên, ăn phát phor thế

không được. Nhà bàn bưng ra nhiều món, Xuân Diệu cứ thông thả vừa nhai vừa ngắm từng miếng và ăn đến hết. Đêm ấy đau bụng phải đi cấp cứu. Ở bệnh viện về, Xuân Diệu thờ dài:

- Cái miệng làm khổ cái bụng, mình phải tính tham ăn.

Nhưng rồi lại vẫn cứ thông thả quét sạch mâm, như mọi khi.

Tuy vậy, ăn phung phí Xuân Diệu không chịu. Một lần, tôi rủ Xuân Diệu đi nhà hàng Phú Gia, đầu bàn đặt chai bọc rom rượu Ý Chianti. Có cả Nguyễn Tuân và Huy Cận. Tôi nói đùa riêng với Nguyễn Tuân:

- Phải đưa ông ấy lên cao lâu để được xem ông ấy ăn cho thích mắt.

Nhưng Xuân Diệu chỉ gọi có một món bít Tết.

Xuân Diệu bảo tôi:

- Đi nhà hàng, có bao nhiêu đĩa đứng xung quanh rình chộp tiết cậu, giết tiền của cậu, ăn làm gì! Một món ở đây nó thiên bằng cả tháng thịt chó. Thịt chó bổ nhất các thứ thịt. Thịt chó, nhưng Xuân Diệu không bao giờ đi ăn hàng. Xuân Diệu mua thịt chó sống, mỗi tuần lễ đánh chén hai lần vào ngày nhất định. Trong thành phố nhiều quán thịt cây, mà không có hiệu bán thịt chó sống. Xuân Diệu bảo thế là Hà Nội kém, Sài Gòn có nhiều hiệu thịt chó, thịt rừng sống. Nhưng ở Hà Nội Xuân Diệu đã có chỗ mua quen. Xuân Diệu mách tôi:

- Cái cô bé quang gánh ngồi chỗ cửa sau chợ Hàng Da.

Tôi đã đến mua của cô hàng thịt chó sống bên cái sân bán cua ốc nhớt nháp cạnh nhà vệ sinh khai nông nặc. Bây giờ chợ Hàng Da mới, cô hàng thịt chó phải ra đứng bán rong vỉa hè. Chẳng biết ngày trước cô hàng có biết ông khách quen ấy là nhà thơ của ta không.

Một dạo, tôi làm đối ngoại ở cơ quan. Thỉnh thoảng, Xuân Diệu cho tôi chiếc mùi xoa, đôi bít tất đem đến tận nhà. Tôi cười:

- Hồi lộ à?

Xuân Diệu nói:

- Thăng này tình quái, cái gì cũng đoán được, mà nói ác. Ừ, để có gì thì nhớ đến nhau thôi. Làm sao đâu mà tình quái, chỉ hồn nhiên đến như Xuân Diệu mới lấy làm lạ.

Từ thuở trẻ, cái bắt tay như vồ lấy, trán đụng vào nhau, bốn con mắt vuốt ve nhau nghiêng ngả. Ở đâu Xuân Diệu cũng đào hoa mỗi tình trai. Buổi chiều đi công tác, trong vắng lặng đã hết lo máy bay lên đánh bom, chúng tôi đặt ba lô nghỉ chân ở Âm Thượng, xuống sông tắm táp xong lên dạo phố. Đêm nay thị trấn mời Xuân Diệu nói chuyện thơ. Bọn con trai choai choai khua khinh xúm xít quanh nhà thơ. Tuổi trẻ, trai gái thấy nhau như có điện, dù điện yêu hay điện ghét, điện hút lại hay điện đẩy đi, thái độ hiện ngay ra con mắt, nụ cười, cái bĩu môi, dáng xóc cổ áo, cái nhổ bãi nước bọt. Đàng này, con gái đi ngang mặt, Xuân Diệu cứ đứng đưng như không, nhưng con trai thì xoắn xuýt vòng trong vòng ngoài. Sáng hôm sau còn đến chơi. Xuân Diệu nhìn dỗi vào mắt, nắm cổ tay từng đứa, mân mê như chọn dẫn mía. Các cậu ấy còn đeo ba lô hộ, tiễn chúng tôi một quãng xa.

Chiều hôm ấy ở Viêng Chăn bên cửa sổ buồng khách sạn Apôlô bờ sông Mê Kông trông sang lưng phố bên Nong Khai bên kia. Rặng cây may sắc, những chòm hoa đùn lên như dải mây vàng phủ dài. Chúng tôi trầm ngâm cả giờ nhìn sông lũ đỏ ngầu - cách một mảng nước đã là Thái Lan. Mai một dòng sông xuống dưới kia thành Cửu Long, chín con rồng qua chín cửa ra biển Đông. Thời gian, xa cách và

sông nước lúc nào cũng không cùng.

Tự dung, Xuân Diệu nắm tay tôi:

- Chúng mình già rồi.

Nhớ lại những đêm man dại ở Yên Dã, nhớ như in hơn bốn mươi năm trước, cũng tay tôi đây, Xuân Diệu vuốt lên, đấm đuối. Bây giờ nhìn nhau lặng yên. Tôi chợt buồn hơn cả câu Xuân Diệu nói. Xuân Diệu không già mà chỉ có tôi mới là ông lão. Xuân Diệu có một tình yêu riêng không khi nào biết tuổi, từ xa xưa đến bây giờ vẫn tơ vương, vẫn thanh xuân, vẫn thiết tha. Ở Đan Mạch mới có luật cho người cùng giới lấy nhau. Lão Xen 72 tuổi yêu lão Alyxin 70 tuổi đã trên bốn mươi năm, bây giờ được ra tòa thị chính thủ đô Copenhag làm đăng ký kết hôn. Nhưng tình trai chàng Xuân Diệu không thủy chung như hai lão già nước Đan Mạch kia. Xuân Diệu đào hoa và đam mê, cả đời đuối theo mộng, nhiều mộng, nhiều mối tình trai. Một bài thơ, những bài thơ, những mối tình trai và tình gái. Thơ tình Xuân Diệu gửi một người lính trẻ rời thành phố vào chiến trường chống Mỹ.

EM ĐI

Tặng Hoàng Cát

*Em đi, để tấm lòng son mãi
Như ánh đèn chong, như ngôi sao
Em đi, một tấm lòng lưu lại
Anh nhớ thương em, lệ muốn trào
Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga
Chưa chi ta đã phải chia xa!
Nụ cười em nở, tay em vẫy
Ôi mặt em thương như đóa hoa!
Em hỡi! Đường kia vương những gì
Mà anh mang nặng bước em đi
Em ơi, anh thấy như anh đứng
Ôm mãi chân em chẳng chịu lìa
Nhưng bóng em đi đã khuất rồi
Đứt lìa khúc ruột của anh thôi!
Tình ta như mối dây muốn dậm
Buộc mãi đôi thân, dẫu cách vơi
Em hẹn sau đây sẽ trở về
Sống cùng anh lại những say mê...
Áo chân em gửi cho anh giữ*

*Xin gửi cùng em cả hẹn thề
Một tấm lòng em sâu biết bao
Để anh thương mãi, biết làm sao!
Em đi xa cách, em ơi Cát
Em chớ buồn, nghe. Anh nhớ, yêu...*

(Đêm 11/7/1965 23 giờ 30)

(Báo Nhân Dân số Tết Kỷ Tỵ - 1989)

Ai yêu thơ Xuân Diệu, hiểu được thơ tình tha thiết đẹp đến nỗi nung của Xuân Diệu, không ranh giới tơ duyên trai hay gái, phải thấu hiểu nỗi niềm và duyên nợ của nhà thơ như thế, suốt đời nhớ thương và chờ đợi mới là biết yêu thơ Xuân Diệu. Khi nào cũng khát vọng, không bao giờ già, mãi mãi ban đầu.

III *Hoạt kê liệt truyện. Sử ký Tư Mã Thiên (145 trước CN). Như Thành dịch, lần in thứ tư, Nhà xuất bản Văn Học, 1988.*

Chương 4



NHỮNG CHUYỆN *NHÂN VẤN* và thời kỳ hữu khuynh, tư tưởng bị lũng đoạn tôi chôn vùi đi lâu rồi. Nhưng chưa phải đã được dứt. Chuyển đi Lai Châu ấy cũng là cho khuây khỏa mà thôi. Bởi vì cuốn tiểu thuyết *Mười năm* của tôi - một trong những ấn phẩm cuối cùng của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Lập tức, các báo mở xẻ phê bình. Một đòn đánh mạnh và lý lẽ nhất, bài của Như Phong trong ban biên ủy báo *Nhân Dân* in trên báo ấy và bài của Trần Độ trên tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Đây cũng là một quyển sách còn sót lại thúc đẩy phải đóng cửa nhanh Nhà xuất bản này.

Rồi Võ Hồng Cương thường trực Hội Văn Nghệ tổ chức một trận phê bình miệng. Nhà văn, nhà lý luận phê bình, nhiều cán bộ giáo vụ trường đảng và cả tỉnh ủy Hà Đông tham dự. *Mười năm*, một cuốn tiểu thuyết bộ ba của tôi viết về quang cảnh và con người vùng Nghĩa Đô nghề thủ công phía tây bắc thành phố vào ba thời kỳ nối nhau. Tiểu thuyết *Quê nhà*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới in khoảng thập kỷ bảy mươi sau này. Sự việc cuối thế kỷ trước qua hai lần quân Pháp đánh Hà Nội, các làng ngoại thành nổi lên. *Quê người* là cuốn truyện dài đầu tay, quãng 1940 tôi viết cùng thời với những *Đế mèn phiêu lưu ký*, *Giăng thề*, *O chuột*. Quê tôi, lĩnh lựa nghề tổ bị lụi bại, người làng phải bỏ đi tha hương đất khách quê người. Tiểu thuyết *Mười năm* như một tự truyện viết về một đám thanh niên trong làng tham gia Việt Minh nhen nhóm phong trào cách mạng tiến tới Tổng Khởi Nghĩa.

Mười năm được viết ra, những năm đó tôi về ở trên Nghĩa Đô. Văn Cao làm bia, Văn Cao đã bắt đầu về bia để sinh sống. Văn Cao về cái bóng làn nước chảy đìu hiu chân cầu, ý nghĩa thời gian trôi, Mười năm, mười năm nước chảy qua cầu. Có hai người phát biểu gay gắt nhất. Như Phong:

- *Mười năm* có thể là một cuốn tiểu thuyết khá, vì đây cũng là thực tế ở làng quê tác giả và chính tác giả đã sống. Nhưng nó đã được chuẩn bị và sáng tác trong thời kỳ *Nhân Văn* lũng đoạn nên bị ảnh hưởng xấu. Các nhân vật cán bộ cách mạng đã bị bóp méo đến thảm hại.

Tôi không biết Lưu Quyên bây giờ công tác ở đâu. Nhưng tôi đã gặp Lưu Quyên khi phụ trách báo *Cứu Quốc* khu Ba. Tôi ở Việt Bắc về qua Vân Đình, đi vùng Mường trên Đà Bắc. Nghe nói Đình Hùng ở báo *Cứu Quốc* tôi tìm đến gặp Đình Hùng ở một xóm đồng chiêm gần Chuôn Tre lối ra Đồng Quan. Những câu ca dao in báo *Cứu Quốc* và bài thơ *Cô du kích: Ngày nào trở lại cố đô. Ôi Thăng Long rợp bóng cờ vinh quang...* Đình Hùng đã làm và in trên báo *Cứu Quốc* những ngày ở đấy. Sau Đình Hùng theo Vũ Hoàng Chương xuống Quỳnh Côi dưới Thái Bình, bị Tây vây, rồi về Hà Nội.

Lưu Quyên đồng dạc:

- Tôi là người chịu trách nhiệm phong trào Hà Đông thời kỳ ấy. Hà Đông chúng tôi khi đó không phải như trong tiểu thuyết *Mười năm*. Tôi phản đối người viết đã xuyên tạc sự thật lịch sử.

Rồi sau cũng nhiều khi Như Phong đi với Nguyên Hồng gặp tôi ở quán bia gốc liễu nhà Thủy Tạ. Ông này uống bia pha rượu trắng, tôi đề ý thấy màu bia ở cốc ông nhạt hơn các cốc xung quanh. Cái lúc bè nhè vẫn hăng hái lý lẽ nhưng Như Phong làm như quên bữa anh đã cạo tôi. Còn Lưu Quyên về sau cứ từ đằng xa trông thấy tôi là tránh sang vỉa hè bên kia. Chỉ có một cuộc phê bình miệng ấy. Người viết không phải nói tiếp thu và hứa hẹn sửa chữa như chính huấn. Tuy vậy, đi làm hợp tác xã mấy tháng dưới Thái Ninh về tôi vẫn loảng quảng, day dứt.

Tôi đi Lai Châu, cho đỡ bận lòng. Cùng đi có Nguyễn Tuấn, Văn Cao.

Giữa trưa, xe lửa chạy Lào Cai. Đường sắt này mới chữa lại năm trước. Nhớ cái lớp 18 ngày, tôi bỏ đi dự khánh thành đường Hà Nội - Lào Cai về bị kiểm điểm. Thoảng nhớ thế thôi. Khách vắng, cả cái toa hạng ba, chỉ có Nguyễn Tuấn, Văn Cao với hai két bia mang theo. Người nhà tàu vui tính đội mũ lưỡi trai đã chiều khách, không cho ai lên thêm toa ấy. Và cũng uống bia chan hòa với chúng tôi. Mới đụng cốc đã mặt đỏ găng. Không biết uống, nhưng vì anh thích các ông khách nhà văn quá. Hồi ấy còn kiểu thùng bia hơi xù xì như cái chĩnh đại, chai si rô lựu đỏ gắt đặt trên mặt quầy. Chỉ uống cốc con, pha nước ngọt. Người ta còn nhả mũi chê bia đắng. Cốc vại nửa lít mới trông đã hời. Hai két bia hai mươi bốn chai của chúng tôi như hai cái cùi lợn. Người coi toa say bia, đi ngủ từ chập tối. Nhưng vẫn nhớ công việc, anh khóa trái hai cửa đầu toa rồi nằm chúi đầu không biết. Làm thế nào, buồng vệ sinh lại ở cửa toa, phía ngoài. Mà hai két bia Trúc Bạch thì uống cả đêm nay. Thế mà rồi cũng xong. Bởi vì các cửa sổ toa đều vẫn mở được.

Suốt đêm, tàu qua Phú Thọ - Yên Bái đôi chỗ lấp loảng mặt sông Hồng và ánh trăng. Những đôi cọ như đàn voi phủ phục. Chín năm kháng chiến; người xuôi tản cư lên đôi cắt cỏ tẻ phơi đun bếp. Lại ngắt từng ô lá sắn về muối dưa. Nồi cơm sôi lên, khúc sắn trưa công hạt com - củ sắn ba bốn năm còn sót lại vừa mới bới. Những ngày tản cư trong kháng chiến tường tượng xanh trong như trung du vào thu, loảng thoảng qua ngoài cửa sổ sáng trắng. Không rõ tàu tới đâu, nhưng cứ tưởng ra chỗ nào cũng ngỡ đây là những phố Ên, rồi ngòi Lửa bên kia Chuế Lưu rồi lên đến ga Đan Thượng... Mỗi khi tôi ở Bắc Cạn, ở Tuyên Quang về nhà, xuống phủ Đoan ra Cát Lem đầu lô hay qua bến Ngọc, chợ Ngà, tắt rừng về Đại Phạm ra Đan Hà. Có khi xuống ngã ba Phú Hộ rồi rẽ sang Thái Ninh ra Vũ Ên ngược bờ sông lên. Làng xóm và hàng quán những ông bù bà bù, đi một đơn, đi một tay dao và gió, gió thì gọi là bão, bão rồi, dò ngược dò xuôi sông Lô, sông Thao...

Ký ức theo con tàu chạy đương nổi nhau trở về. Năm 1945, mờ sáng, tôi đi với bộ đội từ Yên Lạc tấn công vào thị xã Vĩnh Yên. Quốc dân đảng đã rút lên Việt Trì đêm trước. Chiếm Phú Thọ rồi truy kích tóm hụt thủ lĩnh Lý Ninh, nhưng cũng bắt được một số đầu sỏ. Đêm, chúng phá trại giam, chạy lên đến Vĩnh Chân bờ sông thì bị bắt lại. Tòa án quân sự mặt trận quyết định xử bắn ngay, trong khi các đơn vị vệ quốc đoàn vẫn đuổi theo tàn quân địch dọc đường sắt lên Yên Bái. Một cái đầu tàu chạy quãng này còn lại ở thị xã. Tôi vào bãi bắn ở sân bay. Khói than đỏ hồng trong sương mờ lạnh lạnh. Sân bay cũ cỏ mọc xanh lút đầu gối. Cái đài nước đổ nghiêng như một tảng đá trắng giữa bụi lau.

Sự tích của đám bị bắt lại cũng lộn xộn, khó hiểu như được thua của một trận đánh. Tư ần, một trong ba cụ đầu sỏ bị trói gô lúc

đương ngồi xếp bằng uống rượu trong đình Yên Kỳ, xung quanh đã chạy hết. Đặng Văn Mười còn có những tên là Tử Pính, là Hùm Xám. Một lão nhà giáo hơn hai mươi năm trước đã ngồi bảo học ở Phú Thọ. Quái đản nhất, đội Thất, nguyên cai ngục Yên Bái. Đội Thất đã đẩy xe máy chém ra đầu tỉnh, sáng tinh mơ ấy thủ lĩnh quốc dân đảng Nguyễn Thái Học và đồng đội bị rơi đầu. Bây giờ lão theo quốc dân đảng vẫn được gọi là đội Thất. Sáng bạch, bọn tù được dẫn bên dề lao sang, bước lơi thoi qua đám cỏ rậm đường bằng. Hùm Xám đi bên trung đội trưởng Luân, lý lầu hỏi:

- Chốc nữa ông làm coup de grace ^[1] hả?

Nếu cái xích tay Hùm Xám không động lách cách dễ tưởng như hai người đi xem tử tù. Trung đội trưởng không nói, nhưng tỏ vẻ bức mình vỗ vào cái súng lục ở quay bao da đeo lưng lẳng bên thắt lưng. Lại hỏi:

- Súng gì thế, thưa ông! Sanh tiền hay pọc học? Cái lão tử tù này mắc bệnh hỏi.

Giữa bãi cỏ, bên cạnh bảy cái cọc tre mới đóng, hai mâm đồng dọn ra giữa những viên gạch vỡ kê làm ghế ngồi. Xôi đồ xanh, thịt gà luộc, trăm muối. Cả bát nước xuyết. Một nải chuối đặt cạnh những chai rượu trắng. Không hiểu sao những sáu bảy chai - giúp cho người ta quên chết hay còn thừa thì chốc nữa về quốc đoàn để rửa tay, để uống nốt? Chỉ một loáng, đám tù đã chén tiệt hai mâm xôi dờ trên lá chuối. Cả những cái chai không lẫn lóc. Từng người đứng ngồi nhấp nhô, ai cũng râu ria xồm xoàm, mặt đỏ phừng, mặt tái ngắt phì phèo tuôn khói thuốc lá cuộn sẵn, thanh thân lạnh lùng như những người xa lạ ngồi đợi tàu ở ga. Hùm Xám lơ lảo nhìn quanh, bỗng cong cổ gào: Đời đẹp quá! Đời đẹp quá ít! Lão Tư âm, hai tay xích dề trên đầu gối, im lặng. Mặt rượu tím Quan Công, nổi bộ râu ba chòm, con mắt sắc như dao liếc. Lão ngẩng nhìn cái đài nước đỏ đằng cuối bãi. Lão giơ ngang tay xích, cười khềnh, nói: Cái đài nước kia to thật lực mà cũng đỏ nhỉ? Rồi lại trầm ngâm. Hùm Xám ngoái cổ lại hỏi trung đội trưởng Luân: Ông cho coup de grace hả? Nhờ ông cho nhanh một tý. Lão cựu giáo học thì cứ thờ hờn hờn. Không biết lão say rượu hay lão lên cơn nghiện.

Trung đội trưởng Luân đứng nghiêm, hỏi to:

- Phạm nhân có dận dò, có nhẩn gì nữa không?

Đội Thất, người đã beng đầu Nguyễn Thái Học năm xưa, hét:

- Việt Nam quốc dân đảng vạn tuế, vạn vạn... ôi giờ rồi!

Bây giờ ông cố đạo rửa tội, mới đến. Ông quăng vội cái xe đạp giữa bãi cỏ, bánh trước nghênh lên quay tít. Ông ở tận nhà thờ bên phủ Đoan sang, có lẽ đã đạp xe suốt đêm qua. Quần ông xắn cao trên đầu gối. Ông lấy cái áo choàng đen trong ba lô ra mặc, áo chùng buông xuống, ông quần vẫn xoe trên bắp chân bê bết bùn. Ông cố đạo còn trẻ, chẳng nghỉ ngơi nửa phút, ông đến trước mặt từng người tù làm dấu thánh, rì rầm, rì rầm. Lão đội Thất được rửa tội sau cùng. Tự dưng, đội Thất kêu lên: Không, không, tao đeo xừng tội với mày! Rồi giờ hai tay xích nện xuống cái mũ lá của ông cố đạo. Ông cố đạo thân nhiên lùi xa, lại làm dấu thánh, cúi đầu đọc kinh nho nhỏ. Toán cảnh vệ bỗng súng chào giữa trời rồi quay lại từ từ quỳ một bên gối xuống mặt cỏ. Cách mấy thước, những người tù đã bị bịt mắt miếng vải đen, trối ngoặt cánh tay, cẳng chân vào cọc. Phút hốt hoảng khủng khiếp bắt thần đến. Tiếng kêu la thất thanh trong tiếng súng vang từng chập. Nghe rõ tiếng lão đội Thất: Chưa trúng tôi? Chưa trúng? Ôi giờ rồi, tôi oan, hay là tôi oan... Nhưng cái đầu lão đã ngoẹo trên cọc, máu tuôn ồng ọc. Trong làn sương lẫn khói súng, bác sĩ Triền áo ba đờ xuy dạ đen, kính trắng, như thần chết vác lưỡi liềm ra. Chiếc

ổng nghe gì vào ngực từng cái xác. Trung đội trưởng Luân bước trước, mỗi cái xác bởi một phát súng lục vào gáy.

Mù sớm loăng đăn, nhìn ra đám cỏ xanh eo éo. Vén đồi, những cây cọ bị gió đánh xơ xác rũ rượi, như tốp người nữa đợi đến lượt xử bắn.

Làn sương đêm dày đặc tỏa vào cửa sổ toa tàu. Chúng tôi ngộp trong sương, ho sặc sụa. Tôi nhớ cảm giác lạnh lẽo u ám sương mù thế này năm trước, cái hôm bọn tù từ bị trói trên cọc. Rồi tôi nhớ Nam Cao, Tây đã bắn chết Nam Cao có lẽ cũng tương tự như thế, khi mới chấp tôi trên đồng nước Hoàng Đan. Rồi nghe Thôi Hữu kể lúc Trần Đăng bị quân quốc dân đảng Trung Quốc đem bắn ở chân núi Nà Lầu trên biên giới. Rồi ở Tuy Hòa, Ninh Hòa hay Nha Trang, lại Trần Mai Ninh tử nạn.

Đoàn tàu đã qua thị xã Phú Thọ. Vừng trăng mười tư lên giữa trời trong veo.

Ngày ấy nhiều vùng đường xuôi tản cư dần lên ngược, cứ cái tên được đặt cho cũng dễ tìm được đường đi, Hà Nội Đồng Quan, Văn Đình, Hà Nội Phú Thọ, Hà Nội Đại Từ, Hà Nội Bắc Cạn, Hà Nội họp chợ lập phố giữa đường. Trận quân Pháp vận động lớn đánh vu hồi khép gọng kim Việt Bắc mùa đông 1947, những bèo bọt Hà Nội ấy tan đi hay tụ lại, không biết đâu là chừng. Mặt sông vừa tạnh sương lúc mặt trời hé ra, từng đoàn người các bên về đã đổ lên chợ Mè trong thị xã. Nhận nhíp chợ búa, người ở xuôi tản cư ra chợ, mua bán, hò hẹn, thề bởi nhất quyết đi nữa hay đành dinh tề về thành. Bao nhiêu nông nổi không ai biết đấy là đâu. Sân bay Phú Thọ hôm có cuộc xử bắn vẫn đương còn sầm uất. Pháp lên chiếm Việt Trì rồi mấy hôm sau nhảy dù ban ngày xuống ngay chợ Mè giữa thị xã.

Đoàn cải lương Kim Chung tản cư ra đương diễn ở thị xã. Dãy phố cô đầu Chín Gian cửa hé cửa khép như chưa biết Tây đã lên Việt Trì. Chủ nhiệm báo *Cứu Quốc* mà tôi đương làm phóng viên, Xuân Thủy Nguyễn Trọng Nhâm thuở trẻ hoạt động ở Phú Thọ và để có cái độ nhật đã mở hiệu bào chế thuốc bắc Thọ Xuân Đan, lại xin được chân phóng viên nhật tin vật cho báo *Đông Pháp*. Có thể cất nghĩa được, ở nhà tù Sơn La, trong các dịp vui với bạn tù, Xuân Thủy hay đóng vai ả đào óng ả, véo von hát nói, ngâm thơ, có khi lại làm khách làng chơi nghiêng tang trống cầm châu điệu nghệ. Cũng là nhờ xưa kia ông nhà báo lá cải đi chơi che tàn với các thầy thừa, ông lục, ông ký ga, ông chủ sự dây thép. Thịnh thoảng, lặn lội ở Hạ Giáp trong Phù Ninh ra, Xuân Thủy hay đưa tôi đến xóm cô đầu Chín Gian tom chát cùng ông Ba Triệu - một tay buôn và địa chủ có hạng ở ghềnh sông, ghềnh Ba Triệu quãng Lâm Thao lên, giàu có không kém chủ tịch Mặt trận Liên Việt tỉnh Đào Đình Quang ở đồn điền Thái Ninh. Cũng chẳng mới lạ và ham hồ chơi bởi gì, vẫn vui chân thể thôi. Mới mấy tháng trước, ở Hà Nội, không mấy tối chúng tôi vắng mặt dưới Khâm Thiên. Cả tòa soạn đi hát. Văn Tân thọt chân cũng có. Văn Tân với tôi ngồi cùng một xe tay. Xe ghé vỉa hè nhà hát, tôi xuống trước, Văn Tân vịn vai tôi, một tay chống batoong bước ung dung vào như người hai chân đi bình thường. Chùm trò Xuân Thủy rồi Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Ngọc Kha... Roi châu anh Đan - bí danh của Xuân Thủy, sáng khoái, hào hoa lắm. Trần Huy Liệu ở cơ quan Tổng bộ Việt Minh tầng trên tòa báo. Trần Huy Liệu giơ tay chào, cười cười, mỗi tối thấy chúng tôi đi chơi. Ông anh thêm đi theo. Nhưng các chức Phó chủ tịch nước và Bộ trưởng Bộ tuyên truyền, lại chủ tịch hội Văn hóa Cứu Quốc không cho phép. Đến hồi thành phố căng thẳng, đề phòng Pháp đánh úp đêm phải rời ra ngủ chùa Thông làng Mộc, xâm xầm chúng tôi đạp xe qua Khâm Thiên. Trong ánh đèn nhấp nháy, các cô ả đào chạy ra nhìn mặt khách quen, gọi í ới: Anh Mào ơi! Anh Thiên ơi! Anh ơi! Anh ấy ơi! Tối hôm sau phải đạp đi tránh quãng đường Sơn Tây ra Cầu Giấy...

Cho nên, cái khi mới tản cư, tạt qua thị xã Phú Thọ, ông Nguyễn Trọng Nhâm cựu phóng viên báo *Đông Pháp* có ôn lại mấy ngón roi

châu mà ông ấy và tôi được đi che tàn cụ Ba Triệu, ầu cũng là cái thú nghiệp dĩ. Năm 1954, trở về Hà Nội, một đạo ở Khâm Thiên còn có nhà hát. Tiếng tom chát dưới nhà trên gác kêu gọi. Không sợ, cũng chẳng ngại, nhưng tôi không còn hào hứng. Như Nguyễn Tuân hồi ấy lên nằm bàn đèn với ông Hy Chả Cá. Ông Hy Chả Cá, cũng như ông Mác xen hàng Bạc - những Mạnh Thường Quân của làng báo ngày trước. Ông Hy hút thuốc phiện trong gác xếp cạnh gian bán chả cá - sau cái bàn thờ như cây hương. Nguyễn Tuân và tôi nằm ngồi một bên chiếu cạp điều. Nguyễn Tuân nạo sái, hơ thuốc chín nâu sẫm, nhồi vào tẩu, quay dọc tẩu sang mời ông Hy.

Ông Hy trầm ngâm nói:

- Cái tay còn nghề lắm. Vẫn hút hả?

Ông Hy hút rồi nhồi điều thuốc mới, mời lại:

Nguyễn Tuân lắc đầu. Ông Hy phũ một câu:

- Tiên sư ông, bàn tỉnh tại gia đây, sợ chó gì!

- Không phải, thầy không thích.

Ông Hy thờ dài, nghiêng cái đầu hói trên gối, kéo nốt điều thuốc. Bà Hy ló đầu vào chào rồi hỏi khách: Hồi này các ông anh đóng ở đâu mà lâu không thấy đến? Mấy hôm sau, khối phố gọi ông Hy đi trại cai nghiện. Ông Hy uống một bữa rượu nhắm chả rán, nem Sả Goòng - chứ không phải chả cá, rồi chết trong buồng ấy bên cạnh bàn đèn. Năm vừa rồi, vào Sài Gòn, Nguyễn Tuân cũng chỉ nằm chuyện và tiêm cho Tô Hà hút ở chợ Cũ. Tô Hà là thằng Điều làng tôi, nó hút để chữa đau bụng. Ra về, Nguyễn Tuân xin tiệm hút cái gối sành đem ra Hà Nội làm kỷ niệm. Rồi cái gối sành trắng bóng nghìn năm không vỡ của tiệm hút, Nguyễn Tuân cũng vứt ra ngoài hiên, giữa lũ vỏ chai bia, nước mắm, vang dâu dơi bán đồng nát. Đã bảo không thấy thích nữa thì chối, thế thôi. Một lần, ở phố Kỳ Đồng, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước tổ chức một buổi hát ca trù. Ban tổ chức bày biện như họp hội trường, ghé kê thành từng dãy, không có đánh trống châu. Xong mỗi khổ hát, người ngồi các ghế đứng lên rào rào vỗ tay hoan nghênh bà Quách Thị Hồ. Nguyễn Tuân lừng lững đi về. Bà á đào Phúc ra ngoài, nhìn bộ ria đen của Nguyễn, khẽ nói lơm như ngày xưa: Râu với ria, rõ nờm. Về hay sao? Câu hỏi níu lại tình tứ đấy. Những năm ấy bà Hồ, bà Phúc còn phảng phất đôi nét xoan, chưa phải bà lão tám mươi như bây giờ. Nhưng chúng tôi không thể đủ hứng nán lại ngồi xem hát nhà trò mậu dịch.

Đoàn tàu Lào Cai rầm rập vào khuya. Ngoài cửa sổ, ánh trắng ướn loang loáng trên lưng tàu lá chuối. Hình như đương qua ga Đan Thượng. Tưởng sắp về đến nhà như hồi đi tản cư. Trong bóng tối vườn chuối trong Đại Phạm, mộ bố tôi ở đấy. Bố mẹ, vợ con tôi đã tản cư ở lâu vùng này. Con gái lớn tôi sinh ra ở Đan Thượng, tên là Đan Hà. Cũng như Nguyên Hồng có cô con gái tên là Nhã Nam, cái Nhã Nam. Các con tôi đều được đặt những tên dễ nhớ. Đan Thanh nửa đêm mẹ trở dạ ở túp lều nhà ven đồi Phú Thịnh ra Ba Quanh Thanh Cù, Xuân Đán, Xuân Áng bên kia sông, nơi có trại văn nghệ kháng chiến, Phan Khôi, Thanh Tịnh, Võ Đức Diên, Tạ Mỹ Quật, Nguyễn Nghi, Nguyễn Khang, Nguyễn Xuân Khoát - xường vẽ của Tô Ngọc Vân, tiền thân trường đại học Mỹ Thuật, có Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên... Bố mẹ tôi được Nguyễn Văn Mãi quản lý hội Văn Nghệ về Hà Đông đón lên Vĩnh Chân, rồi sang Xuân Áng ở nhờ nhà ông Cầu trong xóm cùng nhà với anh chị Nguyễn Xuân Khoát. Con Sông Thao sinh ở Hà Nội, chúng tôi vẫn giữ hơi hướng những gian nan và thiên nhiên sông Thao. Khổ thì khổ thật, thế mà nhớ lại vẫn nhớ.

Trăng đã xế bên kia. Tiếng bánh rít ghê ghê, tàu lắc lư xóc người lên. Chúng tôi vẫn uống bia. Mọi rác rưởi thừa ứ trong người chốc chốc được đứng lên tống ra ngoài cửa sổ, sạch sẽ cả. Đoàn tàu ào ào trong đêm... Có thể Nguyễn Tuấn và Văn Cao đang tưởng lại bệnh viện Thuận Châu giữa đường lên nông trường Điện Biên mà hai người mới đi lao động ở trên ấy về. Mới qua Suối Rút, sáng sớm Văn Cao vừa trở dậy xúc miệng đã thùng dạ dày, ngã ra. Chiếc xe tải của quân đội chở người phải mổ cấp cứu leo các dốc Đá, Hát Lót, Sơn La lên châu Thuận... Mỗi nơi có trạm xá lại được y tá ra xe tiêm cho người sắp chết một phát hồi sức. Suốt ngày đường, xầm tối mới tới Thuận Châu - phúc bảy mươi đời, bệnh viện vừa mới được trang bị đồ mổ và bác sĩ chuyên khoa cũng mới ở Hà Nội lên, chưa đụng đến dao kéo. Nguyễn Huy Tường và Nguyễn Tuấn phải là người thay mặt gia đình, theo thủ tục, ký giấy đồng ý cho mổ Văn Cao. Phòng mổ căng vải dù trắng như trạm sơ cứu tiền phương. Một đèn măng xông không đủ sáng. Nguyễn Huy Tường và Nguyễn Tuấn phải đứng cầm đuốc soi cho ca mổ, như Quan Văn Trường đốt đuốc trước xe Cam, My phu nhân. Bác sĩ đánh thuốc mê đến sáu lần, con bệnh mới thiếp đi được. Nguyễn Huy Tường kể lại nói chắc là trong máu trắng này từ thuở trẻ đã tích tụ lắm sỏi, lắm cặn quen thuốc mê quá rồi. Văn Cao nằm lại châu Thuận mấy tháng, đến khi về Hà Nội lại phải mổ ra khâu lại. Nguyễn Tuấn, Nguyễn Huy Tường, Lưu Quang Thuận, Nguyễn Văn Tý thì vào lao động ở nông trường Điện Biên... Rồi sau Nguyễn Tuấn ra ở với đội làm đường ở Xuân Tre. Giữa đêm, cháy lán, Nguyễn Tuấn mất sổ tay, lửa lém bòng cả mu bàn tay: Chắc thấy lửa giữa rừng ma quái quá, con rượu mê mãi ngồi xem lơ đãng đến mức lửa bén cả vào tay mà không biết - tôi nói đùa. Bởi không hiểu sao Nguyễn Tuấn lại để cháy đến tận màn và mu bàn tay còn sần sùi một vết sẹo bóng.

Rồi những lần ra biên giới Việt Lào ở Tây Trang, những chuyến lên các làng dân tộc Mông ở trên núi lòng chảo bọc cánh đồng Điện Biên. Con suối Nậm Rôm vắt ngang Mường Thanh chảy ra suối Nậm Mu sang tận ngã ba sông Mêkông - Nậm Mu phía trên cổ đô Luang Prabang một quãng không xa. Nguyễn Tuấn đã dẫm chân trên suối Nậm Rôm. Còn tôi, đã có lần ngồi thuyền qua giữa ngã ba sông Mêkong - Nậm Mu kia. Một cái thư Nguyễn Tuấn viết ở lán làm đường Xuân Tre.

Công trường 426 Xuân Tre - Tuần Giáo

Chủ nhật 20 tháng ba.

Tô Hoài,

Cho đến hôm nay mình mới đọc scenario (kịch bản phim) Vợ chồng A Phủ. Thích đấy. Hơn cái facture (xây dựng, cấu tạo) nouvelle (truyện vừa) được giải thưởng. Có lẽ anh scenario này mới là anh ăn đích cái giải thưởng cũ. Những lúc này mình ước giá có Tô Hoài ở đây rượu suông cũng uống được nửa cây. Hôm đi Than Uyên cũng gặp người quen Tô Hoài. Hôm ngủ Nậm Din, mậu dịch Khôn cũng cứ hỏi mình sao bác Tô Hoài không lên với ông?

Ở Tuần Giáo, hôm mình vừa tới lại gặp cả vợ chồng A Phủ. Mình chưa biết Jeuscenique (khả năng sắm vai) cô Hoàn ra sao, nhưng cũng tin là cô đóng được.

Mấy hôm nay gió Lào nổi lên nhưc đầu quá. Hôm ở Than Uyên, gió Than Uyên buốt. Hại tiền cao hổ cốt quá. Ông có thì giờ, nhìn hộ tôi mặt mũi Sông Đà (quyển Sông Đà đang in) nó ra sao?

Nguyễn Tuấn

Bao nhiêu đường trường. Chỉ trên đường mới cảm thấy thơ thới, trong thành phố tù túng không tìm đâu ra những thành thơi được. Ở trên núi xuống, lại vào giới tuyến. Những lần lặn lội ngược xuôi sông Hiền Lương lên thầu cột mốc đầu sông lại xuôi Cửa Tùng, hai bên bờ đôn địch đôn ta đóng đàng đối, những chiếc loa vành rộng hơn bánh xe đạp cứ thi nhau chõ qua mặt nước lúc chừi lúc lại hát, như diên.

Nhớ sao những chiều Nguyễn Tuân, Kim Lân và tôi ra tha thẩn ngoài Cửa Tùng đợi đoàn thuyền đánh cá về. Mặt nước, mặt người vàng xuộm. Trên cửa sông, những cái đồn gác con con lợp mái tôn. Mỗi tuần, tốp lính bên Bắc bên Nam lại đổi phiên bờ này sang bờ kia. Tôi đứng một chỗ thấy cát không lún gót, nhận ra cát bẽ Đông ở Cửa Tùng hạt vàng thô, không mịn như cát Sầm Sơn, Trà Cổ ngoài Bắc.

Những người lính đôi đôi hai bên cời trần, lưng đen cháy, cùng nhau chơi bóng rổ trên cát. Không thể tưởng chốc nữa có thể người ta chui vào sau lỗ châu mai ngắm bắn chết nhau. Trên dòng sông óng ánh sóng, những tốp thuyền đánh cá ngoài khơi vào, dần dần mỗi chiếc giạt về một bên. Hai bờ, người tụm lại từng đám. Làm như đi đón thuyền. Không, chỉ là cái cơ ra nhìn sang sông cho thấy mặt những xóm giềng cũ.

Mấy hôm sau trở lên Hiền Lương mà cái cảm tưởng buồn buồn Cửa Tùng ấy vẫn đeo đẳng dai dẳng về một sự cách trở bỗng dưng.

Huyện Vĩnh Linh hay quận Trung Lương, hai bên đều không được phép vào khu giới tuyến. Ra vào phải có giấy chứng là người ở đây và có ủy ban quốc tế kiểm soát. Nhưng mà làm luật thế thôi, hầu như ai cũng vào, cũng ra được, cả hai phía. Tôi có cái giấy chứng minh làm cán bộ Bình dân Học vụ huyện. Từ quận Trung Lương phía Nam, đằng xa đã nhìn thấy. Bọn người nước ngoài, quần áo quần sự trông rõ dây tua vàng vắt vai, lỗ nhỏ ra giữa cầu. Ta ở bên này vạch vôi trắng nói loa phản đối - tiếng oang oang to quá như nói với ai đằng xa hàng mấy cây số chứ không phải những người ngay trước mặt. Bên ta ra cầu kín đáo hơn. Khách đợi giờ nhất định xe ủy ban quốc tế đi tuần qua rồi mới thông thả vào dưới bóng hàng cây sa mu đến một mái lều ẩn dưới chòm bạch đàn bên cầu. Chúng tôi đi lại dễ hơn, nhưng cũng phải giữ trong người chứng minh thư mới, thay tên khác, là cán bộ bình dân học vụ huyện Vĩnh Linh. Cho phải phép mà thôi. Những cái chứng minh thư giả, cái thông hành giả như thế ai cũng biết là trí trá, thế mà cứ nhan nhản các khu vực nóng trên thế giới. Ở Bàn Môn Điểm, ở đảo Síp và trên cao nguyên Gôlan ở Syri bị Israel chiếm đóng, ở Đông sang Tây Berlin trước kia, tôi đã cầm những giấy giả ấy, mà chẳng bao giờ bị bên nào hỏi.

Chia tay với Nguyễn Tuân, ngày mai tôi trở ra. Hồi ấy, đương một đợt dịch ngừng ném bom. Cờ đỏ sao vàng phấp phới trên Hồ Xá. Thị trấn địa đầu giới tuyến trở lại vui ngay, như chưa bao giờ bị bom, chạy bom. Các hàng quán sáng choang, nhộn nhịp. Đêm trên gác nhà nghỉ Hồ Xá sao mà ngân ngơ. Cái đêm thấp thoáng cùng ai dờ dang ngậm ngùi chốc lát. Cửa sổ nhìn xuống đường chính chong đèn suốt sáng như đương qua một quãng khác, lẫn lộn trước sau, dòng sông và cửa biển, nhịp cầu nửa xanh nửa cánh gián, tà áo dài trắng với những cây hương, những túp lều, bên kia Trung Lương lau sậy hoang vu, những gặp gỡ và kỷ niệm, tình cảm trong con người cũng sông có khúc người có lúc như chân đi trên đường.

Vĩnh Linh hòa bình bây giờ khác xưa, nhưng mỗi lần qua tôi vẫn một nỗi bàng khuâng ấy. Cuối 1975, chuyến tàu suốt Hà Nội - Sài Gòn vào ga Tiền An cách trên Bến Hải hơn mười cây số. Người đôi bên hàng tàu xôn xao, náo nức vì sắp qua sông Hiền Lương, sắp qua... Những ngọn cỏ sắc lướt rập rờn bên nhịp tàu gập ghềnh, đột nhiên dòng sông trắng mờ hiện ra trước cửa sổ. Sông Hiền Lương đây ư?

Những bụi tre mép bờ xõa cành lá xuống mặt nước phẳng lặng mờ mờ sương chiều. Như mọi con sông miền Trung trong mát trườn trên mặt sỏi không viên cát. Làm sao tôi trở về Hiền Lương, Bến Hải dòng nước bồi rồi đỏ ngầu chảy năm nao. Có phải cái buồn cứ vẫn vơ ám ảnh mãi?

Rồi thời gian xa đi, mà vẫn nhớ thể. Trước đây vài năm, một lần Nguyễn Văn Bổng và tôi có dịp đi dọc Trường Sơn - với tôi, là lần đầu, còn Nguyễn Văn Bổng thì đã bốn năm lần vượt Trường Sơn trong hai cuộc kháng chiến, khi đi bộ, khi máy bay chở từng quãng. Các nhà lịch sử quân sự đương bàn cãi đường Trường Sơn - đường Trường Sơn theo lịch sử quân sự bắt đầu từ đâu trong vùng rừng Hòa Bình, Ninh Bình hay đèo Mộc Dục hay nhích ra tận mồm đầu rặng núi đá vôi rải rác ở Xuân Mai, ở Miếu Môn - nơi đã mọc lên nhiều doanh trại tập luyện vượt Trường Sơn, và vào đến trong kia, đường Trường Sơn xuống Long Thành hay còn xa nữa. Xa đến đâu chẳng được những người chiến sĩ trèo núi vào các chiến trường mịt mù xa. Những con đường thật ấy cũng như nỗi đau đã qua đi, đường Trường Sơn kháng chiến ngày nay chỉ có thể dựng lại làm kỷ niệm một trạm giao liên, một kho đạn, kho lương, một bãi khách ven suối và một mũi tên chỉ vào ngàn cây. Đường lớn Trường Sơn bây giờ nhiều quãng làm theo đường 13 cũ của Pháp rồi Mỹ trải nhựa mờ rộng. Không phải người Pháp ngày trước chỉ là tác giả đường số 1 xuyên Việt mỏng manh lượn bên bờ cát bẽ Đông mà một viên đạn trái phá ngoài biển bắn vào cũng có thể chặt đứt đôi một quãng ven núi. Con đường bộ, đường xe lửa ấy chỉ là đường làm ăn và trung diện. Mà ý đồ chiến lược của người Pháp làm đường quân sự số 4 chắn biên giới phía bắc, rồi vòng xuống bao quanh Đông Dương. Từ Trà Cổ lên Mường Tè. Quảng Móng Cái tới chằm Cao Bằng qua Bảo Lạc tới Mèo Vạc Hà Giang, sang Lào Cai, sang Lai Châu vào Mường Tè đã được khảo sát và khởi công bắc nhiều cầu.

Ở Mường Tè, vắt sang Lào bắt vào đường 13, Luang Prabang xuống Pát Xế, tạt vào Quảng Bình rồi đến Ba Biên Giới mở ra hai đường, một rẽ Stung Treng vào Campuchia, một lên cao nguyên Lang Biang xuống miền Đông Nam bộ. Đường trong đường ngoài song song, đường kinh tế và rong chơi với đường quân sự bọc năm xứ Đông Dương lại. Những năm sau cùng - trước khi bị Nhật quật ngã, người Pháp còn có kế hoạch rời thủ đô Đông Dương ở Hà Nội vào Đà Lạt, - cao nguyên trong sâu giữ thể chiến lược lâu dài.

Chúng tôi qua cầu Hiền Lương rồi nghỉ lại. Cây cầu đã long nhịp, những thanh sắt rên rỉ dưới bánh xe. Mới nhớ ra hồi ấy mãi để ý quang cảnh thời sự nơi trở trêu bị chia đôi, quên mất cầu này chỉ là cầu dã chiến, quân đội Pháp lấp vội cho các cuộc hành quân trong chiến tranh 1946-1954. Năm 1946, hơn hai mươi năm trước khi tôi làm phóng viên báo vào mặt trận Nam Trung bộ đây chỉ là cái bến phà. Cái cầu mảnh dẻ bị gánh nặng lịch sử và thời gian đè xuống đã xác xơ, tàn tạ quá. Doanh trại bờ bắc, cỏ xanh om. Phía nam, giữa lau lách chẳng chịt ngồn ngang mọc lên một nếp nhà mái ngói ba gian, đây là cửa hàng bách hóa của hợp tác xã. Chúng tôi mua mỗi người một chiếc quạt giấy. Rồi ra nằm bãi cỏ, quạt nắn chiều. Mấy con bò nhà ai thông thả gặm cỏ quanh trên đầu. Về thân nhiên tro gan cùng tuế nguyệt của cảnh vật gọi một nỗi buồn thê lương. Ngày trước, trông sang chỗ này cũng cỏ và lau ngập đầu, làng xóm và quận lỵ Trung Lương bị dón vào trong kia. Cuộc đời và mọi việc đã biến đổi như ánh nắng chiều Hiền Lương đương nhàn nhạt quanh mình.

Thế là đoàn tàu lên Lào Cai chạy thâu đêm.

Chúng tôi cũng thức trắng đêm. Ba người ngồi lim dim mắt. Chai bia thứ hai mươi bốn đã hết lúc nào, tàu lắc, vỏ chai đựng nhau xoang xoảng. Con người và con tàu lừ đừ thức với những nhớ lại. Hai cửa toa tàu đã bị khóa mà hồn bay ra ngoài kia đêm trắng trắng bởi

bồi. Sáng bạch, tàu vào Cốc Lếu. Bên sông biên giới, rừng cao su của Trung Quốc tốt lá xanh rì. Chúng tôi trọ trên gác ty Bưu điện, hôm sau vào Sapa.

Người hay đi, những chân đi nhà nghề kiêu kháng chiến Việt Nam từ lâu thường gắn bó với bưu điện. Rong ruổi đường đất, đường ngựa, đường xe đạp rồi tới đến ngủ trọ ở luôn nhà dây thép. Nguyễn Tuân thì dễ chịu vì như thế không phải tìm đến trạm nhờ đóng dấu vào sổ tay và trang viết, để được cái thích nhìn dấu ấn nơi đến nơi đi. Tôi đi lên cao nguyên Đồng Văn, Mèo Vạc từ hồi chưa có ô-tô đường Hà Giang - Đồng Văn sang Mèo Vạc. Người công tác, người buôn mang vác, gồng gánh đường dài một trăm, hai ba trăm cây: số đèo dốc - từ vùng oi bức thị xã lên thung lũng Quán Bạ dưới dốc Cổng Trời, đầu chợ Quán Bạ còn lại cái bằng xi măng thời Pháp đắp nổi dòng chữ Khí hậu Pháp (Climat de France) rồi lên nữa đến những vùng cao nhà tường ngói đồng không bao giờ biết mùa hạ. Tôi đi và ăn nghỉ theo chặng ngựa bưu điện. Trạm trưởng Hà Văn Môn ở Yên Minh đóng gói cái màn, cái chăn dạ của tôi vào bao tải gắn xi như bưu kiện cần thận. Bắt đầu lên núi qua Văn Chải, Sà Phìn đến Phó Bảng. Con ngựa thổ bưu kiện lên dốc, anh bưu tá và tôi thông thả theo ngựa. Người nghề đi đã có ngũ chân, vừa tới thì tới trạm trên. Ngủ cánh đồng Phó Cáo, hôm sau lên Đồng Văn. Đến khi sang Mèo Vạc tôi về ở Lũng Phìn, con ngựa trạm phải đeo thêm cái chăn bông to xù của huyện đưa khách dùng. Chuyến đi Lào Cai này chúng tôi được chung nhau cái thú uống bia suốt đêm trên tàu. Như buổi chiều ngồi gốc liễu bờ hồ bên nhà Thủy Tạ. Rồi cũng lại nhờ đường và ở nhờ nhà bưu điện, Nguyễn Tuân với Văn Cao ở lại Sapa. Tôi thì đợi trong Lai Châu ra đón vào Phong Thổ. Cảm thấy chưa hết cái ngọt ngọt thành phố, cái buồn nông nổi tiểu thuyết *Mười năm*, tôi lại đi nữa.

Vào Sapa nghỉ lại trên gác nhà bưu điện huyện. Vùng nghỉ mát Sapa những năm ấy còn heo hút, hoang tàn. Các nhà trọ tối hun hút ở ngay chợ chứa lá buôn đào, mận và người mua hạt giống su hào, hoa lơ. Nhà nghỉ mậu dịch, một dãy nhà sàn lừng cuối phố. Khách có công việc về huyện trọ đấy. Trên đỉnh núi, một khách sạn cũ được sửa sang lại bên đài thiên văn. Chuyên gia Ba Lan ngành này ở và đôi khi người du lịch nước ngoài ghé lên. Tôi đã quen ở trọ các cửa hàng bách hóa, các bưu điện huyện, nhà bưu tá xã - những nơi dừng chân cơ động ở vùng núi, nhưng đây lần đầu một chặng trên tỉnh xuống huyện, Nguyễn Tuân và Văn Cao đi theo đường dây kiêu này. Sapa đượm vẻ yêu kiều cho người đến với thiên nhiên, giữa thiên nhiên. Không heo hút như Mẫu Sơn không giống một thứ đồ chơi bé bỏng như Tam Đảo, Ba Vì. Trước mặt, lừng lừng ngang mắt triển núi Hoàng Liên trải ra màu tím bao la, đôi khi nắng lên như cơn mưa bóng mây hồng xuống xung quanh đỉnh Phanxippan cao nhất nước. Theo trí nhớ đến nơi đến chốn của Nguyễn Tuân, đỉnh Hoàng Liên đúng 3.142 thước mà năm vừa qua, Nguyễn Tuân đã theo một đoàn cán bộ nghề rừng lên đến chỗ chót vót ấy. Ở Sapa, xuống thung lũng có trạm thủy điện cũ thời Pháp, trèo vài bước sang khe suối đã vào nương người Mèo, đối diện với bên phố lát đá tảng mà người xuôi lên ở thành phố đã lâu đời. Ngôi nhà thờ nguy nga hiện ra, ngọn tháp rêu phong xanh mướt như đỉnh núi đá: Đầu thế kỷ này, linh mục Savina đã tu ở đây, cùng thời kỳ cổ Hiến người Pháp ở nhà thờ Xọa Hồ trên núi bên Nghĩa Lộ. Linh mục Savina đã viết quyển *Lịch sử dân tộc Mèo* và làm bộ *Từ điển Pháp Mèo* in ở Hồng Kông từ 1920. Người Mèo sùng đạo ở Sapa, tôn ông cổ Savina là vua Mèo. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914-1918, đế quốc Đức đã xúi giục người Mèo ở tây bắc Việt Nam và bắc Lào nổi dậy. Cổ đạo Savina làm cố vấn chính trị trong quân đội Pháp đi dẹp loạn. Năm 1918, Savina mời được tất cả các vua Mèo về họp ở Xiêng Khoảng. Tại hội nghị, toàn quyền Đông Dương đã ký với các thủ lĩnh Mèo những văn bản qui định chế độ chính trị và hành chính cho dân tộc này. Từ đấy, người Mèo ở ba xứ

Đồng Dương đều trực thuộc chính phủ Pháp mà đại diện là quan công sứ đầu tỉnh. Lại đặt ra chức thống lý thống quán cho người Mèo tự quản nhau. Savina tu ở Sapa cho đến khi qua đời. Tới những nơi sơn cùng thủy tận khuất nẻo đến đâu, ai đẩy chớ vội nghĩ hôm qua chưa có một bàn chân xa lạ nào đến, mặc dầu con người bao giờ cũng lấy tưởng tượng đó làm một kiểu hãnh.

Suốt chiều, Nguyễn Tuân ngồi ngoài hiên gác nhìn sang Hoàng Liên Sơn. Mơ màng lại chuyển đi năm ngoái, đặng từ đương ngất ngư trong da trời xanh lam, trong mây trắng ngấn ngơ trên kia. Hay là lại muốn lên chóp núi lần nữa, hay là sao... Đêm ấy sương mù trong thung lũng dâng lên như bông giắt vào trong cửa sổ gác. Chúng tôi được nghe một câu chuyện đời người. Ngoài hai mươi năm trước...

Người ngồi trước mặt chúng tôi, y sĩ Tái Sinh trạm trưởng trạm xã huyện. Tái Sinh có nghĩa là sống lại. Cái tên anh tự đặt cho mình. Anh quê gốc dưới Thái Bình. Nhiều bà con công giáo đường bẽ đã lên sinh nhai trên này, có khi di chuyển cả làng cả cha cố đi theo, như ở Bản Héo bên Nghĩa Lộ.

Anh yêu cô Đào nhà ngoài phố. Một cổ đạo Tây cũng mê Đào. Ông cố dề cụ có điều kiện và hoàn cảnh dễ quyến rũ đàn bà. Nỗi đau, nỗi lo của hai người được cắt bỏ bằng cách làm như người đi săn bắn trong núi là phải giết lão cổ đạo. Anh đã đâm chết lão rồi trốn lên gác chuông nhà thờ. Nửa đêm, có người đưa anh lượn rừng chạy ra bờ sông Hồng. Anh chặt chuối ken bè, chiếc bè chuối đưa anh trôi xuống Yên Bái - vùng tự do ngoài kháng chiến.

Anh được đi học y tá. Cũng từ đấy, tên anh là Tái Sinh.

Chiến dịch biên giới 1950, Lào Cai được giải phóng. Y sĩ Tái Sinh trở về Sapa. Thi Đào đã lấy chồng. Cuộc chia tay bờ sông xưa đã phai mờ.

Bên Lai Châu điện báo có người sang đón tôi. Nguyễn Tuân và Văn Cao cuộc bộ tiễn tôi một trường đình dài dài. Chẳng lẽ lại đi nữa, đương thuận chân - Nguyễn Tuân nói. Nhưng cũng không trở về Sapa hôm ấy, hai người với tôi ngủ lại ở một lán lâm trường dưới dốc Ô Quy Hồ. Tiếng suối chảy trong đêm mênh mông, tối đen, đôi lúc lẫn với gió rất rào, như sóng biển. Máy bay xuống đêm Simphêrôpôn thủ phủ bán đảo Crum, nghe ra xung quanh có tiếng sóng biển Hắc Hải, nhưng sáng sớm mới biết đấy là gió rừng bạch dương quanh nhà ở giữa thành phố. Đây chỉ có gió vào sườn núi, cũng tương tự thế.

Nguyễn Tuân nắm tay tôi mà rằng:

- Cái số tao xưa nay cứ phải đi tiễn mày. Thế thì ra làm sao?

Rồi lại nói vui:

- Nhưng mà trường đình xa quá, những một ngày đường, nửa đường rồi. Từ Ô Quy Hồ mà vào Mường So, ba ngày ngựa chứ mấy. Này, nhớ ngắm những cái chòm Pu Xam Cáp hộ tao.

Quả thật, chúng tôi có cái duyên thường gặp nhau - cũng như chia tay nhau giữa đường. Khi Nguyễn Tuân ở lại Vĩnh Linh tôi về Hà Nội, khi Nguyễn Tuân đến Tuần Giáo rồi vào Điện Biên tôi lên Tòa Chùa, lại cái lần ở đèo Mã Pí Lèng ra, Nguyễn Tuân về xuôi còn tôi lên Đồng Văn, rồi lại đem nhau đoàn đình trường đình tận phương trời, tình cờ gặp ở Matxcova, tôi đi Vácsava... Chú liên lạc ở Lai Châu ra dắt ngựa cho tôi vào Bình Lư, ngày mai qua thác Gió. Ở ngã ba Bình Lư, cái cột chỉ đường Pháp xây từ năm tôi mới oe oe chào đời. Dưới con số năm 1920, những dòng chữ chỉ cây số và đường ngựa sang Than Thuộc xuống Tam Đường, đến Thên Xin, vào Mường So huyện ly

Phong Thổ. Dãy Pu Xam Cáp mà Nguyễn Tuân nhờ tôi ngắm hộ suốt ngày lúc nào cũng chập chờn nhấp nhô bên tay trái.

Có đến hai ba tháng sau, khi tôi ở vùng cao Phong Thổ xuống huyện lỵ ở Mường So, nhận được điện Sapa Nguyễn Tuân đánh vào, tỉnh ủy Lai Châu chuyển. Chắc hôm ấy ông còn ở nhà dây thép, điện đánh nhờ không mất tiền, dài cả trang như thư.

Tôi mới biết sau đây, Nguyễn Tuân và Văn Cao dọn xuống ở trạm xá với y sĩ Tái Sinh. Câu chuyện tình buồn kia Tái Sinh chỉ kể một lần, nhưng cái day dứt còn lại, hôm nào Tái Sinh cũng hỏi khách: Tôi tiêu diệt thằng Tây thế là hành động cách mạng hay là trả thù cá nhân? Tôi báo cáo là cách mạng, tổ chức huyện thì nhận xét là không phải, cho nên tôi chưa có huân chương. Các ông thấy thế nào? Nguyễn Tuân bảo tôi thư hay điện trả lời hộ cho hai ông, vì lẽ tôi thành thạo các việc về tổ chức! Nguyễn Tuân đã bảo Tái Sinh thế rồi.

Muốn ở lại ngắm mãi Phanxipăng mà không được vì Văn Cao ốm sốt. Nguyễn Tuân phải đưa Vua ra Lào Cai, lấy vé tàu cho Vua về Hà Nội một mình. Chúng tôi hay gọi đùa Văn Cao là Vua, là Văn Vương. Hợp với cái gã tính thích thú người ngưỡng mộ, ưa ngồi phán và ban phát lời lẽ như sấm ký.

Nguyễn Tuân ở lại một mình làm khách của tỉnh, đợi chuyển vào Bắc Hà.

Gửi đồng chí nhà văn Tô Hoài Lai Châu (Tây Bắc) - nhờ Văn phòng Tỉnh ủy Lai Châu chuyển hộ.

Simacai (Tân Mã Nhai) 8/6/1965

Ông Tô Hoài

Mình có cái may là gặp liền hai phiên chợ. Chợ Bắc Hà và chợ Simacai. Đông, nhiều màu sắc. Đào, mạn, thúng cổ v.v... Simacai cách biên giới có 8 km. Tôi không khỏe, cho nên tới đây rồi lại quay ra Bắc Hà và về Lào Cai và xuôi Thủ đô, sau khi nói chuyện phục vụ. Định lần sau sẽ tua một vòng Bản Lầu Mường Khương Pha Long qua Simacai Bắc Hà rồi Bảo Nhai Phố Lu.

Bắc Hà mát dịu chứ không mát gắt như Sapa. Cảnh Bắc Hà (Pa kha) cũng đẹp hơn Sapa. Anh giao thông bưu điện và đường dây Bắc Hà - Simacai cũng có nhiều đặc điểm vùng núi, viết được. Hôm ông ở công trường 112 Ô Quy Hồ đi Bình Lư thật vẫn còn là may. Ông đi buổi sớm thì đêm ấy mưa to, thác nước xô đá xô cây ngiên thêm nhiều quãng đường.

Văn Cao sưng phổi từ hôm ấy, về đến Lào Cai phải tiêm một Bérie thuốc và bác sĩ bảo phải vào ngay bệnh viện. Văn Cao sợ quá. Tôi cũng ngại. Liền lấy vé luôn cho ông ấy ra tàu xuôi về Hà Nội, về đấy mà vào Việt Xô - tôi thấy còn hơn là nằm ở Lào Cai. Từ hôm Vua về, tôi vẫn nằm ở phòng khách tỉnh ủy. Thấy lúc xuất phát Hà Nội, chúng ta là một tổ 3 người. Và nay tổ chỉ còn có một mình linh già này. Hôm qua phải rút luôn một hơi 26 cây số dốc, mỏi chân quá. Nay vẫn còn mỏi và uống gần hết chỗ cao hổ. Chúc ông viết khỏe và xong. Mong sẽ có dịp đi Lai Châu vào một dịp nào cuối năm. Ông viết thư kể chuyện Ô Quy Hồ Bình Lư Phong Thổ Lai Châu cho tôi nghe với.

Ng. T.

Nguyễn Tuân công trường 426 Tuần Giáo khu tự trị Thái Mèo.

1966, chúc mừng năm mới!

Tô Hoài ơi, trên này lạnh quá. Bộ xương đã buốt sẵn vì tê thấp mùa này, lên đây càng buốt tợn. Chỗ công trường làm đường mình

ở chung quanh lại là núi đá (như kiểu núi đá Bắc Sơn Quỳnh Sơn) nên đêm càng buốt tợn. Chỗ mình ở cách Tuần Giáo khoảng 20 cây, cách Điện Biên khoảng 70 cây. Vậy mà từ hôm lên mình chưa ra Tuần Giáo. Mình đã lên từ sớm thứ hai 7/12. Chín giờ sáng cất cánh, 10 giờ 50 đã ở giữa cánh đồng Mường Thanh (không kể nửa giờ đỗ xuống Nà Sản, vậy là giờ bay mất có 1 tiếng 20 phút). Vậy là trong năm mình 3 lần đi Tây Bắc, 2 lần vô giới tuyến.

Tình hình làm đường cũng có những thuận lợi và khó khăn mới. Bây giờ vẫn là đánh nhau với núi non sông suối bằng hai bàn tay con người. Kế hoạch đặt lúc đầu cũng có bốc đồng, nên bây giờ nó mới rõ ra là còn phải vài ba năm mới hoàn bị xong. Các thứ máy dầu, máy húc, máy ngoạm không phải là không có nhưng phải có người lái máy, người chữa máy. Mà các ông lái đó không phải là một tuần một tháng là có ngay. Như thế này là con đường chưa xong mà cuốn sách định viết đã phải cắt băng khánh thành đó rồi. Thôi, mùa xuân lên đây một chuyến nữa, rồi về là viết, cuối năm xong.

Ng. T.

Phố Lu Lào Cai 12/6

Anh Tô Hoài,

Thư trước viết từ Simacai một ngày phiên chợ có nắng. Thư này viết sau ba ngày đi bộ liền 70km, dưới mưa, hôm trước mưa lũ to tấc suối phải vòng lên bản Mèo tránh lũ. Hôm trước mưa, hôm sau mưa, hôm sau nữa lại mưa nữa. Từ Simacai ra Bắc Hà, ngủ Bạc Hà vẫn mưa. Hôm sau từ Bắc Hà ra Bảo Nhai, vượt Cổng Giời (vẫn lại Cổng Giời) và qua sông Chảy. Sớm sau, Bảo Nhai về Phố Lu, ngủ Phố Lu, sớm chờ lâu thì đi tham quan lại chiến trường của Trung đoàn Thủ đô cũ. Người mình vẫn đang hâm hấp sốt, mấy hôm đi trong mưa vẫn sốt tiếp. Cao mang đi hết, phải nhờ địa phương tiếp cao cho mới rút đường được như vậy.

Mệt, khổ, nhưng hình ảnh lượm về giao thông bưu điện cũng không đến nỗi nghèo lắm. Đường dây Lào Cai như thế là căn bản tôi như tóm được dây rồi. Định đi nốt hai huyện Bát Xát và Mường Khương nữa thì tôi hoàn chỉnh đường dây của tôi. Lào Cai có 5 huyện tất cả thì chuyến mùa mưa này, như thế là tôi đi xong được 3 huyện rồi. Một huyện xuôi (Bảo Thắng), một huyện núi nội địa Sapa và một huyện núi biên giới Bắc Hà - Simacai cách biên giới 2km chim bay.

Người mệt, chân mỏi, năm hôm chỉ ăn cháo và sữa. Mệt mỏi chân tay, lưng nhưng lòng thì có cái lâng lâng của một người chủ nhân ông đất nước tiến lên, đất nước tiến theo mình và mình theo nước và đất mà tiến lên.

Hôm ở Phố Lu tôi nhớ ông và ông Văn Cao quá (Tội, cái thằng chuyển đi Điện Biên Phủ 1958 nó bị mổ nằm lại Sơn La, chuyển này là cũng tìm phổi và phải đưa về, bỏ cuộc).

Tôi định đi nốt đường Mường Khương đây. Mong ông đi được Sìn Hồ và nhất là Mường Tè. Cái quà quý nhất ông sẽ kể cho tôi nghe sau này tôi nghĩ rằng phải là những cảm xúc về huyện Mường Tè biên giới và đầu nguồn sông Đà!

Nguyễn Tuân

Đ.c Tô Hoài (nhà văn) Tỉnh ủy Lai Châu (Tây Bắc) - Nhờ các đ.c văn phòng tỉnh ủy chuyển thư tiếp nếu đ.c Tô Hoài đã xuống huyện. Văn phòng Tỉnh ủy chuyển bưu điện Mường Lay: đ.c Tô Hoài đã đi Sìn Hồ, đề nghị chuyển.

28/6/1966

Ông Tô Hoài

Hai thư của ông cùng tới một lúc, đến dăm sáu hôm nay rồi. Nhưng tôi lười, nay đấu tranh tư tưởng mãi mới viết được cho ông. Nhất là cách đây một tuần, tôi lại chơi đặng quý quyến, bà nhà ông cũng cho biết là ông ngã ngựa ở Phong Thổ, trên đường đi Đào San. Theo cách hiểu chủ quan của tôi thì bà ấy vừa lo vì tai nạn thượng du Bắc Kỳ, nhưng cũng có vẻ lý thú vì những sự rơi ngã trứ tình ấy.

Hình như hôm qua trẻ con nhà ông ngồi xe cơ quan sang địa điểm sơ tán (vẫn cái chỗ đường 18 ấy đấy). Tôi cũng vừa nhận thư ông Hồng khoe rằng viết xong rồi cái trang cuối cùng của tiểu thuyết dài của ông ấy vào đầu tháng 7, ông xuống thanh toán contrat (hợp đồng) với Hội. Và mặt khác, chuẩn bị đi khu 4 khỏi lửa cùng bạn Tế Hanh. Khu Tư, khu Tư anh dũng! - Chao ôi, nếu nó cứ tiếp diễn xâm phạm bầu trời Hà Nội - quãng Xuân Mai, có ngày hai lần cả sớm cả chiều như hôm 25/5 vừa rồi thì Hà Nội là khu Tư chứ gì nữa! Tôi nghe có đến mấy người nói cái câu tôi vừa trích dẫn đó. Như thế thì lúc ấy nên đi đâu? Vẫn vào khu Tư hay đi vào nội ngoại thành anh dũng? Có ý bảo hiện nay Tây Bắc, cụ thể là Sơn La cũng đang không kém gì Vinh, Thanh Hóa. Hầm hào ở Hà Nội độ này làm có vẻ chu đáo hơn. Trần bằng bê tông đúc sẵn lại có ống lỗ thông hơi nữa, xa trông như cái ngói lên của ống khói nhà máy...

Cầu Ninh Bình thế là hỏng đang chữa. Cầu đường quốc lộ Gián Khẩu Đoàn Vỹ hình như cũng bị. Nghe nói cũng đang chữa. Nay mai, tôi định vẫn đi tiếp cho Tổng cục Bưu điện, đi tuyến duyên hải từ Móng Cái đến huyện Nga Sơn, Hậu Lộc, Thanh Hóa.

Vua hôm nay đi nhô cái răng hàm. Ông cao lâu nhà thương đau mắt này chuyển thành nghề quốc doanh. Ông lại làm công ngay ở đó, ăn vôi bia theo giờ nhà nước tháng lĩnh 50 tờ như một người bình bút mà không viết bài nào. Quán bia bà cai ách vẫn còn bữa đực bữa cái, nhưng xem ra cũng khó thọ.

Địch nguy vận tôi đang chuẩn bị viết bài thứ hai. Bài đầu được trả đặc biệt (mười đồng) và bài đó đánh máy ra 5 trang, tôi giao bài trước hôm đi Lào Cai Simacai và đêm 9/6 lại được nghe phát lúc 11 giờ đêm ở giữa Bắc Hà mưa thâm gió núi sau một ngày đi mưa vượt suối tắc. Đêm ấy tôi có những cảm xúc yêu đời lắm. Nay ông viết một bài gì cho nó đi. Viết cho nguy vận, tôi thấy rất nên vì nó rõ ràng ra cái efficace immédiate (hiệu quả tức khắc).

Ông cố nhớ hộ nhiều chi tiết Mường Tè - cái nơi tôi chưa được đi tới và ông thì đang đi tới.

Chào hiu hiu gió thổi sông Đà.

Ng. T.

Đ.c nhà văn Tô Hoài Hà Giang - Kính nhờ các đ.c Tỉnh ủy Hà Giang chuyển giúp. Văn phòng Tỉnh ủy: chuyển Đồng Văn.

Hà Nội 21/11/66.

Tô Hoài.

Tôi vừa nhận thư ông gửi từ Đồng Văn ngày 13/11. Đúng ngày chủ nhật 13/11 ấy chúng tôi mới rời giao tế lúc 14 rưỡi và đi thẳng

một hồi về tới Hà Nội lúc 1 giờ 30 đêm ngày 14. Những ngày ở lại chờ xe sao mà dài thế. Mỗi ngày lại cùng uống 10 chai Trúc Bạch.

Tôi đã đặt vấn đề Lào Cai mở đồng Bát Xát và bán đồ địa chất Sapa với phòng chính trị Tổng cục Địa chất. Họ đang bố trí để xong lễ Nôen là đi được. Hà Nội vẫn thường. Từ hôm tôi về không có tiếng súng gì. Mãi cho đến chiều nay mới lại nghe cao xạ của ta phía ngoại thành. Tôi cũng định lần sau ra xuân này lên Hà Giang, thế nào tôi cũng phải đi cái tuyến Hoàng Su Phì lại (đi đường Thanh Thủy, Sìn Chải, Tả Su Phìn tức là men theo sườn Tây Côn Lĩnh 2418 km).

Chắc ông sẽ là đồng hành của tôi. Rồi tôi vẫn vào Bắc Mê cùng ông Nguyễn Hồng. Rồi lại phải đi vào Mèo Vạc nữa. Ôi, hai cái xương bánh chè của lão già này còn được một chuyến giới già nữa a!

(Có lẽ trước khi rời Hà Giang ông lại một lần nữa móc tay với ông Thế Kỳ, hẹn cụ thể là cuối giêng sang hai ta, là chúng ta lên ở (ít nhất là một tháng) để làm người Hà Nội mất tích vài dăm tuần).

Chúc ông lượm nhặt nhiều nhân sự để tái tạo.

À, ông nên gặp nhân vật Chúng Thị Phà nhiều lần nữa.

Ng. T.

Ông về, nếu có điều kiện (về thời gian, về hầu bao) mua giùm cho một số cái lật vật tôi sẽ xin chuộc sau, như đá lửa (vài chục viên), chè Thông Nguyên loại 1 (3 gói), măng khô (loại măng lưỡi lợn là hay nhất). Có lẽ ông nên tạt qua nhà riêng của hàng trưởng (Nhà Thai) Phạm Minh Khương thì tay ấy đi tìm được. Khương ở với vợ (Hoa kiều) ở số 2 đường Nguyễn Thái Học trên con đường ra chợ tỉnh đầu cầu. Tay Khương này còn nắn nà ở nhà trước khi đi Bắc Mê. Ông có thì giờ tạt qua nhà anh cũng vui đấy. Nhân vật tiểu thuyết đầy loại nhân vật tích cực. Hà Nội rau có tép cá đều khó, đã và đang khó. Bia vẫn mở hàng, hoạt động mạnh. Duy chỉ có lạc là kiểu giá hơn. Một hào mười viên phá sáng.

Ông bà Học Trường vừa chiêu đãi nhân dịp mười năm của trăm năm ông bà ấy. Lại một cây Lúa Mới. Vui nhất là lão Hai lại chệnh choáng như thương lệ.

Ng. T.

Lai Châu 14/6/69

Ông Tô Hoài

Từ hôm chia tay với ông tại biệt thự nhân vật Lê Minh, tôi đi ngay một chuyến lên rừng, do lâm nghiệp mời. Và có đảng đàn nói chuyện ở huyện Cẩm Khê, ở châu Yên Lập, ở phố đồn Vàng và ở công trường Thu Cúc, nói cả ở Thạch Kiệt nữa: Rừng Thu Cúc chỉ sang một cái đèo là tới huyện Phù Yên Nghĩa Lộ rồi. Rồi tất cả lại dặn tôi thế nào mùa khô cũng phải trở lại nữa.

Sau đó là đi Lai Châu. Không phải phà phụng gì. Ô-tô sang cầu mới. Cái cầu ô-tô đầu tiên trên sông Đà xã hội chủ nghĩa. Sang Bản Chang (le village des anciens serfs de lex vice - rồi Đèo Văn Long . Tiếng Pháp: làng của đầy tớ nguyên phó vương Đèo Văn Long) có gặp một ông cụ Thái trắng 83 tuổi. Nói năm 1907 có về chơi Hà Nội, nghỉ trọ ở nhà trọ số 24 phố Hàng Bạc. Bữa cơm có thịt quay, có rượu, có đậu rán phồng mà chỉ mất có 2 hào chỉ. Ông cụ cùng với mình về uống rượu nhắm cá lạng ở nhà đ/c xã đội xong,

ông phó chủ tịch lấy thuyền đuôi én của hợp tác xã tiễn mình ra bên đò. Rừng trên thượng nguồn, quả vậy, vẫn có nhiều tình hơn rừng văn Hà Nội.

Ng. T.

Ông Tô Hoài (tiếp theo)

Mình vừa đi thác Lay về. Ba xuống máy ngược lên thác Lay, cách thị xã 9 km. Ngược 45 phút, xuôi có 15 phút. Sông Đà nước đã to rồi, đồ lừ. Nhiều người trong các giới am hiểu nói năm nay nước có thể to lắm vì đợt phá rừng Lai Châu đã lên tới điển hình (ví dụ đốt rừng cháy luôn cả Ty y tế trong rừng Tân Túc v.v...). Thác Lay là một thác dữ, thuyền xuôi ngược sông Đà tới thác Lay đều bốc rờ hết hàng hóa, mà kéo thuyền không. Thác dài mà luồng cong, thác dài 54m. Mùa lũ, mặt nước thác cao hơn mặt nước sông 4 thước, mùa cạn thì cao hơn 2 thước. Định lần sau lên sẽ sống ít ngày với đội phá đá thác của Lai Châu.

Ngày kia, mình lại lộn về với rừng Hà Nội. Hôm trước có đ. c tuyên huấn tỉnh ủy Lạng Sơn tới rủ mình lên Lạng Sơn đi Mẫu Sơn và có nói ông đang ở Thất Khê. Ừ, để xem, ông còn lâu trên ấy thì mình đi ải Nam Quan. Chúc ông không ốm đau gì.

Ng. T.

Buồn cười nhất là trong cái phong bì những bút ký cũ mang theo lên đây để giảng về bút ký của ty văn hóa Lai Châu mờ lóp, lại lạc vào hai cái thư cũ của ông viết cho tôi cách đây mấy năm, hồi ông đi Đào San và Sìn Hồ. Đọc, có cái dư vị khó tả nên lời...

Ở huyện lỵ Phó Bảng ít ngày. Rồi trở xuống Văn Chải một làng trên núi đầu dốc Yên Minh lên Phó Cáo. Trước kia tôi đã nhiều khi cả tháng liền ở trên Văn Chải rồi. Lần này bí thư huyện Vũ Mỹ Kê cùng đi. Lái xe Tiến ở lại với xe dưới ruộng khe núi Phó Cáo.

Những dốc, lại dốc. Nguyễn Tuấn đã leo núi nhiều nhiều, nhưng sau chuyến Simacai Bắc Hà năm trước và sông Đà sông Tuyên thì đi đường nước. Cái lần đi dốc bằng hai chân lên Văn Chải này, tôi tính ra là chuyến lên núi sau cùng của đôi đầu gối người lão luyện sông hồ. Chuyến ấy chúng tôi còn lên Lũng Cú nơi biên giới phía bắc cao nhất xa nhất, lại cách bức phải tạt một quãng ngang đồn biên phòng bên Trung Quốc. Tuy vậy, không dốc bằng núi Văn Chải. Nguyễn Tuấn chống ba-toong vừa đi vừa nghỉ thế mà rồi cũng tới được dinh cơ nhà thống quán Vàng Văn Ly trên xóm đỉnh núi. Rừng trúc vàng óng bao quanh ngôi nhà ngói cổ. Nguyễn Tuấn chống gậy ngược mắt ngắm núi và rừng trúc rồi, như nói cho mình: Mai kia, đây sẽ thành một điểm du lịch, máy bay lên thẳng đưa khách bay nhìn một dải từ Quán Bạ lên đây hạ xuống thì vừa đẹp. Lại có rượu ngô nóng uống chống lạnh. Có lẽ bây giờ mình sẽ đăng ký mua vé đi chuyến đầu tiên.

Lại một chuyến đi Hà Giang với Nguyễn Tuấn, có Hoàng Trung Thông, Trọng Hứa và tôi. Đường đêm qua cầu Việt Trì không yên, chúng tôi lên Liễn Sơn men Tam Đảo sang Đa Năng ra bến Bình Ca, trời vừa sáng. Mưa rào rạt, xe chạy đèn vàng, lao chúi đi như con lợn rừng. Ở lại thị xã Hà Giang một đêm đã vất vả. Phố xá đường ngược mà bức bối như ở trong hầm, trưa nắng nóng hầm hập, hơi núi hơi nước đến tận khuya. Lạ, trời sắp chuyển mùa, ở trong cái thung lũng sâu này vẫn có mùa riêng, có khi bên kia sông gió rai đồng man mác, đây vẫn hanh hao gió bắc.

Đêm ấy về cơm rượu ở trụ sở ủy ban xã Văn Chải. Rồi một mình Hoàng Trung Thông trèo lên xóm nhà chủ tịch Hòa, thổi khèn uống rượu đến tận sáng. Cái vui được đến một nơi chưa hề đến. Tôi sang trường, chơi với các thầy giáo cô giáo - hồi ấy công tác diệt dốt và

học chữ Mèo đương sôi nổi. Dưới huyện, cán bộ Kinh công tác vùng cao tối nào cũng phải đến lớp học chữ Mèo. Trên núi Văn Chải, thầy Hùng quê bên Thái Nguyên, cô Mai người Tây Bắc Quang với nhiều thầy người Mèo trong huyện, các thầy Chử, thầy Páo, thầy Chúng. Và cô giáo sinh Ly Chờ, cô gái xinh xinh bé bỏng quê Sà Phìn.

Ly Chờ năm ấy còn non tuổi, độ mười lăm. Ly Chờ mới vỡ vẽ đọc được, viết được, đã quyết xa nhà đi làm giáo sinh xóa mù chữ. Tôi cũng chưa bao giờ hiểu được cô con nuôi của tôi tại sao hăng hái như thế. Người Mèo vốn ít ra ngoài, chẳng thiết công tác, nhất là các cô các chị. Đi cán bộ không được ở nhà trồng lanh, thêu cổ áo, nhuộm chấm đắp sáp ong làm hoa viền gấu váy. Đi cán bộ thì không thể dành dụm và lo liệu được váy áo vòng bạc để lấy chồng. Lấy chồng Kinh không phải sắm sửa thế, nhưng lấy chồng người Kinh khác đâu giờ tay bắt con chim bay mà con trai ở làng không lấy vợ đi cán bộ. Cô nào kiên gan lắm cũng chỉ đi dạy, đứng bán mậu dịch bách hóa được ít lâu rồi bỏ về. Các thầy giáo thì bụng dạ cũng đại khái như thế. Có lần tôi gặp lại Mùa A Gia ở dốc Pác Xúm. Thầy giáo đi với vợ lẽ xuống làm nương dưới Yên Minh. Mùa A Gia cười: Lấy vợ lẽ thích hơn đi thầy giáo! Người vợ lẽ che ô đứng cạnh, nghe được tiếng Kinh, mặt đỏ lừ. Tôi bùi ngùi nhớ ở Đào San có một cô Dao lan tiên, vẫn công ca múa khu Tây Bắc. Một điệu cùi, dây chẳng lên trắn lẩn vết, kéo chịu lưng xuống. Tôi gặp cô như thế. Đi cán bộ thì không lấy được chồng làng. Cô vẫn công đành bỏ về làm nương.

Cuộc đời Ly Chờ chỉ những gập ghềnh. Ở Văn Chải, cô giáo sinh Ly Chờ đã đưa tôi đi các xóm khắp núi, từ Sin Chải sang Tùng Quá Sứ, vận động người đi học. ít lâu sau, Ly Chờ được xuống tỉnh học trường dân tộc ba năm. Trở về dạy cấp hai lớp bổ túc văn hóa trường cán bộ huyện. Mỗi khi được những tin vui, tôi lại nhớ những hôm ở Văn Chải, giáo sinh Ly Chờ đứng giảng bài. Và khi tôi ở Sin Chải lâu, thỉnh thoảng Ly Chờ lại xách đến cho tôi miếng thịt lợn, một ống nửa đựng rượu. Cả tháng mới lại trông thấy rượu thịt. Nhưng con người ta tính trước thế nào được những bước rui may. Ly Chờ yêu một giáo viên người Kinh, quê vùng biển lên núi dạy học. Mỗi tình chẳng đi đến đâu. Rồi Ly Chờ lấy chồng người Hán bên Mèo Vạc. Không mấy lâu cũng tan vỡ. Năm ấy, Ly Chờ về Hà Nội thăm chúng tôi. Một con gái mẹ dất theo, lưng đeo một cháu nhỏ mới sinh. Ly Chờ lại lập gia đình mới. Tôi đưa Ly Chờ đến chơi nhà bác Nguyễn Tuấn, bác Nguyễn Văn Bông những bạn đã đến Sà Phìn. Hai mươi tuổi, đã con giắt con bông, bao nhiêu gian truân. Cái đẹp sắc sảo mà bạc phận.

Tôi cũng vun trồng tưởng tượng và ước mong không biết bao nhiêu về cuộc sống và tinh thần người con gái dân tộc hăng hái thoát ly đi công tác từ năm mười lăm tuổi, tưởng đã vượt được mọi thử thách và ràng buộc. Đến khi tất cả khác đi, tôi chỉ biết ngỡ ngàng. Những dang dở đã nghiêng ngả cả cuộc đời. Người chồng mới này là cán bộ tổ chức của huyện. Người Mông đi công tác không như ở xuôi, ai cũng muốn vào biên chế. Ở đây chẳng đề ý mấy đến cái trách nhiệm và tổ chức cơ quan ấy. Lấy vợ rồi anh bỏ công tác về làm nương. Vợ bị đổi xuống nhà trường vùng thấp huyện Vị Xuyên - dạy ít lâu rồi cũng bỏ về. Bốn mươi tuổi Ly Chờ về hưu non. Cũng phải chạy mãi mới được cái sổ hưu. Vì chưa đủ hai mươi năm công tác. Thật ra thì thừa, nhưng không được tính thời gian công tác từ tuổi mười lăm. Bấy giờ Vũ Mỹ Kê còn làm phó chủ tịch tỉnh, tôi lại phải nói với anh ấy giúp cho.

Lại đến những rắc rối tức cười và rơi nước mắt. Một lần, tôi có việc đi nước Tandania vùng dưới Đông Phi. Tôi mua một cái mũ dạ ở hàng bán quần áo cũ. Buôn bán quần áo cũ đã thành một công nghiệp lan khắp các nước đương phát triển và cũng tràn ngập các thành phố nước ta. Bỏ của Ly Chờ thích một cái mũ dạ. Nhờ năm 1952, lần đầu tiên vào các khu du kích người Mèo ở núi 99 bên Phù Yên, thấy những ông già mặc áo bông rộng, thắt lưng đỏ, đội mũ phớt, hết những người chặn cừ ở Mông Cổ và Trung Á. Bỏ Ly Chờ ao ước có cái

mũ phớt. Nhưng thằng con rể cầm cái mũ của tôi lại không gửi ngay mũ về cho bố vợ trên Sà Phin. Nó đem đội nghênh ngang đi chợ. Người ta xì xào cái mũ này chỉ bên Trung Quốc mới có. Thằng này chắc có sự mờ ám sao đây. Thế là bị bắt. Lại phải Vũ Mỹ Kê lên tận nơi can thiệp mới xong và rõ ra câu chuyện cái mũ điện.

Bây giờ, Ly Chờ đã có bốn con. Cháu gái ngày nào theo mẹ xuống Hà Nội đã hai mươi tuổi, hơn tuổi mẹ khi mẹ đi làm giáo sinh xóa mù chữ trên Văn Chải. Vợ chồng và hai con nhỏ trở về Sà Phin. Hai đứa lớn không về, thích ở xuôi và phở xá. Mỗi lần được thư chỉ những buồn là buồn. Lại được Ly Chờ cho biết tin bác Vũ Mỹ Kê đã về hưu, cũng về Sà Phin. Bây giờ bác ấy cũng gầy lắm, trông thuốc phiện cả trong vườn. Chưa chát, nhớ Vũ Mỹ Kê đã có nhiệm kỳ đại biểu Quốc Hội được công tác sang đến nước Nicaragua bên nách nước Mỹ.

Làm sao không buồn, bao nhiêu hy vọng rồi lại chỉ như thế. Tại con người hay xã hội, hay còn tại những gì. Áo nào thê lương, mỗi khi trở lại những miền hoang vắng đã từng ở xưa kia mà đôi khi đã như nhà mình quê mình, vẫn chỉ thấy bóng người điệu cùi, vác nước và tiếng gọi lợn, gọi trâu ời ời trong ráng chiều. Năm trước, được tin trên Bắc Cạn, Bản Văn Quân người Dao đỏ ở Khui Buồn núi Phía Bắc, chết rồi. Quân đồng tuế với tôi, đã đo cánh tay uống rượu ăn sùng nhận nhau làm anh em. Chập tối, ông lão Quân ra đầu xóm trèo cây lấy tổ ong. Người đi nương về muộn, nhìn nhập nhòa tường con gấu liền giương súng bắn một phát. Ông già Quân rơi xuống như một cành cây gãy. Vẫn thế, sao lại thế?

Chúng tôi đang leo lên dốc Văn Chải. Dưới kia, người tan chợ Yên Minh về. Từng đám đi lẫn ngựa nhấp nhô loáng thoáng cười nói. Cả các thầy cô giáo cũng đi chợ. Ly Chờ đã lên kịp chúng tôi. Ly Chờ đeo hộ bác Nguyễn cái túi dệt. Ngày phiên, cô xuống chơi chợ như người ta thường đi, một tay cầm cái phao đèn hoa kỳ, sợ vỡ nên hai chiếc bóng đã được buộc vào cổ tay. Một cái chai, cái bóng thủy tinh từ dưới xuôi lên quý hơn cái phao sắt tây. Cô bé nhí nhánh đeo túi, từng quãng đứng lại chờ bác Nguyễn chống batoong lần bước. Thế mà hôm sau bác còn leo cao nữa. Tận rừng trúc vàng vòng quanh nhà thống quán Văn Văn Ly. Chúng tôi tạt vào nghỉ chân nhà Sùng Dúng Lù, anh hùng quân đội tiểu phi năm trước. Lúc này đi qua một cái miếu, mỗi người nhắc trộm đi một cái tượng gỗ con con. Đã hỏi Vũ Mỹ Kê rằng lấy được không. Vũ Mỹ Kê bảo: Cứ lấy. Nhưng lúc vào nhà Sùng Dúng Lù, Vũ Mỹ Kê bảo phải vắt các túi ngoài cọc rào nó biết trong túi có tượng nó chửi cho. Mới hay, lúc này Vũ Mỹ Kê chỉ nể mà ừ. Vũ Mỹ Kê cũng sợ. Nhà đất tối om phải lom khom cúi đầu chui vào. Giữa nhà, một đồng cùi sười cháy đùng đùng, mấy người ngồi quanh, hắt bóng nhóng nhánh lên vách nứa. Những cột kèo ám bồ hóng như sắp bắt lửa cháy nhà đến nơi. Dần dần tôi nhìn rõ tấm bằng, cái huân chương anh hùng và những chiếc ảnh được Đại hội anh hùng chiến sĩ toàn quốc tặng, tất cả dán rải rác trên vách. Không có khung kính, những cái bằng và ảnh với huân chương ám khói đen xin bên chiếc ống tên nỏ bắn chuột và quả bầu lọ đựng hạt giống thuốc phiện treo lưng lửng cạnh cột bếp. Sùng Dúng Lù lại mới được mời về dự Đại hội anh hùng dưới Hà Nội. Nguyễn Tuấn hỏi:

- Về Hà Nội mấy lần rồi?

- Hai lần thôi.

- Lần sau có về nhớ đến nhà mình uống rượu. Rượu Hà Nội cũng ngon như rượu ngô nóng trên Phở Báng.

Khuôn mặt hốc hác khê lắc:

- Hà Nội không có rượu đâu.

- Ngày nào mình cũng uống mả.
- Có rượu thật à?
- Thật.

Sùng Dúng Lù nói:

- Thôi, chẳng về nữa!

Vũ Mỹ Kê kể: Dúng Lù về dự đại hội vào giữa mùa đông. Người ở núi cao quanh năm giá lạnh, đôi khi sáng sớm tuyết phủ trắng lá rau cải thể mà về thành phố suýt chết rét. Thì ra cái rét buổi ẩm ướt khác cái lạnh hanh hao trên cao. Người anh hùng ở núi, gió hun hút thổi mùa đông về. Không lo, đã có củi gỗ thông vừa ẩm vừa thơm. Đêm ngày nằm ngòai xung quanh đồng lửa sưởi, không bước chân ra cửa. Xuống Hà Nội, Dúng Lù rét run cầm cập. Đụp vào hai cái áo tả tơi vẫn như cời trần. Bởi vì trong phòng vắng đồng củi. Ban tổ chức cho Dúng Lù cái áo bông bọc vải xanh Sĩ Lâm. Dúng Lù mặc áo rồi vẫn rét quá, đòi về ngay. Đấy, cái áo bông đã rách lòi hai vai đương mặc. Chẳng áo nào chịu được cái dây đeo và cái lù cở cộ vào lưng, vào vai. Ở nhà Sùng Dúng Lù ra, Hoàng Trung Thông ngẩng mặt lên đỉnh núi, tức cảnh một câu thơ bốn chữ:

- Nhà thằng ăn mày?

Những cái tượng gỗ bé bằng con chó đá nhét trong ba lô. Vết đeo thô, sơn chàm loang lổ xanh lét. Thợ bên Vân Nam sang đeo tượng này đặt ở các cái miếu dọc đường trong rừng. Cũng như những hiệp thợ đá làm máng nước bạc đá lên dinh cơ trên núi nhà Dương Trung Nhân ở Mèo Vạc và tòa nhà đá tảng của Vương Chí Sinh ở Sả Phìn. Tượng gỗ của những tay thợ người Hán. Màu xám chàm hiu hắt, dị dạng. Chẳng biết Hoàng Trung Thông có cất cái tượng nào vào ba lô không. Chuyến ấy về lái xe Tiến ốm lao rồi bệnh dài thào đường mấy năm trời. Người nhà đi xem bói, nhà thầy bảo là ma làm. Thế thì chỉ có ma đường ngược chuyến đi ấy. Nhưng Tiến không lên núi, chỉ nằm trông xe dưới cánh đồng Phó Cáo và chẳng khuân trộm ông tượng nào. Lái xe Tiến khắc khừ, mòn mỏi rồi chết. Chẳng biết từ lúc nào, tôi không thấy những cái tượng quý dạ tràng xanh xin gớm chết, bày trên giá sách ở buồng Nguyễn Tuân và trên lò sưởi phòng Trọng Hứa nữa.

Chúng tôi ở Lũng Cú trở về Phó Bảng. Cán bộ Mông người Tày Cao Bằng phụ trách Lũng Cú đưa đường. Cái chấm xanh rừng cao nhất trên bản đồ đất nước, ở đấy cũng có trường học, có trạm xá có một xóm người Lô Lô. Dưới khe sâu, nước sông Nho Quế chảy xiết. Bên kia, đất Trung Quốc. Không nhớ chuyến ấy hay chuyến nào, Nguyễn Tuân và tôi có dịp ở lâu Phó Bảng đã vào chơi nhà bà Sứ, một nhân vật lịch sử của cao nguyên Đồng Văn. Tôi có quen Quỳnh Anh, công tác dưới tỉnh. Vương Quỳnh Anh và Vương Quỳnh Sơn công tác ở khu Việt Bắc, đều là cháu họ Vương. Bấy lâu, tiếng đồn đại về bà Sứ, bây giờ gặp, tuy bà lão đã cao tuổi, nhưng còn một thời tiếng tăm vẫn bóng dáng hoạt bát trong giao tiếp và lời lẽ.

Năm 1948, Thanh Tịnh và Dương Bích Liên đã được lên Phó Bảng, đi với phái đoàn Trần Đăng Ninh. Thời kháng chiến khu vực châu Đồng Văn ở vùng tự do, nhưng phức tạp. Các tầng lớp trên vẫn cầm quyền từ trên châu xuống mỗi xóm, mỗi chòm núi mà sau lưng là đất Trung Quốc còn trong tay chính quyền Tưởng Giới Thạch. Bà Sứ quen biết tướng Long Văn tỉnh chính phủ Vân Nam và cả cánh thổ phi thể lực Hạ Sào Chúng. Trong châu, Vương Chí Sinh đem quân đánh Mèo Vạc, đuổi chúa đất Dương Trung Nhân phải bạt sang Trung

Quốc rồi chạy về hàng Tây ở Lạng Sơn, cao nguyên Đồng Văn Mèo Vạc trở thành đất cát cứ riêng một mình họ Vương. Vương vẫn kể lại giữa năm 1946, về Thủ đô được chủ tịch Hồ Chí Minh cho vào gấp, lại đưa cho Vương một thanh kiếm Nhật - đi mít tinh, đi họp châu, Vương đều đeo gươm ấy bên thắt lưng. Vương nói: Cụ Hồ bảo tao rằng gươm này chủ đem về giữ đất nhà. Bởi thế, lần ấy Vương được đoàn của chính phủ lên thăm hỏi. Thanh Tịnh kể rằng cụ Sứ ra đón, đứng chấp tay vái trước đầu ngựa trưởng đoàn Trần Đăng Ninh.

Bà Sứ người Hà Đông, thuở trẻ lưu lạc lên Hà Giang, lấy viên quân đồn Đồng Văn, thành mẹ tây. Ông quân chết và không biết vì hiềm khích thế nào, quan ba Đồng Văn tống cô hai mẹ con bà Sứ sang Vân Nam. Những năm rồi ren, Nhật đảo chính Tây, bà Sứ trở về Phó Bảng. Bà gả cô Đức con gái bà làm vợ lẽ ông Vương. Lễ mọn nhưng là cả, bởi bà vợ già người Mông suốt năm chỉ quanh quẩn trong tòa thành đá ở Sà Phìn.

Năm trước, tôi qua Sà Phìn vào xem dinh cơ nhà Vương, còn gặp bà lão lom khom và ông Đức điếc em ông Vương, ông này đã cắt công vác được cái xe đạp từ thị xã lên, để bày treo làm cảnh trên trần nhà.

Bà Sứ mở quán cà phê ở phố Phó Bảng - hình như cả phở chua, phở vịt. Lấy nơi chốn ấy cho các mối buồn dễ lui tới. Kỳ thực, bà Sứ để mắt đến cả vùng. Thế lực và mưu đồ nhà Vương đều trong tay bà. Chỉ có bà Sứ mới đủ bất thiệp đón phái đoàn Trần Đăng Ninh.

Gặp năm ấy, bà Sứ đã ngoài tám mươi. Bộ quần áo Hán nhuộm chàm, đi hải xảo, người khô nhằn như gốc cây cháy dở. Nhưng vẻ mặt quắc thước, ánh mắt tinh nhanh. Chúng tôi ngồi bên cái bàn tròn, kiểu bàn ăn cơm mộc mạc. Nguyễn Tuấn và bà Sứ, khách với chủ trò chuyện trăng giang đại hải, đủ các chuyện, những miếng võ Tàu, các vị thuốc bắc, ở Lào hay Quý Châu thuốc phiện đầu ngon hơn, những hiệu cao lâu nào có tiếng ở Hà Nội, ở Mông Tự, ở Côn Minh, các mảnh khoe Tây, Nhật, Quốc dân đảng Ta, Tàu... Đôi lúc, bà Sứ nói lẩn tiếng quan hòa với tiếng Tây bởi bà mò nhá, sênh sáng à, rồi cười hoe hai hàm răng vàng. Vương làm chủ tịch châu kháng chiến, mà bà Sứ vẫn cười ngựa sang Côn Minh rồi đáp máy bay về Hà Nội chơi. Dưới ấy, bà mới tậu ngôi nhà phố Hàng Đường. Kỳ lạ và đến giờ tôi cũng không hiểu ngô khoai thế nào, hồi ấy mỗi lần bà Sứ đi Vân Nam về Hà Nội, các hãng thông tấn Ru tơ, Arip của Anh, của Pháp thường đưa tin - khi làm báo *Cứu quốc* tôi đã được đọc những bản tin bí ẩn khó hiểu ấy.

Còn hàng bỏ chuyện về bà lão thao lược, lịch lãm này. Các kiểu tinh khôn, ranh ma, những mẹo mực đòn đánh ứng biến của bà Sứ, tương giá mà gặp thời, chắc chẳng khác các bà ba Đề Thám, Cai Vàng, có khi còn như một tiểu Võ Hậu buông mình trị nước chứ chẳng chơi.

Lần ấy, Thảo Mỹ nhắn mời bác Nguyễn Tuấn và tôi sang Mèo Vạc. Nhưng chúng tôi không sang được. Mấy năm sau, tôi lên Mèo Vạc, đi với Nguyễn Văn Bổng. Lần đầu tiên, Nguyễn Văn Bổng đặt chân đến Hà Giang. Những năm vừa qua, Nguyễn Văn Bổng đi chiến trường miền Nam, vào hoạt động bí mật trong Sài Gòn. Ở Sài Gòn trở ra Bắc đi hộ chiếu giả theo đường bay Phnôm Pênh - Quảng Châu - Hà Nội của hãng hàng không Pháp. Lưu lạc đã lắm đường đất thế, nhưng đến Mèo Vạc lại là chuyến xa nhất của anh lên biên giới phía bắc. Thảo Mỹ cũng nghỉ hưu đã lâu. Đầu năm 1991 hơn ba mươi năm đã qua. Nguyễn Ngọc trở lại cao nguyên Đồng Văn - Mèo Vạc. Nguyễn Ngọc kể cho tôi biết Thảo Mỹ bây giờ mở ngôi hàng nước ở chợ Mèo Vạc. Ôi, thế mà còn nhớ nhau, còn có lời thăm hỏi một thời sôi nổi và sóng gió. Thảo Mỹ bị ép lấy chồng từ thuở bé theo phong tục. Khi lớn, Thảo Mỹ bỏ về nhà mình - một việc mà chưa người đàn bà Mèo nào dám làm. Trong chiến dịch tiểu phi 1954, Thảo Mỹ đi dịch tiếng địa phương giúp bộ đội. Gặp Nguyễn Ngọc lần ấy trên mặt

trận. Cũng chưa có dịp nào hỏi xem cái truyện ngắn *Mùa hoa thuốc phiện cuối cùng* của Nguyên Ngọc có dây mơ rễ má với Thảo Mỹ thế nào mà trong sổ tay công tác của Thảo Mỹ, giữa một trang giấy thấy ghi một câu gọi thật lạ lùng: *Mùa hoa thuốc phiện cuối cùng ơi!* Thảo Mỹ hỏi thăm tôi về Nguyên Ngọc, về nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ. Chắc là Thảo Mỹ thâm yêu cả hai người một đam mê khác đời của Thảo Mỹ, người cầm bút, người cầm đàn ấy đã gặp Thảo Mỹ trong trận tiểu phi trên núi. Tôi bảo Thảo Mỹ à, Nguyên Ngọc đương ở chiến trường miền Nam. Thi đôi mắt xanh nâu của người con gái đẹp im lặng...

Rồi Thảo Mỹ trở thành cán bộ huyện Mèo Vạc - một phụ nữ dân tộc Mông tiên tiến. Thảo Mỹ cũng như cô Mỹ nhân viên cửa hàng bách hóa ở Lũng Phìn và con gái nuôi Ly Chờ của tôi. Chao ôi, con đường tình của người ta thì mấy ai biết được rồi ra hướng nào. Như quả báo và âm ảnh truyền kiếp, xưa kia Thảo Mỹ ruồng rẫy thằng chồng ranh con, bây giờ Thảo Mỹ chỉ đeo đuổi những người trai trẻ ít tuổi. Cái anh chàng mà cô lẩn lóc sau cùng là một cảnh vệ ở huyện đội, người Tày quê Chợ Rã bên hồ Ba Bể Bắc Cạn. Chủ cảnh vệ lệch với cô đến mười tuổi. Trong khi ấy Thảo Mỹ từ chối người ta làm mối cho một cán bộ Kinh mà cả tuổi trẻ đã để vùi vào công tác rừng núi trên này. Nhưng ở thời ấy, một huyện ủy viên đương phơi phới hứa hẹn như Thảo Mỹ, làm sao đoàn thể lại có thể bằng lòng cho cô đẹp duyên với chủ cảnh vệ trống choai kia.

Cái ngày tôi lên Mèo Vạc lần đầu, mọi chuyện về Thảo Mỹ đương còn bời bời như vừa xảy ra. Thảo Mỹ thảo vát nhanh nhẹn, được làng xóm tin cậy. Thảo Mỹ đưa tôi lên những núi trong huyện. Có lần về Nhá Sùa, làng quê Thảo Mỹ. Tôi hỏi nửa thật nửa đùa: Cho tôi nhìn cái mặt thằng chồng trẻ con ngày trước. Thảo Mỹ nói: Nhìn nó làm gì, nó có trẻ con nữa đâu. Nó đã có vợ mà mình thì chưa được chồng. Rồi Thảo Mỹ cúi mặt, dường như thờ dài. Sớm mai, trên đường đầu xóm, một người vác cây vầu trong rừng ra. Người ấy đã đi khuất sang núi bên kia. Thảo Mỹ nói: Nó đấy. Nó đấy cũng như mọi người trong làng, tôi làm sao biết được. Tôi vẫn thấy trong tường tượng cái thằng lỏi con cời trần, đánh quay chơi trước nhà rồi bị vợ bỏ, ngoe ngoáy khóc thút thít. Kể cả ngày Nguyễn Văn Bổng và tôi lên Mèo Vạc lần ấy, nhiều năm đã qua rồi. Thảo Mỹ đã làm phó chủ tịch huyện, phụ trách văn xã. Không ngờ rồi gây yếu đến thế. Có lẽ vốn người nhỏ nhắn, lại xưa kia khi chê chồng đã ăn lá ngón tự vẫn nhiều lần nhưng được giải độc, không chết. Thảo Mỹ đã có chồng. Tôi được tin mừng ấy từ lâu. Lại biết được người chồng ít tuổi hơn Thảo Mỹ. Thỏa lòng nhé. Nhưng nay mới tường mặt. Anh ấy người dân tộc Lô Lô, công nhân lâm trường, chưa biết chữ. Hôm đầu đến, không gặp. Anh lên quê trên Lũng Cú đã mấy hôm. Tôi hỏi: Hôm nào nó về? Thảo Mỹ sa nước mắt. Tôi không hỏi nữa.

Đêm ấy, chúng tôi uống rượu ngô bằng những cái bát mắt vầu. Nhấm với thịt dê nước suýt trắng cổ. Chảo thắng cổ bắc giữa gian phòng ban văn xã của huyện. Cái dầu dê nổi lênh bênh, nước sôi lăn tăn xung quanh. Thảo Mỹ uống rượu từng bát. Rồi khóc. Lại khóc. Khô lắm. Nó đánh em. Đánh luôn, vừa đánh vừa chửi: Tao đánh con mèo già, tao đánh phó chủ tịch huyện. Ủy ban gọi nó lên. Nó xin chừa, nhưng rượu vào rồi, nó vẫn chửi thế, đánh thế. Biết làm thế nào bây giờ?

Biết làm thế nào? Hôm trở về, Nguyễn Văn Bổng bảo tôi:

- Heo hút, âm đạm quá. Mình đến đây lần đầu, mà chắc cũng là lần cuối cùng thôi.

Không biết ngọn núi Lão Sơn ở cái đất Mèo Vạc Miêu Vương này lạnh lẽo hoang vắng hay là bởi câu chuyện thương tâm đời người. Nhưng không phải đời người chỉ có nước mắt. Cũng vui, nhiều chuyện vui chứ. Cái người mà trong thư gửi theo giữa đường cho tôi,

Nguyễn Tuân đã dặn hãy cố lượm nhặt được nhiều nhân sự để tái tạo. Ông nên gặp nhân vật Chúng Thị Phà nhiều lần nữa.

Chúng Thị Phà người Tày, quê ở Tòng Bá. Còn nhớ đêm ấy, trên đường Phó Báng xuống Hà Giang. Về thị xã thì quá khuya, mà nghỉ lại ở làng Đán nhà người Nùng, người Hoa đêm hôm đột ngột làm giật mình người ta e không tiện. Ở đây gần Thập Đại Sơn, nhiều cánh cướp lẩn khuất vùng biên giới. Chủ lái xe của tỉnh đã thuộc từng gốc cây đường Đồng Văn, hỏi đùa: Hay ta ngủ lại quán mụ Tèo, ngay trước mặt kia kia. Quán mụ Tèo chơ vơ lút trong cỏ tranh giữa Pác Xum và làng Đán. Tôi không lạ. Đã có một lần tôi đi xe hàng bị hỏng máy, bác tài phải nhờ xe về thị xã lấy đồ chữa, khách đợi có đến ba hôm. Tôi đã nghỉ ở nhà trọ mụ Tèo. Chủ lái xe kể: Cái con mụ Tèo như cột ki lô mét xi măng, mưa nắng thế nào cũng cứ trơ ra. Tôi biết quán này từ khi làm phụ xe, rồi phụ lái, rồi lái chính, cả chục năm nay mụ vẫn thế. Có xe qua, chẳng hỏng hóc cũng ỉ ra nằm lại. Lúc nào quán cũng có khách. Muối Pác Xum, hùm làng Đán cũng chẳng đuổi được những quân quý tha ma bất cố tình lẩn ra giữa hùm beo rấn rết, thổ phi bên Thập Đại Sơn sang mụ cũng chẳng coi vào đâu. Mụ Tèo chữa tất. Những quân tứ chiếng đã phiêu bạt lên nơi cuối đất cùng trời này đều thần nanh đỏ mỏ, cái mụ Sứ ở Phó Báng và mụ Tèo này. Thời trước mụ Tèo cũng là mẹ, vợ một cai Tây đồn Quán Bạ.

Rồi chủ tài lại nói: Mà thôi, đừng dính vào của nợ ấy, ta về Pác Xum cho thoải mái. Cung đường Pác Xum có nhà nghỉ, cô đội trưởng Phà cho ăn nghỉ tốt lắm, khách lỡ đường nửa đêm gà gáy cũng phải khen.

Nguyễn Tuân và tôi biết Chúng Thị Phà ở chuyện ấy. Đội lưu động của tổ trưởng Phà đương tu bổ lại quãng dốc Pác Xum. Năm sau lại gặp lại Chúng Thị Phà ngoài Thanh Thủy biên giới, sửa đường ô-tô Thanh Thủy sang huyện Thiên Bảo Trung Quốc.

Các cung đường heo hút, nhiều nơi công nhân rất con gái. Toàn các cô quê Thái Bình, Nam Định lên. Nơi ở lán tựa vách đá, phen vách cũng treo gương ảnh hoa và Tây đầm, chó, lâu đài cắt ở họa báo, dán lờ loét như vách hiệu cắt tóc. Đường qua các vùng núi xa, chỉ thấy một cô công nhân người Tày này. Chúng Thị Phà quần áo chàm thất lụng gọn gàng, chiếc khăn vuông kín đáo che nắng vẫn lộ đôi mắt sắc, khuôn mặt trắng nõn nà. Nguyễn Tuân lại nhắc tôi: Đề tài đây chứ đâu, mày phải viết đi, Tôi vẫn chưa khi nào theo được lời khuyên của đàn anh. Có thể vì chưa đủ xúc cảm, có thể vì sức nghĩ còn thấp hơn sự thật ngồn ngàng. Có khi không muốn viết...

Sau lần gặp phà ở Thanh Thủy ngoài biên giới chúng tôi về ủy ban tỉnh kể chuyện thành tích và tấm gương tháo vát của cô gái Tày làm đường Thế Kỳ, thường vụ tỉnh phụ trách tổ chức, tôi quen ở khóa học 1960-1961 trường Nguyễn Ái Quốc. Ít lâu sau, Chúng Thị Phà được tinh điều về làm cán bộ phụ nữ huyện. Ấy thế mà vẫn lắm oan khiên, làng xóm đồn cô đã bỏ thuốc cho chồng ốm chết để được bay nhảy. Phà buồn lắm. Nhưng rồi những lời thêu dệt đặt điều ấy cũng như gió bay đi...

Một lần nữa, tình cờ Nguyễn Tuân và tôi gặp lại Chúng Thị Phà trên đường vào Bắc Mê - cả ba lần đều không hẹn không đợi mà gặp. Chúng tôi lội qua một con suối, bước lên thấy trước mặt một cô gái Tày mở nón ra cười. Nguyễn Tuân reo to: A cô Phà? Cô Phà! Lại vui đùa lồm bồm mấy tiếng Tày già cày: Mà lố! Mà lố! Về hả! Về hả? Nguyễn Tuân nắm tay Phà hỏi han như người thân lâu ngày mới gặp. Đi đâu vào đây? Bỏ cung đường, độ đường cho ai? Hồi ấy, chưa có đường xe vào Bắc Mê.

- Em vào Đường Âm công tác.

Chúng Thị Phà đã về huyện hội. Cô cán bộ phụ nữ vào công tác xã Đường Âm. Nguyễn Tuân còn cứ ghê ghê mãi vùng này lắm những chữ Đường Âm, Bắc Mê.

Tôi trở lại Hà Giang, vào nhà Phà ở bên Ngọc Đường. Các cơ quan tránh máy bay đã tản cả sang bên kia sông. Khuya mới trở ra được, cái rượu Dao ở Đường Âm say êm quá. Thì ra chồng cô ấy người Đường Âm cũng công tác ở huyện. Lúc chiều vào huyện đội hỏi thăm mấy cô văn phòng chẳng biết quê xuôi hay ở trên này, nói đùa trắng trợn: Chồng chị ấy hay ghen lắm, anh ạ. Bây giờ tôi hiểu là câu đùa yêu. Mấy ngày ở lại, anh ấy thật vui.

Áp Tết Nguyên Đán một ngày cuối năm, đoàn đại biểu Hà Nội trưởng đoàn Nghiêm Chương Châu, Phó chủ tịch ủy ban thành phố lên thăm các chốt bộ đội biên giới huyện Vị Xuyên. Chúng Thị Phà đã là hội trưởng phụ nữ huyện (Và mới đây là đại biểu Quốc hội khóa 8 trong đoàn Hà Giang). Tôi kể lại với Nguyễn Tuân về chuyến đi. Nguyễn Tuân giọng ngà ngà: Có thể chứ! Cuộc đời vẫn sông có khúc, người có lúc. Cái cô Phà ấy mà hay. Nguyễn Tuân cười, nhưng rồi như chợt nhớ, lại buồn buồn: Pác Xúm... Thanh Thủy... Bắc Mê... Đường Âm... Nghe cứ rờn rợn. Xa quá...

III *Phát súng sau cùng, còn gọi phát súng ân huệ, bắn cho chết hẳn người tử hình đã bị bắn.*

Chương 5



NĂM CÙNG THÁNG TÂN, Tết nhất đến nơi mà thành phố vẫn phấp phồng không biết bom đạn trên trời ập xuống lúc nào. Dáng ai cũng vội. Mưa bụi hơi nặng hạt. Tiếng pháo rải rác. Con chuột cống trụi hết lông trong rãnh nước lép nhép ra, gặp ánh điện lại lồm bồm thông thả quay vào. Ngày mừng một, những bộ quần áo mới và những người đẹp lóe lên như nắng sớm. Kiểu áo Thái Lan vạt không viền gấu ngổ ngáo được các ông phó may đất Kẻ Chợ làm cho dịu đi, ưa mắt. Thì cái áo đại cán ở Thái Nguyên về chẳng ra sao mà đến Hà Nội cũng hóa nhũn nhặn, dễ trông. Chiếc chả giò Sài Gòn bé bằng ngón út mà ra đây hóa thành cái nem rán nhân cua bể, món ăn quốc tế. Chỉ những mái tóc xun xoăn lên như cô gái châu Phi thì hình như các tay thợ ngôi chịu, vẫn để nguyên mẫu thể trên đầu các cô gái đời mới.

Đêm công viên Thống Nhất. Đèn treo vòng qua mặt cầu quán Gió. Hoa cúc trắng trong bóng tối. Những quả quất đỏm vàng nhấp nhোáng. Thoảng mùi thơm hoa hồng. Ôi, sao chưa vào xuân mà đã hồng hoa. Hay là cứ tưởng ra thế. Thành phố dường vắng vẻ thiên nhiên - hay là ở nơi đô hội người ta không để ý, mùi hoa, mùi đất, mùi lá và mùi gió mơ hồ thả xuống lòng đường, những sáng sớm vừa dứt mưa đêm. Trong lùm cây, ghế đá thì rõ ràng cảnh tất tả khác thường. Đôi trai gái xe đạp dựng, nón, ba lô, túi dết, chai dầu, nước mắm đeo túi sau yên. Vừa về tới, đã ngủ đêm trong thành phố, hay chốc nữa đạp ra làng sơ tán tận đâu.

Mới mừng bốn đã lao xao và gay gắt như mọi ngày trong năm. Mụ mắt cú vọ đứng sắp hàng mua cá bẻ muối từ Hải Phòng đưa lên đã đóng tảng trước quầy cửa chợ. Gần đến nơi, trở tay, hỏi. Cô nhà mậu lạnh lùng bảo cá bán theo phiếu cán bộ. Mụ quay ra giữa hè, mặt phùng lên, vô vô:

- Cha tiên nhân cái mặt này! Sao mày không để ra cán bộ, chỉ để ra thằng nhân dân! Cha tiên nhân...

Những câu chửi, cũng một câu chửi, câu thì mảnh khỏe té tát, câu thì khoe ý nhị, nhiều nhẽ. Bà ở quê ra chơi, cháu bé lon ton chạy tới, bà cười cười: Cha để mẹ thằng cùn kia! Tối mừng sáu, ra ăn mở hàng cháo gà lão Chữ ngã sáu.

Năm mới, được ngày tốt, bác hàng cháo chỉ làm một ít bán lấy may. Khoảng mười giờ, nòi cặn đã sôi ục ục. Không thấy cái chú mọi khi lúi húi rửa bát ở chiếc bồn gỗ cạnh bếp lò quay miếng sắt tây. Thằng bé về quê ăn Tết chưa ra à? Ông Chữ đương ngồi lau bát, ngược lên, cùi tay dấm lưng bùm bụp, rồi khoe khéo.

- Cám ơn ông hỏi thăm. Bỏ đương ốm mà bỏ đi thanh niên xung phong, ông ạ. Vào tận mặt trận Quảng Trị, Thừa Thiên đấy. Cha tiên nhân nó, gần Tết gửi được cái thư về báo cáo gia đình đi có năm tháng đã được tiên tiến, bây giờ phụ trách C đấy, ông ạ. Ông bảo cái gừng rửa bát chưa sạch thì phụ trách, phụ móc gì mà cũng nên cán bộ cán thuổng?

Ôi chao, cái câu chửi, câu phàn nàn mà âu yếm. Thành phố sôi nổi mà lại như lặng lẽ, khinh bạc, phớt đời. Lại đòn đánh mới, lại sắp

bom, lại sơ tán, triệt để sơ tán. Lần nào cũng tưởng đã vội hết người rồi vẫn cứ thấy trẻ con người già lóc nhóc ở đầu bò ra lăm thế. Đám tỵ nậu đeo ba lô, quây túi lễ mễ trông đến thương - nhân đấy là mình nghĩ. Chúng nó bước lon ton, hớn hờ, nghech mắt ra về ta đây.

Cái thói quen đêm giao thừa tụ hội nghe giọng sang của Đàm Mộng Hoàn, giọng đẹp Chu Thị Năm. Tuổi ba mươi đã lại dư một vài... Tuổi năm mươi, tuổi sáu mươi... bảy mươi đã lại dư... Chiếc máy hát cũ hồng đã lâu, cũng chẳng buồn chữa.

Ừ đã lại dư... mà đã có người xuống mộ rồi. Ngoài hạ nêu, vào dịp bốn mươi chín ngày, đi Nam Định với Yến Lan, Bùi Hạnh Cẩn và Phạm Lê Văn viếng mộ Nguyễn Bính ở nghĩa trang thành phố. Chúng tôi đặt chiếc bia bên cạnh cái bia đã có. Thế là một mộ hai bia, nhưng chắc hôm đưa đám vào ba mươi áp Tết ngày cùng tháng tận chẳng có mấy người. Thơ Nguyễn Bính, tình buồn mà cảnh đẹp, nhưng những lũy tre xác xơ làng Thiện Vịnh, đồng chiêm ngập nước loi ngoi cỏ lẩn lúa xơ xác chẳng mấy may như trong thơ. Con trâu cày đồng sâu chỉ thấy hai lỗ mũi nghech lên mặt nước. Không có rơm rạ, làng trồng cỏ tranh trên gò lầy cái lợp nhà. Gió ào ào qua rừng tre nghiêng rặng. Những thôn Đoài nhớ thôn Đông và đám rước quan trạng vinh quy qua làng Trang Nghiêm, không phải dưới đất có được mà chắc là ở trên cao xanh đẹp để xa kia.

Tôi mơ màng tưởng tượng và cũng thật tôi đương ngồi trong căn nhà ấy. Nếp nhà tranh một gian hai chái, cửa buồng. Trước hiên, giàn đỗ ván đã quăn queo còn vương lại mấy quả khô đen như quả bồ kết, thế mà mưa xuân đương độ phơi phơi bay, vẫn nở như một đóa hoa tím ma quái. Mảnh sân đất ngoài dùn từng đồng cứt giun và cạnh bờ rào thưa, hùm xuống một cái chuôm cặm. Cái ao cây cần của nhà thơ. Mặt đất đáy ao, những khóm cần nhà ai đương lên xanh mơn.

Hỏi ra mới biết năm ấy Nhà xuất bản Phổ Thông - nơi Trúc Đường làm việc, in truyện thơ dài *Tiếng trống đêm xuân* của Nguyễn Bính. Có tiền nhuận bút, nhà thơ này ra cái nông về làng quê làm nhà, cái nhà đơn sơ như trong thơ xưa: *Nhà tôi có một vườn dâu... Có giàn đỗ ván, có ao cây cần... Hoa đỗ ván nở mùa xuân. Lúa dâu tháng tháng, lúa cần năm năm...* Rồi vợ chồng con cái Nguyễn Bính rời thành Nam, về làng. Chỉ ở được ít lâu, đôi bên lục đục, đánh chửi nhau, chẵn bông xé đôi mỗi người đắp một nửa - báo Nam Hà trong mục thơ châm biếm đã có bài thơ mỉa mai. Rồi cái nhà này, cái sân đất, cái ao hết như trong thơ, phải bán đi. Lại gồng gánh nhau ra phố ở. Buổi trưa ấy, tôi nghĩ nhờ bác chủ mới của nếp nhà ấy - một người làng. Nhìn cái cửa buồng, chiếc then tre treo lác lư, nghe tiếng bụi tre đưa vông kéo kẹt bên đầu hồi. *Nhà tôi không bán vườn dâu. Tháng hai giàn đỗ bắt đầu ra hoa. Sang năm tôi phải về nhà. Đợi xem vườn đỗ ra hoa có nhầm?* Trong tôi rỗng không chẳng một ý nghĩ, nhưng mắt thì rung rung. Tiếng tàu hỏa về Phủ Lý đằng cuối cánh đồng thuôn hun hút vào giữa trưa, có lẽ canh khuya nghe còn thăm thẳm hơn.

Đêm về viết bài đi viếng bốn mươi chín ngày Nguyễn Bính cho đài phát thanh buổi gần nửa đêm, gửi miền Nam báo tin buồn với bè bạn trong ấy - Nguyễn Bính đã lặn lội mười mấy năm trời ở thành, ở chiến khu, cũng là một đứa con miền Nam.

Các cửa hàng, phiếu thịt chỉ bán mờ - mà họa hoàn mới có. Người đồ ra đường, suốt ngày nháo nhác sắp hàng, xếp hàng mua từ mớ rau đay. Bom đánh trên đầu, dưới đất thì kéo dài hàng như thế này, biết sẽ ra sao. Tôi ra nhận làm công tác trường khối phổ, tôi đi xem xét các nhà thiếu đói để xin cứu tế cuối năm. Vào một nhà, chị ấy làm nghề y tá, chồng li dị. Ba mẹ con cả tháng ăn cháo quấy lẫn rau muống. Nửa phần gạo phiếu đã bán để thêm tiền chi tiêu và mua rau, mắm muối. Ba khổ mặt xanh rớt, sáu con mất thì trong. Tháng hai qua như cuốn đi, đôi lúc nhìn cây cỏ mới nhớ ra. Những cây xoan vẫn khẳng khiu. Cây táo còn sót lại trên cành những quả vàng, rung một cái,

rụng lộp bộp lẫn với những giọt sương. Chiếc búp bàng đã rụng đứng như cái tai thỏ xanh. Tiếng con chim vành khuyên bay trong làn mưa mới nhẹ nhẽu nửa bụi nửa hạt. Hoa vòng đỏ, màu gắt đỏ hoa vòng, đông miểng tiết. Bụi mưa vùn vùn quanh người trên đường.

Đêm xuống rồi mà gió dài đồng còn thổi dài mặt hồ Hoàn Kiếm. Ánh điện hắt trong lòng tháp hắt ra trông thấy một chiếc thuyền thúng ghép bằng mảnh thiếc dùng đinh lượn quanh bờ cỏ tháp Rùa. Người trên thuyền, một bàn tay bơi, một tay thả xuống những cái ống đánh lươn. Hè phố Tràng Tiền, những viên gạch đã mòn trũng, trơ ra cái vĩa viên đá xanh, như con cá gior xương. Khung cửa sổ trên gác im lặng trong cánh màn buông, một chiếc bóng nhìn ra, tay nâng cái chén. Chén chè ngon hay chén rượu một mình. Ềm ả, tỉnh mặc, các cửa sổ ban đêm giữa thành phố phòng không như trong chuyện cổ tích.

Khuya rồi bỗng hiện ra một con quái vật của chiến tranh Việt Nam 1966. Một xác chiếc máy bay không người lái cụt mất một bên cánh, nằm trong thùng chiếc xe bò, một người cầm càng kéo đi. Thằng không người lái này ban chiều vừa lên vào tiếng nó réo lọng ọc. Tự vệ quận Đống Đa đón lờng bằng đại liên, đã hạ nó rơi trên bờ đê, bây giờ xe vào đây. Cái lạc hậu tha cái tối tăm lùi thui lọc cọc trong đêm.

Cái nào đi với đặc điểm ấy trong thời chiến. Quán cà phê Miền Nam cạnh bệnh viện Mắt. Chủ vốn lái xe, áo xanh, tay nhỏ, bàn ghế ngổn ngang trong cửa hàng tối hũ nút. Vợ chồng nhà quán cũng đen như bóng tối, hàng dọn lúc ở bờ hè, lúc vào trong nhà, chẳng khác cà phê đá nhạt thếch ở bến xe đi Nam Vang xế cửa chợ Bến Thành ngày trước. Cà phê Trần Hưng Đạo, một tay thương binh chấn đời. Những người vắng mặt trong câu chuyện đều bị lão gọi bằng thằng. Khách hàng, áo ka ki đại cán bạc như khuôn mặt thờ ơ của những cán bộ bàn giấy các cơ quan quanh đây. Cà phê Lâm chơi tranh trẻ trảng, các thứ nam nữ cô bồi, cá chìm, họa sĩ nổi tiếng ngồi lẫn với thợ vẽ Bờ Hồ. Những loại dú dờn học đòi, những cặn bã tự cho là nhất thiên hạ tới đây để rồi khoe từng uống chịu của ông chủ cà phê chơi tem rồi chơi tranh và mua sách của các nhà văn tút thiếu đem gán nợ. Cà phê Lương, cà phê Lâm hàng Da thì đã tàn. Thế mà cái cà phê nhà mậu dịch đường Điện Biên lại đương nổi, ngoài cửa xe đạp chồng đống. Chẳng ra gì mà đông như chợ gà. Mới biết bán hàng cốt có cái duyên. Nhưng dù sao, vẫn khác những quán cà phê nhợt nhạt ô Yên Phụ, chỉ được cái ngọt ẩm mùi hoa xoan trước cửa. Anh cô bồi ngoác ria mép gọi hai ấm chè. Mỗi lần lên hồ Tây, tôi đến uống suông chai bia Hữu nghị rồi ngồi nhìn xuống lưng đình Yên Phụ kẻ mặt hồ. Thế mà bận sau, cô hàng đầu ô vẫn nhớ mặt. Khách dị dạng một chút, đã dễ quen.

Đêm Nô-en năm ấy, đi chơi với một người khách trẻ măng không biết tên và trong tối sáng nhấp nhem, cũng không hẳn tường mặt. Những ngọn đèn đường chỉ rình tắt, sắp báo động. Suốt chiều, chốc chốc tiếng loa: Máy bay địch cách Hà Nội sáu mươi ki lô mét... ba mươi ki lô mét... hai mươi ki lô mét... Khách trẻ trung, trắng trẻo về búng ra sữa, giọng Hà Nội nhỏ nhẹ, áo va rơi dạ mặc ngoài, mũ bông có tai ấm. Cũng như chúng tôi, cái bóng bù xù đi trong đêm đông lạnh. Nhưng mà khác chúng tôi.

Những bước thong thả trên đường khuya. Lúc này chỉ còn lại đám người vun quanh khu nhà thờ Hàng Trống và mấy cửa hàng Thủy Tạ, Phú Gia mở cửa trắng đêm đón người chơi Nô-en. Đâu ai có thể tưởng cái anh chàng non tuổi ấy là một giặc lái bay cùng tốp với phi công Phạm Phú Quốc vượt vĩ tuyến ra đánh nông trường Tây Hiếu ở Nghệ An. Tin tức Sài Gòn tâng bốc rùm beng phi đội Việt Nam Cộng Hòa anh hùng đầu tiên ném bom miền Bắc. Nhưng cảm miêng hén về chiếc máy bay rơi này.

Chúng tôi thường viết bài cho mục phát thanh của quân đội nói với thính giả miền Nam. Đọc tài liệu, giấy tờ bắt được ở chiến trường,

trò chuyện với phi công tù binh Mỹ. Có lần, tôi vào làng La Cả uống rượu ăn thịt chó với đại tá Phạm Văn Đình, đại tá Vĩnh Phong - người hoàng tộc đã ra hàng quân giải phóng ở điểm cao Cồn Tiên Dốc Miếu. Hai sĩ quan hàng binh này sơ tán ở một nếp nhà tranh của quân đội ẩn trong lùm cây ôi cây nhãn giữa làng. Thỉnh thoảng, kéo nhau ra thị xã Hà Đông sắp hàng mua bia hơi. Có người đến thăm, khói bếp thịt chó nghi ngút cả ngày.

Tôi cũng thường đọc trên đài một Thư Hà Nội gửi nhà văn Quan Sơn ở Sài Gòn. Chẳng mấy ai biết bút hiệu ấy của Doãn Quốc Sỹ ngày trước trên tuần báo *Tiểu Thuyết Thứ Năm*. Doãn Quốc Sỹ người Cầu Giấy, gần làng tôi. Chúng tôi quen nhau khi mới cầm bút. Một trong những truyện ngắn đầu tiên của Doãn Quốc Sỹ, *Đôi mắt của Hiền*, cô Hiền ấy, con gái bác Tú Mỡ. Bức thư tình đăng báo mà rồi nên nhân duyên. Doãn Quốc Sỹ theo nhà vợ tản cư ra Bắc Giang ít lâu rồi vào Hà Nội, rồi di cư vào Nam. Báo chí và các Nhà xuất bản ở Sài Gòn in sáng tác của Doãn Quốc Sỹ, lại biết Sỹ dạy học ở Hà Tiên, được tu nghiệp ở Mỹ mấy năm. Chẳng biết cách mạng có nợ tiền, nợ máu gì với cái gia đình công chức còm ở một làng làm nghề dệt nghề giấy ngoại ô này không, tôi tin là không, thế mà Doãn Quốc Sỹ viết chữ cộng sản hăng thế. Chắc chẳng khi nào Doãn Quốc Sỹ nghe bài của tôi để biết đến những tiếng nói cùng quê của anh.

Cái cậu giặc lái trẻ tuổi này cũng là một tài liệu sống mà quân đội cho chúng tôi mượn. Anh ta gốc Hà Nội. Nhà Hỏa Lò thả cho đi dạo phố đêm Nô-en với chúng tôi. Đã hơi khuya, trở lại ngã sáu, ghé vào ông cà phê 81 một lúc đợi đến gần nửa đêm mới lững thững lên nhà thờ Hàng Trống.

Ngã sáu vẫn như mọi khi, những đêm vào mùa lạnh, mặt đường mênh mông ra trong ánh đèn thoi thóp quăng một. Những cây sữa trụi lá đứng trơ trổng. Tôi chợt thấy thú vị nhận ra chưa phải mùa hoa sữa. Tôi không yêu, cũng chẳng ghét hoa sữa. Nhưng bạn bè thường chiều sở thích của Nguyễn Tuân, quên cái mình ưa hay không ưa. Nguyễn Tuân ghét hoa sữa, hoa dạ hương - những mùi đậm quá làm điếc mũi cả đêm. Chối của nào trời trao của ấy, ngay bên cửa sổ gác nhà Nguyễn Tuân, đến mùa, hoa sữa nở từng chùm trắng ngà nồng nàn buông mùi vào ngập cả phòng. Nguyễn Tuân bức bối không ngủ được, lúc nào cũng đóng cửa sổ về phía ấy. Một năm, cây sữa bị chặt, không biết vì mọi người kính trọng bác Nguyễn hay vì các hộ trong nhà thiếu củi đun.

Bỗng anh thanh niên giặc lái nói:

- Thưa bác, ở ngã ba quãng này có nhiều cây sữa. Cháu còn nhớ.
- Cây sữa bây giờ đã rụng lá. Như cây mùa đông bên châu Âu.
- Cháu còn nhớ, mỗi hôm đi học qua. Khi cháu học lái ở tận bên Mỹ vẫn còn ngửi thấy mùi, như cả đời học trò có mùi hoa sữa.

Nguyễn Tuân lặng im. Chắc vì không muốn nói như mọi khi tôi khó chịu cái mùi hoa sữa hắc lăm mà cậu học trò này đương nhớ mùi hoa thuở cấp sách. Chúng tôi ngồi xuống tấm ghế dài. Ông hàng nhô ra bên ngoài cái chụp đèn hoa kỳ. Vẫn ông 81, áo nâu lấm bóng tối. Tôi tưởng ông đã đi sơ tán để đưa cháu nào nán lại trông hàng, giữ khách. Tôi hỏi:

- Ô! Ông công sứ Gotapphor còn đây à?

- Thưa, vườn ạ. Khốn khổ, cháu đã chạy ra ngoài Vọng. Được ăn mấy trận no bom, mà không chết thế là lại quay về. Cái thằng Mỹ cũng trông gà hóa cuốc, cứ chỗ đồng không mông quạnh nào có cái lò gạch là nó choang bom. Chúng cháu lại ở nhờ cái xóm làm gạch, cả mấy cái lò đồ ổi. Chập tối lúc này nó ném nghe gần lắm. Ở đâu thế, chú ông?

- Chắc lại dưới cầu Giẽ.

- Sao bảo lễ Nô-en thì nó cho bên đạo nghĩ.

- Cầu Giẽ, cầu Hàm Rồng, lúc nào ta cũng xe tàu tải đạn tải người vào Nam, nó im sao được Các họ đạo vùng cầu Giẽ phải lên lễ nhờ nhà thờ Hàng Trống. Chắc năm nay cũng thế. Ông cũng lại nên thu xếp, chỗ ngã bảy thế này không yên đâu.

- Nghĩ thế mà tôi chạy ra Vọng, mới hút chết.

- Thôi, ông ạ.

- Nhưng chỗ này thì yên sao. Tay cà phê Hòa vừa chết bom giữa phố Huế đấy.

Ông đặt cái khay trước mặt chúng tôi.

- Chạy đâu cho khỏi số, hả ông? Cái năm thằng Mỹ thả bom Nhật, tôi ở ngõ Hàng Dừa sau ga Hàng Cỏ, bom rơi bốn phía, tôi đứng giữa. Lần này Mỹ bỏ bom tạ ở Vọng, tôi vẫn ở giữa. Hóa tam ba bận, Nam Tào Bắc Đẩu quáng mắt xóa hộ khẩu mình rồi, bây giờ chẳng đi đâu nữa cho nhọc!

Tôi không để ý. Có lẽ những chuyện tàu bay tàu bò thế này không thể làm khuây khỏa được anh giặc lái trẻ tuổi. Anh trầm ngâm nhìn xa xa. Lúc đứng dậy, anh nói nhỏ:

- Nhà cháu trước ở đằng kia, cuối phố Công chúa Huyền Trân.

- Cậu có muốn nhìn lại nhà không?

- Cảm ơn bác.

Chúng tôi thông thả ngược lên Bờ Hồ. Một lúc, anh nói một chuyện khác:

- Cháu trông ông cụ bán cà phê, không hiểu sao, cháu cứ ngỡ ông cụ ấy là ông Lý Thường Kiệt.

- Hay nhỉ!

- Ông Lý Thường Kiệt chắc cũng có nước da bánh mật thế và ông đánh nhau đến già không thua trận nào, cụ cà phê cả đời bị bao nhiêu trận bom vẫn không việc gì.

Nguyễn Tuân cười:

- Mình chỉ thấy ông ấy giống cái pho tượng Nhịn ăn chùa Tây Phương. Ông lão quê mùa thế mà đã có mấy năm ăn chơi ở Pari đấy.

Mọi người đều cười. Cậu giặc lái chắc cũng chưa trông thấy ông Phật gầy gơ xương trên chùa, thường được gọi là ông Nhịn ăn. Anh ta theo bố mẹ vào Nam từ lúc mười tuổi, lớn lên sang Mỹ học nghề hàng không, trở về lái máy bay vận tải, rồi máy bay chiến đấu, lần đầu vượt giới tuyến. Tôi cũng chỉ chốc lát với anh ta đêm ấy, như đọc trang tài liệu, không biết tên mà cũng không bao giờ còn gặp lại.

Cái ông Nhịn ăn cà phê bít tất, bị hai đời máy bay Mỹ quần mấy trận mà vẫn trơ ra, ừ cũng có thể như tướng quân Lý Thường Kiệt, lại cũng như cái người nhịn ăn rồi thành Phật. Ông lão đã trên tám mươi, mấy năm sau ông mất bệnh già, nhẹ nhàng như người đi ngủ. Ông có thằng cháu được sang học bên Tiệp, lấy vợ Tiệp và ở lại bên ấy. Thằng này chẳng thể biết đời ông nội nó lợi bùn ở đồng chiêm lên Kê Chợ từ năm mười bốn tuổi, rồi làm bồi công sứ Goraphoi rồi cà phê ô lê, rồi cà phê bít tất... Anh trí thức mới lấy vợ Tiệp kia, làm sao anh tỏ rõ được ngọn nguồn cái nước An Nam, cái người An Nam Mít... Chao ôi, nói đâu ai, tôi đây tôi cũng không biết tên ông nội bà

nội tôi và mù tịt các tên các cụ tổ tông nội ngoại nhà mình, mà tôi cũng chẳng khi nào áy náy cả.

Xế trưa, máy bay ném bom vùng ga Văn Điển. Cao xạ, tên lửa vi vút lên. Một thoáng, trời lại lặng yên trong xanh. Rồi tối đến, phố xá vẫn đông một tối chủ nhật giữa tháng lĩnh lương kỳ hai. Quanh Bờ Hồ và khu hàng Giầy bọn người. Cả mấy quán ăn đều hết chim quay. Cà phê Lâm, cà phê Ca không còn chỗ chen chân. Những cửa hàng thấp đèn dầu nhấp nhোáng. Lão khách béo chủ hiệu - như lão Sáng nhị mũi, và mấy cô chạy bàn vóc dáng mỡ màng phục phịch, vừa nhàn nhạp, vừa bong bóng. Những đôi mắt đưa dầy óng ánh khác thường. Đường như không ai còn nhớ vừa mới chấp tôi một cái máy bay không người lái đã lướt qua lưới cao xạ Ngã Tư Sở sang Phà Đen. Giống cái thẳng xác máy bay đêm trước nằm trên xe bò người kéo lênh khênh qua phố Tràng Tiền. Nhưng thẳng này bay thoát.

Mỗi buổi sáng, bản khoán của những người còn ở lại thành phố: Nó làm gì hôm nay? Đại khái vẫn đánh đấm thế, vẫn như thường ngày chẳng? Người ta vừa khăn trương, vừa lừ đừ. Cái chòi gác có mỗi khẩu súng trường trên đê Thượng Cát cũng chăm chăm ngược lên trời. Không thể nhận được ra mới hôm qua làng Ngọc Hồi bị bom rải thảm khắp xóm. Ngoài đồng đương gặt chiêm, ống chân lội xuống thụt nước, tay tóm cổ lúa từng bó cất trên mặt bùn - lúa chiêm năm nay xấu, hạt vàng xám như răng sún. Ở đầu công viên Thống Nhất, trường đại học kiểu kiến trúc hiện đại cao cao thanh nhẹ. Dọc mái bằng trên nóc, bốn ụ đất đắp to lù lù ghé ra những khẩu trung liên của sinh viên trực chiến. Nhưng cái trận địa giả đầu làng Ninh Sở thì như trò trẻ rờn. Giữa ruộng khoai tốt lá xanh eo éo, một bãi vuông vẫn được rẫy cỏ như cái đầu cạo trọc nhẵn thín. Cả dàn ống tre bôi hắc ín đen nhánh ngóc đầu lên thành một dàn cao xạ nhiều nòng. Cuối bụi tre, hiên ngang một trận địa tên lửa. Bệ phóng đất thó gan gà nện được đắp cao, vàng chóa. Giữa mặt phẳng đặt hai cây chuối đã bóc bẹ nõn nà, bóng loáng như màu trắng thau vỏ tên lửa. Những trận địa trò chơi này bị choảng bom liên tiếp hàng ngày. Chiến tranh, liêu lĩnh, tiểu lâm và thương tâm. Phố Yết Kiêu, quây bán vé xe lửa, đám đông nhón nháo sắp hàng đi sơ tán. Người đứng đợi, người nằm ngón ngang. Một người đàn bà tựa cột đèn, mặt râu rĩ, dăm chiêu giữa đám trẻ con lồ nhố đợi bố mẹ mua vé tàu. Thoáng trông, không biết là mẹ dờ hoi, mà ngỡ một người yêu trẻ, đương trò chuyện rừ rừ. Nhưng bọn trẻ thì bao giờ cũng khoái chơi với người điên. Một đứa quát khê: Giờ tay lên! Cả bọn trở mặt nhìn kết quả cái mệnh lệnh. Người đàn bà khỗ sở từ từ giờ tay. Có đứa nói: Bỏ tay xuống. Mụ uể oải để rơi hai tay. - Cười đi? Người đàn bà ngược hai con mắt nhờ nhếch rồi nhếch mép tự dung cười mếu máo. - Không phải! Đây là mếu. Cười đi! Cười đi! Người đàn bà điên lại nhe hàm răng cái mã, nhẵn nhó. Đám trẻ con và người điên cứ quanh quẩn chơi hiên lành bên chỗ sắp hàng lấy vé.

Bỗng dung, một bác râu quai nón xồm xoàm như Trương Phi, áo cánh rách sã cả hai vai, không biết ở đâu đi ra. Hai tay hề chèo múa lên, vừa hơi vừa đế, lại vừa trống mõ... Bụng bụng nhóc... bụng nhóc... tất cả ở cái miệng, con mắt và bộ râu đều làm chèo.

- Bớ quan viên làng nước, lệnh sức mỗi đình làng: rơm một bó, cỏ một gông, vài hồng để đi rước quan huyện nhá?

Tiếng đế khàn khàn:

- Tháng tư ngày tám, lấy đâu ra rơm?

Hề mõ:

- Thế nhà mày không có rơm ồ chó à?

Đột nhiên, bác rậm râu lúi lúi, nhón nhác, như trông thấy quan huyện đương khệnh khạng bước tới. Bác nói thầm thì:

- Quan đã ra? Quan đã ra?

Rồi thét to thật lực:

- Nhà ai có gà thì nhốt lại nhá! Nhốt lại nhá!

Bọn trẻ con nọ cười rầm lên xúm sang bác lên cơn rồ hát chèo. Cũng chẳng biết là bác dở người hay là người vui tính thích đùa. Thành phố túi bụi bom đạn đình đàng tối ngày, sao vẫn lắm người ngẩn ngơ, người chấp mạch bông lơ đến thế. Những cảnh khê lúc liu chùm quả, quả mẹ quả con vàng khé búa vào nhau thành chuỗi. Đêm mưa rào, sáng ra, cây ngâu đầu hè đổi màu lá xanh đậm. Hoa ngâu, hoa móng rồng chín trong nắng sớm thơm nồng nàn. Thường có mưa thì hoa rữa, nhưng những chấm hoa ngâu được mưa lại vàng ròn.

Trên lan can, cửa gác các nhà dọc phố, củi đuốc ghéch từng thanh, từng bó. Mỗi que củi bây giờ cơ hồ được nâng niu như phong lan và chim yến. Các báo hô hào đun than, nhưng nào biết mua than ở đâu. Mỗi tháng, may ra mới xách được về vài cân củi phiếu. Nhà có trẻ nghịch ngợm leo trèo bẻ cành cây khô bờ hè thì lúc nào cũng sẵn củi lửa đun. Đàn ông đâm ra đun bếp khéo, đến tội mà cũng thổi cơm được bằng giấy má sách báo vợ ở cơ quan về.

Kho xăng Đức Giang bị ném bom lúc xế trưa. Máy bay nhào xuống, một chiếc trúng đạn lật ngược vào thành phố, rơi xuống vườn chùa Thông làng Mọc - cái chùa mà hai mươi năm trước, ở báo *Cứu Quốc*, tôi tôi tôi ra ngủ đấy, đề phòng Tây đánh úp Hà Nội ban đêm. Cột khói bốc gỗ lên hình nấm, đen đặc, lan ra một dải mây thành chắn ngang chân trời. Chập tối, tôi đạp xe ở lớp dạy viết văn sơ tán bên Thị Xá huyện Quế Võ về qua, nhìn lại còn thấy sáng rực bên kia cầu Long Biên. Hà Nội vẫn lơ lửng nửa hốt hoảng, nửa như không. Các chợ họp từ bốn giờ tới tám giờ sáng và mờ lúc chập tối. Tin đồn thiếu tá Mạc Kên lái máy bay Rase, bị bắn rơi xuống hồ Trúc Bạch, khai rằng Mỹ đã định ném bom hủy nhà máy điện Yên Phụ và cầu Long Biên. Những người ở trên bờ sông và các phố đầu cầu quanh Hàng Than ban ngày chạy tránh xuống phía chợ Hôm. Nhưng đến hôm giữa phố Huế chợ Hôm bị trận bom đồ mấy tòa nhà chết nhiều người thì chẳng biết rồi chạy đi đâu.

Kho Đức Giang chồng đồng những thùng đựng xăng cháy đỏ hắt. Ngoài bờ rào, ruộng lúa mới cấy mạ đã bén rễ xanh ròn. Những người đàn bà cúi húi cắt cỏ. Một người đàn ông đặt thùng thóc trên đầu gối, vung tay gieo hạt, hạt lúa giống vãi xuống mặt ruộng xấp còn sóng sánh đường bờ. Chú bé kia nằm trên lưng trâu giữa bãi cỏ, hai chân cong như móc câu, mắt lơ đãng nhìn ra đường. Những người dừng xe đạp Phương Hoàng, xe Mipha cười nói tíu tít. Xa xa, hai vế gầu sông tát nước nhô lên thùng thỉnh đưa đi đưa lại. Trận bom dữ dội cháy kho xăng trước mặt đã ra chuyện hôm qua, hôm xưa.

Bom đạn lẫn lộn với công việc làm ăn nhẩn nại đến khủng khiếp. Trên dọc đê, những khẩu súng trường và trung liên đầu cầu Đuống đã được thay bằng những khẩu đại liên ba nòng. Đơn vị đến nhận trận địa mới, bộ đội đương đứng ăn cơm. Nhưng cạnh ụ súng lớn vẫn nhô lên hai mô đất nhỏ, thò hai đầu ruồi khẩu súng trường của tổ dân quân trong làng ra trực chiến. Hai cô gái - hình như được cất tua ngày nữ đêm nam, mỗi buổi được ăn mười công diêm hợp tác xã. Sông Hồng báo động số 3, nước chảy réo quanh chân cầu, xoáy tròn từ chân tre ra, xôn xao, đỏ xuộm. Lũ tháng sáu dềnh lên to quá. Bờ rào cây vòng ngập, lá héo to bằng chiếc quạt nan rụng vàng mặt sóng. Nước vào ngập lưng vách. Những đàn gà và lợn con trốn lên nóc nhà kêu tán loạn. Bốn phía xám ngắt rồi tối ụp xuống, tiếng ngũ liên hô

đề chống trần thúc suốt sáng như xưa trống báo cướp. Những ngôi nhà hai tầng dưới bãi - mà ngày trước không ai dám xây, nước chảy ngang cửa sổ. Người chạy nước lên phố dựng lều suốt via hè bờ sông vào quanh nhà hát lớn. Khói bếp u ám như đốt rác tầy uest. Những người đàn bà mặt vàng nghệ, bông con ru ời ời. Chạy lụt năm nào cũng thế. Chỉ khác, mấy năm nay, phải lo cả giặc trời.

Còi báo động rộn mặt sóng. Một vệt khói đỏ tên lửa ngoảnh lên trong tiếng nổ. Chiếc máy bay bỗng chằng chịt khói như một cuộn thùng trắng, lại một chiếc không người lái rơi xuống giữa sông Cái. Thế mà quán bia Chuồng Cọp bên hồ Thuyền Cuồng vẫn người xếp rỗng rần quanh hàng lan can sắt suốt ngày đến chập tối. Chỉ có những quán bia bán giờ giấc ngoài luật lệ phòng không. Người ta uống bia cho đến lúc trông lên không nhận ra ánh sao hay sáng điện lóng lánh giắt trên lá cây đề. Mùi sen thơm thoảng - lửa hoa cuối vụ, lẫn mùi lá sen già, không còn ngát như sen đầu mùa. Nhưng quái, đã lâu hồ này thả cá mè, có trồng sen nữa đâu. Thế mà rõ ràng mùi sen. Lại nhĩ. Uống vại bia xong cũng không biết hết báo động chưa. Thế thì chắc lại mơ màng mùi sen mùa hạ trước rồi.

Một chuyến xe lửa toa lộ thiên vào cầu Long Biên. Trên sàn tàu những giồng bệ phóng xếp một chồng cao. Cánh tên lửa nghênh ngang vương thành đầu cầu phải cho lên tàu hỏa mới đưa nổi qua sông Cái. Những chú bộ đội xinh xẻo như học trò tan học đứng chỉ trở xuống lòng đường phố Hàng Giấy. Hẳn đương đoán nhà mình chỗ kia, chỗ kia. Cạnh các ống đạn buộc những bu gà, những rọ lợn, một dây quả đu đủ, buồng chuối xanh, các đồ ăn thức đựng loi thoi khi chuyển quân. Một con chó xích tự nhiên cong cổ sủa ngẩn ngơ lẫn tiếng bánh tàu nghiêng ken két, khi tàu chui qua chỗ nóc cầu bị bom xập.

Chợ Bắc Qua đông nghịt suốt đêm, đến chớm ban mai thì tan. Vẫn cái chợ đổi vai mùa nào thức ấy, hành tỏi, khoai sọ, cà chua, rau cải, củ cải bên Bắc sang bán mớ ở chợ này để người buôn đường gần tải xuống chợ Châu Long, chợ Hôm, chợ Hàng Bè và các chợ xanh, chợ cóc góc phố.

Trời sáng ra thì chợ Bắc Qua tan biến hết người, như chợ ma.

Có tiếng gọi giết. Tôi quay đầu lại. Anh Sở, chủ nhiệm hợp tác xã trong Bát. Sau xe đạp đeo những bó cải củ cao có ngọn. Hẳn là Sở ra Bắc Qua bán vài quả hay bắp cải, dưa hồng đem qua bây giờ tải rau về. Nhưng phía Hà Đông thiếu đâu chợ đổi vai, chợ xanh, chợ ngã tư mà phải lần mò ra đây.

- Đi đâu thế?

- Hôm qua em ra tỉnh có việc, quá chân đến đây mua ít cải về làm dưa thôi.

- Mua rau à? Rõ chờ củi về rừng?

- Cải bên Bắc lắm búp, lại rẻ hơn cái cải chết rét quê em.

Chúng tôi vào một hàng nước. Sáng rồi, quán đương dọn về, nhưng có khách, cũng không vội. Ông hàng cứ tự nhiên lấy cái phun nhựa ra rót hai chén nước trắng. Bánh mắt, uống rượu súc miệng, hay thật. Chợ Bắc Qua tỉnh ngủ cả đêm, có lẽ nhờ cái thứ nước này. Cái anh Sở du kích trông như người bỏ củi thuê. Nếu xách chiếc riêu qua phố, thế nào cũng có nhà gọi ông Thạch Sanh. Trước kia ở vùng tề, du kích Sở đã thủ tiêu người tảo tợn lắm. Sở đóng quần áo rằn ri giả lính dù vào nhà thổ phố Văn Đình, nã thùng mìn chết cả thằng Tây với con nhà thổ. Sở mặc váy bà già đi chợ, bắt chọt tóc váy lên, thò khẩu súng trường cưa báng ra lia ngả gục quan ba đồn giữa cầu chợ. Một mặt thám ngoài Hà Nội hay về dò la, Sở tìm biết nhà nó ở Khâm Thiên. Sở ra tận nơi, bắt sống ban ngày điệu về chém ở cánh đồng

Tía. Cấp trên cho lệnh thi hành án chánh tổng Canh Hoạch. Ngày giỗ bố chánh tổng, Sở giả làm đồng đi hầu. Các quan khách lũ lượt, chỉnh tề tới ăn cỗ. Đột nhiên, Sở bước vào vung dao bầu lia đứt cổ chánh tổng. Cái người cụt đầu máu phun, nhảy chồm chồm như con ếch - Sở đã hiền lành cười hèn hếch kể lại những câu chuyện ghê gớm như thế. Còn bây giờ thì:

- Ông ạ, tiện tay em mua vợ ít cái, chứ em ra đây cốt đòi nợ. Có một thằng ở phố Nhà Chung về chợ Đình rủ người đặt tiền mua than. Mình ngờ nó tử tế, cũng đóng cọc một ít. Nó lặn biệt tăm. Mắt không bao lăm, nhưng mà tức. Trốn thế nào được ạ, lên giờ em cũng nắm căng lòi xuống. Hôm qua em ra tận nhà, tấn cho một trận lòi tù và cả nhà nó lạy như tể sao, phải nhả tiền ra trả ngay tấp lự. Kìa, mời ông chén nước sớm. Ông đi đâu lên đây?

Sở đã cho nó một trận lòi tù và thế nào không biết, nhưng tôi hỏi:

- Nó đi lừa mà để cho người ta biết nhà à?

- Che mắt đầu được thằng du kích tám năm này? Ồi lại báo động...

Rồi Sở cười hô hố.

Cục địch vận quân đội đưa Nguyễn Tuân một tập nhật ký lấy được của một lính ngự chết ở trận Đèo Nhông tháng ba 1965. Một quyển sổ nhỏ, tôi chép lại làm tài liệu về cuộc chiến tranh muôn mặt. Trang đầu nắn nót mấy dòng: *Nhật ký đời tôi* (trong những ngày nghĩa vụ quân dịch, kỷ niệm một đêm mưa ở trại Trương Tấn Bửu 1/8/1964 - 24/6 Giáp Thìn - Nguyễn Ích Tắc, số quân 104.229).

Tờ cuối ghi mấy trang những con số chi tiêu: Kim chi 3đ. Sửa bộ quần áo vàng 80đ. Sửa cái quần trận 30đ. Mua một mũ vàng 45đ. Mua cái gương đeo mắt 75đ. Mua một ca, một muỗng 10đ. Hai ngòm nguyên tử 16đ. Bộ chìa khóa 20đ. Sắn dây xích 15đ. Giặt bộ áo quan 7đ. Hớt tóc 17đ. Kem đánh răng 10đ. Giấy và bì 5đ. Chụp ảnh 65đ.

Tập nhật ký của một con người vốn làm ruộng trong làng mà thật chịu khó ghi liên từng ngày, từ hôm đi quân dịch đến ngày chết trận.

Đây là những ngày cuối cùng.

15/1 - Một đời binh ngũ, suốt đời lưng mang ba lô, vai mang khẩu súng, ngày ngày đi qua những con đường bị bắn tía đạn veo veo trên đầu, nghe mà tái nước da.

20/1 - Đi qua quán lúc 9 giờ, biết thế nào nó cũng bắn tía, lúc hai đứa chạy qua một khoảng trống bị nó bắn 6 viên. 3 viên bay dưới chân, 3 viên trên đầu, mình chạy đại vào trong một cái nhà.

24/1 - Hành quân bằng phi cơ trực thăng, tưởng đi qua Quy Nhơn ứng chiến thì cũng là đỡ khổ, có nhiều bạn mang radiô đi sửa, nhưng máy bay chỉ qua một cái eo biển và đổ lại một cái làng hiu quạnh không một bóng người. Thế là mộng về Quy Nhơn bị vỡ.

31/1 - Vừa rồi, nó bò vào ném lựu đạn, nhưng may quá, không ai bị. Thế là nằm trong nhà cả ngày đi đâu cũng không được. Như chim lồng cá chậu, ra một bước cũng sợ không biết nó bên lưng lúc nào. Đêm gác hai giờ đồng hồ xanh mặt.

31/1 - Tết đến, người ta vui vẻ đón xuân còn mình sống trong tình trạng cấm trại và báo động, mình nằm ở cái trường Toàn Mỹ, đồng bào sợ tàn cư hết, mình luẩn quẩn trong cái trường không dám đi ra ngoài nửa bước.

Lại một quyển nhật ký khác lấy được ở mặt trận Plâyme tháng mười 1965. Cũng chép ra sổ tay này làm tài liệu đời người. Một sinh

viên quân dịch, trang in chữ Pháp, được điền vào: tên, bí danh, nghề, địa chỉ riêng, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, khi cần báo tin cho... Đã ghi: Svsph Hoàng Quang Hiếu 151 Trần Quý Cáp, Sài Gòn, 71 Hoàng Diệu Đà Lạt. Mặt trang sau dán một ảnh người con gái tóc uốn, mặt trái xoan, gò má cao, mắt một mí, môi thườn khêu gợi, áo dài trắng. Sau tấm ảnh viết hàng chữ: Bán mình cho Mỹ! Hoàng Quang Hiếu bị chết ở Pleime khi trung đoàn 40 sư 23 của Hiếu đi tiếp viện. Có lẽ cũng vào những ngày gần Tết:

17/12 - *Bận rộn vì phải đặt kế hoạch hành quân ngày mai. Ban 3 chỉ có một vào những lúc như lúc này.*

18/12 - *Ở đây gần biên giới. Dân cư ít ỏi. Vài cái quán. Vài mái nhà. Chiều chiều nhìn đàn vlt giới bay về tổ xa xa nơi chân trời, mình có một nỗi buồn day dứt.*

23/12 - *Có cảm tưởng rằng mọi người quên mình có mặt trên trái đất này.*

24/12 - *Đêm nay là Nô-en. Đi săn kiếm thịt về ăn réveillon ^{III} được 4 con heo rừng. Cả đại đội tung bùng nhậu nhẹt. Ngủ ngon vì quá say.*

25/12 - *Được phép về Pleiku. Sướng quá. Lại được bạc!*

26/12 - *Chiều, cờ bạc lại thắng.*

Chủ nhật 27/12 - *Suốt ngày cờ bạc, toàn là thắng. Tối đi nhậu với Trọng, ghé Phụng Hoàng, nhảy vài bản với Quỳnh.*

29/12 - *Đi chơi với Trọng, đánh bạc và nhảy với Quỳnh. Pleiku ăn chơi bốn mùa chỉ có thế.*

30/12 - *Còn đúng 400đ. Hôm nay không đánh bạc, ở nhà ngủ. Tối đi chơi với Trọng và Mai. Đi chơi đêm chót với chúng nó rồi mai về rừng.*

31/12 - *Ngày cuối năm dương lịch. Nhưng mình cảm thấy cái buồn của một đêm trừ tịch ở một nơi xa vắng với cảnh núi rừng buồn tẻ. Trong lúc đó ở một nơi khác, thiên hạ đương mở sâm banh vui cười để từ bỏ một năm cũ, đón một năm mới. Không hiểu rồi đây đến cái ngày sum họp gia đình sắp đến của người Việt Nam, mình còn có phải hưởng cái cảnh xa vắng này nữa không? Đòi nhà binh không thể nói trước được. Sau một tuần vui tạm bợ ở Pleiku, mình về đây càng thấy chán chường hơn.*

Mong rằng Tết này được về thăm gia đình. Thôi già từ năm cũ và hân hoan đón tất niên.

Dĩ vãng dẹp qua một bên...

(Tập nhật ký đến đây bỏ lại hơn 50 trang giấy trắng. Một số địa chỉ ghi ở bìa sau: Nguyễn Thị Thu Thủy 23 Nhà Chung - Đà Lạt, Nguyễn Thị Oanh 58 Lê Lợi - Sài Gòn (số điện thoại ds 20011 xin 40683). Cô Bích Hào 61 Phan Bội Châu - Huế. Cô Trang Thiên Thu 104/5 Nguyễn Thái Học - Gia Định. Chuẩn úy Trương Văn Hữu, lưu trữ bưu điện Phú Vinh, Vĩnh Bình).

Đêm nay Hà Nội lại giao thừa.

Chấp tối, năm hết Tết đến, vẫn loa báo động máy bay địch cách 40 ki lô mét... máy bay địch 20 ki lô mét... trong cái thành phố thương tâm bất cần đời này, cái Tết mơ ước vẫn đến như từ bao nhiêu năm qua. Tối rồi, vô khối xe đạp còn hồi hã đi mua hoa - những bó hoa cúc vạn thọ vàng ri ế ẩm, người chơi hoa năm nào cũng khuôn cúc vạn thọ sau cùng.

Cả ngày ba mươi tấp nập. Trờ trời, cá úi quẫy như đánh sóng trên mặt nước. Ở hồ Hoàn Kiếm, hồ Bảy Mẫu, Ba Mẫu trẻ con vớt cá

từng xâu. Từ gà gáy, người ủa ra ven hồ. Gậy, xiên sắt, túi, chậu... Tầng sáng, đám đông quanh hồ chen chân lẫn với công an và những người canh cá. Không ai bẻ cần câu, thu vó, đuổi người xúc, người câu ném như mọi khi. Mặc dầu, đã thành thói quen, túm được một con cá mè ranh, trẻ con lại len lết chạy ra xa. Quanh hồ, đông đến trưa. Được cả trời cho tắt niên mà, ai cũng xoa xuê, vui vui. Rồi từ từ đêm giao thừa về. Hai cô bé tóc buông xõa vừa đi vừa hát ven hồ. Mùa xuân đã trở lại sao? Nửa đêm, người đi chơi đổ ra đông như hội. Trời rét công mà các quán bia hơi, bia chai sáng đèn suốt đêm. Mặt bàn lênh láng bia như tuyết tan. Nhiều người nước ngoài lẫn lộn giữa đám đông. Những người Cu Ba da màu vừa nhảy múa vừa vỗ trống. Có thể, họ là bộ đội pháo cao xạ hay tên lửa rời trận địa ra, vui nhộn đến thế. Hôm cuối năm, đi tảo mộ ở Văn Điển trông thấy sáu ngôi mộ xây, để tên các liệt sĩ Cu Ba.

Uống bia trước ga Hàng Cỏ. Những chuyến tàu cuối cùng lúc chập tối đã tải hết những đoàn người về quê ăn Tết, hôm qua hôm kia còn nằm ngồi chờ đợi chồng đồng các phố quanh đây tưởng chừng không thể vui đi được. Thế nhưng trong nhà ga vẫn nhốn nháo người, những cô hồn lang thang và gái điếm không biết có giao thừa. Cái lão Vĩnh làm vườn và quét vôi bệnh viện ở độc thân trong ngõ phố vẫn giặt xi li, nịt vú cho bọn này đây. Buồng lão, từ gầm giường ra, lồn nhón bỏ ỉa dãi và bột màu quét tường lấy cấp ở cơ quan. Trên dây dợ chằng ngang dọc khắp nhà phơi những miếng quần xanh đỏ góm chết của gái làng chơi. Ai manh mối cho lão già cái việc kiếm tiền khôn nạn ấy. Lão một thân một mình, đến nỗi nào. Hôm đến kiểm tra, hỏi lão, lão ngồi câm như thóc. Người ta nói như đùa không phải lão Vĩnh túm bán dầu, lão phải gió ấy nghiện hơi đồ lót của đàn bà.

Có lẽ đêm nay yên. Trên sân ga, mấy con đi rồi hơi lại say rượu đương cong cớn tranh nhau xia xói, kẻ lẻ mắng tướng tượng cái thẳng giặc lái Mỹ đứng trước mặt. Quân chó má kia, mày đã cắn trộm quanh năm rồi, cũng phải nghỉ bom cho người ta thông thả nuốt được cái Tết chứ. Xung quanh, đèn thành phố vẫn tù mù thế, mà như tươi tỉnh hẳn. Mới chiều qua, máy bay vun vút lao vào như những con cá chuối bay. Hơi bom phản phật rung cửa hầm, tiếng súng và tên lửa khắc rền rĩ. Người dôn vào quán bán bia ở Hàng Khay đông ních. Dân bọm bia thấy trú ẩn ở chỗ nhà bia an toàn quá. Có hơi bia, coi thẳng đánh bom là cái đỉnh? Mãi chập tối còn nổ ầm ầm, hàng bia phía Trảng Thi đã lên cái đèn dầu lom đom. Những vại bia và mặt người không biết mồ hôi hay hơi bia nhễ nhại.

Các nhà ở đầu cầu Long Biên hàng ngày chạy xuống phố Huế ăn bị ăn bom dưới ấy. Nhưng mới bị hôm qua, bây giờ đi qua phố Huế đã khó nhận ra cảnh tàn phá thế nào giữa cái phố lúc nhúc những nhà những người.

Cây xà cừ mới trồng còn khoan dất đỏ trên vỉa hè cháy chết đứng. Mặt đường nhựa lổ chỗ, nham nhở vì bom bi. Cột đèn và đường ray xe điện bật lên oằn queo vô đồ. Một ngôi nhà ba tầng đổ ụp cấn chân tường thành một gò vôi gạch, mảng xi măng. Cả phòng thương nghiệp, phòng giáo dục khu và lão cà phê Hòa chết vùi trong đồng vụn vỡ ấy. Lão Hòa từ ngày vào làm mậu dịch đứng bán giải khát ở quán Gió ngoài công viên. Tự xưng xin về phòng làm chân chạy giấy cho nhàn. Tội nghiệp, đâm ra chết! Những bó hương vẫn nghi ngút, mùi hương, mùi long não dầu xả vừa nhức mũi vừa lạnh lẽo hơi đám ma. Nhiều người còn đương dỡ những tảng vôi gạch hoen máu đen sạm. Sau vì tường đổ, nhà hai bên phố vẫn hầu như mọi khi. Trẻ con đùa nhau ngoài vỉa hè. Cửa hàng chứa đồng hồ lấp lánh ánh điện dưới cái chao đèn ụp. Một ông lão gầy leo kheo đeo kính ngồi trên gác đọc sách trong cái cửa sổ toang hoác đã băng mất cả hai cánh. Tội ngồi vào ghế ông cắt tóc. Cái đỉnh treo mảnh gương lên gốc cây sữa. Câu chuyện rả rích trong tiếng kéo tí tách. Bình tĩnh, bình tĩnh, ông nhí? Bom xuống đâu thì đẩy bị, phải không ông?

Tôi biết đáp lại thế nào là phải, cái triết lý ông thợ cúp cứ sống sờ sờ nhân tiền quanh đây. Quảng phố phải bom như con thằn lằn bị cúp đuôi. Xưởng tiện - bên kia lại mới xe về một đồng vỏ phuy ét xăng dầu nhờn, chẳng khác những quả bom tạ, bom tấn chưa nổ. Nhưng đây là những thùng xăng phụ máy bay đeo ngoài cánh. Trong nhà, bàn tiện quay xè xè. Những miếng duy ra vỏ thùng được cắt khéo thành cái lược, hình tháp Rùa, chùa Một Cột - công nghệ tặng phẩm đem kỷ niệm khách nước ngoài làm bằng xác máy bay địch. Ngay ngã tư, các chợ cóc vẫn la liệt những chậu rau muống chẻ ngâm nước, những thúng cua đồng chất đống cho nặng cân ở ngoài ô vừa vào. Trên thùng chiếc xe tải mới đổ, các ông tài ông ét dỡ củi xuống chất làm bếp thổi cơm chiều ngay trước hè ngôi nhà đổ. Đằng kia lại có hàng bia mới mở, trên những thùng bia chất như lợn con căng lên cái dù ni lông đỏ - như bãi biển Sầm Sơn mọc giữa thành phố - dù dù ấy của máy bay Mỹ thả quân dụng và biệt kích. Những bồi rối trước mắt, không biết đương trận mạc hay đương bình thường, lợn xộn cái buồn thâm với cái cười. Cửa trong bán rượu, người xúm đông như ngoài hè bán bia. Rượu phiếu, mỗi người được mua nửa lít. Tay đưa phiếu kèm tiền ẩn qua cái lỗ vuông, bàn chân sắp hàng nhích dần vào với cái túi xách đen nhem ấy là chân người mua và túi đựng chai rượu - những khuôn mặt bự rự, lim lim. Mấy chú tí nhau và những ông Tàu dờm bán lạc ngọt, lạc mặn trước hàng bia đã kéo đến, đương tranh nhau chỗ ngồi. Cái thùng sắt tây đựng lạc treo trước ngực như chiếc đàn phong cầm - phong cầm lạc rang. Ông Tàu bán phá xa mặt nghiêm như Tướng Giới Thạch, bộ ria quai nón, đầu quả táo, bắp tay rám đen, chỉ cái dáng ấy cũng tỏa ra sự kiên nhẫn chịu đựng của con người. Nặng hoe hoe đã tắt trên ngọn cây sữa, tiếng loa trong cái thúng bằng tôn úp treo trên giữa lòng đường... Máy bay địch cách... rồi còi báo động lại vì vút từng đợt dài... Nhưng quanh chỗ phố Huế mới bị bom, mọi sự hồ như thần nhiên.

Suốt hôm qua, hôm kia - đã bốn hôm, máy bay vào quấy đảo loạn trời. Chiều, đánh sân bay Nội Bài, sáng sớm lại bom lại. Cầu Long Biên gãy ba nhịp từ phía Gia Lâm sang. Đòn hiểm, địch diệt những nhịp cầu giữa luồng nước sâu. Nhưng ngay trong đêm, đường sắt được chữa lại, những dòng cầu gãy như mái che vẫn để nguyên chỉ vừa lỗ cho con tàu chui qua. Thoáng thấy, tường cầu sụp thật thì những đoàn tàu chở khách và chở súng cao xạ, tên lửa vẫn chạy suốt đêm. Cái cầu giả chết lúc nào cũng như ngái ngủ. Bom bi như mưa rơi xuống phố Mới, phố Hàng Vôi, cửa đền bà Kiệu. Hai đứa trẻ núp trên cành đa cạnh đền, bom bi nổ móc lõi ruột. Những phát tên lửa pun pốp thuôn chày thép lao xuống cạnh chỗ rửa rau vo gạo buổi chiều phố Trần Quốc Toản, phố Lý Quốc Sư. Vòi nước vẫn rì rì chảy, rá gạo và những bó rau muống chờ vợ không có người. Trong làng Giá, hôm nay Sứ nhập ngũ. Nó đeo theo cái giỏ, trong có mảnh ni lông xanh, túi bút và hộp thuốc màu. Ba hôm, xóm giềng họ hàng tới chơi. Bỏ Sứ trải thêm cái chiếu ngoài hiên, đặt rổ giầu vỏ ra đây. Hôm qua đem phiếu đến cửa hàng mậu dịch lấy hai cân thịt, đặt một cỗ lòng. Hai vỏ rượu cất bên Sầu đem sang. Một mâm tiên thường mời các cụ dưới âm về tiễn cháu, người trên trần thì đánh chén tới khuya. Hôm nay giết hai gà, mâm cúng trên bàn thờ và đặt cả ngoài cây hương.

Hội trường giao quân ở sân phơi hợp tác. Người các xóm kéo đến từ sáng. Mấy chõng hàng nước chè tươi, thuốc lá cuốn đã bày ra. Cả huyện lấy con số tròn năm trăm. Thêm mười lăm nữ tình nguyện. Mỗi đám bước ra, những vòng người hai bên lộ xô nói: Đi nhé? Đi mạnh khỏe nhé! Đi dăm bảy tháng thống nhất thì về nhé. Những chú lính mới bước nhanh như lướt. Có người đeo sẵn hai cái bu trong để viên gạch chỉ đem đến nơi tập đeo vác vượt Trường Sơn. Đi qua rồi quay lại nói to: Nào đi xèo ít thịt Mỹ về xào. Đám con gái cười ré lên: Không ăn đâu, không ăn đâu!

- Chỉ đợt này nữa đến thống nhất thôi.

- Xem khí thế vui lắm, cơ chừng xong đến nơi.

- Lạy ngài...

Mít tinh chấp tối, đoàn tân binh đi luôn trong đêm trăng.

Trận địa 57 đầu bãi Nghĩa Dũng. Mười khẩu cao xạ 57 bóng nhoáng lổ nhổ như đầu rắn mai gầm. Phía này cản đòn cho nhà máy Yên Phụ và cầu Long Biên. Trên bờ đê cao, trông xuống sông Hồng cát bay mờ mờ. Nhà máy điện xám đen lồng vào những nhịp cầu đan thành mảnh như nan bu trên lùm cây sà cừ. Con mắt thần ra đa quay ì giữa những luồng hoa cầm chướng xung quanh cảm miếng kền xác máy bay - đề gà khò vào bới. Báo động, lại báo động. Tất cả vụt vào vị trí. Số 4 tính góc phần tư, máy bay nhào sau hai giây cho lệnh bắn. Chỉ cần một viên đạn, nếu mọi bộ phận điều hòa đúng. Nhưng rồi lại báo yên. Hôm qua, địch thả bom xuống trận địa này, bụi còn bám mù mịt. Hai con bò của đại đội gặm cỏ trong bãi trúng bom bị. Ngà thịt ăn không hết, phải đem ra chợ Châu Long bán bớt. Cấp tốc sơ tán 18 con lợn ra vệ đê. Chỉ riêng đàn gà của mỗi khẩu đội chẳng biết thế nào là sống chết, vẫn túc tích quanh quẩn ra vào bên cổ pháo. Đến lúc bom nổ tối mịt, những con nhép ấy mới biết sợ, chui vào cỏ nằm im phắc.

Trận địa súng cỡ 37 thì lệnh dênh giữa hồ Tây, chỗ chùa Trấn Quốc trông ra. Những thùng đựng tên lửa đã khéo kết thành nền bê phao, lát phen nữa. Tám khẩu 37 xếp hàng đôi dọc bờ. Sóng oam oap rung rinh đầu súng. Mép bờ, những máng vầu đựng đất trồng viền những luồng hoa bóng nước rực rỡ hồng. Các chiến sĩ trực chiến đứng giữa hồ trông vào đường Cổ Ngư. Trong ấy, loáng thoáng người ngồi bàn ăn bánh tôm dưới gốc đa. Chập tối, vòng đạp xe của tôi kết thúc cuộc thăm các trận địa quanh Hà Nội về đến ngõ Văn Chương, trong ấy cũng đóng một đơn vị bảo vệ ga Hàng Cỏ. Tiếng chó con lắc rắc sủa hoàng hôn như ở trong làng. Trẻ con lấp ló đầu nhà ngó xem người đi qua. Đại đội 6 này đã bắn rơi chiếc F 105. Thằng thiếu tá phi công Sác-lơ phải nhảy dù xuống ngay trong tường nhà máy điện Yên Phụ. Bên kia mặt hồ, nhà ga Hàng Cỏ sáng trưng một vẻ không bình thường, giữa một vùng tối om. Tiếng còi tàu, trong khói hơi nước phụt phụt trắng bông. Những con tàu cả ngày chui lủi đầu bây giờ lừ lừ vào ga, bắt đầu đêm hoạt động. Ngoài đường Khâm Thiên ồn ào như chợ. Tường như chẳng ai để ý sau lưng bức tường, có những nòng cao xạ vươn đầu lên.

Nhà máy điện Yên Phụ đằng kia, nghe tiếng máy chạy rền rền, ngày đêm bụi than tuôn ra bám đen kịt những cành cây com nguội cổ thụ hai bên hè phố, từ thuở tôi cấp cấp đi học trường tiểu học Yên Phụ.

Thế mà cái nhà máy cổ lỗ này đã chịu mỗi ngày vài đợt bom, không biết bao nhiêu trận rền rã. Cái nồi súp de lò hơi, quả tim của nhà máy phía tường trường Yên Thành được bọc đất thó quần rơm như cái áo giáp kỳ quái giữa những hố bom toang hoác thành từng vũng nước ao chuôm. Thế mà chưa một lần lò bị bom. Nhưng ngôi chùa Am bên kia đường, hơi bom đã đánh đổ sập. Quán hàng nước chè tươi trước cửa chùa, thợ nhà máy sớm nào cũng ghé uống bát nước ngon, cả ông hàng nước cùng bay mất tích. Suốt ngày đêm, than được chở vào nhà máy, lúc ô-tô tải, lúc xe trâu kéo. Một dãy người đứng sàng, đổ than lên đường máng đưa vào lò. Các chị sàng than đi giày vải, chít khăn đen chỉ hé hai con mắt, như cô gái Thủy Nguyên kín mít khăn vuông. Cái cột xi măng tròn sừng sững giữa nhà. Lúc còi báo động, mọi người ôm cột tụt xuống. Người leo cả ngày những cái cột đã lên nước bồ hóng đen nhoáng.

Báo động máy bay cách 30 cây số, công nhân trên gác xuống cả tầng dưới. Chỉ còn ba người đã được phân công bám máy. Chết cũng đứng đây với mỗi một chiếc đồng hồ đo áp suất trợ trợ. Nóc nhà máy chính thùng đạn nam nhỡ như cái áo to rách. Két nước

bằng mắt từ lâu không còn nước trử, công nhân phải bắc vòi cao su và gánh nước suốt đêm lên. Nhưng sau cái ống khói đen sì vẫn sừng sững. Một ống khói bị quẹo nghiêng như sắp khoác vai ống kia. Cái tuyết bin trên tầng và nổi hơi dưới nằm lọt thỏm trong những lớp rom nhồi bùn, cao như những gò đất. Miếng băng đồng gắn trên tuyết bin, tựa con rùa thò cổ trong đồng bùn ra có chữ đề công ty Derlikon Thụy Sĩ 1920. Cổ máy cái của nhà máy điện đã già ngoài nửa thế kỷ rồi. Không thể tưởng tượng được biết bao đơn giản đến thế nào. Nhưng cũng ở nhà máy hiện ngang này lại có cán bộ tài vụ dính vào vụ án tụ tập xem tấp ló ở góc phố Cầu Gỗ. Có phải vì thế mà nhà máy chưa được phong anh hùng. Ba hôm liền, tòa án xử phúc thẩm mấy vụ. Còi báo động nổi lên, không ai chạy ra hầm. Bởi vì tòa nhà xử án của thời Tây để lại, kiên cố hơn hầm trú ẩn nổi hay cái lỗ phòng không cá nhân ngoài kia chẳng. Trưởng ban khối phố, tôi được mời dự. Thành phố muốn cho cán bộ cơ sở biết những tệ nạn xảy ra trong lúc bom đạn để về xem lại an ninh trật tự ở phố mình.

Có một người đàn bà thường ngày bán vé xổ số ở vỉa hè phố Huế. Chịu không đoán được hạng người thế nào. Chưa hẳn nạ dòng, cũng không còn trẻ. Về hơi quê, nhưng có lẽ cũng ra phố ở đã lâu. Chiếc áo cánh lụa mờ gà, cổ và gấu viền đăng ten. Tóc búi, đôi mắt lá dăm đưa dầy trên những câu thưa gửi chợ búa ngọt xót. Nhưng đến lúc nghe ông công tố đọc cáo trạng thì những đoán mò của tôi đều quá hiền lành và vu vơ. Á nọ có trong tay 36 cái chìa khóa của 36 cái nhà, cái buồng. Những chùm chìa khóa làm chứng được đặt loảng xoảng trên bàn chánh án. Á đã thuê lại từng giờ những cái nhà, cái buồng vắng người để làm nhà thổ. Thế là á có 36 buồng trong tay của những người đi làm theo giờ, của người sơ tán, của người độc thân nghèo túng chịu khó vắng nhà một vài giờ lấy ít tiền tiêu.

Còn khỏe làm tiền khác nữa. Á đóng vai người mẫu cho bố con một ông chụp ảnh tài tử. Những tấm ảnh cũng được bày chỗ tang vật cạnh vành móng ngựa. Á làm tình với con thì bố chụp, với bố thì con chụp. Các kiểu. Đám lông trên mu được khuếch lên thành một gò cỏ đậm nhạt thơ mộng. Có cái ngâm chiếc tàu nghi ngút khói, lông xù xòe như anh chàng râu ria quái dị hút thuốc. Lại một đám ăn chơi khác. Đám này có công ăn việc làm đàng hoàng, người thì xã viên tổ mị sợi, người làm thợ máy, người tài vụ kế toán. Người nào cũng đến cơ quan và nơi làm việc giờ giấc tử tế. Nhưng tan tầm thì không ai biết ai thế nào. Tối tối, họ tụ bạ trên cái gác ba một tòa nhà giữa thành phố mới bị trưng dụng, chủ nhà còn được ở một buồng nhưng bỏ không. Trùm trò là một lão đã đứng tuổi như lão Văn Hiến ở với chúng tôi trên Việt Bắc, trước kia đã từng ở Pari - lão khoe thế. Tôi tin là thực, khi nhớ đến ông Hiến rách rưới, lúc nào cũng đói nhưng đã từng đàn đúm ở xóm ăn chơi Môngmac. Lão Văn Hiến này làm bảo quản phòng máy một trường đại học. Mỗi lần ngồi cả đám, bọn đàn em cu cong cổ, cong mắt nghe đại ca đầu hót chẳng biết thật hay bịa về những truy hoan ban đêm xóm Môngmac thủ đô hoa lệ nhất thế giới chứ tép riu đầu như cái Hà Nội nhà quê này. Rồi xoắn rìa lên lão gắt gù: Tao bây giờ có trần ai đến thế nào cũng là mãn kiếp, chỉ thương các chú mày đầu xanh tuổi trẻ chưa được ngửi cái mùi mẹ gì!

Sau đó cả bọn tà tà kéo nhau đi sấn bờ lạch. Chúng nó rả rẫm đến bến Nứa, bến Kim Mã, Kim Liên, ga Hàng Cỏ hóng những người nhờ tàu nhờ xe. Đương thời chiến, thành phố lấy đêm thay ngày, bến bãi quán xá đâu đâu cũng bẽ bộn, ngổn ngang người cơ nhờ. Chúng nó tán tỉnh dè dặt về được những cô gái không may đương ngần ngơ tìm chỗ trọ. Nhiều cô bị lừa tưởng chúng tử tế cho nghỉ nhờ đã ra tòa kể tội bọn chó đẻ: Những cô sinh viên trường sơ tán tận Lục Ba, Ký Phú, Mai Sui, Biền Động, những chị công nhân nhà máy đã di chuyển đi tỉnh khác.

Người dự phiên tòa được đi tham quan cái tổ quý ấy. Trên gác ba, trong một phòng trần trụi, giữa trải một chiếc chiếu. Rải rác, những

vỏ bao 3 số như vô tình vút đầu đẩy quanh một cái vại da lươn. Tàn thuốc lá gạt vào trong vại đã cao có ngọn, nhấp nhô như núi non bộ. Góc phòng kê một quầy gỗ giả làm chỗ uống đứng trong quán giải khát. Ở giá trên tường bày một loạt chai ứt ky, chai vang nguyên nhãn, cả nút. Nhưng trong đưng nước lã. Những chuyện ăn chơi nghiêng trời được kể lại bên những vỏ chuối lá, cái núi tàn thuốc trong vại và những vỏ chai rượu đất tiền. Đề tường tượng ra những phá phách thú vị mà đêm nào lão Paridiêng nọ cũng ghéch ria lên kể. Còn những bí mật nữa trong phòng này. Mặt vách trang trí ghép những cây trúc hun khói màu ngà. Giữa mép trúc, mép tường được đục những lỗ chỉ ti hí bằng lỗ khóa cho người đứng ngoài nhòm vào xem tấp ló. Ở trong, một gã đương ga gắm cô nghi ngờ, rồi được bằng lòng hay phải cưỡng hiếp ra sao, tất tấp ló ra những con mắt dán vào cả chục cái lỗ ấy. Hôm sau chúng nó ngồi cãi nhau, phong chức và cả cuộc xem đũa nào giỏi hơn đũa nào.

Lại một vụ xử trần lột, tòa dưới làm án nhẹ, phải xử lại. Ấy là một bọn cứ chấp tối đến châu chực cửa rạp Tháng Tám - cả những đêm báo động. Đã lâu, theo lệnh phòng không thành phố, rạp đóng cửa, nhưng cái via hè ngã tư ấy như thói quen, người dừng lại vẫn đông. Một người đạp xe qua. Một đũa chạy ra, tót lên sau xe, vừa ngồi vừa nói khê: Nhờ một quãng xuống cuối phố nhé? Nhưng vừa qua khuất bóng cây sấu rậm rì, người đạp xe chưa kịp quất hất nó xuống đã cảm thấy lạnh toát mũi dao thích vào sườn và một tiếng rít nhỏ nhỏ: Rẽ đằng này! Rẽ đằng này? Mũi dao nhói vừa đủ khiến cho người ngồi trước run rẩy đạp theo lệnh. Đường phố hai bên vẫn nhộn nhịp hơn bình thường. Ai cũng đoán vu vơ là máy bay Mỹ nghi đánh lúc chấp tối để giặc lái còn ăn cơm, người ta đổ ra đường tấp nập. Đến một chỗ bóng cây tối đen. Đứng lại! Thằng cướp đường nhảy xuống. Mũi dao sáng loáng chĩa ra. Thế là, cái đồng hồ, cái phụ la, cái áo len, ví tiền, đôi giày cũng bị lột cả bít tất. Thằng trần ôm bọc đồ quay lại cửa rạp, cả bọn đã đợi. Chỉ ra đến Bờ Hồ mọi thứ đã bán xong. Rồi kéo nhau lên quán cạnh rạp Kim Phụng đánh chén. Hôm nào hết không được món nào cũng cứ dâng hoàng sả vào hàng phở, mì vằn thắn, gọi rượu. Chè chén xong cấp đít đi ra. Các hàng quán bị xúi quẩy này đã thuộc mặt từng đũa. Không dám đòi tiền, cũng không dám báo công an hay mách các hàng bên. Bởi chỉ khác mắt, thì cửa kính, mâm bát và cả ông chủ được xoi gạch củ đậu ngay. Ở ngõ hàng Giấy, một chủ quán phở chua đã bị một lần ăn gạch vỡ trán, sợ quá, phải đóng cửa hàng.

Tòa tuyên án tử hình tên cầm đầu băng trần hai mươi một tuổi. Cả phòng xử lặng im. Nghe tiếng khóc thút thít ở hàng ghế nào. Luật nghiêm thời chiến có khác.

Cũng tiếc ngày ấy tôi không quen cái huyện trung du ven sông Hồng nọ, để được về ăn uống lu bù ở cái nhà khách huyện mà chỉ nghe ở phiên tòa cũng cảm thấy nơi nghỉ ngơi này dễ chịu chẳng kém khách sạn ở Hà Nội. Bây giờ thì bí thư huyện ngồi án tù 18 năm rồi. Tôi chắc cũng chỉ đến giường lùn kiểu Đức, bàn ăn trải khăn hoa... nhưng quả là nó càng rục rở linh đình trong lúc bàn dân thiên hạ nháo nháo chạy máy bay. Tài liệu ở cáo trạng thì cái huyện ấy như một quốc gia nhỏ. Hai mươi tư chủ tịch hai mươi tư xã. Bí thư huyện trước kia ở làng, vốn là tay cứ mỗi năm đến vụ nông nhàn thì đi buôn gà Bắc Giang về bán chợ Đồng Xuân. Bí thư cự lái buôn này lắm mưu mẹo đã gọi các chủ tịch, bí thư xã lên cắt tiết gà uống máu ăn thề, làm kế hoạch mỗi xã hàng năm dựng lên công trường thủy lợi, ghi con số ma dân công để lĩnh tiền nhà nước. Lần lượt các chủ tịch, bí thư xã đều xây nhà. Các ngành các giới lên huyện họp được cấp tiền ăn như ăn cỗ gấp mười tiêu chuẩn. Chánh văn phòng giữ sổ sách, chủ tịch, bí thư huyện, cả ban thường vụ không hề biết mặt đồng tiền lương. Kho bạc nhà nước như chính gạo trong nhà. Ai cũng ngáp miệng, cán bộ cả huyện, cả các xã ngậm tằm.

Đến khi phải bắt đi tù vẫn cả huyện ủy, ủy ban, thì hàng huyện mới ngã ngựa ra. Trong ban chấp hành chỉ có một đảng viên nữ không dính, bởi sợ nhưng cũng không dám nói ra.

Một hôm, có chiếc máy bay bị tên lửa bắn rơi trên đê. Thằng lái nhảy dù xuống cánh đồng chui vào ruộng ngô, mở điện đài gọi cấp cứu. Một tập nữ dân quân núp giao thông hào trong xóm xô ra bắn đám máy bay lên thẳng vừa ập đến cứu nhưng chỉ quần đảo trên đầu, không dám bom, cũng không dám thả thang. Cô dân quân đội mũ cát quai ghì dưới cằm, gí mũi khẩu súng trường vào sườn thằng giặc lái. Cô thấp bé, thằng tù binh gầy, cao lêu đêu. Bức ảnh oai hùng ấy được truyền đi khắp thế giới. Những con người dũng cảm như thế, thời chiến mà, ở ngay cái huyện đương hỗn loạn coi trời bằng vung ấy đấy.

Vừa lên đên, lại một toán giặc lái được dẫn từ sau lưng Nhà hát Lớn ra đi qua phố Tràng Tiền, Tràng Thi xuống Cửa Nam, về Hòa Lò. Năm mươi hai người xếp hàng đôi, áo bà ba xám nhò, chân đi dép râu, thông thả, mệt mỏi. Cách quãng, một bộ đội kèm. Không lo tù binh chạy, mà đề phòng đám đông hai bên đường xô xuống đánh. Ở ngã tư đầu Tràng Tiền, người nhón nháo giơ tay hô đã đảo để quốc Mỹ, đã đảo giặc Mỹ! Đến phố Tràng Thi, đám đông càng hò hét loạn xạ. Mấy người nhảy ra thụi bừa một quả rồi lại chạy vào. Có một bà nà dòng vào đến hè, cười nắc nẻ: Cái gáy thằng Mỹ nát nhèo, đâm ghê cả tay! Những bộ đội giải tù chạy lên chạy xuống cản người ủa ra. Không để ý cả tiếng còi báo động trên nóc Nhà hát Lớn đã lại rú lên. Chúng tôi ở cửa hàng Tràng Thi cầm vai bia đứng trông ra đám người túi bụi. Lại một bà phốp pháp tât tả dưới đường lên, tay còn giơ nắm đấm, cười hơ hớ: Cái thằng Mỹ hộ pháp thế mà bụng nó toàn thịt mỡ bạc nhạc.

Đêm Nô-en năm nay lại vào Hòa Lò chơi với tù binh lái. Ấu cũng thêm một phong tục thời chiến, Nô-en Tết tù binh. Thói quen người Mỹ, bữa ăn thịnh soạn nửa đêm nhà nào cũng có món thịt gà tây - như ta Tết ông táo cúng cá chép. Thời Pháp, người Tây đã đem gà tây giống sang, nhưng thô và gà tây chưa thành món quen như gà thiên, gà ta... Không mấy ai nuôi gà tây. Con gà đốm đen, mào đỏ, người đến gần thì cau có, xỏ cánh chia đuôi kêu cộc cộc. Thế mà những năm ấy, nhiều làng hai bên sông Đổng, các hợp tác xã đã chuyển ruộng cho xóm khác, chỉ chuyên nuôi gà tây. Đến áp Nô-en, hàng đoàn xe tải biển đỏ của quân đội về lấy gà, đem ra cho tù binh Mỹ ăn Tết.

Cả hai cuộc kháng chiến, tôi đã gặp nhiều tù binh Pháp, Mỹ sĩ quan các cấp úy, tá. Trong chiến dịch biên giới phía bắc 1950, ở châu Bắc Sơn Lạng Sơn, Nam Cao và tôi đã trò chuyện với tù binh Pháp, đám quân quan thua trận của các binh đoàn Sác Tông và Lơ Pa bị bắt trên đường số 4. Đông quá không đủ lán trại, phải lùa cả vào các khe đồi hốc đá. Có đưa khát nước hay khát rượu, nằm rỏng lên một lúc, rồi thất cô. Có đưa phơi lá duối khô nhét vào ống đu đủ làm thuốc lá hút phì phèo tiêu sầu. Bước chân phiêu lưu vào lính, coi như đã cầm cái chết trong tay, người lính binh đoàn Tabo lê dương chỉ còn biết nốc rượu và giết người. Một lần kia, gã da đen gác cửa khách sạn Kônisôp ở Bon, nước Cộng hòa Liên Bang Đức, tên là Rimi người Ma rốc quê ở Casablanca. Rimi hỏi tôi:

- Thưa ông về Hà Nội?

- Phải.

- Tôi xin nhờ ông một việc.

- Việc gì?

- Ông tôi là Rimi Idri, đi lính Pháp sang đánh nhau bên Đông Dương năm 1949, mấy chục năm nay gia đình chúng tôi không được tin

túc. Thưa ông, nếu ông có khi nào gặp ông tôi...

Có thể người lính da đen quê ở Casablanca ấy đã đăng lính trong những binh đoàn Tabo bị tiêu diệt, bị bắt sống rồi chết trên rừng núi Lạng Sơn. Dễ thường tôi cũng đã gặp ông nội Rimi hay đã trông thấy nấm mồ ông nội nó ở Bắc Sơn. Nhưng lính Mỹ khác hẳn bọn lính Pháp loang toàng bạt mạng. Người lính Mỹ nào cũng từa tựa nhau. Trước cái chết có thể và sự giết người, mỗi người Mỹ đăng lính đều đã tính toán thành con số. Lương chính, phụ cấp chiến trường gửi nhà bằng tỉnh quê. Ăn uống hàng ngày và chi tiêu bằng tiền thưởng, sổ ghi cẩn thận. Không xem báo, chỉ đôi khi đọc truyện trinh thám, đi câu và đi săn. Hết ba năm mẫn lính, dành dụm làm sao gom đủ tiền mở được một cửa hiệu trong thị trấn hay tậu một trang trại nhỏ và một đàn bò. Những cái tính cộng trong túi mỗi người đại để thế, bởi vì đi lính kiếm đồng tiền nhanh hơn nhiều nghề lao động khác.

Nhà Hòa Lò, vẫn căn phòng mọi lần, có một chậu cảnh trồng một cây xương rồng châu Phi, cao bằng chiếc đĩa cả, giống xương rồng ông của ta. Một lát, chiếc xe Jeep dít vuông che bạt kín vào sân. Bạt sau mở, một tù lái bước xuống sau người lính. Tôi ngờ người tù binh nọ vẫn ở trong Hòa Lò này. Các ông quân giáo cho bật kín xe, đi loanh quanh một lúc rồi quay về. Tôi ngờ người tù binh biết như thế. Tuy không trông thấy và xe đi qua nhiều nơi mới đến, nhưng những tiếng động ở đây vẫn quen thuộc: tiếng phát thanh ở cái đài ngoài sân, con vạc, con chim lợn kêu đêm bay qua. Sau này, đọc phóng sự *Trận tập kích Sơn Tây* của một phóng viên Mỹ viết tôi càng tin thế. Người phi công Mỹ nào cũng được học các mật hiệu, nếu bị bắt giam, có thể làm dấu cho máy bay bay qua biết được.

Trung úy Giôn 26 tuổi, chưa vợ, người bang Ôhiô. Bố mẹ chết tai nạn ô-tô. Hai em ở trại cứu tế. Lái A4, bị đạn cao xạ. Thoát ra biển cách bờ khoảng hai cây số phải nhảy dù ngoài khơi Hà Tĩnh, tháng ba 1966. Hàng không mẫu hạm đậu ngoài biển Đông, Giôn chưa đặt chân xuống Việt Nam lần nào. Hai mươi lần đi ném bom, tám trận ra đánh miền Bắc. Đã được đi nghỉ ở Nagasaki, ở Manila, ở Băng Cốc.

Chúng tôi và người phiên dịch, với Giôn ngồi quanh chiếc bàn nhỏ, trên đặt gói thuốc lá Thủ đô bao bạc và một đĩa kẹo. Chiếc ghế đầu của thằng tù thấp - không được ghế mây như khách, mà Giôn vẫn cao lêu đêu ngang chúng tôi.

Tôi rơi xuống nước, thả phao nổi boi được ngay. Thế mà, không biết vương vào đâu, một bên đầu gối sái không cựa được. Tôi chưa kịp mở điện đài. Nhìn ra, thuyền và súng đã vây quanh. Bị bắt hơn một tháng, thưa các ông, lúc nào tôi cũng thèm thịt bò. Thèm mãi không có rồi quên đi. Bây giờ, đã hơn ba năm, ba năm hai tháng, một ngày rồi.

(Chiếc áo tay rộng màu lá cối. Số 31 in trước ngực và lưng áo. Dạo có những cuộc trao trả tù binh ở sân bay Gia Lâm, tôi đã trông thấy những tù binh phi công Mỹ đội nón lá, cổ đeo chuỗi hạt gọt bằng mắt tre, gộc tre, trong cái túi lưới đeo vai đựng bộ quần áo cánh có số và đôi dép râu, hệt quần áo và dép của chuẩn úy Giôn. Họ xin được đem những kỷ niệm ấy về xứ). Chuẩn úy Giôn này lắc cắc, nhanh nhẩu, không ừ ừ, mặt mũi (như thiếu tá tù binh Mác Tuên năm ngoái gặp cũng ở phòng này).

Lúc ấy khoảng hai giờ trưa. Lên bờ, tôi được cởi trói, mô tô đeo tôi một quãng rồi xe camiong đem đi. Một mình tôi trong thùng xe, với một người gác. Cảm giác đầu tiên: thế là cuộc đời đánh dấu chấm hết. Nhưng đến chập tối, được khai giấy tờ, có bác sĩ đến khám, cho thuốc mỡ bôi cái đầu gối sưng, tôi thoáng nghĩ tôi đương chờ đợi cái gì, cái gì không rõ, nhưng không phải cái chết.

Cho đến hôm nay, tôi còn sống, thế là Tết. Và cái tôi chờ đợi đã rõ. Tôi hy vọng một ngày kia được trở về. Bằng cách nào? Chỉ có Thượng Đế biết được. Còn tôi, tôi cầu mong chính phủ Mỹ suy xét lại về cuộc chiến tranh này. Hai bên thương lượng, cuộc đổ máu sẽ đi

vào quá khứ. Nhưng bây giờ thì tôi đang ở trong tay các ông. Tôi được sống hay tôi phải chết, không phải do tôi. (Giôn thờ dài rồi chép miệng. Giôn hay thờ dài như lấy hơi rồi chép miệng. Giôn lực lưỡng, cao lớn. Tôi nhớ năm 1944 hai mươi năm trước một phi công Mỹ lái máy bay hai thân đến ném bom ga xe lửa thành phố Vinh bị Nhật bắn rơi. Tôi trông thấy người lính Nhật giải tù binh vừa bị bắt sống qua trước ga Vinh mới phải bom sập còn khối nghi ngút. Người tù binh lênh khênh, hai cánh tay bị trói giật sau lưng, người lính Nhật cầm cái thùng dắt đi. Miệng người tù binh Mỹ há hốc, máu đỏ lôm cháy rờn rờn hai bên mép. Không biết bị đánh gẫy hết răng hay nhảy dù ngã).

Thưa ông vâng, hòa bình, tôi được trở về. Tôi sẽ được tha.

(Áo bà ba của Giôn rộng thùng thình, nhưng không có túi. Nguyễn Tuấn cầm bao Thủ đô, kéo một điều ra mời. Giôn cảm ơn. Cầm bao diêm Nguyễn Tuấn đưa, Giôn rút một que đánh. Nhưng đã thò nhanh hai que diêm khác, cong ngón tay, gảy vào giấu trong ống tay áo. Tôi trông thấy).

Chính phủ Giônxon đương điều đình với các ông? Tôi cũng nghe loa phát thanh tiếng Anh được biết. Tôi nghĩ cuộc nói chuyện có thể có kết quả nếu chính phủ miền Bắc thôi tiếp tế cho Việt Cộng. Tôi đã được cho biết từ khi mới đến Đông Dương như thế.

(Ngoài cửa sổ đột nhiên mưa rơi bập bùng xuống lưng tàu chuối như trống đánh. Tiếng nhạc đài oang vào tường, vang đi vang lại vách đá. Không biết ở các buồng giam, có nghe tiếng mưa và tiếng hát mọi khi cũng như thế này.)

Thưa ông, ông bảo tôi nên kết luận lấy? Quả thực tôi không biết thế nào. Người ta bảo tôi là chính phủ Hồ Chí Minh không muốn thương lượng nên chiến tranh vẫn tiếp tục.

Vâng, vâng, tôi xin trả lời câu hỏi: Tôi chỉ đánh phá xuống những nơi có thể cắt đường vận tải súng đạn và lương thực của miền Bắc cho Việt Cộng. Tôi phải thi hành lệnh cấp trên, vì tôi là lính.

Vâng, tôi ở hạm đội 7. Mía mai quá, đây là lần đầu tôi xuống đất liền ở Việt Nam... Các ông là nhà báo hỏi tôi có cảm tưởng thế nào, khi gặp các ông. Tôi ít có báo đọc, tôi nghĩ là các ông muốn biết ý kiến một tù binh Mỹ về chiến tranh và hòa bình. Tôi xin nói: Hòa bình tốt, chiến tranh xấu. Một ngày kia không ở đâu còn chiến tranh, tôi mong thế.

(Mỗi khi nghe xong câu hỏi, Giôn trả lời ngay. Có lẽ bẩm tính nó bộp tộp).

Không, không phải độc lập của Mỹ hay của Việt Nam bị xâm phạm. Nhưng nếu Mỹ không chặn lại thì cộng sản quốc tế sẽ chiếm miền Nam Việt Nam rồi chiếm Thái Lan, Miến Điện và những nước khác. Vì thế người Mỹ phải sang đây can thiệp. Ông hỏi nếu tôi được trở về Mỹ mà thấy trong thành phố có biểu tình chống chiến tranh ở Việt Nam thì thái độ tôi thế nào?

(Tôi đã ghi được một ít con số mỗi ngày ăn của tù binh Mỹ ở Hỏa Lò giá là 1 đ. Không có ăn sáng. Ngày hai bữa, mỗi bữa một bánh mì, bát canh rau muống cà chua, đĩa su su xào mỡ. Thịnh thoảng được ăn món thịt gà tây rán, gà tây nấu như đêm Nô-en này).

Nếu tôi được về nước, chắc khi ấy chiến tranh đã chấm dứt. Thế thì không còn biểu tình chống chiến tranh nữa. Nhưng nếu còn chiến tranh mà tôi vẫn là lính, tôi cũng không để ý đến đám biểu tình. Vì chính phủ Mỹ trả lương cho tôi không phải để làm việc ấy. Nếu tôi là thường dân, tôi có đi biểu tình không? Tôi không trả lời được ngay bây giờ, chỉ biết là tôi phải xem hai bên thế nào đã. Các ông bảo tôi lo bị bí mật thu tiếng để các ông phát lên đài, nếu tôi nói về chiến tranh không như chính phủ Mỹ đã nói, tôi có thể mất lương, có thể

bị tù, khi trở về. Xin lỗi các ông, tôi không biết, tôi không trả lời được câu này.

Tôi học trường đại học tổng hợp Pensule. Chuyên khoa địa lý, nhưng bỏ dở, năm thứ ba khi 18 tuổi. Vì hoàn cảnh gia đình.

(Nguyễn Tuân cười khẩy: Chuyên này ông sinh viên địa lý biết thêm địa lý Việt Nam).

Tôi đã thưa với ông, tôi chỉ được biết Việt Nam trên bản đồ. Tôi mới học kiến thức chung về địa lý. Năm thứ ba phải thôi học. Tôi đi kiếm ăn khá vất vả. Bố mẹ tôi chết, khó khăn quá cho chúng tôi.

Một giờ bay đi thả bom, tôi được phụ cấp bao nhiêu? Thưa ông, phụ cấp và tiền thưởng ở chiến trường trả theo cấp bậc và từng chuyến khác nhau, bay làm gì, đi đánh phá, đi yểm trợ, đi cứu đồng đội. Trung bình, mỗi tháng tôi lĩnh trên dưới một trăm đô la, chưa bao giờ hai trăm. Tôi được bay ít lắm. Không hiểu tại sao.

(Nguyễn Tuân bảo: Anh nói dối. Chuẩn úy Giôn chỉ đáp: Thưa ông rồi im lặng. Sự thực hạm đội 7 vào trận đánh, đồng loạt mỗi phi công phải cất cánh ngày một lần, không kể các chuyến bay ngoại lệ).

Thưa ông, tôi rất thích không quân. Bởi khi giải ngũ vẫn có nghề. Nhưng tôi không muốn bay trên trời Việt Nam làm những việc như vừa qua. Nếu còn làm nghề này, tôi chỉ muốn bay ở nước Mỹ của tôi.

(Nguyễn Tuân nói nghiêm nghị: Nhưng thật thì chúng tôi đương ngồi trước mặt một tên giết người. Nét mặt hớn hờ của Giôn chìm hẳn, Giôn mím môi).

Chiến tranh là tàn khốc, tôi biết, nhưng tôi phải làm theo lệnh chính phủ. Máy bay Mỹ bị các ông bắn, người lái rơi chết, nghĩa là các ông cũng giết người.

(Nguyễn Tuân cười nhạt, hỏi vặn: Giá thử bây giờ anh lái tàu bay từ Bắc nước Mỹ lên ném bom Nam nước Mỹ, thì thế nào?)

Mỹ và Việt Nam khác nhau, Bắc và Nam nước Mỹ không phải là hai nước.

(Nguyễn Tuân gõ gõ đầu tàu thuốc. Đây là cách lấy lại bình tĩnh. Thế là bực mình rồi. Những tiếng bộp bộp nặng nề của cái gạt tàn thuốc trong đêm thanh vắng, làm những vết nhăn trên trán Nguyễn Tuân dần ra. Nguyễn Tuân nói, thông thả: Nếu được tha, anh hãy về học lại đi. Đại học địa lý rồi mà dốt quá! Ai bây giờ bảo phía nam nước Mỹ là tư sản, phía bắc là cộng sản, anh nghĩ thế nào?)

Thế là điên, thưa ông.

(Nguyễn Tuân đứng lên, hầm hầm tro tàu thuốc vào mặt Giôn: Anh đương nghe lệnh một bọn điên đấy).

Tôi chỉ làm theo chính phủ tôi. Tôi đã khai là tôi có lái máy bay đi bắn và ném bom miền Bắc Việt Nam. Nhưng tôi chỉ bom bắn cầu đường phá xe của Hà Nội vận tải cho Việt Cộng. Thưa ông, tôi không giết người.

(Giôn ngồi ở cái ghế đánh dấu như chiếc ghế năm trước. Tôi vừa nhận ra con số 2541 quét sơn trắng ở chân ghế, đúng cái ghế năm ngoái thiếu tá tù binh Mác Tuên đã ngồi. Lúc nào Giôn cũng giữ một tay trên bụng áo. Giôn không biết tôi đã thấy nó lấy cặp que diêm nhét vào ống tay mỗi lần được cho thuốc lá hút. Giôn biện bạch một thôi).

Vâng, tôi chỉ được phép phá cầu, phá đường phá xe. Nếu có người chết, cũng là chẳng may người ấy gặp tai nạn, tôi không cố ý. Nhưng dù thế nào, xảy ra cái chết cũng là bất hạnh, tôi không muốn. Đức Chúa Trời dạy con người phải thương yêu nhau. Chúa dạy tôi sợ máu, tôi không dám nhìn máu, tôi không dám giết ai. Đức Chúa Trời...

(Nguyễn Tuấn lắc đầu nhè nhẹ: Giết người mà lại nói con người phải thương yêu nhau! Không hiểu. Người tù binh như sợ hãi, nói luống cuống).

Tôi không giết người, tôi không... Tôi không thù ghét, nước Việt Nam Cộng hòa hay nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Những người chết là người bị tai nạn chiến tranh. Nếu trên cầu trên đường lúc ấy chỗ ấy không có người thì không ai chết. Vì người ta đi đến đấy chứ tôi không chủ tâm làm người ta chết.

(Nguyễn Tuấn lừ lừ đứng dậy, gơ tay: Nhắc lại này. Bao giờ mày được về thì nhớ học lại địa lý. Không có hai nước Hoa Kỳ, không có hai nước Việt Nam. Nhớ đấy! Trung úy Giôn, con mắt xanh lơ ngơ ngác).

Các ông không phải là nhà báo. Các ông là quan tòa? Các quan tòa lấy khẩu cung tôi. Các ông sắp đem tôi ra xử. Tôi xin hỏi thực các ông?

(Nguyễn Tuấn rút hai điều Thủ đô đưa cho trung úy Giôn. Anh này mặt lúc đỏ lúc tái run run cầm thuốc: Cảm ơn, cảm ơn. Các ông có phải... Không giải thích hay an ủi, Nguyễn Tuấn bước ra, mặc câu nói dờ dang sau lưng. Nguyễn Tuấn trầm mặc, nghiêm mặt và một vẻ ta đây. Tôi thường chứng kiến đáng điệu đĩnh đạc ấy ở Nguyễn Tuấn, khi tiếp xúc với người nước ngoài. Nguyễn Tuấn lý lẽ và cứng cỏi. Ấu cũng lại một thói quen, cái người hay nói tôi không thích chính trị cũng đương chính trị mà không biết).

Báo động. Nhưng máy bay địch không vào Hà Nội. Như gắng, cũng lại như bình thường. Ở Pari, đương xuất hiện hai khả năng mà. Các góc gác phố vẫn đông. Hôm nào ban báo vệ khối phố cũng chia nhau đi vận động người sơ tán. Giục đi, nhưng cả người giục cũng nghĩ chỉ khi bom xuống người ta mới chịu đi. Đã nhiều lần như thế, mà cũng chỉ dạt đi ít lâu, nhật bom lại về.

Bom rền bên kia sông ở ngay Gia Lâm. Rung chuyển nặng nề đến tận gần sáng. Hai tháng im ắng, bây giờ lại rộ những trận bom đêm. Gió bắc đã về buổi sáng mây mù sao xác vẫn vụn. Mùa đông lại bắt đầu rồi.

Trong phố lan tràn tin đêm qua những đợt bom B.52 thả dần từ Giang Biên lên quanh cầu Đuống. Báo động suốt đêm, thế mà sáng ra người xúm xít mua báo ở ngã sáu quanh những gốc cây sưa. Những đợt bom nửa đêm kéo đến sáng. Còi báo động trong bóng tối u ám vừa dứt lại tiếp. B.52 xay thóc i i trên mệnh mông, ào ạt từng làn như gió dài đồng. Mép lửa viền chân trời theo ánh chớp giạt. Bom đánh xuống khắp vùng Đuôi Cá phía nam trên ngã ba đường đi Văn Điển. Nhưng vừa sáng bánh mắt chiếc tàu điện lụ khụ kéo hai toa, cứ đứng giờ ra khỏi xưởng chứa Thủy Khuê lại rình rình chạy ngang thành phố. Tàu không dừng lại chỗ tránh giữa phố Quán Thánh gần nhà máy điện, ở đây dãy nhà cao tầng xung quanh cháy đen đã đổ sập cả. Suốt ngày, tàu điện rong ruổi chợ Mơ chợ Bưởi, xuống Kim Liên, vào Hà Đông. Trên các toa tàu lơ thơ người, vẫn nỉ non tiếng hát xẩm của một ông lão lòa.

Quán rượu ngã tư chợ Hôm vẫn thế. Hôm này hàng nước nào cũng có nước trắng. Cái bà nà dòng chủ quán chao chát đôi mắt. Ba ấm giò bày song song, nhưng chỉ một giò nước chè bán cho khách đầu ghé. Làm phép thế thôi. Trong nhà, bốn góc tường, người lố nhố không ai nhìn ai, có người ực một chén rồi đi ngay. Lầm hôm, chỉ có Dương Bích Liên và tôi ngồi xuống. Chúng tôi gặp nhau tình cờ lúc xẩm tối, không rừ mà cùng lặng lẽ bước về phía cái vòi máy nước lắp ló trước quán rượu.

Ba người dầm ở sứ quán Pháp bước ra, giữa tiếng bom vang động. Tòa nhà chính của sứ quán giữa trưa tháng trước bị bom đánh đổ,

chết cả ông đại sứ. Như còn bốc bụi trong ánh điện. Tiếng bom chùm của B.52 không rít khủng khiếp như những quả bom tạ hôm trước xuống khu nhà này nên người ta thần nhiên chẳng. Họ ở sân quần vợt về khách sạn hay sứ quán Anh, sứ quán Thụy Điển gần đây. Vẫn báo động dai dẳng, chốc chốc, lại chớp bom sáng lóe nhằng nhịt. Nửa đêm về sáng, B.52 bom khu An Dương ven sông rồi quét một vệt lên nóc nhà Bác Cổ, bãi Lương Yên, bệnh viện Bạch Mai. Lại ném bệnh viện Bạch Mai.

Các sở bia Trần Hưng Đạo, Tôn Dân, Chuồng Cọp đông hẳn hơn mọi khi. Đuôi dài đứng sấp hàng quanh bãi, thò ra tận giữa đường. Người nóc từng cốc vại, người còn đương sấp hàng chưa được giọt nào, những khuôn mặt sốt ruột cũng đỏ phừng. Quanh cốc bia toàn những chuyện thâm. Ở bãi Lương Yên, một cô bác sĩ, ngày cưới 24, đêm qua chết. Người nhà liệm cho cô chiếc áo dài kếp hoa đào. Mùa cưới đã đến. Trên đường, chấp tôi thấy phấp phới những dấu hiệu đám cưới: chiếc xe đạp phóng nhanh, sau xe buộc chiếc trống to của ban nhạc. Một người ngồi dè, tay ôm cái chậu thau men hoa đỏ mừng bọc giấy hồng. Một nhà hé cửa, những hình các thứ hoa thập cẩm rực rỡ mặt bàn. Trên tường chữ L, chữ N bông lên nhau. Bom liên miên suốt đêm quanh phía ngoại thành. Có tin bí mật phổ biến đêm nay Mỹ đánh vào các phố trung tâm. Khi báo động B52, đài truyền thanh sẽ phát khác thường ngày. Khi đài nói liền hai câu giống nhau: Giặc Mỹ có âm mưu đánh phá ác liệt vào Thủ đô... ấy là ám hiệu cho các đội bảo vệ biết B52 đương vào thành.

Từ chiều, mấy lần báo động đã nghe cái câu ghê rợn ấy trên đài. Người vào từng nhà xem còn ai thì xua ra hầm. Các phố lại im ắng. Đột nhiên, gần nửa đêm cho tới sáng, từng đợt B52 ào ào ù ù cối xay cối giã trên trời không lúc nào ngớt. Những quả bom đầu tiên rơi xuống bờ hồ Thiền Công. Một khúc đường nhựa cong vồng lên. Hàng cây sanh cây si trước công viên Thống Nhất đương mơn mơn buông rủ chùm, biến mất. Một chiếc ô-tô vận tải đậu ven hè, nhà xe và mấy người khách ngủ nhờ đề mai đi sớm, xe và người nổi lều bều mặt hồ. Những đợt bom nối nhau trút xuống Kim Liên, loang sang cả vùng Khâm Thiên phố xá, ngõ ngách chẳng chịt, xuống tận ô Chợ Dừa. Bom rơi ngay trước mặt, gần quá không nghe rền nữa. Tiếng gió hú, tiếng nổ chát chát vào hai mạng tai.

Một cái đuôi tên lửa rơi ình xuống mái hiên quán cà phê phố Hàm Long, sau sứ quán Pháp. Người ở đâu các phố tuôn ra nháo nhác: bom bịt cả bốn cửa ô rồi. Một người phong phanh cái may ô, gặp ai cũng búi lấy kêu Ôi giờ ôi, thùng dầu rồi... tôi thùng dầu... Tôi vít cái đầu tóc rẽ tre xuống. Không sao, không sao, thùng dầu thì không chạy lên được tận đây đâu. Anh ta lại bỏ xấp, bỏ giữa chạy và kêu: Có phải... ôi giờ ôi, tôi thùng dầu...

Một con trâu dằng cửa ô lồng vào phố chạy nhong nhong như ngựa. Đội cứu hỏa các phố xuống Khâm Thiên cứu khỏi bạn. Chỉ còn lại vài người, nhưng cũng đủ bộ cái xe nước, cái bơm mới sơn đỏ chói, với thang, cáng cứu thương... Tôi cầm một chiếc câu liêm. Qua chấn xe hỏa, bụi bom bụi đường ngập mắt cá chân. Trời dần dần sáng, trông rõ các ngõ ngách lấp ló từng quăng, mùi dầu sả xông lên, hắc như ở nhà xác. Những ngọn điện chẳng dây vừa mắc ra ngoài tường, sáng đỏ lờm. Tiếng nước vỡ ống chảy rào rào. Bên những dãy nhà đổ thành đồng, còn một mảnh tường đứng. Bốn gian cầu chợ Khâm Thiên tan tành, ngổn ngang, trơ ra cái hầm công cộng nổi lù lù như cái mã. Mà cái mã thật. Cả nhà con ông Thảo đội dân phòng phố tôi phải hơi bom tạt vào trong cái hầm nổi này. Bảy người đứng đầu hầm, chết ngạt cả.

Một ông chênh choáng rượu ngồi trong đồng gạch chửi lên cái loa phóng thanh còn sót lại đương nói xa xa trên nóc nhà đầu tường đằng xa. - Tắt bố mày đi! Không trông hàng phố chết hết rồi à? Ông say rượu chửi như gào thi với tiếng loa. Một người đứng lên trên đầu

tường thờ cổ ra - Loa của thành phố tận ngoài kia mà... Ông say lại réo: Tiên sư cái thành phố nhà mày, trông mà nhớn mà bé kia kia...

Trong các ngõ, người lồm ngồm đào, moi dũi ra từng vốc đất. Xe cần trục đứng xếp dãy ngoài phố không có lối vào được. Khói hương nghi ngút lẫn mùi sả trên từng dãy xác người nằm đắp chiếu chiếu một bên vỉa hè. Vừa rạng sáng, ở phố ngoài người ở đâu ra đã sắp hàng đông gạo đông hơn mọi khi. Cửa hàng mua dầu còn xúm xít hơn nữa. Nhiều nhà lục tục dọn đến ở ngay các hầm công cộng. Trong nhà thờ Hàm Long, nhà thờ Hàng Trống và bên tường các sứ quán ở phố trên người ta che ni lông ăn ở luôn đấy. Chỉ có sứ quán Pháp, sứ quán Angiêri mới bị bom, không ai dám lai vãng. Dây phơi quần áo căng ra. Tiếng trẻ ho, tiếng nhóc con khóc. Khói thổi com vẩn vơ trên bờ tường. Những con bò kéo xe, khoác khổ tải đứng cạnh gốc cây. Ở Uy Nỗ, ở Mễ Trì bị bom đêm, các chủ xe đã đuổi bò rừng rừng vào thành phố, qua vùng Khâm Thiên trọ trú hẳn một bên.

Khâm Thiên cổ kính, xa xưa. Mùa thu canh tuất 1010, ngót một nghìn năm trước, nhà Lý định đô ở Thăng Long, đắp đê La Thành. Từ thời ấy ô Chợ Dừa cuối phố nghiêm ngặt đồn gác của một cổng chính thành Thăng Long - Hải Thượng Lãn ông đã kể trong *Ký sự lên kinh*.

Phường Đông Tác - ngõ chợ bây giờ, phường Thịnh Quang ở cuối phố, ô Chợ Dừa với khu Thịnh Hào, phường Xã Đàn ở phía nam, phường Bích Câu phía bắc - những phường đông vui nhất kề bên cửa ô. Khu Trung Phụng gần chợ có cầu Muống, rau muống Kê Chợ ngon nổi tiếng. Cung Tả Phụng Thánh, dinh cơ của các thời chúa Trịnh bên cầu. Con đường nhựa phố Khâm Thiên bây giờ vẫn là đường cái quan xưa từ đầu ô vào Văn Miếu qua Thịnh Hào, Văn Chương, cửa Đại Hưng đến Hàng Cỏ lại lộn về Khâm Thiên giáp. Khâm Thiên ngày nay 26 ngõ phố, cũ mới chằng chịt. Ngõ Liên Hoa vào chùa Liên Hoa. Ngõ Thổ Quan có đền thờ ba chị em họ Đào, tướng của Hai Bà Trưng. Các ngõ đều ra đời theo lịch sử và thời gian. Ngõ Cổng Trắng, một cái cổng thoát nước ủng vùng Văn Tân, Linh Quang, Văn Chương ra hồ Ba Mẫu ô Đồng Lâm. Ngõ Sơn Nam, tên nhà triệu phú Bạch Sơn Nam, có dãy nhà cho thuê suốt ngõ. Trần Huyền Trân ngày trước đã ở đấy. Cũng như các ngõ Vạn Lợi, ngõ Tân Châu, ngõ Nam Thái, đều là những tên chủ ngõ.

Khâm Thiên, Hăm Bốn Gian, Vạn Thái, ấp Thái Hà, Vĩnh Hồ, Ngã Tư Sở, những phố ở xa nhau nhưng có nhiều nhà hát ả đào. Tiểu thuyết *Sau ánh sáng* của Trần Huyền Trân miêu tả lầy lội chui rúc, cái ngõ, động mưa thì ngập nước, lập lờ những mảnh đời tăm tối sau ánh sáng của các tiệm nhây Rex, Takana, nhà đốc Sao... Cao lâu Trung Sơn tàng tàng của chú khách đầu ô chẳng món gì đáng nhớ, nhưng mà nhớ, vì khách chơi đặt châu mẫn và các món nhắm khuya ở đấy.

Ngang dọc hai cây số các ngõ Khâm Thiên xưa và nay bề bộn lịch sử đã tan tành trong đêm bom khủng khiếp. Chợt nhận ra tàu hỏa rời ga hàng Cỏ về phía nam, trước tiên ra ô Đồng Lâm qua giữa hồ Ba Mẫu và hồ Bảy Mẫu. Trong những ngày thành phố bị tàn phá này dường như lịch sử được chú ý nhiều hơn.

Mùa đông năm nay, thời tiết Hà Nội bị B52 giằng xé, cái gió cái mưa thay đổi từng hôm. Đương hanh hao lại chợt nồm rồi lại rét, lại mưa dây mưa rợ. Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội 60km... 40km... 20km... thế là còi ù, máy bay địch đã vào... có khi lâu cả tiếng đồng hồ, lúc lặng như tờ, lúc bom súng dội lên. Đồng bào chú ý! Máy bay địch đã bay xa. Khi ngót tiếng nổ, chỉ thoáng hai tiếng chú ý, người ta đã đoán hết được. Nhẹ nhàng, thông thả và hai tiếng đã bay xa mới thanh thân sao. Trên hồ Bảy Mẫu đã biến mất cái bến thuyền và ngôi nhà hàng nổi mới hôm qua bán giải khát và bánh tôm. Các cô mậu dịch ở bãi bia Chuông Cọp đã bỏ quán

đi cứu sập cửa hàng và bến thuyền này, hôm nào đến lượt bãi bia?

Sân bệnh viện Bạch Mai điện sáng choang. Những chiếc cần trục hùng hục ngoạm đất. Tiếng hát lẫn tiếng tường đồ rào rào. Ngoài đường trước cửa, ánh đèn dầu le lói, loáng thoáng bánh xe người qua lại. Khay thuốc lá. Cái bom xe đạp. Bàn phở gà che mái lá. Phở ngon ngang, nhưng cái chần xe lửa vẫn còn nguyên. Chì gác barie rút lá cờ đỏ, cấm cũi đẩy cái chần. Chân chần đã rít chặt đất, phải đem cuộc chim ra moi. Trong lòng phố vẫn thoáng ra lẫn lộn mùi sả, mùi hương đám ma.

Một hàng nước và ngô luộc lập lòe đèn bên vỉa hè chỗ xếp một dãy xác chết đắp chiếu hôm qua. Người ngồi quanh thúng ngô luộc khỏi nghi ngút, kể chuyện nhà kia ở ngõ Lệnh Cư, có bảy người chết cả, chỉ còn một người thì đang ở chiến trường B. Người ta im lặng nghe dài đọc tin của sở công an về trị an mấy ngày bị bom liên miên. Tên lưu manh Như Bảo lấy trộm chiếc xe Favorit lúc bom B52 đêm hôm kia. Tòa án kết án 6 năm tù và 3 năm không được ở Hà Nội.

Lại thì thảo chuyện ở Pari ông Thọ với lão Kít đã ký tắt đình chiến. Không ai tin, vì còi báo động và tiếng bom vẫn ỳnh oàng xuống. Lời đồn đại như một ước vọng. Lại thêm những rí tai sốt dẻo. Ngày kia 13 - đúng 13, lão Kít đến Hà Nội... Người ta mách nhau cả bộ dạng thằng Kít: lão ấy tóc mai to, kính trắng gọng vàng, và lại kẻ vanh vách: Kít sẽ thăm Khâm Thiên, bệnh viện Bạch Mai. Ôi! Thằng bỏ mẹ! Nó đi xem chỗ nó vừa giết người. Kít sẽ dạo chơi công viên Thống Nhất. Kít xem văn công... Thế là thế nào!

Chẳng biết ra thế nào? Nhưng có điều đích xác là các quán bia mấy hôm nay đóng cửa. Người ta kháo nhau rằng công an sợ các bom bia bốc bên kéo ra chặn xe ném cóc vào mặt lão Kít. Không thể, ai cũng còn đương ngỡ ngàng cái thằng kẻ cướp bỗng hóa ra con mèo hiền lành, sao lại đã sang Hà Nội còn hôi hoi hơi bom của nó thế này! Đám trẻ đùa bên tường hầm trú ẩn. Chúng nó gọi nhau: Kít? Kít! Rồi cười the thé. Một đứa thò đầu vào dây phơi quần áo như cái mảnh mảnh buồng. Nhà nó đã ra ẩn ở đấy.

- Bà ơi! Thằng Kitsingior sang hỏi thăm bà đấy.

- Con đẻ mẹ mày, kít với chẳng kít!

Thế rồi mọi việc không mong không đợi đường như cứ đến. Có người quả quyết đã trông thấy lão Kít kính trắng gọng vàng ngồi xe qua Khâm Thiên. Rồi tù binh đôi bên được thả ở Lộc Ninh, ở Hà Nội. Sân bay Gia Lâm chín giờ sáng còn sương mù. Một chiếc máy bay quân sự Mỹ hạ cánh cuối đường băng, nhả cái thang dưới bụng. Nhân viên ủy ban quốc tế xuống trước. Mấy sĩ quan ta và Sài Gòn đi sau. Một người thấp bé, áo quần rằn ri, mũ nồi đỏ, cái cần máy ảnh giơ cao. Phóng viên chiến tranh Phan Nhật Nam, tác giả phóng sự *Mùa hè đỏ lửa* tôi vừa đọc. Trở về Sài Gòn, Phan Nhật Nam viết báo than phiền Hà Nội buồn lắm, nhưng ăn gà luộc ở khách sạn thì quả là thấy thịt gà ngon đậm như ông Vũ Bằng đã viết trong *Miếng ngon Hà Nội*. Anh ta xin phép gói mấy miếng bỏ vào cái áo tám túi. Lại ngao ngán nỗi không thấy văn nhân nghệ sĩ nhà báo nào được ra sân bay cho hắn thấy.

Rõ hồ đồ, Nguyễn Tuân và tôi từ sáng sớm đã đứng uống bia Trúc Bạch trong quây nhìn ra đám tù binh Mỹ áo xanh lá cối, cổ đeo tràng hạt gộc tre, cả bọn xếp hàng chui vào bụng máy bay. Và xem chúng mày ngo ngoay lên xuống, giơ máy ảnh.

Ngay chiều hôm ấy, tôi có việc sang Libăng. Rồi Hà Nội, vẫn ga trời Gia Lâm. Nhưng đề phòng bắt trắc, bay trong chiều thật muộn. Chiếc IL 18 đổ một mình trên đường băng. Hành khách lèo tèo vài người. Một bà người Hung đương uống cả một cốc to rượu bò đào. Cô chiêu đãi viên hồng vệ binh Trung Quốc áo xanh công nhân, bật đèn trong khi kéo kín các rèm cửa sổ. Máy bay chưa khởi động đến cánh

quạt thứ tư, bà người Hung đã ngủ vùi trên ghế phòng đợi. Bà uống để tránh biết máy bay Mỹ, nếu nó đến. Nhưng quá liều. Người ta phải dìu bà lên máy bay.

Hà Nội sau lưng âm u trong chuỗi đèn vàng vọt. Máy bay bay thấp, ánh đèn lập lòe như đom đóm bám ngoài cánh. Chưa còi dây an toàn, đã đương xuống Nam Ninh thành thoi rồi.

III *Tiếng Pháp: bữa ăn đêm như giao thừa.*

Chương 6



TÔI Ở LẠI MATXCOPA MÃY HÔM. Được tin Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng sớm mai tới đây cùng một chuyến bay. Nguyên Hồng dự kỷ niệm một danh nhân văn hóa Nga. Nguyễn Tuân đi nghỉ bạn mời.

Hai người sẽ trọ ở khách sạn Bắc Kinh như tôi. Vốn quen thuộc với khách sạn này - một nhà nghỉ và cao lầu bấy lâu cũng chìm nổi theo thời sự. Những năm 1958, khách sạn Bắc Kinh mới khai trương, tôi đã được chứng kiến những ngày huy hoàng đầu tiên và cũng là sau cùng của khách sạn này.

Matxcova vốn có một phong tục hay. Ở đây có quán ăn của các nước cộng hòa và của nhiều nước khác. Mới đây, hãng Mỹ Mác Đô Nan mở cửa hàng bánh mì kẹp nhân thịt ở cạnh quảng trường Puskin, người xếp hàng dài vào mua cái món ăn quen mà lạ. Cao lầu Grudia, cừ nướng thơm ngát mùi chẳng khác khói mỡ các quán cổ kính, hoang dã dưới hầm ở thành phố Tybilitxi. Người nhà bàn, áo sơ mi trắng viền đỏ quanh cổ. Tiếng nhạc Grudia như vẫn vương từ thảo nguyên tới. Các phòng ăn cao lầu Bắc Kinh, kiến trúc và trang trí như một dinh thự, một lâu đài, một hành lang bao quanh hồ ở Di Hòa Viên. Cột đình sơn son thếp vàng chói lọi. Những bức lụa quốc họa én bay liều rù. Món vịt quay Bắc Kinh nổi tiếng, nhà bếp bung cả con vịt lên bàn trước mặt khách, với dao và thớt phụ bếp xách theo. Con vịt vàng hây đã được rút hết xương, dao chặt hoa lên như múa. Hàng ngày, máy bay chở rau, gia vị và các thứ nhà bếp cần dùng, chỉ có bấy tiếng từ Bắc Kinh đưa thẳng tới.

Rồi trải ba thập kỷ, khách sạn Bắc Kinh ở Matxcova tàn lụi, thoi thóp. Nhà hàng vẫn giữ vẻ bề ngoài, vào bàn có thể cầm đôi đĩa mun đen bóng, có đĩa măng khô và miến xào mộc nhĩ. Mặc dầu, nhà bếp Nga đã thay đầu bếp Trung Quốc, nhưng mà đường xa và thói quen hơi hướng đĩa bát quê hương cũng là một cái thích khiến tôi vẫn mỗi khi qua thì ăn nghỉ ở đây.

Từ năm ngoài, có sự giao lưu trở lại, khách sạn Bắc Kinh đã tươi tỉnh hẳn lên, có thể còn xuân sắc hơn xưa. Kiến trúc sư, họa sĩ và các nhà chuyên môn Trung Quốc sang tu bổ nội thất. Những xén xắc nhà bếp Tàu đội mũ nồi ngất ngưỡng màu xanh, màu hồng lại bung cả con vịt quay vàng tía bóng mỡ lên rồi múa dao chặt thành miếng trước mặt thực khách. Biết tin vui thế, nhưng chưa lần nào còn được trở lại. Những người đi việc công có đôi chút ghé gắm ghé nghiêng ra về du lịch như tôi kiểu nhà nước cấp tiền và nhờ vả, rất những trở trêu và buồn tủi. Miếng ăn, cái uống, nơi nào sao mà tự mình định được. Ở Tân Đề li, khách sạn ba sao Giampat mỗi lần tôi qua tầng trệt, các chủ hàng thoáng thấy, vội ra đứng trước quầy cúi đầu cung kính mời vào xem vàng bạc, đồ da, đá quý và các thứ rượu. Nhưng tôi ngược mắt đi qua không chào lại vì như còn đương mãi nghĩ. Chả là tôi vừa nhận giải thưởng Hội nhà văn Á Phi 1969, bà thủ tướng J.Gandhi trao tặng kèm nghìn bảng Anh. Nhưng trong va li tôi chỉ có tờ bằng chứng nhận và chiếc huy hiệu bằng đồng to như cái

đĩa. Và mấy chai vôtca các bạn nhà văn Nga cho, ai đến mừng thì nâng cốc vui sướng. Hôm sứ quán ta nhận tiền giải thưởng tôi đưa, có làm một tiệc đứng ăn nem rán mời khách.

Cái năm Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng với tôi đến ở khách sạn Bắc Kinh cạnh quảng trường Mai còn hiu hắt. Chúng tôi vẫn còn được uống Mao Đài, kẻ cũng là cái thú còm. Không biết ai là người trước nhất nhớ ra năm 1978 ấy, nhà văn Nguyên Hồng tròn sáu mươi tuổi. Nên chơi một cuộc chúc thọ ông chứ! Mọi tốn kém trông vào tiền bài báo tôi vừa nhận của báo *Tin Tức*, bạn thân Misen đưa cho. Tự huỷ cho có mẽ, chứ chỉ là bữa chén thường, có của quý Mao Đài với mấy bạn nhà văn và bạn phiên dịch tiếng Việt ở Matxcova. Phía chúng tôi, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng và Nguyễn Văn Mãi với tôi, hai chúng tôi đương đợi ngày hẹn tàu hỏa đi Vácsava. Phòng ăn lớn đông nhộn. Dân nhạc cuối phòng nổi lên, người ta bắt đầu nhảy. Marik bảo tôi: Này ông để ý nhé, những người vừa làm châu sâm banh xong ra sàn nhảy kia không phải như ông là khách nước ngoài trên phòng xuống ăn tối đâu. Không, bọn chó lợn ấy là giám đốc, là người làm cửa hàng nhà nước ở các phố quanh đây. Anh Vlat phiên dịch tiếng Pháp khi còn sống, hay đưa tôi xuống thành phố bờ biển Yanta trong bán đảo Crum. Lúc đầu tôi không hiểu sao Vlat rất ghét những người có nhà rộng, buồng đẹp hàng năm cho khách thuê mùa hè. Nhưng rồi Vlat nói: Bọn chó này thời chiến tranh thì chạy hết xuống phía nam, đi buôn lậu, giàu lên, có tiền tậu nhà, chúng nó sướng đến tận bây giờ, mà em trai tôi thì bỏ mạng ở chiến hào ngoại ô Matxcova. Sân khấu Hà Nội đã diễn vở kịch *Câu chuyện ở Ieckut*, có hai thanh niên xung phong đi khai hoang đã chửi người chị là nhân viên cửa hàng của nông trang không dám ra khỏi nhà một bước, chỉ bám vào cái quầy bách hóa rình ăn bớt của khách từng đồng xu. Những ti tiện ấy tôi cũng đã chứng kiến ở bistro và các quầy ăn đứng trong khách sạn. Những hôm vắng khách, không phải xếp hàng, có mình tôi mua gói sữa smetan hay miếng pho mát, thế nào tiền trả lại cũng thiếu vài hào, vài xu. Những bà bán hàng béo ục ịch ấy đã biết tôi không có tiếng Nga.

Đương vui, lại thấy Nguyên Hồng lật đật ra thang máy. Chốc chốc lại bỏ đi một lát.

Cô Ina Zimônina hỏi:

- Ông Nguyên Hồng quên những gì trên buồng mà cứ phải lên nhiều lần?

Tôi cười:

- Không, ông ấy có bệnh.

- Thế thì phải đi khám. Bệnh gì?

Tôi chạm cốc với cô bạn Nga kỹ tính.

- Không cần. Bao giờ cô được ăn mừng lên lão sáu mươi tuổi thì cô sẽ biết những bệnh của người già, bệnh già.

- Áp huyết hay thấp khớp?

- Ina thân yêu, bệnh Tào Tháo đuổi thôi. Không đáng lo!

Bao giờ cô đến sáu mươi... bệnh già... Không khi nào tôi hỏi lại Nguyên Hồng hôm ở phòng ăn khách sạn Bắc Kinh làm sao cứ mỗi lúc lại phải chạy lên buồng. Biết rồi, chẳng đái giắt thì cũng đi trống tràng, mà hôm nay không ra đến phố chỉ ở trong nhà nên hà tiện một viên thuốc rửa. Đã lâu, nghiện rượu chợ, rượu tạp với ớt, với ôi, với mướp đắng heo hút ở đồi Nhã Nam, vợ vào ăn và uống lộn xộn đã quen đã. Đến nổi cái ngon lành lại đậm lạ miệng, rối loạn tiêu hóa. Tôi đã biết từ lâu ông bạn rượu của tôi khôe nhưng yếu bụng kinh niên.

Trong cái cặp da bản thảo thường cặp theo, lúc nào cũng kẹp sẵn mảnh giấy dầu vỏ bao xi măng Con rồng xanh không thấm nước. Có việc cả đấy, việc cực gay gắt. Đêm ngủ đâu nhờ một cái, mà chuông xi ở nhà dưới, ở sân sau, đèn đóm không có, khuya khoắt quá rồi thế là người lần ra hiên hay cạnh cửa sổ, trải mảnh giấy dầu ra. Được cái phân thảo tổng thì ít nặng mùi, rồi gói lại kỹ lưỡng bỏ vào cặp. Hôm sau vứt xuống hồ hay đồng rác nào đấy. Có khi tiếc cái giấy còn tốt, lại gột sạch đem phơi. Chẳng coi là sự bần thiêu phải giấu giếm, nhiều lần Nguyên Hồng đã cắt nghĩa cho tôi về tác dụng nghệ thuật so sánh hiện đại của mảnh giấy dầu. Nguyên Hồng bảo: Trên máy bay người ta bình vào bụng hồ xỉ thì cũng thế. Cái kiểu tuân xuống đường sắt ở xe lửa còn kém văn hóa hơn nhiều. Lý sự đến vậy thì chịu. Khôn khổ, cái lão cãi chày cãi cối cho bệnh già mà lão không khi nào chịu ai chê lão già. Lão thường phàn nàn âm ỉ là vợ lão khéo như con mèo hen khiến lão mất cái hứng của Dương Khuê sớm tinh tinh sớm, trưa tinh tinh trưa. Không, nhưng mà cũng có, những tờ nhện thoang thoảng. Nạ dòng, má phúng phính bánh đúc, áo cánh chồi, nhai trầu môi cắn chỉ là ăn ý lắm. Mỗi khi gặp người đáng đáp vợ cai vợ lính xưa mà chúng tôi đều đặt tên là bà ách và ghép tưởng tượng cho lão Nguyên Hồng, bà cai ách bán bia hơi gần chợ Hôm, bà cai ách bia chai ở bờ hào trên Sơn Tây là vậy.

Có một trận tan hoang hơn. Đạo ấy, trên Yên Thế ở cái chợ chân đồi mà Ngô Tất Tố đã miêu tả trong bút ký *Phiên chợ trung du* ở Tạp chí *Cứu Quốc* có một mù hàng xén tân cư. Chẳng hiểu ông anh câu được bà mèo già ấy từ bao giờ. Chỉ biết rồi mãi cái kim trong bọc cũng phải lòi ra, có người mách, một hôm bà chị đã kéo cả đại đội binh mã con cái ra đánh ghen một trận. Mù hàng xén bán sơi đi nơi khác. Ít lâu sau, tôi hỏi: Bóng chim tăm cá ra sao, có còn gặp lại nàng Kiều không? Nguyên Hồng nhăn nhó trả lời: Mất mẹ nó cái màn. Chẳng biết người ta dọn chạy đôn với cái màn nhà văn gửi bán hay cái màn của ông ấy đem ra mắc đề đêm nằm cho đỡ muỗi!

Vẫn chưa hết những chuyện tâm phơ. Có một quán bia hơi gần ngã sáu mà trong một thư của Nguyễn Tuân viết cho tôi lên Lai Châu có nói đến quán bia bà cai ách vẫn còn bừa dục bừa cái - cái tên bà cai ách cũng vẫn là chúng tôi đặt và gán cho ông cai ách Nguyên Hồng. Bà cai ách và lại một câu chuyện gần hương gió bay đâu cũng thấy kệ. Nguyên Hồng để ý cái bà nạ dòng phì nộn ấy. Mỗi lần có xe bia về, lão xích lô co chân đạp hai thùng bia lăn xuống hè, bác gà trống cứng cựa Nguyên Hồng tỏ tình bằng cách lau chau ra ghé vai vác thùng bia vào, kê lên bệ cẩn thận. Hôm khác, lão xích lô xe bia về, lót gạch đạp xe lên hè vào sát cửa. Làm cho tình địch Nguyên Hồng mất một dịp ra tay giúp đỡ và gần gũi. Nhưng mỗi lần bia về, Sơn Tinh xích lô và Thủy Tinh Nguyên Hồng khi nào cũng được bà lão người đẹp rót cho mỗi người hai vại bia tươi đầu tiên và chúng tôi cùng được chan hòa hưởng lấy.

Một hôm, tôi mách Nguyên Hồng: Ông ạ, quán bà cai ách sắp bị đóng cửa? - Sao? Sao? - Bà ấy bảo chúng nó đồ cho bà tăng tịu với lão xích lô, tai tiếng âm ỉ, nhà máy không cấp sổ đại lý cho nữa! Nguyên Hồng cười hê hê. Ôi mẹ ơi, nhà máy bia ô Mèn bây giờ kiêm cả công tác bảo vệ đạo đức bà phó Đoan!

Ở khách sạn Bắc Kinh, sớm hôm sau, Nguyễn Văn Mãi và tôi đi Vácsava. Chia tay, tôi hỏi Nguyễn Tuân:

- Hôm nào ông xuống nghỉ dưới bãi biển Yanta?
- Không, mình ở đây...
- Đi nghỉ cơ mà?
- Đây cũng là đến nơi nghỉ rồi? Cuối mùa thu, sắp có tuyết, xem tuyết Matxcova cũng hay.

Tôi chịu. Đó lại là sáng kiến tự gây hứng thú, ai mà cãi được. Khi mùa đông tới, người Matxcova xuống Hắc Hải tránh cái băng giá phương bắc. Nguyễn Tuân thì muốn ở lại nơi ban đêm ba mươi độ âm để xem tuyết? Mà Nguyễn Tuân mới chỉ qua cảng Ôđetxa, chưa đến thành phố thoáng đảng cửa biển và lịch sử Yanta trong bán đảo Grum lần nào. Cái kiểu nói của một người cả đời thêm đi bây giờ cũng đậm ra ngay đi rồi.

Đến hôm tôi ở Vácsava trở lại, cả Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng đều đã về Hà Nội. Anh bạn Marik kể rằng ông Nguyên Hồng xuống Khackôp đi xem bóng đá thấy những pha đẹp mắt, ông đứng trên khán đài huara huara loạn xạ rồi ôm đại các bà đầm hai bên, nhảy lên. Cô phiên dịch Galina khiếp quá phải điện về hỏi Matxcova, cô Ina - lại một người đàn bà khác, cũng sợ quá, lập tức bảo đưa ông ấy về ngay. Thế là ở Matxcova hai ông cùng nhau ngày ngày ngồi uống rượu trông ra cửa sổ xem tuyết rơi. Hôm Nguyên Hồng về, Nguyễn Tuân cũng về theo - trước cả ngày hết hạn nghỉ.

Tôi đến chơi nhà, Nguyễn Tuân đứng dậy mở cánh cửa chớp, rồi lấy ra một chai cô nhắc năm sao trong đám hành lý mới về. Một chút nắng chiều đông nhọt nhọt còn rớt lại ngoài cửa sổ, dung đưa như miếng lụa hoa cau bị xô rách. Không ai nói một câu về mấy ngày Matxcova vừa qua mà bỗng chốc đâu có thể quên ngay, dầu cho không có gì vui buồn đến gợi nhớ. Một lúc lâu, Nguyễn Tuân mới rầu rầu nói: Chẳng ở đâu bằng ở nhà, cái khách sạn nhà tớ, cậu ạ. Không biết thế có phải cái nản chí của người già bạc đến hết cả lòng mới nghĩ quần thể chẳng.

Lại còn không biết sao nữa! Chẳng qua đây chỉ là lão giang hồ tự hỏi, tự hận. Cái đau của một người cả đời ham đi mà rồi dần dần không đi đâu cứ quanh quẩn, bức bối, bức dọc, dằn vặt. *Trái mãi gió bụi, mái tóc càng thưa thêm. Tâm sự và tóc.* (Cao Bá Quát). Hai cẳng chân ngày càng giờ chúng, làm mình làm mẩy. Ngày ở rừng Việt Bắc, tôi đã thấy cái người hay nay đây mai đó ấy chịu khó chăm lo cho hai chiếc bàn đạp chân căng mình thế nào. Chân Nguyễn Tuân đã lồi thoi từ những khi ấy. Cái đàn ở rừng Thường Yên âm u ẩm ướt, vào tiết đông mùa, nhiều khi phải nằm bệnh suốt phiên chợ. Cả buổi cháu Trần Mai Thiên lụi hụi ngồi xôm trên cái giát tre bộp chân cho bác Nguyễn. Đi đâu, lúc nào Nguyễn cũng trữ miếng cao hồ bọc giấy bản trong ba lô. Cả ngày lợi suôi, cảm thấy trực trặc, đêm lại ngâm tơi một miếng cao. Không biết chừng, người ấy đã nuốt xương cốt đến cả mấy chục chú hồ Lai Châu, hồ Xiêm, hồ Lào?

Sức khỏe dần dà xuống dốc tự nhiên, như nhiệt độ hàng ngày và dự báo mưa nắng. Cái xe đạp mắt cặp ở cạnh cửa khách sạn Thống Nhất thế rồi bỏ đi xe đạp. Vài đoạn đường bách bộ với chiếc gậy song Sapa, hay là một cuộc xích lô. Nhưng cuộc chia tay của Nguyễn với cái máy chữ Baby thì thương và nhiều nghĩ ngợi hơn.

Cái năm mới trở về Hà Nội, Nguyễn Tuân có dịp cùng đoàn đại biểu hòa bình Việt Nam đi Hensanhky dự Đại hội Hòa bình thế giới. Hòa thượng, linh mục, nhân sĩ, trí thức, đại biểu công nhân, nông dân, chiến sĩ quân đội, thanh niên, phụ nữ... Chẳng thích thú gì đoàn, chưa chắc đã nhìn mặt những người cùng đi, nhưng có cơ hội được tới nước Phần Lan trên mồm bắc bán cầu. Rồi lại một chuyến đi xa nào đấy, Nguyễn Tuân sắm cái máy chữ Baby xách tay dấu quốc ngữ. Hay là mua máy ở chợ giời tôi không biết. Bởi vì mỗi khi đôi vạc thì bộ mặt thời cuộc thành phố này lại phơi bày đủ thứ ngoài chợ giời. Những đĩa hát của Mộng Hoàn, của Chu Thị Năm năm xưa cũng là những chứng sống của thời thế mà ông đã nhặt ở chợ giời. Tôi thực không biết gốc gác cái máy chữ Baby ấy - vô rách một góc vải, nhưng những con chữ còn mới cạnh sắc.

Tháng ngày qua, con người ở vào tuổi triển núi bên này, cứ sớm tối như chiêm bao. Lại nữa, cuộc sống còm cõi, ngòi bút và đồng lương không cho người viết kiếm đủ miếng ăn, cả đến mặt mũi và con mắt cũng mòn mỏi dần. Hữu thân hữu khổ phần nản cùng ai, khác nào người sơn trảng cả đời thừng chèo, riu búa đi kiếm củi rừng đến khi về già leo dốc thờ ra cả hai tai mà vẫn ao ước và tưởng tượng trèo lên lưng cây, mạng sườn quần chèo, lưới riu khoác vai. Nhưng chẳng còn một hột sức ôm nổi cái gốc cây. Thì lại thờ dài nhìn cái đũa mạnh chân khỏe tay hơn.

Mỗi người viết có một thói quen khác nhau.

Nguyễn Tuân thì cả đời chữ nghĩa và xung quanh người báỉ phục, người điều đóm, người bắt chước cái ăn, cái mặc và hóng chuyện đề đôn thổi. Tiểu thuyết *Bức đồng* của Đỗ Đức Thu ngày trước đã vẽ ra được những nho lại làng văn và những khi bắt chước người như ở trên. Chẳng cứ chỉ có xưa kia, mà về sau này cũng tương tự thế. Người ta châu tuần và châu rìa quanh Nguyễn Tuân, đợi được sai bảo, được đi chơi với, uống với. Năm cũ ông Văn - tên nhân vật trong tiểu thuyết *Bức đồng* mà bạn đọc có người đoán là Mạnh Phú Tứ, ông bán cả ruộng hương hỏa, ném vào các cuộc chơi, lăn lóc đến phát bệnh sốt rét vì liên miên thức trắng đêm ở nhà hát. Thế mà các cụ vẫn mạnh khỏe, lại gặt gù: Các cụ cho là được! Ông lang Hà Văn Thực phổ hàng Cót đánh đu với tinh cũng mờ Nhà xuất bản Lượm lúa vàng rồi nghiện bếp hai tai vỡ nợ tan cả hiệu thuốc bắc gia truyền. Ông Lê Trọng Quý giọng trầm não ruột, không biết có phải vì nhờ hơi thuốc phiện làm cho tiếng khàn khàn mà ngâm thơ buồn đến thế, rồi ốm phải phát mại cả cái cửa hàng sắt vụn. Ông Lê Đức tập tọng viết văn về nhà cầm đoạn mại ruộng đem năm tiền ra, theo gót đàn anh, chỉ học được mỗi cái trò giắt trong cặp quần lá tọa một cái tẩu thuốc, chiếc ấm mạnh thần với cái chén hạt mít để theo đòi trà đạo. Có người cũng mặc áo gấm trần, chít khăn lượt đi giày Gia Định, tay cầm quạt thước - như Nguyễn. Cả những năm sau này Nguyễn đã cao niên mà cũng chẳng thiếu ông làm dáng theo. Có ông họa sĩ chải ngược tóc như Nguyễn, đến lúc ông Nguyễn xõa mở tóc bạc phơ sau gáy, cũng lại lẩm ông xõa tóc, như Nguyễn. Ông Nguyễn Tuân rôm ấy đi nước ngoài, lên máy bay, mặc sơ mi ngắn tay kẻ ca rô, tay chống batoong nghênh ngáo nhìn xem người ta có nhìn mình như nhìn ông Nguyễn không.

Cũng là cảnh thâm với nhau mà thôi. Thịnh thoảng, chúng tôi cũng chuyện về những người bắt chước dờ hơi ấy. Hay gọi một cách kính trọng, những người rờ chữ, chữ thật và chữ giả. Ông anh con nhà bác trong quê ra, hỏi tôi: Này chú, cái lão Xuân Diệu thế nào ấy nhỉ? Chả là anh tôi làm chủ nhiệm hợp tác xã mà hôm trước nhà thơ Xuân Diệu về huyện nói chuyện thơ, các chủ nhiệm được lên dự. Nhà thơ nói về Kiều. Ai cũng xuýt xoa ông nói hay quá. Nhưng người ta buồn cười vì thấy ông nhà thơ cứ chốc chốc lại đổi chỗ lọ hoa, bê cái đèn nơi này sang nơi kia vẫn chỉ ở trên bàn. Thịnh thoảng lại quát người nghe: Vỗ tay đi chứ. Tôi lao động thì đồng bào phải vỗ tay khuyến khích tôi lao động. Vỗ tay nào? Tôi nói: Anh Xuân Diệu nói chuyện giỏi lắm, thế là nói theo một Tây đấy, bác ạ. Anh tôi cười: Cũng là rờ chữ, rờ chữ, chú ạ! Ủ, rờ chữ cũng có nghĩa đẹp là hay chữ, hay chữ quá hóa rờ. Có ông già nửa đêm thức dậy, ngồi nói từng tràng tiếng Tây một mình. Có ông dạy đàn xưa kia giàu có rồi cái trường nhạc của ông phải đưa vào quốc doanh, bỏ Duyệt mới chơi trống bỏi lấy một nàng nửa chừng xuân. Bây giờ thì ông trắng tay, nhưng dầu cơm trộn mì, ông cũng dọn lên bàn, cầm thìa đĩa thái, cắt rau muống luộc, và húp bát súp nước rau, cay đắng gậm nhấm sự hoài cổ. Một nhà văn nợ sấm mấy bộ thìa đĩa cho cả nhà. Ông ấy mơ màng, ngỡ kháng chiến thành công rồi thì đốt được giai đoạn ăn cơm đôi đầu đũa và lấy đũa chùi ngang mép thay khăn mặt, bây giờ hứng phần

sắp bước sang thời nếp sống ngồi bàn thia đĩa cảm như Tây thì phải sắm đồ Tây.

Nguyễn Tuấn tìm:

- Thì cười ngay tao đây chứ còn phải cười thẳng nào. Tao qua Bắc Kinh, gặp Tào Ngụ. Tào Ngụ vỗ lưng tao, nói tiếng Pháp: Các toa có tự do, thật sung sướng. Moa thêm đi Hà Nội. Chuyến ấy Nguyễn Tuấn ở khách sạn với vợ chồng Vercors đang thăm Trung Quốc. Đã ngờ rồi ra quảng cáo những cánh tung bừng, sách của ta bày bán bát ngát trong nước ngoài nước. Hàng năm xách vali đi du lịch bằng tiền túi. Phải có thư ký riêng chứ - thuê một cô hay là luyện cho con gái mình làm thư ký. Nhưng trước mắt ngay lúc ấy thì vẫn túi lép kẹp, đến Bắc Kinh thăm chợ Đông An, hai tay dút túi, đứng chỉ xem hàng và cố đi nhìn cái hiệu Thôi Tụ Đức thịt quay Bắc Kinh tiếng tăm lừng lẫy thế giới cho biết mặt, chứ làm sao bước chân vào được. Mà mỗi khi ở sân bay Gia Lâm về qua cầu Long Biên, ra ngã sáu dốc hàng Kèn làm cuộc tẩy trần bát cháo gà lão Chữ cũng phải nhăm xem trong túi có bao nhiêu. Mới nhớ ra cái vé máy bay, cái tiền ăn và tiền tiêu vặt hàng ngày là của người ta cho, chẳng phải đồng nào của nước mình, của mình. Có ra gì mà vênh? Dần dần đến bây giờ, thế này đây, cái thẳng nhà vẫn!

Nói thế chứ, đồng tiền phân bạc, Nguyễn Tuấn áo rách cũng vẫn đượm màu phong lưu, tiền thì cứ tiêu và chỉ tính thôi chứ không đếm. Nguyễn Tuấn, một người ý tứ, trân trọng, thận trọng, khéo thu xếp. Giặt nóng tiền của ai để ra bà hàng hoa quen ở ngã tư Tràng Tiền mua bốn bông hồng vàng lòng trứng đưa đến bữa ăn sinh nhật nhà bà nhạc sĩ nọ. Chỗ này dọn dẹp sang chỗ kia, làm cho những người mình nhờ cậy, những người mình biếu tặng cứ tự nhiên nghĩ mà phải bằng lòng phải cảm kích. Tài nghệ lắm mới sáng tạo, mới tính ra được những khu xử tế nhị đến thế.

Nguyễn Tuấn bảo:

- Lại nói nốt chuyện hôm nọ.

- Chuyện gì?

- Chuyện ta mộng thành nhà văn cờ quốc tế ấy mà.

Nguyễn Tuấn kéo trong gầm giá sách ra cái hộp nhựa giả da nâu đã sờn góc. Chiếc máy chữ Baby xách tay mọi khi tôi vẫn trông thấy đặt dựng hộp máy trên gờ thêm gạch giữa buồng.

- Hôm nọ đã nói đấy, tớ cũng tô hồng và ảo tưởng đáng chừng chẳng khác cái thẳng sắm thia đĩa để sắp sửa vớt đĩa, chỉ chén cơm tây. Chiếc máy chữ này, cứ nhìn đến mà sượng cả mặt. Máy chữ để cô thư ký tương tượng đánh máy bản thảo hảo huyền. Ông xách nó đi cho tôi. Tôi không gán nợ ông đâu nhé. Dưng mà ông mang đi đâu thì mang. Cho khuất mắt tôi, không có lúc tôi phải đem ra đập nó mất. Mang đi, mang đi giúp tôi. Đã tự khí! Đã tự khí! Thôi các cụ ta gọi máy chữ là cái đã tự khí. Bớ tổng binh Tô Hoài, nhà người hãy mau mau đem trôi sông cái đã tự khí Baby đi cho trẫm. Ha ha? Trẫm ngứa mắt lắm rồi.

Mặt Nguyễn Tuấn đỏ găng. Vua đương ra vai đập cái nậm rượu gỗ, cả rập cười ngặt nghẽo, nhưng người đóng vai thì bụng lép và vợ ốm nằm nhà. Tôi không muốn điều mai mĩa này làm rầu lòng thêm Nguyễn Tuấn. Tôi lấy cái sợ. Tôi lặng lẽ xách cái máy chữ Baby chặt nịch mơ ước một thời, tôi bước giết lùi ra cửa. Không biết còn có những ai đem đi giùm anh đôi giày đẹp, những bộ quần áo nhả nhận mùa thu, mùa đông, mấy chiếc bút máy Sappho cho nó tiêu tan xóa sạch giấu mộng kê vàng nhà văn thất cả vật đồ đi du lịch năm châu -

như cái câu ghen tức vợ của cậu Hoàng Huế cầm bút hồi 1956 đã viết trên tập san *Đất mới* của Nguyễn Tuân như thế. Cái máy chữ ấy tôi không biết dùng. Dẫu cho bây giờ người cầm bút trên thế giới ít người viết tay, những nhà sáng tác ở Sinaia, ở Yanta, ở Pitsunda, đêm đánh máy chữ như mưa rào rào. Nhà văn Colombia, Gabriel Gaccia Mackê, năm 1989, đã viết cuốn tiểu thuyết mới nhất của ông bằng máy chữ điện tử, người nói vào máy, chữ tức khắc hiện lên. Mackê trả lời một nhà báo phỏng vấn: Nếu chiếc máy thần diệu này xuất hiện sớm, chắc chắn số tác phẩm của tôi còn nhiều gấp mấy lần. Mackê năm trước đã tới Hà Nội. Tất nhiên, ông ngao du bằng tiền túi của ông. Ông đi chơi với vợ và con trai, vào Sài Gòn qua đường Băng Cốc rồi ra Hà Nội. Nguyễn Văn Bổng và tôi đã đến đánh chén với gia đình Mackê trên gác nhà khách chính phủ gần hồ Gươm. Hai con trai Mackê, một đứa học ở Paris, một đứa ở Nữ ưốc. Tôi đưa cậu bé học ở Paris đến nơi ở đoàn ca múa Hà Nội phố Hàng Quạt mua cái sáo trúc. Đêm xem biểu diễn, cậu ta mê cây sáo Việt Nam. Mackê nói ông có thể biểu ta một tàu chõ giấy để in tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn*. Chỉ có một yêu cầu: Không được cắt đoạn nào. Liên Xô đã xuất bản *Trăm năm cô đơn*, tự ý bỏ một số trang. Mackê không thèm đến Matxcova nhận bản quyền, mặc dầu Nhà xuất bản đã mời tác giả nhiều lần.

Những chuyện trời đất huy hoàng đầu đầu của người ta, còn chúng tôi vẫn kỳ thu, cặm cụi với cái bút máy, bút bi, bút chì. Nguyễn Tuân dùng bút dạ. Đã lâu, cũng chỉ thấy viết những đầu đề bài to thô lỗ lên đầu trang giấy rộng ruột cặp vào tấm bảng nghiêng như cái giá vẽ - thỉnh thoảng lại thay cái đầu đề mới, không có được hàng chữ nào ở dưới.

Tôi bán cái máy chữ Baby cho ông Quý đánh máy ở cơ quan, được hai trăm - đồng tiền thật là pháp phông khi bom đạn đương trút xuống thành phố. Cũng không biết đắt hay rẻ, chỉ thấy ông lão công nhân đã tự khí ấy cũng thờ ơ, ông bảo chẳng cần cái máy nhỏ này, tôi bán thì ông mua vậy. Năm ấy, không còn quán Tiểu Lạc Viên. Ông cháo gà giải phóng quân cũng bỏ cao lâu Tứ Kỳ ra bán hàng vỉa hè, rồi chắc hàng họ ế ẩm, lại sang làm cho quốc doanh Mỹ Kinh, rồi biến đi đâu mất. Bôđêga, Phú Gia, món ăn uống và gia vị loạc choạc. Chim quay chấm nước mắm dấm và nhà hàng chỉ có rượu chanh. Chả cá Sơn Hải đóng cửa đã lâu rồi, Lã Vọng cũng nghỉ hết. Hàng ăn Nguyễn Sinh của nhà mậu bán chả cá theo xuất mỗi xuất kèm một chiếc bánh đa, một đĩa bún rối. Có miếng chả nhản được cả xương. Ế chông gọng không có khách. Dưới ngã sáu cũng không còn ai - lão 81 đã về âm phủ làm bồi cho khâm sứ Grapphoi, ông cháo gà Chử đau lưng cũng ra tha ma đã lâu. Các quán ăn Tàu chỉ còn lại lão Sáng nhị mũi. Ông Sáng không phải nhà bàn, nhà bếp, không nghề gì, nhưng được mẽ người mở mang. Cứ đeo tạp dề lươn phươn từ bếp ra chỗ để xe đạp, rồi lại quay vào, nói ề à mấy câu nhị mũi, giọng nhà bàn nhà bếp Quảng Đông hô món đối đáp như hát. Thế là khách có cảm tưởng vào cao lâu Tàu.

Sáng nhị mũi mở quán riêng, vẫn quanh quẩn ở Hàng Giày. Nhưng phố xá tàn tạ, đường đá lổn nhổn, phơi ra những cái ngõ rác rưởi, nhà đóng cửa im im. Quán hàng như ngọn đèn leo lét. Nhà mậu bán phân phối từng thanh củi và mỗi chục lá dong gói bánh chưng Tết. Ba mươi Tết, quây chợ Hôm bán chân giò còn nguyên cả lông.

Nguyễn Tuân hỏi tôi:

- Mày làm thịt được cái Baby rồi à?

Thì ra ông Quý đánh máy đã khoe với Nguyễn Tuân ông mới mua cái máy chữ của tôi. Tôi cười, không đáp. Chắc Nguyễn cũng chẳng cần tôi trả lời ăn thịt cái máy chữ, chúng tôi đến quán Sáng nhị mũi, hảo, hảo à...

Những chuyến đi vất vả, con sư tử già đã rụng cả răng rồi. Lần ấy ở Sài Gòn ra, Nguyễn Tuân xuống ga Nội Bài, bên nách chống nạng. Bệnh tê thấp kinh niên đã vật Nguyễn cả tháng ngay ở cái thành phố cao ráo mà xưa kia cũng như bây giờ, những người phong lưu ở miền Bắc ưa thay đổi nơi ở ít lâu thường vào đây để tránh bệnh hen, bệnh tê thấp hay hành hạ người ta vào mùa đông ẩm ướt. Sở thương binh Sài Gòn đã biếu nhà văn chiếc nạng đỡ bên chân đau. Về Hà Nội rồi còn phải nằm bệnh viện suốt mấy tháng.

Hồi 1954 mới trở lại thành phố, nhà Nguyễn Tuân ngụ tạm trên đường Hàng Lọng, ít lâu rồi thuê được hai buồng trên gác hai cạnh bệnh viện Đặng Vũ Lạc cũ. Cứ ở đây tới bây giờ, trên ba mươi năm đã qua. Vùng ấy quanh ga Hàng Cỏ, cuối thế kỷ trước còn là bãi Quần Ngựa giữa cánh ruộng nước. Rồi những nhà có cửa cất dần lên cả khu phố cho thuê. Chủ hiệu vàng Chấn Hưng Nhà Đỏ Hàng Bạc có nhà cả ngõ, đặt tên là ngõ Tân Hưng. Cái dinh thự đồ sộ mà nhà Nguyễn Tuân thuê hai buồng ở sâu có đường dẫn qua cổng sắt, ngày xưa, chắc cũng là lối vào ra của xe song mã, xe nhà, xe ô-tô. Tòa nhà ấy, các chủ thừa kế chuyển đến điền chủ Phòng ở Thái Bình thì đem cho thuê từng buồng. Mấy năm đầu, bà Hoàng Yến vợ Hoàng Cầm còn đến thu tiền nhà hàng tháng. Rồi sở nhà đất quản lý, nhà đông dần thành một cái xóm nhỏ trong một số nhà chật chội, bưng bít, ngổn ngang.

Hai bên tường bị coi lẩn, chỉ còn một lối đi góc gác. Cái thang gỗ vươn lên tầng hai buồng bác Nguyễn màu lim đã lên nước tối sẫm mắt. Tủ sách, giá sách và dây chai lọ rỗng nhẵn các loại rượu nước ngoài - lại cả một tranh áp phích Ba Lan vẽ chai rượu to tướng, có thằng người bơi trong chai. Bầy cho vui mắt, tất cả mọi đồ lè lè hồ như tàn tật, buồn bã, mệt mỏi. Đạo ấy, điện hay bị tắt tự dung thành linh có khi mất điện chốc lát, có khi cả đêm, cả ngày. Chiếc quạt nan, cái đèn hoa kỳ đặt trong vỏ hộp bìa lon và cây nến đỏ cũng thành những trang trí bên chiếc mâm đồng cổ bát bằng vỏ đạn cao xạ xin được ở một trận địa pháo ngoài Bờ Sông đã đem nhờ lò đồng Ngũ Xã đúc thành cái mâm. Cũng chẳng có cửa nà nào quý. Nguyễn Tuân không mê đồ cổ. Các thứ bày biện chỉ để cung đón cho cái thích vật dụng và kỷ niệm. Trên tường, bên tờ áp phích Ba Lan có áp phích của Cu Ba kỷ niệm sáu trăm năm Nguyễn Trãi. Những cái tranh, mầu tin cất ở báo ra thay đổi theo lịch hàng tuần bên dóa hoa hồng vàng lòng trứng mua ở hàng hoa ngã tư Tràng Tiền. Có khi, một nhánh lan địa tim tím thơm ngát cất ở chậu cảnh nhà Kim Lân. Và Tết đến, có một cảnh đào phai, dáng thế kỳ dị với quả phạt thủ của Phạm Văn Khoa, có khi là quả bông trong Canh tội mua ở chợ Bưởi. Con chó đá và cái tượng gỗ canh cửa chúng sinh không biết lòi ở đình chùa hay nhà địa chủ nào về. Một ống đựng cả chục chiếc ba toong, gậy song, chiếc sơn then cán bạc, chiếc gậy lục. Ngoài hàng hiên, lũng cùng dây võ chai sâm banh, bia hộp, vang dâu dưới bóng dây thiên lý leo trên lan can. Những thứ bị đầy ải ngoài trời ấy sắp đem tổng xuống quang gánh bà đồng nát, mà bây giờ là ai chai lọ, giấy báo cũ ơ... Riêng chiếc gối sành trắng nhể nhại to bằng hòn gạch vồ ruột vẫn đứng giữa trời nắng trời mưa bên song sắt. Cái gối trong tiệm thuốc phiện ở Chợ Cũ, đã khuôn trong Sài Gòn ra. Rải rác, trên tường, trên giá sách, hòn cuội, hòn đá lẫn lóc mà mỗi chuyến đi bẻ đi núi về tôi hay đem cho Nguyễn Tuân, với những ký họa giấy và sơn dầu, sơn mài, ảnh và tượng đầu Nguyễn Tuân của Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái, Sĩ Ngọc, Thành Chương, Hoàng Kim Đáng.

Nếu mất trộm, chỉ có một chiếc đài Liên Xô con con đặt đầu giường may ra còn bán được tiền. Nhưng cái đài cũng đã lão lắm, mấy lần Nguyễn Tuân nhờ tôi, nhưng bên Matxcova cũng không còn đâu bán phụ tùng thay thế loại đài cổ ấy. Chủ nhân hàng ngày mở đài linh tinh các mục. Cho phòng có tiếng người, đỡ vắng. Chiếc mâm vuông gỗ sơn then Sĩ Ngọc mài, làm bàn nước, bàn ăn, bàn viết, bàn khách, với mấy cái ghế mây thấp người Thái ngồi bếp ở Lai Châu, chẳng biết nhặt được ở những đâu.

Hôm ấy se se lạnh, từng làn gió nửa dải đồng, nửa heo may rạt rào vào đầu tường. Có cái gió hiu hiu này, ở ngoài đồng chắc thơm đầy mùi lúa cốm đương gặt. Những ngày vào thu ngắn ngủi đáng yêu. Nguyễn Tuấn khép cửa. Cồn 90 trong lọ được đổ ra chiếc đĩa nhôm. Giữa lưới lửa xanh rờn, con mực Bắc Hải nâu nhạt mỏng manh như cái lá dề ươn dần lên. Nguyễn Tuấn cầm chiếc kẹp bông băng lật con mực đã xem cạnh. Và tần ngần, như nói một mình: Cái gió này giục, người ta bồn chồn lắm. Nhưng mà với mình ấy à? Bấy giờ thì Sài Gòn cũng xa lắm rồi. Thất tiểu muội Mộng Tuyết có thư ra bàn chiết tự về nét mác đuôi chữ Nguyên ký vòng lên gông cả chữ Nguyễn vào trong, Nguyễn ngồi tù trong cái gông ấy thì còn đi đâu được. Nguyễn Tuấn cười buồn, đến không muốn trả lời người xem bói chiết tự cho mình bởi vì thực thì cũng chẳng còn nghĩ đến bay nhảy. Đôi khi mới ra khỏi phòng, chiếc gậy đưa bước chân thông thả trên quảng phố vắng, rồi nhúc nhai và buồn tỉnh vậy một cái xé lơ trở về.

Ở nhà Nguyễn Văn Bồng, một bạn bộ đội mời chúng tôi vào Thủ Đức xem phong lan, vườn của bạn ấy nhiều lan lạ và hiếm chi có trên núi cao vùng á nhiệt đới. Nguyễn Văn Bồng, Kim Lân và tôi sốt sắng. Nguyễn Tuấn gật gù: Cho mình cùng cố cái chân đã. Rồi bảo tôi: Này ông hòa tót hỏi Lai Châu cho tôi xem thế nào. Trên Mường Tè còn hồ, may ra có cửa thật. Chứ cái cao Thái Lan, trông nó vuông vắn mượt mà quá, nuốt cả lạng chẳng ăn thua. Không biết cao giả hay mình đã nhầm thuốc quá. Rồi chuyển đi vào Sài Gòn xem phong lan á nhiệt đới cũng chẳng bao giờ có.

Binh đoàn 559 tổ chức Nguyễn Văn Bồng và tôi đi dọc một chuyến Trường Sơn. Một chiếc xe, một cán bộ đơn vị tháp tùng. Bắt vào đường Hồ Chí Minh từ Đông Hà lên Khe Sanh, đến đoạn đường Cuba làm khi mở đầu chiến dịch, rồi cả tháng ruổi qua A Sầu, A Lưới sang huyện Giàng bên Quảng Nam, dọc các tỉnh Tây Nguyên, bám vết đường 13 cũ xuống Sài Gòn. Dọc đường, lắm hôm chúng tôi ước:

- Giá mà có Nguyễn đi chuyến này?

Nghĩ thế thôi, nhưng cả trước khi đi cũng không dám đến chào ông anh. Có lẽ rồi Nguyễn Tuấn cũng biết, bởi chúng tôi vắng mặt lâu. Nhưng ai cũng ngại không dám đụng đến tâm trạng của một người thêm đi, không đi được mà lại thấy người ta cứ đi. Có Nguyễn Tuấn, lắm khi khôn khéo vì những sáng kiến dề dằng bất thường, nhưng mà chỉ tro tro hai thằng nhạt nhẽo thì bỗng dung thấy trống rỗng hàng ngày quá. Cái tài Nguyễn Tuấn chọn chữ, chọn cảnh, chọn chơi cũng như mỗi khi trong tẻ nhạt thông thường, Nguyễn Tuấn bỗng thấy ra những chi tiết đậm đà hẳn. Có lần, tôi lên vùng rừng quế ở Viễn Sơn trên Yên Bái, bên kia sông Hồng. Khi trở ra qua Đại Phác và Đại Bục rồi lên Phố Ràng - những nơi chúng tôi đã dự những trận đánh đồn trong chiến dịch Sông Thao 1949. Nếu Nguyễn Tuấn cùng đi, thế nào cũng dừng lại Mậu A tạt vào đền Đông Cuông để nhớ chấp tối ấy, cái lần gặp Két trung đội trưởng trinh sát. Kia cái đồi chúng tôi trú quân với hai thằng Tây địch vận, giữa tiếng súng nổ ran bụi tre trên đầu và cái đồn Đại Bục chấp tối cháy đỏ lòm, Nguyễn Tuấn đứng thúc trống ở quảng sân đồn phía nào, cái lô cốt đã xây ra trận đánh khốc liệt cuối cùng có còn dấu vết gì không. Rồi ngược sông Chảy, có còn cái nhà ông chánh Khít dưới chân Phố Ràng. Tôi thì tôi chỉ ngồi yên nhớ lại, giá mà Nguyễn Tuấn cùng đi thế nào cũng dừng đình tìm xem và ngậm ngùi một cái gì. Giá mà...

Tôi chỉ ngồi nghỉ chân ở cửa hàng bách hóa trông vào đồi Đại Bục. Trong lòng cũng xoắn xang nhớ lại, nhưng không đủ kiên nhẫn và cố gắng tìm tòi, lục lọi theo thói quen chịu khó như Nguyễn Tuấn. Tôi thờ ơ nhìn lên dãy đồi trọc trông sẵn và những ruộng nước bao quanh. Cũng định kể với hai cô người Tày bán hàng rằng: Các cháu ơi! Ngày trước tôi đã trèo lên đồi kia, bộ đội ta ở bên đồi này bắn

sang cháy cái đồn đại Bực. Nhưng lại rụt rè. Bấy giờ cha mẹ chưa sinh ra các cô thì các cô có thể cũng chẳng biết là thế nào. La cà hàng quán, ngồi tán tương tượng những chuyện phượng trời. Bấy giờ thì con người ấy phải bước ra ngoài mọi cuộc rồi. Nguyễn Tuân lặng lẽ giờ cốc: Thôi nhé, chúc cất cánh hạ cánh bình yên. Có khi chẳng nói chẳng rằng, làm li uống một hớp rượu rồi lại ngửa cổ bỏ vào miệng viên thuốc trợ tim. Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng, hai người đã chăm sóc về bệnh tật của mình một cách hoang dại, tợn tạo như thế. Nguyên Hồng không làm sô khám bệnh ở bệnh viện. Ê âm xương cốt thì đâm lung và chửi: Chúng mày đồ ăn hại mới hay đi khám bệnh, chửi ông thì... Ông... Bấy giờ, Nguyễn Tuân thêm chứng thấp khớp kinh niên lôi thôi đến tim, phải khám định kỳ và uống thuốc phòng. Nguyễn Tuân đã uống thuốc phòng khi nâng chén. Hẳn cho là thuốc trợ tim vào cùng lúc nạp cồn có chất ảm áp thì cần được bệnh? Khi vui chén, Nguyễn Tuân hay chửi yêu tôi: Mày đi lăm, mày đi thật còn tao chỉ được mang tiếng là đi thôi. Vừa nói đùa xong lại trầm ngâm buồn, buồn nhiều. Một đời viết được tuyền vào có hai quyển, nhìn sách mà chẳng nói nên lời. Cho sách tôi, cái câu đề cho đúng như tôi muốn, nhưng cũng chẳng còn biết ý tứ thế nào. Anh không thích sách xen sắn, nhận bản xồm xoàm mà rọc lấy vậy. Đi đâu, đã không còn bay nhảy được, giờ đây thêm cái day dứt, cái bực bội của con người ngày ngày quanh quẩn mở đóng cửa sổ.

Tôi được Nguyễn Tuân gửi cho một chai hảo hạng Giôn Uackơ, dâng một lít, bọc giấy báo cẩn thận. Của hiếm này, hãn hữu mới kiếm được mà có thì Nguyễn Tuân thường chỉ cho nhấp một hai chén. Cái ngon phải chia, còn phần người khác, tôi biết thế và giữ giữ thế, ít khi dám nài thêm. Tôi uống phí rượu, thường hai ba chén sau cùng Nguyễn Tuân mới để cho tôi. Trong khi ấy, Nguyễn Tuân cầm cái cốc một góc quốc lủi với lát chanh cả vỏ và miếng đá, một thứ cốc tay tự pha. Nguyễn Tuân uống rượu nội hóa để cho khách và nhìn khách sải sang, có vẻ thích thú hẳn hoi. Làm thế nào, chủ rượu nhường cho cái thơm tho ấy cơ mà. Ôi chao, bản bách ngum rượu đến phải tính đếm đong từng chén mất trâu, nhưng vẫn một cung cách riêng. Nguyễn Tuân uống rượu kiểu các cụ ta xưa. Mỗi bữa thanh cảnh ba đôi chén, hiếm khi mềm môi và không nát. Rượu ngon mua có thổ, không rượu chợ, không đụng đến các thứ lảng nhảng cái chanh, cái dâu, vang mơ, vang mạn. Cả đến sa kê Nhật vị ngọt, Mao Đài có hơi rượu khê cũng không ưa. Những chén khuya, với miếng com nắm, muối vừng cũng là cái thú riêng.

Tôi hỏi:

- Ông anh phát tài phát lộc thế nào mà thường cho em cả cái hũ chưa bóc tem thế này?

Nguyễn Tuân rót cho tôi một cốc rượu ở chai khác đương dùng dở. Trang trọng, lịch sự, thông thả, lần này Nguyễn Tuân cũng uống rượu quý, mà không ngồi ngắm người khác xơi rượu ngon của mình như mọi khi.

Nguyễn Tuân gật gù:

- Ở Paris, người ta mời tôi sang chơi.

- Thăng Buda dạy ở Pari 7 nhì?

- Người ta bảo sang giảng cho ít buổi. Không, thăng Buda kiết xác ở độc thân, có gì mà mời? Nhà Việt Nam của Việt kiều có nhĩ ý.

- Ở đi đi chứ ông!

Nguyễn Tuân thông thả lắc đầu.

- Không, không đi. Mình muốn sòng phẳng, đằng nào rõ đằng ấy. Đi chơi hay đi làm việc. Người ta có nói riêng: Làm việc chỉ là cái

cớ mà mời ông đi chơi là chính. Làm việc khác đi chơi chứ sao lại có cái cớ được.

- Thế thì thế nào?

- Trả lời không đi rồi.

- Bởi thế, có ngụm rượu uống. Đáng lẽ người ta đặt mua vé ở đại lý hàng không Pháp chỗ góc đường Tràng Thi, thì tôi bảo đặt mua cho tôi ở cửa hàng bách hóa quốc tế Giảng Võ. Và cái vé thành những cái của này. Nào ông, mời ông...

Hơi men hôm ấy đưa chúng tôi vào bao nhiêu chuyện đường trường. Không hiểu tại sao bay đường xa máy bay lại hay cất cánh hạ cánh đêm. Những canh khuya, những mờ sáng, xuống Matxcova, đến Batđa, Đamat, đến Bắyrut... Chín giờ tối từ Tân Đề Li ra sân bay Pa Lam. Ô-tô đương chạy, một cái chai không của thằng say nào choang vào thành xe, vỡ tan. Ở Ấn Độ, quốc lễ không uống rượu. Tôi đã nghiệm, ở đâu mà cấm, người ta uống chui càng khá lắm. Mỗi buổi sáng, một ông nhà buồng rìa vênh đến dọn dẹp. Tôi rót một cốc to vôtca. Ông Ấn Độ ấy vén rìa làm hai hơi xong cả cốc rồi lấy đi túi quần áo giặt. Thế mà như không, bên thắt lưng đeo chùm chìa khóa, mở đóng ý tứ, không lẫn cửa nào. Tôi kể với Nguyễn Tuấn trên trời Đà Nẵng có những lỗ hồng không khí, tôi đã bị hắt xuống một lần như tụt thang máy, chuyển đi Campuchia năm 1962.

Lời từ chối và câu cắt nghĩa không đi Paris của Nguyễn Tuấn không thể bao giờ đầy đủ. Cái tâm sự nát lòng người ta thì không một lời chữ nào thổ lộ và giải bày cho hết được. Hai cái chân đã rỗng cả ống của con người vốn khôe đi ấy gây cái khó vô cùng cho sự đi, xóa mờ cả tâm tình sông hồ rồi.

Tháng bảy, tôi ra Cát Bà. Tôi vẫn có ao ước được đến vùng đảo khác lạ này chỉ cách Hải Phòng có nửa buổi tàu ven biển mà chưa khi nào tôi được đặt chân tới. Người bản địa bảo đi mùa thu ra Cát Bà sẽ được ngắm cá heo, hàng trăm con cá heo đùa rồn theo tàu.

Nắng gắt, thành phố oi nóng ngọt ngạt. Tôi đến chào khoe với Nguyễn Tuấn một chuyến đi còm, nhưng thú vị. Cuối buổi sáng, xách xâu bánh giò, khoanh giò bò mua ở quán quen bên kia đường trước nhà. Cũng như ai và đã thành lệ, phải đoàn đình, trường đình một cái chơi chứ. Cụ bà bảo tôi ngồi đợi đấy, có muốn uống thì cứ lấy mà uống, cụ ông đi bách bộ quanh đây, chắc cũng sắp về. Một lát, nghe batoong chọc chọc lên thang gác. Cái gậy song Sapa vàng cánh gián, tiếng gậy chống xuống mặt gỗ nghe lura thua rời rạc. Đoán được bước chân khó nhọc, nặng nề. Nguyễn Tuấn bước vào, mặt bơ phờ tím tím, không phải mặt rượu đỏ hồng. Nhưng cất gậy vào ống, ngăn nắp vẫn dẫu vào đấy. Nguyễn Tuấn ngồi xuống tấm phản lim.

- Mới đến à? Có việc gì không?

Tình ý thì biết là câu hỏi của người ngại khách. Muốn đuổi bởi đương mệt, đương khó chịu. Còn việc gì nữa. Đến đây chỉ có việc chơi chứ việc gì. Tôi ngần ngừ rồi nói:

- Không, nhưng nhãng thôi.

Nguyễn Tuấn ngả lưng, hai tay buông xuống mặt phản.

- Lấy mà uống. Chai nút đỏ ở phía ngoài, cái ấy đậm lắm. Mình phải nghỉ một lát đã.

Rồi Nguyễn Tuấn khép mắt. Ngần ngơ nhìn quanh rồi tôi lặng lẽ ra về, khi Nguyễn Tuấn đương nằm thiêm thiếp. Tôi không dám nói tôi sắp đi Cát Bà.

Cuối phố Cát Bà cũ - bây giờ còn trơ những tảng đá, đám cọc nhà sàn lừng, bên bờ trông ra vịnh. Nhà trọ Chùa Đông trước kia là cái sông bạc cạnh chùa Đông, nền chùa mờ mờ cò còn hình lại chỗ vết đường băng máy bay lên thẳng của Pháp. Xung quanh điêu hiu như chơi voi tới chân trời nào. Chập tối, điện chạy máy nổ, đến chín giờ thì thay bằng đèn hoa kỳ. Lúc ấy chỉ còn thấp thoáng sóng nước trong vụng ven đường đá và ánh cây đèn đảo Long Châu ngoài khơi.

Chiều thứ bảy, như có đoàn thám hiểm ập đến nơi hoang vu. Đây là những chuyên gia Thụy Điển làm việc ở xưởng tàu Phà Rừng ngồi ca nô đến, có mấy cô gái điếm đi theo. Một cô khoe với tôi ở ngoài hành lang là cô đã đọc *Vợ chồng A Phủ*! Các người nước ngoài chơi trên sân gác sáng trắng, quăng vỏ chai Lúa Mới xuống vịnh, hò hát lảm nhảm suốt đêm. Hôm sau, một đám trai gái từ Hà Nội xuống đi tàu ra đảo. Như những người Digan lang thang. Bạt và màn cuốn trong ba lô, vai đeo những can nhựa đựng rượu. Hỏi ra đều là cán bộ kỹ thuật và văn phòng đi chơi ngày nghỉ, sớm thứ hai lại có mặt ở các sở làm. Các bạn trẻ đều đã học ở nước ngoài về. Cuộc nhảy không có nhạc, nền xi măng lạo xạo ngay trước phòng tôi. Các bạn mời tôi ra chơi rồi xúm lại kéo tôi nhảy. Không ánh trăng, không đèn, không tiếng nhạc, chỉ có tiếng quay mình huỳnh huých, chân lảo đảo như người đi đêm trên bãi cát. Tôi đành kiêu. Nhớ một đêm nhảy mùa mai đại thể này trong tiếng trống rầm rộ trên bờ biển thành phố Daet Salam xé dưới Đông Phi. Chốc nữa, các bạn ấy trở về dãy nhà ngang đằng kia, mười mấy người mà chỉ thuê có một buồng. Tôi ngồi lại đây trông vào mịt mù nhìn thấy xa lắc xa lơ một thời đã qua. Âu cũng là cái nhộn nhạo thuở nào được khuấy động chốc lát. Tôi cũng sợ rồi, tôi ngồi im.

Buổi sáng có người đến báo Đào Vũ và tôi:

- Đêm qua, nghe đài báo ông Nguyễn Tuân mất rồi.

Tôi nghĩ như vẫn buổi tôi ngồi uống một mình ở nhà ông trước hôm đi Cát Bà, như Nguyễn Tuân vẫn nằm yên từ buổi sáng hôm ấy. Nguyễn Tuân! Nguyễn Tuân ôi. Ô hô! Ô hô!

Bãi tắm Cát Cò, hai bên vách đá thẫm đen, không bóng người. Con kỳ đà đùng đỉnh bờ ra giữa đường hầm, bạnh mang, dưới chân nhìn quanh rồi lại nép vào mép tảng đá. Bỗng lại nhớ rừng già Thượng Yên. Những con kỳ đà mọc thếch như gốc cây ra rình chớp tổ gà của Aki. Người bạn Nhật ăn chuối tây trộn lòng trứng. Chúng tôi vào quán ông 81 ngã sáu dốc hàng Kèn... Vết chân người lẫn chân con kỳ đà in vân vân trên cát.

1990